

The background of the cover is a painting in a style reminiscent of Vincent van Gogh. It depicts a rugged, rocky landscape under a pale, hazy sky. On the right side, a gnarled tree with sparse, dark leaves stands prominently. In the lower right foreground, a simple, light-colored tent is pitched on a patch of reddish-brown earth. The overall color palette is dominated by warm, earthy tones like ochre, yellow, and brown, with some cooler greens and blues in the shadows and the tent.

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG

BÚT KÝ

Nguyễn Thị Ngọc Dung
CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG

Bút Ký

Tranh bìa

Thomas Moran

(Yellowstone July 21, 1871)

Tựa

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

In lần thứ nhất

CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM

2007

CỔ THƠM WEBSITE

<https://cothommagazine.com/wp>

Nhuận sắc

2024

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG

Bút ký: Nguyễn Thị Ngọc Dung
Tranh bìa trước: Thomas Moran
Tựa: Tâm Minh Ngô Tằng Giao
Đọc bản thảo: Tâm Minh Ngô Tằng Giao
Trình bày: Dzung Senser

Nguyễn Thị Ngọc Dung
Tel. (703) 593-1998
Dsenser @yahoo.com

Copyright © 2007 by DZUNG SENSER

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG
(Yellowstone Love)
Short Stories

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in or introduced into a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the author.

Printed in the United States of America
First Edition (2007)
Cothom Foundation

Riêng tặng người bạn đường
đã cùng tôi ngao du Non Nước Đá Vàng
và dìu tôi đi suốt đường đời êm đềm hạnh phúc.
Cũng ghi lại đây những sinh hoạt
văn học, thân hữu và hình ảnh lưu niệm.

MỤC LỤC

Chương	Trang
TỰA: Tâm Minh NGÔ TĂNG GIAO	6
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG	17
NGÀN DẶM DU CA	110
THƯ GỬI BẠN QUÊ NHÀ	132
LẠC VÀO KHUNG TRANH	147
THEO DẤU CHÂN ẤN TƯỢNG	182
NHỮNG NGỌN CỎ THƠM	213
NHỮNG HÌNH ẢNH RA MẮT SÁCH	237

Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương
Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội
Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời
Một Thoáng Mây Bay

ĐỌC “NON NƯỚC ĐÁ VÀNG” của Nguyễn Thị Ngọc Dung

“NON NƯỚC ĐÁ VÀNG” là một tuyển tập văn xuôi và hình ảnh. Có thể gọi là “du ký”, “bút ký”, vì sách ghi lại các cuộc “đi chơi xa”, sinh hoạt văn học của tác giả. Sách dày khoảng 300 trang, gồm tất cả 7 phần. Phần đầu tiên là “Non Nước Đá Vàng” được tác giả chọn làm tiêu đề chung cho toàn bộ cuốn sách.

Phần 1: NON NƯỚC ĐÁ VÀNG

Tác giả say mê tường thuật lại chuyến du lịch của vợ chồng mình vào tháng 9 năm 2000 bằng xe buýt từ Mount Rushmore qua Yellowstone Park, rồi Grand Teton Park và dừng lại tại Salt Lake City. Chuyến du lịch kéo dài 10 ngày. Đây là điều mà tác giả mong ước từ 30 năm qua, “*tính từng ngày, náo nức từng giờ*”. Độc giả được lần lượt giới thiệu: thoạt tiên là 4 khuôn mặt tổng thống Mỹ biểu tượng cho nền dân chủ Hoa Kỳ được tạc thành tượng trên núi đá là George Washington, Thomas Jefferson, Theodore Roosevelt và Abraham Lincoln (tại Mount Rushmore). Rồi đến vùng Yellowstone Park có hằng ngàn giếng phun nước nóng và nhiều dã cầm, dã thú. Đặc biệt là Old Faithful Geyser (Giếng Trung Thành) cứ cách nhau khoảng 80 phút lại phun nước lên một lần kéo dài từ 3 đến 5 phút, hơn 120 năm nay giếng cứ phun đều đều như vậy nên được mang tên là “Trung Thành”. Qua Grand Teton với núi non trùng điệp như “*những bộ ngực mỹ nhân*”. Cuối cùng là Salt Lake City với hồ rộng mênh mông bát ngát.

Trong suốt chiều dài của chương du ký, ngao du sơn thủy này, tác giả cũng bộc lộ và đề cao hạnh phúc gắn bó với vị phu quân đã gần 30 năm tình nghĩa đá vàng.

Phần 2: NGÀN DẶM DU CA

Tác giả tường thuật lại một ngày đại hội của các cựu học sinh hai Trường Trung Vương và Chu Văn An vào tháng 4 năm 2001 tại Toronto, Canada. Tác giả cùng một nhóm bạn đã bỏ công việc nội trợ, quên sở làm, cùng ca hát, truyện trò vui chơi bên nhau những giờ phút hồn nhiên, tươi trẻ trong cuộc hành trình hào hứng bằng xe buýt từ Virginia tới đại hội và tham gia chương trình văn nghệ trong đại hội. Tác giả dí dỏm kể lại tỉ mỉ vì chính mình là một thành viên trong phái đoàn. Sau đó trên đường về là chuyến ghé thăm Thác Niagara.

Phần 3: THƯ GỬI BẠN QUÊ NHÀ

Tình bạn học, nghĩa đồng môn trải dài hơn nửa thế kỷ từ Bắc vào Nam, từ Sài Gòn tới Hoa Kỳ đã thể hiện trong chương bút ký này. Từ hải ngoại Ngọc Dung bắc nhịp cầu tâm tình cho những đồng môn trường trung học Trung Vương từ Hà Nội trước năm di cư 1954, từ Sài Gòn trước năm di tản 1975, còn ở lại quốc nội. Tác giả kể lại một số sinh hoạt với hình ảnh của thân hữu Trung Vương hải ngoại và gửi về cho các bạn học cũ nơi quê nhà.

Phần 4: LẠC VÀO KHUNG TRANH

Vào mùa Xuân năm 2004 tác giả cùng chồng đi xem triển lãm Beyond The Frame tại Viện Bảo Tàng Corcoran Gallery of Art trong Washington, D.C. Những tượng cảnh ba chiều (paintings in three-dementions) được tạo dựng y hệt tranh của một số họa sĩ lừng danh thời xa xưa như ba danh họa phái “ấn tượng” Pháp là Renoir, Monet và Manet, cùng danh họa Hòa Lan, Van Gogh... Công trình tạc tượng theo tranh, đặc biệt chưa từng có này của một điêu khắc gia người Mỹ tên là J. Seward Johnson, Jr. Người xem tranh có thể đi vào bức tranh sờ mó các bức tượng, leo lên giường nằm, lên ghế ngồi v.v...

Được thưởng ngoạn công trình tạc tượng này với người bạn đường cũng là một điều may mắn, hạnh phúc trong cuộc sống lứa đôi của tác giả.

Phần 5: THEO DẤU CHÂN ẤN TƯỢNG

Tháng 10 năm 2004 tác giả thích thú cùng chồng đi xem “vườn tượng” Ground For Sculpture của họa sĩ điêu khắc gia người Mỹ J. Seward Johnson, Jr. tại Tiểu Bang New Jersey. Nơi đây là một công viên rộng lớn trưng bày ngoài trời những tác phẩm của ông và của nhiều nhà điêu khắc khác. Các tác phẩm này là những pho tượng và những cảnh phỏng theo các “bức tranh danh tiếng nghệ thuật thế giới, thần tượng Hollywood và danh nhân lịch sử Hoa Kỳ...” Một lần nữa, người đọc được thấy hạnh phúc của tác giả trong một cuộc đi chơi và thưởng thức nghệ thuật này.

Phần 6: NHỮNG NGỌN CỎ THƠM

Tác giả kể lại về sự tham gia của mình với tạp chí văn học Cỏ Thơm. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm góp mặt trong làng báo văn học hơn một chục năm trước đây. Thoạt tiên Ngọc Dung là “*một trong những tác giả đã ủng hộ hiện kim và đóng góp bài vở*” cho tạp chí này. Hiện nay Ngọc Dung là chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp san. Ngọc Dung ghi lại một số sinh hoạt của tạp chí cùng các cây bút cộng tác, nhất là những buổi họp mặt “*kỷ niệm ngày sinh nhật hằng năm*” của báo Cỏ Thơm. Nhiều giai thoại văn chương, nhiều tên tuổi trong giới văn học, nghệ thuật vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, khắp Mỹ Quốc và Âu, Á đã được nhắc tới trong chương bút ký “*Những Ngọn Cỏ Thơm*”.

Phần 7: HÌNH ẢNH GIỚI THIỆU

Tác giả ghi lại một số hình ảnh cùng sinh hoạt trong những lần ra mắt các tác phẩm văn học của chính mình:

- *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* được ra mắt sách tại Virginia vào tháng 5 năm 1995. Sau đó tại Nam California vào tháng 7 năm 1995. Tác phẩm này đã được tái bản lần thứ hai.

Đây là tập hồi ký thứ nhất, tác giả ghi lại cuộc đời mình từ thời thơ ấu sống yên vui đầm ấm bên cha mẹ anh chị em tại Hà Nội. Những kỷ niệm của Ngọc Dung gắn liền với các danh lam, phố cổ của đất ngàn năm văn vật. Gót son của thiếu nữ Hà Thành đó đi bên những dấu ấn lịch sử cho tới ngày đất nước chia đôi. Hình bóng một thanh niên Hà Nội đã làm tập hồi ký thêm phần thơ mộng và lãng mạn.

Tuy là tác phẩm đầu tay, nhưng tập hồi ký *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* đã được công nhận là một tác phẩm văn chương được chú ý trên văn đàn.

- “*Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*”. Hồi ký. Ra mắt sách tại Virginia vào tháng 9 năm 1996. Sau đó tại Bắc California rồi tại Nam California vào tháng 10 năm 1996. Cuối cùng là tại Philadelphia vào tháng 11 năm 1996.

Tập hồi ký thứ hai ghi lại cuộc đời của tác giả từ lúc rời Hà Nội, cùng gia đình di cư vào Sài Gòn năm 1954 đến khi quen biết và lập gia đình với một nhà văn nổi tiếng, rồi chia tay sau vài năm. Trước khi Sài Gòn sụp đổ, tác giả kết hôn với một nhà ngoại giao Hoa Kỳ và đem con về sống hạnh phúc tại vùng Hoa Thịnh Đốn cho tới nay.

Tập hồi ký đã gây sôi nổi vì tính chất thành thật, vì các nhân vật nổi tiếng có thật ngoài đời, vì trong lịch sử văn chương Việt Nam chưa có cây viết nữ nào dám kể cái tôi thật sự trong tác phẩm, mà theo thành kiến là “cái tôi đáng ghét”. Tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* cũng đã được tái bản.

- “*Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*”. Thơ. Ra mắt sách tại Virginia vào tháng 6 năm 2000. Rồi sau đó tại Bắc California vào tháng 7 năm 2001. Đây là một số bài thơ tâm tình đã được Nguyễn Thị Ngọc Dung ôm ấp, cất giữ từ thuở học trò và một số bài thơ viết ở hải ngoại, tác giả kể nỗi lòng sau ngày Sài Gòn sụp đổ.

- “*Một Thoáng Mây Bay*”. Tập truyện. Ra mắt sách tại Virginia vào tháng 9 năm 2001. Đây là những truyện được tác giả viết như có thật về nhiều hoàn cảnh của Người Việt di

cư trên đất Mỹ sau tháng 4 năm 1975. Nhiều độc giả tưởng như Nguyễn Thị Ngọc Dung viết về họ, viết cho họ, để thông cảm và chia sẻ nỗi vui buồn với họ.

*

Trong suốt cuốn sách *Non Nước Đá Vàng* tác giả đã giới thiệu với bạn đọc nhiều nơi triển lãm, nhiều thắng cảnh nổi tiếng, vài buổi họp mặt sinh hoạt của người Việt hải ngoại và nhất là một số hoạt động cùng các “khuôn mặt” quen thuộc trong làng văn học, nghệ thuật, hội họa, âm nhạc v.v... Một tập sách giới thiệu về du lịch hoặc các bài tường thuật dưới ngòi bút của một phóng viên cũng đều có thể làm được như thế. Nhưng dàn trải giữa những dòng chữ của tác giả, người đọc cảm nhận được phần nào “tâm sự” của Ngọc Dung.

*

Ngọc Dung viết: “*Chuyến này quyết định bỏ hết chuyện đời, đi chơi một chuyến xả hơi!*”. Sau đó trích dẫn hai câu thơ của Nguyễn Bình Khiêm: “*Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn người tới chốn lao xao*”.

Viết khi ngắm nhìn thung lũng Old Faithful khói sương tiên cảnh: “*Tìm cô đơn giữa thiên nhiên vắng vẻ, xa lánh chốn lao xao, ồn ào náo nhiệt, may mắn và hạnh phúc lắm thay!*” Phải chăng đây là cái “tâm sự” đầu tiên của tác giả, người muốn lánh xa cái “bụi bặm trần gian” của những nơi hội họp đông “nhân vật” và đây... “thiên hạ sự” trong một xã hội mà hầu như “vật chất” được coi trọng hàng đầu?

Tình quê hương luôn vương vấn trong tâm hồn và theo chân tác giả tới khắp nẻo “du hành”: “*Cảnh đời hoang cỏ dại mênh mông ấy trông quen thuộc quá, như đã thấy ở Đà Lạt hay ở đâu?*” “*Phong cảnh tựa như một làng quê Việt Nam, mái tranh tỏa khói bếp nấu cơm của người dân trước khi đi chợ hay ra đồng cày bừa buổi sớm*”.

Theo cả đến cách chọn đồ ăn thức uống: “Tôi gọi tôm xiên ớt, hành, nấm nướng và ăn với cơm. Chưa đi được ba ngày đã nhớ cơm, nhớ gạo rồi đấy, quý đồng hương thông cảm chứ?”

Tình quê phẳng phất trong đồ vật: “Một mùi quen thuộc đưa vào khứu giác tôi. A, mùi da bò, cái mùi bay ra từ các cửa tiệm giấy, ví, va-li trên Đường Lê Thánh Tôn, trước cửa Thư Viện Quốc Gia Sài Gòn cũ”. Cứ muốn lưu giữ mãi cái hơi hướm quê hương: “Đến chỗ xa lạ hẳn với khung cảnh Việt Nam mà vẫn nhận được mùi quê hương thoang thoảng ấy, tôi mua một cái ví nhỏ với mùi da bò... chỉ để nhớ để thương.”

Lúc nào cũng có ý thức đề cao dân tộc mình như khi ngợi ca một nữ họa sĩ gốc Việt Nam: “Người đồng hương của mình thơm, thì mình cũng thơm lây. Nên tôi không bỏ qua những dịp có thể giới thiệu về sự vẻ vang dân Việt của mình.”

Trong hành trình du lịch, ngắm nhìn cảnh vật và sinh hoạt của quê người, tác giả chọt nổi lên một vài suy tư đượm màu triết lý. Khi thì về chính trị: “Tiến tới một nước Mỹ giàu mạnh, thanh bình, an lạc như ngày hôm nay, con người đã phải tranh đấu liên tục, bỏ hận thù chịu phục thiện và phải có người chỉ huy tài giỏi, nhân đạo, vì dân, vì nước thực sự.” (tr.57). Khi thì nặng về mặt tâm linh, phẳng phất cái quan niệm “luân hồi”: “Nước chảy ra sông, ra biển, gặp nắng bốc thành hơi, thành mây, gặp lạnh biến thành mưa, thành tuyết rồi lại rơi về vùng núi non đất đá này. Thôi thì nguồn cao, suối cạn ời! Hãy kiên trì đợi chờ, gió sẽ đưa mây mưa băng tuyết trở lại với người nhé! Nước sẽ trở về nguồn!” Và từ đó có ý tưởng muốn một ngày nào có thể theo phương pháp làm cho tâm hồn mình lắng đọng: “Trước phong cảnh trong lành, tinh khiết làm tinh thần sáng khoái, tươi vui, tôi mong ước có ngày trở lại, ở lâu hơn để tịnh thiền với cảnh vật thiên nhiên có một không hai trên trái đất này”

Cuối cùng chân lý đã tỏ rạng, một quan niệm nhân sinh được tác giả đề cao sau khi đi thăm một cuộc triển lãm: [Hạnh phúc là nơi tự mình tạo ra, tự mình tìm thấy. Hãy ‘make time for your happiness’]

Ngòi bút của Ngọc Dung đôi khi cũng không kém phần dí dỏm. Viết sau khi trông lên qua ống nhòm về một người đàn ông: *“Tôi co vai, nháy mắt với Robert. Ông chồng tôi cười hiền từ về cái trò tiêu khiển vô thưởng vô phạt của tôi”*... Viết sau vài suy nghĩ vắn vơ của mình trong trò vui: *“Và chỉ nghĩ thầm thôi, chứ hở môi hở miệng ra như thế với chàng của tôi thì đừng hòng được đi đâu một mình nữa!”*

Giọng vẫn đôi lúc vừa dí dỏm vừa ỡm ờ như khi ngắm giềng nước nóng Old Faithful biểu diễn phun nước *“Ngày đêm, người đã phun ‘nhiệt chất’ bao nhiêu lần mà vẫn không biết mệt ư? Những vị dũng mãnh, phá kỷ lục thế giới, làm như vậy được bao nhiêu năm, bao nhiêu tuổi nhỉ?”* Tả cảnh lúc giềng phun yếu: *“phì hơi như ông già mệt nhoài, hết gân cốt”*.

Tác giả kể có một bà du khách reo văng lên *“Có con bò rừng, bên tay trái. Con bò đực!”* Thời một bà du khách khác lên giọng khô hài: *“Hé! Sandra, bà có con mắt tốt lắm đấy nhé”* *“Bà nhìn thoáng mà đã thấy ngay cái đực của nó!”* Cả đoàn du khách cười lớn.

Khi nói về một anh chàng ham leo núi, tuy nói là nguy hiểm: *“Nhưng bây giờ nếu có dịp, hẳn lại muốn được leo lên nữa, như các bà đau đẽ thè không bao giờ đẽ nữa nhưng ba tháng sau lại có bầu.*

Nhìn ông chồng ăn một món ăn sáng, Ngọc Dung viết: *“Ngày nào chàng cũng ăn được như thế. Tôi thì chịu, trông cái bát oatmeal như cám cho heo ăn, chẳng hấp dẫn chút nào, nhưng bỏ lắm đấy các cụ ạ.*

Khi đi xem triển lãm, nhìn vào một pho tượng nữ khỏa thân, tác giả trêu chọc hỏi chồng: *“Nhìn cô nàng Olympia, anh có hứng gì không?”*. Ông chồng gạt phất đi: *“Anh không có hứng với tượng.”* Tác giả viết: *“Robert đỏ mặt trả lời và bóp chặt bàn tay trái của tôi. Cái nhẫn cắn vào ngón tay làm tôi đau điếng và kêu lên oai oái, chàng mới chịu buông tay tôi”* .

Khi nhìn tượng cảnh một cặp nam nữ ngồi bên nhau trong một tiệm ăn tác giả tả: *“Tay chàng quàng qua lưng ghế của nàng, mắt đắm đuối nhìn nàng như săn sóc thăm hỏi: ‘Em đã*

bớt mỗi chân chưa? Chúng mình đi bộ hơi nhiều nhỉ. Em muốn anh bóp chân cho em không? Em muốn dùng coffee, ice cream hay bánh ngọt?” . Rồi tác giả dí dỏm thổ lộ: *“Nhưng chính chàng Robert đã hỏi nàng Ngọc Dung như vậy.”* Tác giả trả lời: *“Cho anh nợ đến tối về nhà. Bây giờ em muốn uống cà phê, ăn kem và cả bánh ngọt nữa”*.

Nhưng điểm nổi bật nhất trong toàn bộ tác phẩm có lẽ là cái “tình vợ chồng”, cái “nghĩa phu thê”. Lúc nào Ngọc Dung cũng muốn thổ lộ điều này và tỏ ra trân quý rất mực.

Sự quán quýt của vợ chồng tác giả khiến cho một cặp vợ chồng du khách khác phải hỏi: *“Hai ông bà mới cưới nhau hả?”*. Tác giả thổ lộ: *“... những kẻ thích ôm eo nhau, nắm tay dung dăng dung dẻ, hay ngồi dựa sát vào nhau... Người ta cứ tưởng chúng tôi còn trong thời kỳ trăng mật nóng hổi, nên cắt đi 29 năm đá vàng của chúng tôi”*. *“Tôi hôn nhẹ trên má Robert và cảm ơn chàng đã giữ lời hứa, đưa tôi tới vùng Non Nước Đá Vàng này. Đôi mắt chàng đã hết trong xanh tuổi trẻ, nhưng vẫn long lanh xúc cảm như bao giờ. Chàng đáp lại với chiếc hôn trên vàng trán đã hơn nửa cuộc đời suy tư của tôi, vàng trán không khác chi hình vẽ những lớp nham thạch trong lòng Giếng Trung Thành.”*

Tác giả đề cao tình cảm của một bà vợ cùng đi du lịch với ông chồng ngồi xe lăn: *“Cái nghĩa Non Nước Đá Vàng thực sự thể hiện ở cặp vợ chồng này. Họ đã keo sơn gắn bó cho tới lúc gổi mỗi chân chôn, thực hiện lời nguyện ước cùng du lịch những nơi đã hứa hẹn với nhau tự bao giờ. Và cũng như những cặp vợ chồng đầu bạc răng long khác, trong đó có chúng tôi...”*.

Tỏ ra luôn quý trọng chồng mình, tác giả viết khi thăm thác nước Niagara: *“Đây là lần thứ hai tôi đứng trước cảnh thần thoại này. Lần đầu tiên tôi tới đây kỷ niệm 25 năm bạc... đầu với Robert, người bạn đường đáng yêu của tôi”*. Khi hai vợ chồng đi xem triển lãm tranh, ngồi trên xe: *“Nét mặt tươi rạng, Robert nhìn sang tôi đắm đuối, và bốn cũ sao lại, chàng đưa tay tôi lên môi hôn: “Anh rất sung sướng, chúng mình có date*

với nhau hôm nay. Anh cảm thấy như ngày chúng ta mới quen nhau. *I love you, baby*”. Khi đề nghị đi xem một công viên, ông chồng sốt sắng đồng ý ngay: “*Có điều gì tôi yêu cầu mà chàng từ chối đâu!*”

Khi rời một cửa hàng bán đồ kỷ niệm: “*Trên đường ra xe, Robert ôm tôi sát người, vừa đi vừa mơ mộng: ‘Via hè này làm anh chợt nhớ tới hè đường Thống Nhất, trước cửa Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ngày nào, đã nhiều lần chúng mình hẹn hò đi trên đó nhỉ?’* Sau đó lúc lên xe ông chồng nói: “*Cảm ơn cung đã cho anh một buổi hẹn hò thật hạnh phúc. I love you, my dearest*”.

Có lúc tác giả viết say sưa về hạnh phúc của mình: “*Những cặp vợ chồng già như chúng tôi đến vùng cao nguyên Yellowstone được dịp suy nghiệm về trời cao đất cả, đầy uy quyền linh biến, được dịp thừa hưởng cái đẹp tinh túy, linh diệu của thiên nhiên ban cho loài người. Chúng tôi đã ghi lại một lần nữa những hạnh phúc bên nhau và cảm ơn nhau cái tình thủy chung, cái nghĩa đá vàng đã cho nhau hơn nửa cuộc đời*”.

Viết trong một đoạn khác, sau khi đi xem triển lãm về: “*Tôi tắt máy sưởi nóng, xuống kính xe, hít thở không khí trong lành khi qua giong Sông Potomac mênh mông tràn đầy như hạnh phúc chúng tôi đang có và đã có từ ba mươi mấy năm qua*”.

Lời ca tụng hạnh phúc không lúc nào dứt: “*...tình nghĩa đá vàng đã cho chúng tôi chia sẻ hạnh phúc quý giá bên nhau giữa thiên nhiên tuyệt vời, vũ trụ huyền bí, đất trời cao cả, vĩ nhân, thiên tài đã được ghi danh, tạc tượng đời đời kiếp kiếp*”.

Cuối cùng tác giả tâm sự: “*Ở tuổi đá vàng, hãy mau mau giữ lời thề non nước, kéo không còn cơ hội! Quý vị ơi!*” “*Trong đám du khách, xem ra có nhiều cặp kẻ cả chúng tôi đã mãn nguyện giữ được lời hẹn non thề nước, vợ chồng đã mấy chục năm, nay đưa nhau tới đây cùng thiên nhiên ghi tạc tình nghĩa đá vàng*”. Đến đây người đọc hiểu rõ lý do tại sao Ngọc Dung lại chọn cho tác phẩm của mình là: *Non Nước Đá Vàng*.

Ngay từ đầu tập sách tác giả đã thổ lộ ý muốn: “*chia sẻ kinh nghiệm có thể lợi ích cho các độc giả đi sau*”. Người đọc quả đã tiếp thu được không những chỉ dẫn lợi ích về kinh nghiệm du ngoạn, sinh hoạt đây đó mà còn lĩnh hội được cả cái thông điệp về tình người nói chung hay tình yêu vợ chồng chung thủy “đá vàng” nói riêng của cá nhân Ngọc Dung. Trọn vẹn cả tình lẫn nghĩa! Đó quả thật là một điều đáng quý!

(Virginia, niên đất của Tinh Nhân, Tháng 7 năm 2007)

Tâm Minh NGÔ TĂNG GIAO

Tiểu Sử Nhà Thơ Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Sinh tại Hà Nội. Trưởng thành ở Sài Gòn. Lập nghiệp tại Đà Lạt với nghề Luật sư và tham gia Ban giảng huấn Viện Đại Học Đà Lạt. Định cư tại Virginia Hoa Kỳ từ 1989.

Khởi viết năm 2000 và xuất bản tập thơ chuyên ngữ Anh-Việt “MƯA XUÂN” (SPRING RAIN). Sau đó ngoài những bài viết thông thường đăng tải rải rác trên các tạp san, trong đó có Cỏ Thơm, đã chuyên qua viết chuyên về Phật Giáo từ năm 2001. Tính tới năm 2007 đã hoàn tất 15 tác phẩm.

Cảm Đề
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG
 Tặng Ngọc Dung

Tình nghĩa thủy chung trọn với chàng
 Sánh vai ngắm cảnh lúc mùa sang
 Giếng phun khói bốc làn thơ mộng
 Suối chảy dòng reo tiếng rộn ràng
 Đường nét khung tranh luôn là lướt
 Dáng hình tượng đá mãi huy hoàng
 Đã hơn ba chục Xuân nông thắm
 Đồi đẹp như non nước đá vàng.

Tâm Minh
 (7-2007)

Họa
TÌNH NGHĨA ĐÁ VÀNG
 Tặng Robert

Thái tử lòng em chỉ có chàng
 Từ khi định mệnh đất diu sang
 Mây xanh mắt biếc tình cao cả
 Dáng lịch vẻ thanh nghĩa rõ ràng
 Thương tặng nàng thơ ngôi quý tộc
 Yêu trao người ngọc tức bà hoàng
 Ngao du non nước đường thiên lý
 Hạnh phúc trăm năm mãi chói vàng

Nguyễn Thị Ngọc Dung
 (7-2007)

NON NƯỚC ĐÁ VÀNG

Tất cả những niềm mơ ước riêng tư của tôi đều thật nhỏ bé, nếu tôi đã thực hiện được cũng không lạ. Nhưng có một niềm mơ ước rất tầm thường đối với nhiều người, mà từ 30 năm qua đến nay mới thành sự thực với tôi. Đó là chuyến du lịch bằng xe buýt từ Mount Rushmore qua Yellowstone Park, Grand Teton Park và dừng lại Salt Lake City trong tháng chín vừa qua.

Thực vậy, từ những ngày còn ở Sài Gòn đọc báo Thế Giới Tự Do của Cơ Quan Thông Tin Hoa Kỳ và những bài học Anh văn trong sách *English For Today* tại Hội Việt-Mỹ, tôi đã mơ được đi du lịch và thăm viếng các danh lam thắng cảnh, các kỳ quan Nước Mỹ cũng như các đài kỷ niệm, các viện bảo tàng Thủ Đô Washington, D.C., toà nhà United Nations, Empire State, tượng Nữ Thần Tự Do New York, Thác Niagara biên giới Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, Grand Canyon Arizona, Mount Rushmore South Dakota, giếng phun nước nóng Old Faithful, Yellowstone Park, Wyoming...

Tưởng những ước mơ ấy chẳng bao giờ thành sự thực, nhưng từ khi theo chồng về Mỹ năm 1972, tôi đã lần lượt thực hiện được ngay hay tuần tự sau này. Ngoại trừ hai địa danh cuối cùng, cho tới tháng bảy vừa qua, Robert, phu quân tôi mới giữ hai chỗ đi du lịch bằng xe buýt của Hãng *Tauck* (qua American Automobile Association, AAA) đầu rằng chúng tôi đã toan tính từ ba năm nay.

Cả tháng trước khi đi, tôi đã dự trù đem theo quần áo nào cho thích hợp với thời tiết ngày đêm chênh lệch nhau tới

40°F; ban ngày lên xuống xe buýt, leo núi, leo đồi, băng rừng, lội suối...; ban đêm ăn ngủ trong khách sạn thường là khá lịch sự. Thậm chí, tôi lo cả cho ông xã tôi về những chuyện đó nữa.

Có đủ mọi thứ cần dùng rồi, nghĩ rằng không cần sắm sửa gì nữa, vậy mà 2 ngày trước khi đi tôi lại mua thêm hai cái áo khoác không quá mỏng, không quá dày và có vẻ rừng rú hơn áo chúng tôi đã định mang theo. Hai cái va-li nặng đến nỗi tôi không nhắc lên nổi. Theo giấy chỉ dẫn của hãng du lịch, ngoài giày đi trên máy bay, giày đi bộ, giày đi ăn cơm tối trong khách sạn, máy ảnh, chúng tôi mang theo áo mưa mỏng, dù nhỏ, mũ nhẹ, thuốc xịt muỗi, ống nhôm, kính râm, đèn pin, bản đồ, sách du lịch những vùng đi tới nữa chi? Du khách không phải mang hành lý lên xuống xe buýt, ra vào khách sạn, đã có người làm việc đó. Vì thế, tôi mới chọn hai cái va-li lớn nhất mà chúng tôi thường dùng mỗi khi đi chơi California trên một tuần. Chúng tôi không phải trả tiền thù lao bất cứ việc gì có trong chương trình của hãng du lịch, ngoại trừ cho người hướng dẫn và tài xế ở cuối chặng đường.

Sở dĩ tôi muốn ghi lại chuyến du lịch phong cảnh thiên nhiên kỳ thú này bởi vì: thứ nhất, cảm hứng nghề nghiệp như họa sĩ đứng trước một mỹ nhân, một cảnh đẹp, mà lại không mang giá gỗ, sơn, cọ ra vẽ tranh hay sao; thứ hai, chia sẻ kinh nghiệm có thể ích lợi cho các độc giả đi sau; thứ ba, tôi chưa nghe, chưa đọc bút ký của tác giả Việt Nam nào viết về kỳ quan thế giới này.

CHỦ NHẬT NGÀY 10 THÁNG 9, NĂM 2000 – Vợ chồng tôi đi du lịch nhiều lần nhưng thường chỉ lấy *tour* một ngày, chưa bao giờ lấy *tour* 10 ngày với hãng du lịch nào, nhất là đi tới nơi mà tôi hằng mong ước từ 30 năm qua. Tôi tính từng ngày, náo nức từng giờ. Chuyến này nhất định bỏ hết chuyện đời, đi chơi một chuyến xả hơi!

*Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn người tới chốn lao xao.^{1[1]}*

Cuối cùng sáng tinh mơ Chủ nhật ngày 10 tháng 9, năm 2000 cậu con trai lớn đã tới đưa chúng tôi ra phi trường. Nguyên Thủy bao giờ cũng giành xách va-li cho ba mẹ và còn nhắc chúng tôi mang theo số điện thoại cầm tay của vợ chồng cậu, cùng dặn dò chúng tôi phải uống nước nhiều khi lên núi cao hay đi bộ mệt. Thuở xa xưa, ba mẹ săn sóc con, bây giờ được con săn sóc lại cũng phải thôi!

Trước khi lên máy bay tôi mua một quyển Reader's Digest để đọc giết thời giờ. Trong số tháng 9, năm 2000 có đăng câu chuyện thật "Amy's Choice" rất cảm động. Những truyện dựa theo sự thực và trong thế giới bùn lầy vẫn nhô lên những đóa sen tinh khiết dễ xúc động tôi, nên xin ghi lại sau đây:

"Một cô bé tên Amy có ba người em trai và một người em gái. Cha bỏ đi biệt. Mẹ vào tù ra khám liên miên vì nghiện ma túy. Sở Xã Hội không cho bà mẹ nuôi giữ và chung sống với năm đứa con. Bà ngoại được phép giữ các cháu. Amy vừa đi học vừa đi làm và săn sóc các em. Khi Sở Xã Hội biết được người mẹ vẫn tiếp tục nghiện ngập bê tha, lén lút về ở với các con và bà ngoại chúng, họ đã định phân tán và giao chúng cho các cha mẹ nuôi tạm thời khác. Amy phải đứng ra năn nỉ, cam kết đi làm hai việc, thuê một cái phòng riêng cho các em ở và săn sóc chúng. Khi Amy 19 tuổi, cô có bạn trai và có con. Người này bắt cô chọn lựa: một là anh ta và đứa con của hai người; hai là bốn đứa em của cô. Amy đã chọn các em, những đứa bé có cha, có mẹ mà chẳng khác gì mồ côi. It lâu sau, Sở Xã Hội lại quyết định những đứa em của Amy phải có cha mẹ nuôi thường trực, lâu dài. Nhưng thấy Amy vẫn cương quyết đòi giữ các em với đầy tình thương, những đứa trẻ vẫn muốn sống chung với nhau như một gia đình và

1[1] Thơ Nguyễn Bình Khiêm, 1491-1585, tự Hạnh Phủ, hiệu Bạch Vân Cư sĩ; tục gọi Trạng Trình là bậc cao sĩ đời Mạc. Ông có nhiều bài thơ vịnh cảnh nhân, lời lẽ khinh bạc, châm biếm.

Chúng có vẻ thành thật hứa sẽ ăn ở, giữ gìn nhà cửa vệ sinh sạch sẽ hơn, Sở Xã Hội đề nghị Amy phải làm đơn xin là mẹ nuôi của chúng. Amy chấp nhận tất cả. Các em cô cũng thích thú hưởng ứng ý kiến đó. Tòa Án đã ký giấy chứng nhận cô là mẹ nuôi của các em. Với sự tiếp tay của Sở Xã Hội, Amy thuê được cái nhà có vườn nhỏ, nuôi một con chó như đã hứa với các em, cùng chung sống với chúng và đưa con trai nàng như một gia đình đầm ấm.”

Vừa đọc hết truyện trên, máy bay đậu xuống phi trường Denver, tôi xăm xăm đi theo hướng hành lý. Robert gọi oi oi: “Cưng ơi, đi hướng này cơ mà!”

“Đi hướng hành lý kia chứ?” Tôi cãi.

“Chúng mình không đi lấy hành lý bây giờ, phải lên máy bay khác đi Rapid City rồi mới xuống. Tour bắt đầu từ đó, không phải từ đây.”

“Vậy hả?”

Đi du lịch một mình, tôi phải tự làm từng bước, tự nhớ từng việc. Nhưng đi với Robert, tôi ỉ y có chồng lo tất cả, chẳng thèm xem xét hành trình. Chúng tôi phải đợi 3 giờ sau mới có chuyến bay đi Rapid City, một thành phố mới được thiết lập từ năm 1876.

Vì Rapid City nhỏ và không xa lắm với Denver, nên chỉ có máy bay bà già kêu rầm trời rống đất, nhúc đầu, nhúc tai hành khách, cũng chỉ ị ạch chở được 24 người. Chuyến trước đó một giờ đã đầy hành khách, vì thế chúng tôi phải đợi chuyến sau.

Tới phi trường Rapid City, vừa ra khỏi cửa máy bay, tôi nhìn ngay thấy cái bích chương to lớn có bốn khuôn mặt Tổng Thống George Washington, Thomas Jefferson, Theodore Roosevelt và Abraham Lincoln trên Mount Rushmore. Tôi reo lên bằng tiếng Anh:

“Họ đây rồi!”

Robert nắm chặt tay tôi tỏ ý thông cảm với niềm vui mừng dễ dàng của vợ. “Suitcases” của chúng tôi không có tại chỗ lấy hành lý. Chúng tôi đến một phòng làm việc kiểm thì thấy chúng đã ở đó. Máy bay trước không có chỗ ngồi cho chúng

tôi mà chỉ có chỗ cho hành lý! Người hăng du lịch ra đón chúng tôi ngay tại phi trường và đưa về khách sạn lịch sử Alex Carlton Johnson^{2[2]}. Trên xe, bà tài xế đã hãnh diện xòe ngón tay giới thiệu kỹ nghệ làm nữ trang bằng vàng địa phương đãi được trong vùng.

Khách sạn chúng tôi ở đêm nay, cao mười mấy tầng, được kiến trúc bằng gỗ theo kiểu miền Núi Bavarian, Đức Quốc, và được trang hoàng với những hình ảnh, di vật của thổ dân Da Đỏ. Khách sạn Alex Carlton Johnson được coi là sang trọng nhất thuở mới được hoàn thành năm 1927.

Sau khi nhận phòng, treo bộ quần áo định mặc buổi tối lên mắc cho bớt nhàu, chúng tôi đi bộ ra ngoài ăn nhanh bữa trưa tại Burger King. Trời nắng chói chang, đường phố vắng vẻ, cửa tiệm chung quanh sập sệ, cũ kỹ, chẳng có gì hấp dẫn. Chúng tôi không la cà, đi thẳng về khách sạn.

Tôi đầu tiên của chuyến đi, Hăng Tauck có tiệc tiếp tân cho khách du lịch. Chúng tôi được Cô Judy Brown, người hướng dẫn cuộc hành trình, đưa giấy có tên để dán trên ngực và một danh sách 41 hành khách. Số đông nhất là 20 người từ Anh quốc. Họ ở trong một nhóm du lịch với nhau đã nhiều năm. Số còn lại đến từ Tiểu Bang Florida, Michigan, Oklahoma, Maryland, Rhode Ireland, Louisiana, Alaska, California và một cặp đến từ Virginia là chúng tôi.

Cô Judy đến từ New York. Cô trang điểm và phục sức giản dị. Khách du lịch có vẻ trịnh trọng, chải chuốt hơn là khi họ ở trên máy bay. Có bà mặc váy dài, váy ngắn. Có ông mặc *suit & tie*. Robert mặc quần xám sẫm, áo khoác xám nhạt, áo *pullover* bên trong gần màu với quần. Tôi mặc quần lụa đen, áo tay dài và xòe, thắt eo trước bụng; hàng áo màu rượu chát, in các hình thể có vẽ Da Đỏ; khăn lụa nhỏ màu đỏ thắt quanh cổ, trông cũng hợp thời hợp cảnh với miền South Dakota còn in nhiều dấu vết thổ dân xưa.

2[2] Tên của ông phó giám đốc Chicago & Northwestern Railroad, người đã xây dựng khách sạn từ năm 1927.

Tối bàn rượu và các món ăn khai vị, chúng tôi bắt đầu chào hỏi mọi người, tự giới thiệu, và nghe giới thiệu. Nhiều người tập đọc cái tên Dzung. Tôi đã quen với sự việc làm dân thiểu số từ những lần tôi đi *tour* một mình với các vị phu nhân khác trong thời gian theo chồng đi ngoại giao trước kia. Các vị phu quân trong tòa đại sứ, vì nhiệm vụ, không thể rủ nhau du lịch cùng một lúc; hoặc, họ không có chung một sở thích với các bà như sắm quần áo, mua đồ sứ, pha lê, hay dự một bữa cơm trưa, một buổi *picnic* chỉ có phụ nữ. Đã lo tất cả công việc nhà cửa, tiếp tân, cơm nước, chồng con, chúng tôi tự cho phép được cùng nhau ra ngoài giải trí lành mạnh như thế. Dù da vàng mũi tẹt, tôi vẫn dễ dàng hòa mình với các bà mắt xanh, mũi lõ.

Tôi nhận thấy ngay từ lúc mới vào phòng tiếp tân, các quý vị du khách đều trạc tuổi về hưu. Vài người đã có vẻ lụ khụ, trừ một phụ nữ trẻ, người Anh khoảng gần 40 tuổi ngồi cùng bàn ăn với chúng tôi, bên cạnh cha mẹ cô. Giới trẻ không thích đi cái *tour* già nua này. Họ muốn tự lái xe với con cái nhỏ hay bạn bè vui nhộn, trẻ trung hơn.

Vài ngày sau tôi được biết ông người Anh kia là Sỹ Quan Hoàng Gia về hưu. Trong bàn chúng tôi còn có hai bà người Anh khác và một bà Người Mỹ đến từ Palm Spring, California. Thường thường tôi chỉ được nghe giọng tiếng Anh trong phim ảnh hay trên TV. Lâu lắm, kể từ ngày rời Âu châu cách đây 15 năm, bây giờ tôi mới có dịp nghe trực tiếp giọng thuần túy English rất dễ thương ấy. Trước khi vào tiệc, cô hướng dẫn Judy Brown tự nói về mình và giới thiệu người tài xế xe buýt của chuyến du lịch, Ông Doc Williams. Cô Judy cũng yêu cầu mọi người cho các bạn đồng hành biết mình từ đâu tới, có thú tiêu khiển gì. Lẽ dĩ nhiên đa số đều nói đã về hưu, có thú đi du lịch. Biết tôi hay khiêm tốn, Robert thì thăm chọc quê:

“Em sẽ nói em là nhà văn và nhà thơ chứ?”

“Không,” tôi huých nhẹ khuỷu tay chồng và trả lời.

Đến lượt chúng tôi, Robert tự giới thiệu anh có Website về Human Rights For Workers. Tôi chỉ nói tôi đến từ vùng

Bắc Virginia và có thú tiêu khiển viết văn, làm thơ. Nhiều tiếng “ồ” tỏ ý ngạc nhiên hay cảm phục? Văn chương, thi phú là khả năng thiên phú nên người ta thường nghĩ phải có tài mới viết được.

Khi chúng tôi ăn sáng miệng, cô hướng dẫn nhắc nhở du khách sáng hôm sau phải sẵn sàng hành lý sau cửa phòng, cho người khách sạn đem ra xe lúc 7 giờ. Phòng ăn sáng mở cửa 6 giờ và 8 giờ xe sẽ lên đường đi Mount Rushmore. Cô Judy cho biết sẽ xếp chỗ ngồi trên buýt theo thứ tự tên ABC như các *tour* thường lệ... Sau bữa ăn trưa, bảng tên của mọi người lại được chuyển hai hàng ghế theo chiều kim đồng hồ. Việc đổi chỗ ngồi sáng trưa hai lần như thế trong suốt cuộc hành trình, mọi người sẽ lần lượt ngồi trên, ngồi dưới, bên trái, bên phải, không ai phàn nàn được. Cô hướng dẫn cũng cho du khách biết cô và người tài xế sẽ cùng đi với chúng tôi trong suốt 10 ngày cho tới cuối cuộc hành trình và mong rằng sẽ làm mọi người vừa ý.

Có người hỏi:

“Thời tiết ngày mai như thế nào?”

Cô Judy không trả lời được, chỉ khuyên mọi người nên mặc ba lớp áo. Nóng vừa thì cởi lớp bên ngoài; nóng hơn, cởi lớp bên trong; nóng nữa thì đành chịu và ngược lại.

THỨ HAI, NGÀY 11 THÁNG 9, NĂM 2000 – Sáng hôm sau, khi đóng 2 va-li lại và để ngay bên trong cửa phòng ngủ trước 7 giờ, chúng tôi xuống phòng ăn sáng đã thấy nhiều người. Chúng tôi có quyền gọi từng món ăn hoặc lấy bất cứ món nào trên bàn *buffet*, ít hay nhiều tùy ý, chỉ việc ký giấy đề tên với số chuyến du lịch và phòng khách sạn. Sự nhanh chóng, giản dị rất cần thiết cho một đoàn 41 người, nhiều khi hàng trăm nếu có chuyến buýt khác cũng ngừng cùng ngày, cùng lúc trong khách sạn. Mọi người thường lấy thức ăn *buffet* cho lệ. Tôi thủ cái bao nhỏ đựng hai cái bánh ngọt, hai quả táo cho hai vợ chồng. Kinh nghiệm du lịch đã bắt buộc tôi phải làm thế. Vì không thể ăn nhiều lúc sáng sớm và đến 10

giờ đã đói rồi mà còn phải ra xe lên đồi, xuống núi, làm sao chịu nổi. Có khi 1 giờ chiều chưa được ăn trưa.

15 phút trước 8 giờ, xe đã nổ máy và đầy người ngồi. Không khí trong lành thơm mát. Bầu trời xám tro, âm u sương mù. Khi chào hỏi, cô hướng dẫn trấn an vợ chồng tôi ngay:

“Tên của ông bà ở hàng ghế cuối nhưng dần dần sẽ chuyển lên hàng đầu.”

“Không sao, không sao,” chúng tôi cười hiểu biết.

Cái xe trông như mới và dài thăm thẳm. Bên trong có hai dãy ghế đôi cho từng cặp ngồi rộng rãi, êm ái. Tên du khách được gắn ngoài ngăn hành lý trên trần xe. Chúng tôi ngồi hàng ghế gần cuối, cùng dãy với tài xế. Còn hai hàng ghế trống tới phòng vệ sinh ở góc bên kia. Cô Judy ngồi hàng ghế đầu sau tài xế. Có ba hành khách phụ nữ ngồi mỗi người một hàng ghế riêng. Có lẽ họ thích vậy. Trái lại không ông nào độc hành cả. Các ông có nhiều chuyện giải trí khác hay là không chịu đựng được nổi cô đơn du lịch nhiều ngày?

Trên ghế mỗi người có một chai nước suối nhỏ và một tấm bản đồ đường trường. Chúng tôi để túi xách tay dưới chân. Đúng 8 giờ xe buýt đóng cửa và chuyển bánh. Một lần nữa, Cô Judy chào mọi người qua ống vi âm không dây và lại giới thiệu tên ông tài xế Doc. Cô trao việc cho cặp ngồi hàng ghế đầu, ngay cửa lên xuống xe:

“Tôi rất dở về vấn đề theo dõi thời tiết nên tôi xin nhờ ông bà giữ việc này và cho chúng ta biết thời tiết tốt ngày hôm nay.” Mọi người đều hiểu đó là một câu nói giỡn và có nghĩa là hai du khách đó không biết về thời tiết thì chỉ có trời biết.

Xe buýt rời Rapid City đi về hướng Mount Rushmore và lên cao dần theo đường núi vòng vèo qua rừng thông thẳng tắp và cao vút. Cô Judy bắt đầu nói về lịch sử Mount Rushmore và diễn tiến hình thành đèo tạc 4 khuôn mặt Tổng Thống Mỹ, biểu tượng nền dân chủ Hoa Kỳ.

Ngọn Mount Rushmore cao khoảng 5725 bộ, nằm trên vùng Black Hills, South Dakota. Theo lời cô hướng dẫn, sở dĩ có cái tên Black Hills vì khắp vùng là rừng thông rậm rạp, trông xa như màu đen. Mount Rushmore cách Rapid City

chừng 23 dặm về hướng tây nam. Trước năm 1885, núi này chưa có tên, nhưng từ năm đó đã được đặt theo tên ông luật sư đến từ New York, Charles E. Rushmore. Nếu dịch ra tiếng Việt, tên họ ông này có nghĩa là nhanh, gấp hơn nữa. Không hiểu cha con Ông Rushmore có trong đám người chen lấn, đổ xô đi tìm vàng trong thời California Gold Rush không?

Điêu khắc gia Gutzon Borglum được Tổng Thống Calvin Coolidge chỉ định tạc khuôn mặt bốn vị tổng thống được coi như những Vị Thánh Dân Chủ của Nước Mỹ. Gutzon Borglum bắt tay vào việc từ năm 1927, ở tuổi 60. Đến tháng 3 năm 1941, khi công trình gần kết thúc sau bao vất vả, khó khăn cả về tài chánh lẫn kỹ thuật thì ông qua đời. Con trai ông là Lincoln Borglum tiếp tục phân tạc tượng và hoàn tất tuyệt mỹ vào tháng 10 cùng năm.

Gutzon Borglum đã nổi tiếng trước đó. Năm 1920 ông hoàn thành Đài Kỷ Niệm Chiến Sĩ Miền Nam, Confederate Memorial trên Núi Đá Georgia. Ông là người tu sửa lại ngọn đuốc Tượng Thần Tự Do và nhiều tượng thánh trong nhà thờ St. John tại New York. Gutzon Borglum đã tạc bức tượng nổi tiếng *Seated Lincoln* (Lincoln Ngồi) trầm tư mặc tưởng trong Tòa Bạch Ốc, và tượng bán thân lớn hơn khổ người thường, cũng của vị tổng thống này, và được đặt trong Tòa Nhà Quốc Hội Hoa Kỳ... Gutzon Borglum sinh năm 1867 tại Idaho, là con một người gốc Đan Mạch theo đạo Cơ Đốc (Mormon). Ông được theo học ngành Mỹ Thuật tại Paris.

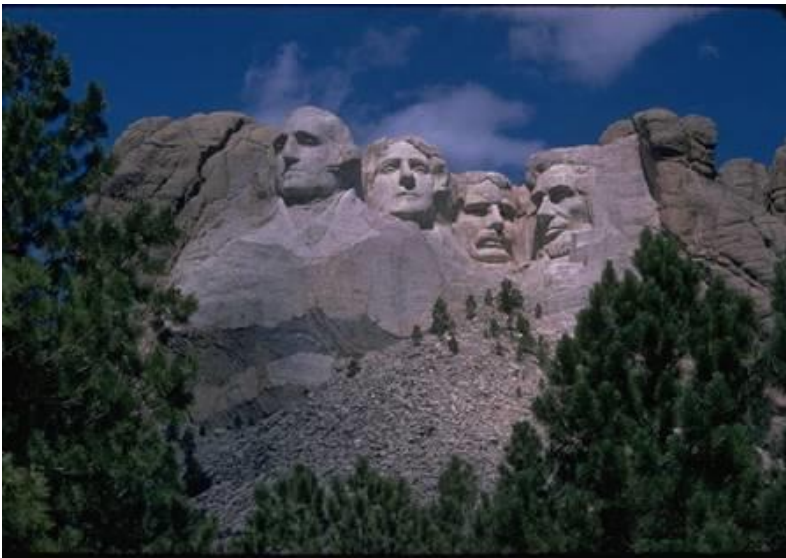
Các du khách trên xe cùng reo lên khi nhìn thấy bốn khuôn mặt hùng vĩ của bốn vị Tổng Thống: George Washington, Thomas Jefferson, Theodore Roosevelt và Abraham Lincoln ngạo nghễ trên đỉnh núi đá hoa cương Rushmore. Đa số dân Việt trước khi thi vào công dân Mỹ ai cũng phải học qua lịch sử Hoa Kỳ và biết tiểu sử mấy vị tổng thống kể trên. Nếu đọc giả nào quên thì xin cùng ôn lại với Nguyễn Thị Ngọc Dung.

George Washington là Tư Lệnh lực quân Cách Mạng Mỹ và được bầu Tổng Thống đầu tiên của Quốc Gia Hoa Kỳ. Ông tại chức hai nhiệm kỳ, từ năm 1789 đến năm 1797.

Thomas Jefferson là tác giả Bản Tuyên Ngôn Độc Lập (Declaration of Independence) của Hoa Kỳ năm 1776. Ông là Tổng Thống Hoa Kỳ thứ ba (1801-1809).

Abraham Lincoln, Tổng Thống thứ 16 của Hoa Kỳ (1861-1865), người tiên phong thiết lập lại sự đoàn kết Nam-Bắc và cáo chung tệ nạn nô lệ trên đất Mỹ.

Theodore Roosevelt là Tổng Thống Hoa Kỳ thứ 26 (1901-1909). Ông là người hoan nghênh việc đào xây Kênh Panama và nhiều công trình phát triển, bảo tồn quốc gia và cải cách đời sống dân chúng Hoa Kỳ.



Mount Rushmore (National Park Services)

Xe buýt ngừng trong bãi đậu máy tầng rộng lớn. Người ta ước lượng năm 2000 có 2,700,000 du khách viếng thăm nơi này. Bây giờ đã hết mùa nghỉ hè mà du khách còn đông lắm. Tôi định xách cái túi to tổ bố, với dù, kiếng, mũ, ống nhòm và ví tiền nhỏ, bà hành khách ngồi ngang hàng ghế với chúng tôi nói:

“Mang cái túi to này theo làm gì cho nặng. Tôi để tất cả trên xe chỉ nên đi tay không.”

“Nhưng có thể tôi cần tiền mua vài thứ kỷ niệm.” Tôi trả lời.

“Tiền của ông ấy. Tôi cũng để chồng tôi trả cho tôi.”

“Bà có lý,” tôi nói và chỉ đem theo cái ống nhòm xuống xe. Nhưng đi được một quãng, thấy trời mưa phùn lạnh lạnh, tôi trở lại xe. Cửa xe chưa đóng, tài xế còn đứng đó. Tôi nhảy vội lên xe, nhắc cả cái túi xách đeo lên vai rồi chạy ra chỗ đoàn du khách đang xếp hàng để chụp ảnh. Việc này do hãng du lịch đã xếp đặt trước. Robert đợi tôi tới và cùng ngồi khuyu chân vào hàng đầu trên sân đá vân xanh và quay lưng vào chân núi Rushmore mà bốn khuôn mặt Tổng Thống đồ sộ, uy nghiêm, hướng về phía mặt trời còn đang bị màn mây xám che phủ.

Sau đó, chúng tôi được một tiếng đồng hồ để dạo xem phong cảnh. Bây giờ tôi mới có dịp nhìn kỹ hơn sắc diện của các vĩ nhân trên núi. Theo như cô hướng dẫn và tài liệu tôi đọc thì đầu của các ông cao bằng một cái *building* sáu tầng. Nếu các ông đứng thẳng lên thì có kích thước thân người cao 465 bộ. Các vị tổng thống trên đỉnh núi kia đã sống khôn, chết thiêng, được dân chúng thờ phượng đời đời, kiếp kiếp.

Tôi còn nhớ phim *North By Northwest* (1959) của Alfred Hitchcock, do Cary Grant và Eva Marie Saint thủ vai chính, được diễn ra trong khung cảnh Mount Rushmore. Nhưng nghe nói, khi làm phim, đạo diễn phải cho đúc lại bốn khuôn mặt Tổng Thống Hoa Kỳ tại Nhật. “Đúng thế, ai cho các ông, các bà tài tử leo trèo lên mặt mũi, đầu cổ các vị Tổng Thống mà đuổi nhau, bắn súng loạn xạ?”

Mùa hè, nhiều buổi ca nhạc được tổ chức ở rạp hát ngoài trời rộng rãi có nhiều hàng ghế ngồi, dưới chân Mount Rushmore. Tôi có lần đã xem, trên vô tuyến truyền hình, một buổi trình diễn ca nhạc đồng quê, Country Music rất lớn của hàng mấy chục ca nhạc sĩ về hội họp ở đây. Mỗi buổi tôi có lễ nghi chiếu đèn màu cờ Hoa Kỳ sáng lên khuôn mặt các vị Tổng Thống. Nếu ở lâu, du khách có thể leo trèo quanh núi, đi máy bay trực thăng lượn quanh vùng Black Hills, hay ngồi

ghế treo lơ lửng trên dây *cable* trong không trung và được lên tận đỉnh Mount Rushmore.

Chúng tôi không chọn lên núi hay vào rừng, nhưng vào phòng tối xem cuốn phim 13 phút về diễn tiến tạc tượng núi đá hoa cương Rushmore. Du khách nghiêng mình khâm phục, chiêm ngưỡng tài trí phi thường của Điêu khắc gia Gutzon Borglum và những người thợ suốt 14 năm trường cheo leo trên núi, đặt chất nổ, khoan đục, tạc đẽo, mài dũa tác phẩm vĩ đại nhất giữa thiên nhiên cao cả, Shrine of Democracy (Đền Dân Chủ) của nhà điêu khắc xuất chúng ấy.

Khi mặt trời vừa ló ra khỏi mây, chúng tôi vội vàng chụp cho nhau mỗi người một tấm ảnh trên Avenue of Flags, giữa hai hàng cờ của 50 Tiểu Bang Hoa Kỳ. Lối ra vào chính này nhìn thẳng lên bốn khuôn mặt vĩ nhân trên đỉnh núi. Vợ chồng tôi được một cặp đồng hành tình nguyện chụp cho một bức hình tại góc cạnh đó.



Từ trái, hàng ngòì: Robert thứ hai, Ngọc Dung thứ ba.



Ngọc Dung dưới chân Shrine of Democracy, Mount Rushmore.



Robert trước Bức Tường Đá Đen

Đám mây xám nhạt mỏng dần rồi tan loãng trên bầu trời cao, ánh nắng chiếu lên sắc diện tươi sáng của các vị tổng thống. Hình như từ trong những đôi mắt tinh anh, những cặp môi linh động ấy phát ra một thông điệp:

“Hỡi công dân yêu quý, hãy mạnh bạo bước theo niềm tin tưởng của ta. Hãy làm rạng rỡ, vẻ vang cho quốc gia dân tộc ta. Hãy bảo tồn và tôn trọng thiên nhiên cao cả. Hãy làm những gì xứng đáng là loài người. Hãy đem tự do, dân chủ và hy vọng cho nhân loại trên thế giới...”

Cái không khí thiêng liêng ấy phảng phất trên cả bức tường đá đen ghi tên hàng trăm người thợ đã góp phần vào công trình tạc tượng trên Mount Rushmore. Đa số họ phải theo học một lớp tạc tượng trong khi làm việc. Công trình khởi sự từ năm 1927 đến năm 1941, bốn khuôn mặt tổng thống hoàn thành. Tôi chụp thêm cho Robert một tấm ảnh trước bức tường tưởng niệm đó. Cả đời người anh hùng của tôi phục vụ cho nghiệp đoàn thợ thuyền năm châu, bốn bể mà!

Chúng tôi trở lại xe buýt đúng giờ hẹn. Những du khách đều tỏ ra có ý thức, nghiêm chỉnh thực hành lời dặn dò của cô hướng dẫn. Chỗ ngồi của chúng tôi được nhích lên hai hàng ghế. Tôi mang lên xe vài tài liệu để đọc thêm về địa danh này. Vì đường trường còn 8 ngày đi nữa, tôi chỉ mua vài thứ kỷ niệm lặt vặt như bưu thiếp để gửi cho con cái, bạn bè và giữ lại phòng xa không chụp được hình ưng ý. Cho bộ sưu tập, trong giỏ xách tay của tôi cũng có một miếng nam châm, một cái chén lớn để uống cà phê có in hình Núi Rushmore với bốn vị tổng thống. Tôi có mấy hộp những huy hiệu bằng vải thêu, mua tại các nơi đi du lịch ở Âu Mỹ từ mười mấy năm về trước. Tôi định khi về hưu sẽ gắn chúng lên một cái bảng lớn treo tường làm kỷ niệm. Nhưng cho đến nay chúng vẫn được cất trong ngăn tủ, nên tôi đã ngưng trò chơi này.

Nhìn lại Mount Rushmore với bốn vĩ nhân Hoa Kỳ lùi lại đằng sau, tôi mãi nguyện với địa danh này. Phong cảnh không khác những phim ảnh tôi xem và nghe nói từ trước mà còn cho tôi cái cảm giác sùng kính khi đứng trước đền đài tưởng niệm linh thiêng này. Chỉ tiếc rằng chúng tôi không

được ở lâu thêm một hay hai ngày để có thể thăm thú cảnh vật khác trong vùng và đắm đuối với giấc mơ tiền nhân.

Xe đi trong rừng thông của vùng Black Hills được 2, 3 dặm thì ngừng lại cho chúng tôi vào Borglum Historical Center (Trung Tâm Lịch Sử Borglum). Đó là một khu nhà bằng gỗ một tầng, giản dị mộc mạc nhưng bên trong chứa tài liệu về cả cuộc đời một danh nhân, một kho tàng nghệ thuật quý giá của Điêu khắc gia Gutzon Borglum. Mỗi người được đưa cho một cái máy ghi âm không dây, nhỏ, bề ngang và bề dày 1 inch, chiều dài khoảng 10 inches. Du khách áp máy vào tai, đi đến đâu, nó sẽ lên tiếng giới thiệu từng khu vực trong nhà bảo tàng đến đây, chẳng cần người chỉ dẫn. Một ngạc nhiên rất lớn đối với du khách, Gutzon Borglum vừa là điêu khắc gia, vừa là họa sĩ. Ông có nhiều tượng đồng, tượng cẩm thạch trắng và tranh sơn dầu. Tác phẩm nào của Borglum cũng đều thuộc loại mỹ thuật thượng thặng. Chúng tôi được thấy tận mắt bức tượng bằng đồng nổi tiếng, *Seated Lincoln* (Lincoln Ngồi).

Sau đó, xe đưa chúng tôi đến Crazy Horse Memorial Center cũng trong vùng Black Hills, South Dakota, cách Mount Rushmore độ nửa giờ xe. Ở đây du khách được xem hình ảnh phim truyện về Crazy Horse, tên một vị anh hùng người Da Đỏ. Khi hầu hết các bộ lạc và tù trưởng Da Đỏ đều qui phục Chính Phủ Liên Bang Hoa Kỳ, và rút vào một khu vực dành riêng cho họ, Crazy Horse vẫn chống cự lại sự việc đó và phản kháng chính phủ Hoa Kỳ xâm chiếm đất đai thổ dân. Ông một mình một ngựa phi khắp vùng rừng núi South Dakota như chỗ không người. Có một sỹ quan đã hỏi ông:

“Vây đất của anh ở đâu bây giờ, Crazy Horse?”

“Đất của tôi ở nơi mà tôi được chôn khi chết.” Người anh hùng Da Đỏ trả lời.

Sau này Crazy Horse bị một người lính liên bang đâm lên sau lưng và tử thương. Đến nay, không cứ người gốc Da Đỏ tôn thờ Crazy Horse như thần thánh, lịch sử Hoa Kỳ cũng chiêm ngưỡng khí phách anh hùng của ông.

Tù trưởng người Da Đỏ Sioux, South Dakota, Henry Standing Bear đã nhìn thấy sự hình thành bốn khuôn mặt Tổng Thống Hoa Kỳ trên Núi Rushmore. Ông nghĩ rằng người Da Đỏ cũng đã có vĩ nhân như vậy. Vào năm 1939, Standing Bear viết thư mời Korczak Ziolkowski tạc tượng Crazy Horse trên một ngọn núi trong vùng Black Hills. Nhà điêu khắc đã nhận lời.

Korczak Ziolkowski sinh tại Boston và mồ côi sớm. 18 tuổi, ông đã làm được 55 cái Grandfather Clock, loại đồng hồ lớn được đóng trong một cái tủ hẹp bằng gỗ quý mỹ thuật và có tiếng chuông âm vang thánh thót. Ziolkowski tự học tạc tượng và đã nổi tiếng trong nước. Trong vòng một năm ông làm xong mẫu tượng bằng đất sét, Crazy Horse mình trần, phi ngựa với tóc dài bay trong gió, tay trái chỉ ra phía trước mặt. Sau đó, Ziolkowski đi South Dakota chọn ngọn núi đá phía trên Trung Tâm Đài Kỷ Niệm Crazy Horse bây giờ để tạc tượng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1948, ông Ziolkowski một thân một mình khởi sự với hơn 100 đô la trong túi, một dùi, một máy khoan và một hộp chất nổ với ý định tạc núi tượng khổng lồ 563x641 bộ. Khi Korczak chết năm 1982, núi tượng chỉ mới thấy mờ mờ hình con ngựa và người kỵ mã. Vợ ông cùng mười người con trai và con gái ông đã tiếp tục công trình ấy. Tháng 6, năm 1998, khuôn mặt cao 88 bộ của Crazy Horse được khánh thành. Năm 2000, 52 năm sau khi Korczak Ziolkowski vỡ đá núi, việc tạc tượng vẫn tiến hành. Người anh hùng Da Đỏ cùng con chiến mã thần linh sẽ dài như một cái du thuyền lớn và cao như một tòa nhà chọc trời 60 tầng. Cả bốn khuôn mặt của bốn vị tổng thống trên Núi Rushmore hợp lại cũng không lớn bằng khuôn mặt của Crazy Horse.

Trong khuôn viên Crazy Horse Memorial Center, du khách được nhìn thấy tượng mẫu Crazy Horse ngồi trên con tuần mã bằng cẩm thạch, chỉ cao lớn cỡ 1/34 tượng tương lai trên núi. Ở góc cạnh nào đó, người ta có thể thấy tượng dưới đất chập vào tượng trên núi mà có thể trong cuộc đời họ sẽ không bao giờ được thấy nó hoàn thành. Công trình tạc tượng rất chậm chạp vì vấn đề ngân quỹ và tượng được tạc quá lớn lao.

Con người tuy nhỏ bé vẫn chinh phục được thiên nhiên hùng vĩ, đạt được công trình vĩ đại bằng ước vọng tốt đẹp, lý tưởng cao cả và sự vững lòng, bền chí.

Hơn một giờ chiều, du khách được đưa tới ăn trưa tại một quán ăn xây cất theo kiểu nhà của thổ dân Da Đỏ, bên ngoài rải rác lều vải cao nhọn trên đồng cỏ bát ngát. Quán ăn đã được báo trước sẽ có một xe buýt 43 người đổ bộ vào nên đã dành riêng mấy bàn cho chúng tôi với thực đơn “Quý vị có quyền ăn tất cả các món quý vị có thể ăn được”. Tuy nhiên, đừng tưởng bở, “all you can eat” ở quê hương Crazy Horse chỉ có vài thứ sa-lát vụn, súp đặc như bột, gà chiên cứng ngắt, thịt bò kho toí bời, khoai chiên nát bét, đậu đũa xanh luộc như tử. Nhưng, tất cả du khách đều đói meo nên ăn rất ngon miệng. Chúng tôi ngồi với cặp vợ chồng Oklahoma City và cặp Michigan. Ông chồng cặp sau đã về hưu, bà vợ không còn trẻ nhưng vẫn đi làm. Mọi người đều tỏ ra rất xã giao thân thiện với nhau.

Sau bữa trưa chúng tôi lên xe buýt dưới trời nắng đẹp. Vùng đồi cỏ trập trùng, nhấp nhô như sóng dồn đến tận chân núi xanh lơ xa tắp. Cảnh đồi hoang cỏ dại mênh mông ấy trông quen thuộc quá, như đã thấy ở Đà Lạt hay ở đâu?

Cô hướng dẫn nói qua ống vi âm:

“Phong cảnh đồi cỏ bao la của South Dakota là xuất xứ của bộ phim *Little House on the Prairie*^{3[3]}, mà chúng ta vẫn được xem trên màn ảnh vô tuyến truyền hình...”

À thì ra thế. Tôi hình dung thấy ngay một trang trại bình dị cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20 của miền Tây Hoa Kỳ trong đó có một gia đình nông dân với đời sống mộc mạc nhưng vợ chồng con cái thương yêu nhau, vui vẻ, đầm ấm. Những cô bé tóc vàng như tơ, váy xòe dài phủ chân, tung tăng chạy nhảy giữa đồng xanh cỏ mướt, lúa thừa rập rờn những cánh hoa dại đủ màu. Xa xa, ẩn dưới bóng cỏ thụ một căn nhà

3[3] Phong theo bộ hồi ký 9 quyển, *Little House* của nhà văn nữ Hoa Kỳ Laura Ingalls Wilder, 1867-1957. Tác giả chỉ bắt đầu viết khi tuổi đã lục tuần.

gỗ nhỏ tỏa khói bếp nên thơ. Đó là khung cảnh *Little House on the Prairie* mà thuở các con tôi còn ở bậc tiểu học hay vừa lên trung học, gia đình chúng tôi thường chờ đợi hằng tuần để cùng nhau quây quần xem phim này chiếu trên màn ảnh truyền hình.

Cô Judy nói tiếp:

“Chắc quý vị đã xem phim *Dance With Wolves*?... Phim đó cũng được quay trong vùng Spearfish Canyon của South Dakota phía bắc kia, cách chúng ta không xa.”

Cũng nên biết rằng xe của chúng tôi đang đi theo hướng tây. Một người lớn tiếng hỏi:

“Liệu chúng ta có được thấy cảnh hằng ngàn con bò rừng bị xua đuổi và săn bắn như trong phim ấy không?”

“Không,” cô Judy cười. “Cảnh săn đuổi bò rừng đó chỉ còn thấy trong phim. Bây giờ bò rừng được tự do sinh sống trong các vùng hoang dã. Người bị cấm không được săn đuổi chúng. Ngược lại, trên đường đi, nếu gặp bò rừng hay các thú hoang khác, ta phải nhường quyền ưu tiên cho chúng... nếu không, chúng sẽ cướp quyền ưu tiên... sống của ta.”

Tôi còn nhớ cảnh hằng ngàn con bò rừng nặng hàng tấn bị xua đuổi, chạy rầm rầm, nhà rung, đất chuyển trong phim *Dance With Wolves*. Tài tử chính của phim là Kevin Costner đóng vai một Trung Úy Quân Đội Chính Phủ Liên Bang. Chàng nhẩy múa một mình theo nhịp điệu thổ dân Da Đỏ chung quanh ngọn lửa rực cháy, trước sự chứng kiến của một khán giả trung thành là con chó sói rất quyến luyến chàng. Từ đó, người đàn ông da trắng cô đơn giữa thiên nhiên ấy được thổ dân đặt cho cái tên là *Dance With Wolves*, Nhảy Múa Với Chó Sói.

Cô hướng dẫn chỉ tay về phía chân trời tây-bắc:

“Hôm nay chúng ta may mắn, trời trong mây cao nên có thể nhìn thấy phía xa kia là Devil Tower, Đài Kỷ Niệm Quốc Gia thiên nhiên đầu tiên của nước Mỹ. Quý vị có nhớ phim *Close Encounter Of Third Kind* do tài tử Richard Dreyfuss đóng vai chính không? Phim đó được lấy cảnh tại Devil Tower đấy. Cái phi thuyền của một hành tinh đã đáp xuống dưới chân Devil Tower.”

Devil Tower là tháp đá thiên nhiên có hình dáng giống như một gốc cây bị chặt ngang thân, cao khoảng 865 bộ trên ngọn cây trong vùng hay bằng một tòa cao ốc chọc trời. Đường kính chân tháp khoảng 1000 bộ. Đường kính ngọn tháp chừng 275 bộ. Trong phim *Close Encounter Of Third Kind*, người hành tinh khác đã chọn Devil Tower làm tháp mốc phi trường để đáp phi thuyền của họ xuống trái đất. Họ chỉ muốn trao đổi văn hoá với dân địa cầu trong tình hữu nghị hòa bình. Các nhà khoa học Mỹ cũng muốn có tình giao hảo tốt đẹp với người hành tinh khác nên họ không có ý quỷ ma, ác tà. Đó là ý nghĩa truyện phim.

Tôi nghe tiếng bà Rhode Island réo to với người tài xế:

“Doc, ông có thể quẹo tới đó một chút được không?”

“Đi tới đây mà không đến được đó thì uống lăm,” một du khách khác phụ họa.

Tôi không nghe ông tài xế trả lời. Cô Judy từ tốn nói qua ông vi âm:

“Nghe đâu có người trên hành tinh khác đang xuống thăm vùng đó, nên vì lý do an ninh, chúng ta không được phép vào.”

Du khách cười rộ cả xe buýt. Cô Judy có tài ăn nói lưu loát, rõ ràng, rành mạch và rất thuộc bài để giới thiệu từng vùng, từng chi tiết địa dư, lịch sử. Khi cô cất tiếng, du khách đều ngừng nói chuyện và giữ im lặng. Đó là điều tôi cần thiết để nghe được những điều chưa biết hay ôn lại những điều đã quên, tận dụng du lịch để “Đi một đàng học một sàng khôn.” Chúng tôi cảm thấy may mắn có Cô Judy.



Devil Tower – National Park Services

Lúc này, chúng tôi đã đi ra khỏi vùng rừng thông Black Hills của South Dakota và lên rặng Núi Rocky Tiểu Bang Wyoming. Xe ngừng lại tại một địa điểm cao hơn 5,600 bộ của ngọn Núi Elk để du khách nhìn xuống thung lũng thẳng cánh cò bay mà chúng tôi vừa đi qua. Xe cộ nhỏ như hộp diêm di chuyển quanh co trên đồng cỏ hay cheo leo trên đường đồi xoáy tròn ốc. Trong nắng, không khí vẫn chỉ mát, chứ chưa thấy lạnh. Cái đà này có lẽ tôi sẽ phải mua áo mùa hè mặc.

Núi đá bắt đầu lởm chởm, khe vách sâu không nhìn thấy đáy. Có chỗ đá ngổn ngang trên triền núi được mang tên The Falling City (Thành Phố Sụp Đổ). Có chỗ trông như những toà lâu đài cổ, những ngọn tháp nhà thờ nhọn...

Qua làng có mỏ than và cái tên vương giả cổ kính Newcastle mượn từ Anh quốc, xe đi vào Tỉnh Gillette. Tôi hỏi giỡn cô hướng dẫn:

“Có phải người ta làm lưỡi dao cạo râu ở Tỉnh Gillette này không?”

“Không,” Cô Judy trả lời, “tỉnh mang tên một viên chức kiểm soát đường hỏa xa, Edward Gillette. Tỉnh này chuyên về chăn nuôi trâu bò, khai khẩn mỏ than và dầu hỏa.”

Nhìn thấy những giếng dầu đây đó với cần máy ngẩng lên, cúi xuống như tôi tập thể dục mỗi buổi sáng, tôi chợt nghĩ đến phim *Giant* và cảnh giếng dầu phun lên đen ngòm như hắc ín. James Dean đắc chí cười ha hả, ngả nghiêng gọi mưa dầu đen nhờn, bóng nhảy từ đầu tới chân. Tài tử thân tượng này chết trẻ nên không bao giờ bị nhìn thấy cái chết bệnh tật như Rock Hudson hay cái sự về già tàn tạ như Elizabeth Taylor. Hai tai tử này cùng diễn xuất trong phim *Giant* với James Dean.

Đề đường trường rút ngắn lại, thời gian trôi nhanh hơn, khi xe chạy ngang qua một con suối cạn mang tên Crazy Women Creek, cô hướng dẫn kể rằng: “Thời còn có sự xung đột giữa dân chăn bò *cow-boy* và dân Da Đỏ, có một phụ nữ da trắng rất hung dữ, chẳng nề sợ một ai. Bà ta ở bên bờ suối này. Dân Da Đỏ cũng phải khiếp đảm, cho rằng bà điên. Nghiệt một nỗi, bà hay ăn cắp ngựa của dân chăn bò, nên sau

cùng đã bị họ giết chết. Dân Da Đỏ tội nghiệp, chôn cất bà bên giòng suối và đặt tên là Crazy Women Creek.”

Vì câu chuyện trên, tôi mua một tấm hình có giòng suối đó khi nó cuộn cuộn chảy qua một khe đá của vùng Bighorn National Forest mà chúng tôi sắp đi tới.

Cô Judy nói thêm rằng: “Wyoming cũng là tiểu bang thứ nhất phụ nữ được đi bầu cử và có nữ dân biểu đầu tiên trong Quốc Hội.”

Có lẽ sống trong tiểu bang đất rộng người thưa, thiên nhiên bao la, hiểm trở, nên người đàn bà cũng phải ra tay đóng góp sức mạnh trong cuộc sinh tồn và người ta sớm biết đến sự đáng nể của vai trò phụ nữ.

Từ ngày rời quê hương, tôi chỉ thấy bò Mỹ giống bò Việt. Còn *buffalo*, trâu Mỹ thì chẳng giống trâu Việt chút nào. Trâu Mỹ trắng hay trâu Mỹ đen đều có sừng ngắn, lông lá, râu ria xòm xoàm trông như chúng mặc áo quần của người Da Đỏ và dân cao-bồi, có dây tua tua cả trên ngực, dưới gấu áo, dưới tay áo và hai bên ống quần. Hay là người ta lấy kiểu râu ria, lông lá của trâu làm mẫu quần áo cho người nhĩ? Tuy nhiên, khi xe đi qua Tỉnh Buffalo (xin nhớ rằng chúng tôi đang ở trong vùng Buffalo, Wyoming, không phải Buffalo, New York), chúng tôi cũng chỉ nhìn thấy ngựa, bò, mà không nhìn thấy con trâu nào trên cánh đồng.

Tiểu bang Wyoming nổi tiếng về dã thú và chăn nuôi. Thời tiết sắp lạnh và sắp có tuyết trên các miền đồi núi, nên vài chỗ các cao-bồi đang tụ tập bò về chuồng. Chúng tôi trông đợi suốt dọc đường dài vừa qua, vẫn không được may mắn nhìn thấy cảnh họ phi ngựa, quăng dây, hú đuổi đàn bò hàng trăm con chạy rầm rầm trên đồng cỏ như từng thấy trên màn ảnh.

Thế rồi, du khách được ngừng lại ở Thành Phố Sheridan là trạm cuối ngày du lịch thứ hai. Hình như sự vắng vẻ mới xuất hiện trở lại sau suốt một chặng đường dài hoang dã. Thành Phố Sheridan trù phú, đông dân cư hơn các tỉnh chúng tôi vừa đi qua, nhưng chỉ ở trên cao 3724 bộ nên nóng như mùa hè Virginia.

Chúng tôi được đưa vào Khách Sạn Holiday Inn khá đẹp cho đêm thứ hai của cuộc hành trình. Chỗ ngồi đợi, tiếp tân, ăn uống đều chung dưới một mái kính cao. Bàn ăn trong vườn hoa nhỏ, bên thác nước chảy ào ào, bên suối tuôn róc rách dưới chân cầu.

Phòng chúng tôi có hai giường *queen size*. Chúng tôi yêu cầu một giường. Nhưng hình như khách sạn nào cũng không có phòng một giường. Điều này lại tốt cho một gia đình bốn người hay bốn người bạn ở chung một phòng, tiết kiệm được nửa tiền.

Sau khi nhận phòng, chúng tôi đi sang Wal-Mart, một tiệm bách hóa dưới bậc trung bình. Tinh nhỏ mà được vậy là quý hóa và may mắn lắm rồi! Tôi mua một cái áo vải tay ngắn, một cái áo khoác mỏng để mặc cho đỡ nóng. Chúng tôi gặp bà Rohde Irland tất tả đi vào. Bà ta mặc soọc mà vẫn than nóng quá. Một lúc sau bà khoe với tôi cái áo lót mà vai áo chỉ là hai cái dây, bà vừa mua được. Rất nhiều người phàn nàn đem theo quần áo quá nặng nề với thời tiết. May mắn, quần áo của chúng tôi mang theo để mặc trong những bữa ăn tối tại khách sạn hợp hàn độ ban đêm, nên đỡ mất thời giờ mua sắm thêm.

Tối hôm đó, chúng tôi ngồi ăn tại một bàn nhỏ nhìn ra hoa lá, cầu cảnh, nghe thác nước đổ xuống từ lầu cao và cảm thấy như được nghỉ ngơi, thoải mái. Robert gọi cá chiên. Tôi gọi tôm xiên ớt, hành, nấm nướng và ăn với cơm. Chưa đi được ba ngày đã nhớ cơm, nhớ gạo rồi đây, quý đồng hương thông cảm chứ?

Vài bậc cấp thấp hơn chỗ chúng tôi ngồi có một cái bàn dài với khoảng 20 phụ nữ Á Đông. Tôi đoán họ là người Nhật vì họ giữ tiếng nói rất thấp, không như người Trung Hoa, Đại Hàn và Việt Nam ta họp nhau hơn ba cái miệng thì to như ba cái loa võ. Hồi chiều nhóm người Nhật đó xuống từ một xe du lịch khác và vào khách sạn cùng lúc với chúng tôi. Đi du lịch ở đâu người ta cũng thấy người Nhật đi chung với nhau rất đông. Vì vấn đề ngôn ngữ, họ phải có hướng dẫn viên đồng hương. Người Nhật có trình độ du lịch cao nhất Á Châu. Với

mức lương cao, họ có tiền mà không có đất, không có nhà để mua. Họ cũng chẳng mua được xe vì bắt buộc phải có đất để xe mới được phép mua xe. Họ đầu tư tiền bạc vào đồ cổ, tranh họa nghệ thuật, du lịch...

THỨ BA, NGÀY 12 THÁNG 9, NĂM 2000 – Cũng như hôm trước, sau khi đóng hành lý để trong cửa phòng, chúng tôi xuống phòng ăn sáng. Lúc trở lên, hành lý đã được đem đi. Chúng tôi chỉ xách cái túi nhỏ ra xe buýt. Không có lý do lưu luyến cái phòng trọ trước một ngày mới với phong cảnh lạ đang chờ đợi trong cuộc hành trình.

Chúng tôi được đưa tới Don King's Western Museum. Xưa kia ông cao bồi Don King có nghề làm yên ngựa. Gian nhà mặt tiền là tiệm bán đủ thứ làm bằng da và các đồ phụ tùng cho những người cưỡi ngựa cần dùng như mũ, ủng, dây lưng, khăn quàng ... và lẽ dĩ nhiên cả những đồ kỷ niệm cho du khách.

Một mùi quen thuộc đưa vào khứu giác tôi. A, mùi da bò, cái mùi bay ra từ các cửa tiệm giày, ví, va-li trên Đường Lê Thánh Tôn, trước cửa Thư Viện Quốc Gia Sài Gòn cũ. Ở thuở học trò, cô cậu nào mà không hí hửng, hân hoan được ôm cặp sách mới còn thơm mùi da bò trong ngày khai trường? Cái cặp được theo các cô cậu cho đến khi ra khỏi trường. Da cặp được ôm ấp, cọ xát vào thân thể, quần áo trẻ thơ và theo thời gian đổi màu sậm bóng, mới hết mùi da bò. Cặp sách được trao lại cho đàn em sau nếu còn tốt và sạch sẽ. Khi cặp bị lấm mực tèm lem, đứt quai, thủng đáy, đàn em mới được mua cặp mới.

Đến chỗ xa lạ hẳn với khung cảnh Việt Nam mà vẫn nhận được mùi quê hương thoang thoảng ấy, tôi mua một cái ví nhỏ với mùi da bò... chỉ để nhớ, để thương.

Yên ngựa mới là sản phẩm chính của Tiệm Don King. Nhiều yên ngựa được làm bằng da trạm trổ rất công phu! Cái nào cũng vài ngàn Mỹ kim trở lên. Tiệm có cả một nhà những cuộn dây thừng. Trong phim ảnh quý vị cao-bồi quăng dây bắt bò, bắt người vì vút là thế, vậy mà cuộn thừng nào cũng

cứng ơi là cứng, nặng ơi là nặng! Tôi lấy hết sức bình sinh, thử nhấc một cuộn lên nhưng nó không nhúc nhích.

Gian phía sau của Nhà Bảo Tàng Don King chứa hàng trăm yên ngựa cũ kỹ, nhưng được lau chùi bóng như gương. Nhiều cái được gắn đầy vàng bạc và xưa hơn trăm năm. Tôi sờ mó đủ thứ. Tôi muốn truyền dương khí vào quá vãng những người ở một thế giới không có liên can gì tới thế giới xưa nay của tôi nhưng tôi không cảm thấy có sự tiếp xúc nào với họ. Như vậy, nhất định là tôi không có siêu linh với người chết như cậu bé tài tử Haley Joel Osment trong phim *The Six Sense* cùng Bruce Willis thủ vai chính mà vợ chồng tôi xem vài tuần trước. Đó cũng là cái may mắn, chứ đi đến đâu cũng cảm thấy hay nhìn thấy những hình bóng người đã khuất thì chết một cửa tử. Các quý vị cao-bồi đó chẳng thể ngờ rằng sẽ có ngày một phụ nữ đến từ nơi nao nơi nao đang sờ yên ngựa của họ một tí cho họ đỡ tủi vong linh dưới suối vàng hay địa ngục.

Rời Sheridan, chúng tôi đi vào miền Rừng Núi Big Horn. Đến ngã ba Burgess trên cao hơn 8000 bộ, chúng tôi ngừng lại ăn trưa tại Bear Lodge Resort, một quán trọ nhỏ có lẽ là sinh hoạt độc nhất trong vùng. Dù chưa đói lắm chúng tôi cũng cố ăn cho no để còn đi nữa. Đặc biệt phòng vệ sinh bên cạnh phòng ăn có cả chỗ tắm cho dân cao-bồi dùng ngựa thõm xưa. Có lẽ vì thế ở nhiều nơi, phòng vệ sinh vẫn còn được gọi là *bath room* chẳng? Một trong mấy người tiếp đãi viên ở đây làm du khách phải chú ý. Đó là một bà già trông rất tều, tóc tai bù xù dựng ngược, thân hình cao gầy lênh khênh, dáng đi lòng khòng, nhưng lại trang điểm phấn son xanh đỏ loè loẹt. Miệng bà không ngớt bô lô ba la hỏi han mọi người một cách thừa thãi. “Có lẽ bà này ngày xưa là chị em ta chẳng?” Tôi nghĩ thầm.

Trong lúc ngồi ăn ở đây, ông bác sĩ thú y Rhode Island thuyết phục chúng tôi nên đi một chuyến du thuyền trong vùng Địa Trung Hải mà ông nói rằng ông có thể đi trở lại bất cứ lúc nào. Chúng tôi cũng có ý định đó vào năm tới.

Sau bữa trưa, xe buýt đi vào vùng có lẽ hiểm trở hùng vĩ nhất miền rừng thông núi đá Big Horn. Đôi khi tưởng chừng cái xe buýt to lớn, dài thòng không lượn nổi đường núi vòng vèo nhỏ hẹp và sườn xe có thể cạ vào vách núi. Nhưng chúng tôi có tài xế thông thạo đường đi và lái xe rất vững, rất bình tĩnh, nên nhiều phen chỉ thờ phào tưởng chừng như vừa được thoát hiểm.

Cô Judy giới thiệu về vùng Shell Falls (Thác Shell) mà chúng tôi sắp đi tới:

“Năm 1930 Hãng Dầu Hỏa Sinclair tìm thấy dấu vết những con khủng long đã sống từ 165 triệu năm trước ở vùng Shell. Năm 1934, hãng này lấy được 30 xe đầy đủ 12 bộ xương khủng long và chở đi New York Museum of Natural History. Sở dĩ vùng thác vực ấy mang tên Shell là vì có rất nhiều vỏ trai cổ hóa thạch được tìm thấy ở đây. Hiện nay dân số vẫn chỉ chừng 50 người sống trong vùng có những địa hạt mang tên Shell Canyon, Shell Falls, Shell Creek... Tỉnh nhỏ Greybull ở gần đây mà chúng ta sắp đi tới, đông dân cư hơn.”

Chúng tôi dừng lại ở trạm thông tin Shell Falls và được một viên kiểm lâm ra đón tiếp, Ông ta kể chuyện về Copman's Tomb (Mộ Copman) ngay trên đỉnh núi chúng tôi đang đứng:

“Jack Copman là người Úc Đại Lợi. Khi đến thăm thú vùng đồi cỏ thịnh vượng Wyoming, ông đã ở lại làm nghề chăn bò trên miền Núi Big Horn và dựng lều trong vùng Shell này. Ông sáng chế ra một cái “máy bay” và thường mang nó lên triền núi cao rồi bay xuống thung lũng bằng... cánh tay. Copman mơ ước sẽ chế tạo được một con chim nhân tạo *glider* thật lớn và bay lên mỏm đá cao mang tên ông ngày nay. Lúc biết không thể thực hiện được ước mơ ấy, ông chôi chãng lại rằng khi nào con người chế tạo được cái máy bay thiết sự, hãy đem tro cốt ông trải trên mỏm đá đó. Khi Copman chết vào năm 1907, thườ chưa có phương tiện di chuyển nhanh chóng, gia đình ông đang ở Âu châu không biết tin và về kịp, dân làng phải chôn ông ở nghĩa địa Greybull và đặt tên cho tảng đá trên núi là Copman's Tomb, để tưởng nhớ ông.”

Sau đó viên kiểm lâm ca cho chúng tôi nghe mấy bài về sự tích của địa phương này. Ông ta vặn máy nhạc cầm tay và hát theo. Ông cũng tự giới thiệu, trước kia ông là ca sĩ trình diễn, nay đổi nghề trông nom rừng núi. Có nhiều lúc chúng tôi hứng khởi vỗ tay theo nhịp bài hát.

Du khách không leo lên được mỏm đá Copman's Tomb, nhưng đã leo gần trăm bậc xuống tháp để nhìn cái thác cao 120 bộ và đổ xuống ầm ầm với 3600 ga-lông nước một giây và vực đá sâu thăm thẳm nhìn xuống đáy thấy chóng mặt. Tuy nhiên, vợ chồng tôi cũng đi men theo con đường mòn có lan can cheo leo bên vực để chiêm ngưỡng vách đá cổ hơn 550 triệu năm của Shell Canyon. Hãy tưởng tượng mấy trăm triệu năm về trước, khủng long đã đặt chân lên miền núi đá này mà rừng mình.

Rời Shell Falls, xe chúng tôi đi theo chân rặng núi đá như những bức tường thành cao thẳng, nối tiếp nhau chạy dài, chạy mãi. Màu đá chuyển màu đỏ, nâu hay vàng, xanh hay tím, thẫm hay nhạt theo ánh nắng mặt trời. Đây là một Vạn Lý Trường Thành thiên nhiên của Wyoming. Nhiều hình thù đá đỏ cao nhọn như những ngọn tháp Chàm miền Trung Việt. Trên một ngọn đồi thấp, có bốn cột đá như được chạm trổ giống nhau, đứng chụm lại, và được mang tên Chimney Rock đã khiến tôi liên tưởng tới những ngọn Tháp Bà Nha Trang. Chimney Rock đã là đề tài của nhiều bức tranh ảnh nghệ thuật mà tôi đã thấy triển lãm đây đó trong các nơi chúng tôi vừa đi qua.

Đi du lịch miền chăn nuôi phải biết đời sống chăn nuôi, nên hãng du lịch đã đưa chúng tôi vào trang trại Diamond Trail, gần Greybull bên chân rặng núi đá đã chạy theo chúng tôi từ Shell Falls. Một cô *cow-girl* xinh đẹp tiếp đón chúng tôi với cà phê, bánh ngọt. Cô ta không có vẻ gì là dân núi, dân quê. Cô có chồng con, vẫn đi học, chỉ làm việc cho trang trại những khi không đến trường. Chủ trại là một luật sư ở tận Tiểu Bang Washington. Cô chăn bò cho biết công việc trang trại rất vất vả, tài chánh thu lượm chỉ vừa đủ giữ đất đai sống còn. Ngày nay, những người mua ở các tiểu bang xa khác

không phải tới trại chọn lựa bò, ngựa. Người của trang trại, chụp hình, chụp ảnh, quay *video* mặt, mũi, sừng, móng, chân cẳng và ghi chiều cao, sức nặng, tên tuổi của từng con vật rồi gửi đi quảng cáo hay cho người muốn mua, xem xét hình thù chúng. Thời buổi văn minh, trăm phương pháp khoa học nhanh chóng thuận tiện này, người ta còn có thể gửi hình ảnh trâu, bò, ngựa, người qua *Webpage*, *Webmail*, *Website* của *computer* nữa chi?

Từ lúc vào trang trại tôi nghe thấy tiếng hàng trăm con bò kêu hoai không ngừng, không dứt. Tôi hỏi cô chăn bò, thì được giải thích:

“Đó là những con bê theo bò mẹ lang thang sống trong các đồng cỏ trong vùng suốt mùa xuân, mùa hè. Bây giờ trời sắp lạnh, chúng bị lừa về chuồng, phải xa mẹ và không được bú nữa, để mẹ sản xuất sữa cho người. Nên chúng kêu khóc đòi mẹ vang cả vùng đồi núi. Mùa đông ở đây dài tới sáu tháng. Bò bố, bò mẹ được nhốt riêng, không chung chuồng với bò con.”

Một anh *cow-boy*, đang huấn luyện một con ngựa non mới được 9 tháng mà đã trị giá 10 ngàn Mỹ kim. Các chuồng khác đầy ngựa, con nào con đó cao to, da nâu bóng mượt. Có con trị giá tới nửa triệu. Vậy mà ông tài xế xe buýt của chúng tôi có tới bốn con ngựa ở Salt Lake City. Cặp vợ chồng người Anh, đem theo cô con gái, có bốn con ngựa ở ngoại ô cách London nửa giờ.

Anh chăn bò của trang trại Diamond Trail có dáng thanh tú thư sinh. Anh cũng là sinh viên đại học về đây làm việc hè mỗi năm. Những người chăn bò đều đội mũ rộng vành, mặc áo sơ-mi vải dày, dài tay, quần *jeans*, đi ủng da, đeo bao tay da. Có lẽ phải làm việc lâu dưới trời nắng gay gắt hằng ngày nên họ phải bảo vệ thân thể như vậy. Vì thế khuôn mặt họ đỏ hồng, khỏe mạnh mà không khô nám, đen thui. Trông người lại chạnh đến ta. Tôi liên tưởng tới nông dân Việt Nam, cây sấu, cuốc bẫm, cây mạ, giải nắng, dầm mưa. Nếu mỗi người có được cái áo mưa ny-lông với mũ, một đôi ủng, một đôi bao

tay cao su thì đỡ khổ. Bao giờ dân quê nghèo khó của chúng ta mới qua cơn bĩ cực tới hồi thái lai đây?

Khi chúng tôi lên xe ra khỏi trại, anh *cow-boy* trẻ đang phi ngựa ra đồng lừa bò về chuồng. Cô Judy, hướng dẫn viên độc thân của chúng tôi và nhiều du khách tấm tắc khen cô *cow-girl* và anh *cow-boy* của Trại Trại Diamond Trail đẹp gái, đẹp trai như những tài tử Barbara Stanwyck, Linda Evans, Lee Majors... trong phim Miền Tây cũ, *The Big Valley*.

Chiều hôm đó, xe buýt đưa chúng tôi về khách sạn Holiday Inn ở Cody. Vừa vào tới phòng đã nhìn thấy trên hai giường *queen size* có hai khăn quàng cao-bồi với lời dặn “Xin vui lòng thắt khăn quàng khi xuống phòng ăn buổi tối.” Khách sạn có bữa ăn tối đặc biệt kiểu dân chăn bò miền Tây cho khách du lịch của Hãng Tauck. Sau khi tẩy trần nghỉ ngơi một lúc, chúng tôi thay quần áo và thắt khăn quàng vào cổ. Tôi mặc lại bộ đã mặc đêm đầu tiên. Robert cũng vậy. Nếu chúng tôi định thay đổi mỗi ngày một bộ thì phải đem tới bốn cái va-li mới đựng đủ. Hãng *tour* thì cứ căn dặn mỗi người chỉ nên mang một cái thôi.

Khăn quàng cứng queo, tôi phải vò cho mềm rồi gấp chéo thắt vào cổ. Nút khần lệch một bên. Trông tôi rõ ra *cow-girl* mũi tẹt, da vàng. Robert nhờ tôi thắt cho chàng và nói:

“Hình như đàn ông thì thắt khần đằng sau cổ và góc khần ở trước ngực?”

Hình ảnh John Wayne trong các phim miền Tây hiện ra trong trí, tôi gật đầu: “Ừ hứ!” Với cái khần trên cổ, Robert trông cũng có vẻ *cow-boy* thiệt sự.

Có hai xe buýt của hãng du lịch Tauck đỗ bộ khách sạn đêm nay, nên phòng ăn kiểu miền Tây ấy không tiếp khách ngoài. Vừa trông thấy tôi, một bà du khách mập nói ngay:

“Bà nhỏ nhắn, buộc nút cái khần còn thừa thãi. Còn cổ tôi vừa khít với cái khần.”

Tôi thầm nghĩ “cái khần làm cho bà mập hơn,” nhưng chỉ cười nhẹ:

“Cái khần cũng cứng quá khó mà đẹp được!”

Chúng tôi ngồi với hai cặp vợ chồng người Anh và hai bà độc thân đồng hương. Vì vẫn chưa nhớ tên nhau, mọi người tự giới thiệu tên lại. Có một ông giống Hoàng Tử Charle, nhưng có vẻ mập và già hơn một chút. Ông chưa biết thắt cái khăn quàng thế nào nên lúc đó mới cầm nó lên và buộc quanh cổ theo kiểu Robert. Bà vợ ông ta cũng đẹp người, nhưng già hơn và chắc chắn không được đẹp bằng Công Chúa Diana. Tôi nhận thấy phụ nữ trong chuyến du lịch này có vẻ giản dị, không trang điểm nhiều và rất lịch sự ngoại giao.

“Xứ *cow-boy*, nhà hàng *cow-boy* thì phải ăn thịt bò chứ,” tôi nghĩ vậy. Nhưng khẩu phần nào cũng từ 12, 16, 18, 24 oz, nghĩa là từ khoảng nửa ký tới một ký. Dù rằng muốn chọn cỡ thịt nào, hãng du lịch cũng “bao” hết, tôi vẫn chỉ gọi món 12oz nhỏ nhất và đòi *medium rare* làm cô chiêu đãi viên phải nhắc nhở:

“Medium rare có nghĩa là bên ngoài chín bên trong còn màu hồng và chỉ ấm thôi chứ không nóng được?”

“Đúng, tôi muốn vậy,” tôi trả lời.

Robert gọi món thịt gà và thể nào cũng khêu một vài miếng thịt trong đĩa của tôi để nếm. Tuy nhiên, chàng cũng không thích ăn nhiều. Khi món ăn của tôi được đem ra, cả bàn cùng “ồ” lên một tiếng vì trông miếng thịt nướng có lẫn cháy ngang dọc rất hấp dẫn và to hơn... cái mặt tôi. Tuy nhiên, tôi rất vừa ý và với sự trợ giúp của ông chồng, tôi tiêu thụ được một nửa khẩu phần. (Và từ đó, tôi để dành bụng cho món thịt bò của khách sạn Salt Lake City ở cuối hành trình mà cô hướng dẫn viên và nhiều người cứ nhắc nhở hoài.)

Trên sân khấu, một ca sĩ mặc quần áo và mũ *cow-boy* vừa đàn tây ban cầm vừa hát toàn những bài miền Tây. Thực khách hát cùng hay vỗ tay theo và tán thưởng sau mỗi bài ông ta ca. Khi đến phần trống miệng tôi ghé tai Robert:

“Anh có thể lên yêu cầu người ca sĩ hát bài “The Red River” có câu *Come and sit by my side if you love me* không?”

“Được chứ,” Robert trả lời và đứng dậy, đi tới sân khấu.

Lúc trở xuống, chàng nói:

“Người ca sĩ sẽ hát một bản yêu cầu nữa rồi đến *The Red River*”.

Khi hát đến bài này, ông ta nhìn xuống chúng tôi khẽ nghiêng đầu. Chúng tôi cũng vỗ tay và gật đầu cười đáp lễ. Mỗi nơi, mỗi chỗ để lại một kỷ niệm vui và gây linh động cho cuộc hành trình.

Sau bữa ăn chúng tôi dạo quanh các tiệm bật đèn xanh, đèn đỏ quanh khách sạn. Nhưng đây chỉ là những tiệm bán đồ kỷ niệm cho du khách chứ không phải quán rượu, “saloon” thuở xưa có “chị em ta” như trong các loại phim Miền Tây.

THỨ TƯ, NGÀY 13 THÁNG 9, NĂM 2000 – Khi vừa ở phòng ăn sáng ra, đi qua bãi đậu xe, bỗng nhiên tôi “chạm trán” một bà già cũng vừa bước ra từ một xe *truck* bụi đời. Trông bà ta có vẻ quen quen, dáng tếu tếu, tóc dài xoắn xoắn và buộc nơ hồng trên đỉnh đầu, quần áo bó chèn thân hình gầy lỏng lẻo. Bà ta mang vớ cao màu hồng thun dùm quanh cổ chân như phụ nữ tân thời, trẻ trung. Trông bà thật ngộ nghĩnh tức cười. Tôi chợt nhớ ra đó là bà già chiêu đãi viên lạ đời mà chúng tôi đã gặp trưa hôm trước tại quán ăn Bear Lodge Resort trên Núi Big Horn hoang dã. Tôi cũng nhận ra người bạn đồng hành lái xe cho bà ta là người da đỏ, mập mập, tóc dài để xõa, nhưng có tướng đàn ông, nữ thu ngân viên Bear Lodge Resort. Hai người có lẽ cũng nhìn ra chúng tôi, khẽ mỉm cười, nhưng vội vã đi như chạy vào khách sạn. Tôi chỉ kịp thời chào lại một tiếng ngắn ngủi “Hi” với hai người đàn bà “hữu duyên thiên lý năng tương ngộ” ấy.

“Họ là ai vậy?” Robert ngạc nhiên hỏi tôi.

Tôi phải nhắc lại với chàng chi tiết về hai người đàn bà có hình dạng khó quên ấy.

“Em đúng là có cái quan sát của một nhà văn,” Robert bóp mạnh tay tôi, có vẻ cảm phục bà vợ lắm.

Trước 8 giờ sáng hôm đó, chúng tôi lại lên xe buýt và được cô hướng dẫn nói về Thành Phố Cody:

“Thành phố được Đại tá William “Buffalo Bill” F. Cody xây dựng từ năm 1896. Ông sinh năm 1846 trong vùng đồng

ruộng Iowa. Lớn lên, ông làm đủ nghề kể cả nghề đưa thư bằng lừa, lính kỵ binh trong cuộc binh đao Nam-Bắc, làm thường dân hướng dẫn trong những trận chiến với người Da Đỏ, làm phu mỏ, chăn bò, xây cất. Vì sự can đảm trong chiến tranh, ông đã được tưởng thưởng Huy Chương Danh Dự Của Quốc Hội. Bạn bè tả ông là một người khiêm tốn, khôi ngô, ăn nói hoạt bát, giao thiệp rộng và là người kể chuyện hay nhất. Từ năm 1883, William Cody thành lập chương trình Buffalo Bill's Wild West trên sân khấu, đi trình diễn khắp nước Mỹ và Âu Châu trong vòng 30 năm để giới thiệu về Hiệp Chúng Quốc. Sau khi ông mất năm 1921, thành phố này được mang tên họ của ông, Cody...”

Xe buýt đưa chúng tôi qua khách sạn Irma mà Cody xây cho người con gái, trên con đường chính khá khang trang của thành phố và dẫn đến Buffalo Bill Historical Center. Trước khi xuống xe, chúng tôi được dặn dò bữa trưa nay phải tự túc và trở lại buýt tại đây lúc 1 giờ 30 hay tại khách sạn Irma 5 phút sau đó.

Viện Bảo Tàng Buffalo Bill rất đẹp và tối tân. Chúng tôi bị mê hoặc ngay bởi phòng tranh xưa và nay về phong cảnh miền Tây Wyoming và các miền thiên nhiên hùng vĩ khác. Ngón tay tôi lại ngứa ngáy như muốn cầm cọ và phết sơn lên khung tranh như mười mấy năm về trước khi tôi chưa bắt đầu viết văn. Giá bán những bức tranh mới chẳng có cái nào dưới 5000 Mỹ kim cả. Nhưng phải nói có những bức tranh giống như cảnh thật chứ không phải vẽ trong tưởng tượng. Họa sĩ phải đứng trước cảnh thiên nhiên để vẽ, hay vẽ theo hình ảnh chụp được. Có những bức tranh vĩ đại bằng cả một mảnh tường rộng mênh mông, và giá hơn trăm ngàn.

Chúng tôi cũng chú ý tới khu vực triển lãm cuộc đời William Cody. Đọc tiểu sử ông, tôi cảm phục con người tài giỏi, trở thành giàu có bằng sức lực cần mẫn của mình, nhưng vẫn khiêm nhường. Hai cô con gái ông cũng vậy, thân thiện với tất cả mọi người, không kể dân nghèo khó. Trong viện Bảo Tàng có cả một khu vực rộng lớn triển lãm về lịch sử người Da Đỏ trong vùng Wyoming. Tiến tới một nước Mỹ

giàu mạnh, thanh bình, an lạc như ngày hôm nay, con người đã phải tranh đấu liên tục, bỏ hận thù, chịu phục thiện và phải có người chỉ huy tài giỏi, nhân đạo, vì dân, vì nước thực sự.

Rời Trung Tâm Lịch Sử Buffalo Bill, chúng tôi đi ngược trở lại con đường cũ. Tôi la cà mua được cho Robert một cái “T-shirt” có hình “cow-boy” lừa ngựa trong bình minh, để chàng mặc cho mát mẻ hơn. Tôi đã cố vấn chàng mang quần áo quá nặng nề cho thời tiết nóng.

Chúng tôi vào ăn trưa trong Khách Sạn Irma. Phòng ăn cao rộng nhìn ra mặt đường, nhưng được lát bằng gỗ màu nâu sậm nên tối um sùm. Cái quày rượu trạm trở rườm rà, trị giá cả mấy chục ngàn Mỹ kim, là quà của Hoàng hậu Victoria tặng cho Buffalo Bill để cảm ơn chương trình Wild West của ông ngày xưa. Ngoài một số ít khách du lịch, thực khách có vẻ là dân cao-bồi sang trọng địa phương. Họ vừa bước vào nhà hàng là được các chiêu đãi viên chào đón với danh xưng của họ.

Sau bữa ăn nhẹ, chúng tôi ra ngồi ngoài hàng hiên mát của khách sạn. Các du khách khác cũng từ từ đến chờ đợi. Như thường lệ, xe buýt đến đúng giờ. Chỗ ngồi của chúng tôi đã nhích lên xa, chỉ sau hàng ghế đầu. Robert làm bộ hớn hờ nói với cô hướng dẫn Judy:

“A ha, cảm ơn cô đã xếp chỗ đúng lúc cho chúng tôi cần ngắm cảnh Yellowstone.”

“Đúng vậy, chiều nay chúng ta bắt đầu đi vào con đường dài 52 dặm toàn phong cảnh đẹp,” cô Judy nói qua ống vi âm.

“Chúng tôi đã đi xem những bảo tàng quá đủ rồi,” có người nói.

“Chúng tôi muốn Yellowstone!”

“Yellowstone! Yellowstone,” nhiều người khác nhao nhao hô theo nhau.

Judy tỏ ý thông cảm:

“Ok, Ok! Chúng ta không còn cách đó bao xa nữa. Từ đây, chúng ta sẽ bỏ vùng núi non Big Horn và đi vào vùng rừng núi Shoshone, 52 dặm đẹp tuyệt vời. Nhưng trước khi đến đó, theo lời yêu cầu của Pat và Bill Abney, xin quý vị chú

ý tìm hộ căn nhà thứ ba có mái đỏ ở bên tay mặt sau khi chúng ta ra khỏi đường hầm Buffalo Bill. Đó là nhà người anh em họ của Pat và Bill.”

“Hê Pat, Bill! Ông bà có cho họ biết xe mình đi qua đây không?” một người hỏi.

“Có chúng tôi gọi sáng nay cho họ biết vào khoảng 2 giờ hơn chúng ta đi qua nhà họ,” bà Pat trả lời.

Một hồ chứa nước rộng lớn hiện ra bên tay trái khi xe chúng tôi qua khỏi đường hầm. Tất cả du khách đều nhìn về phía tay mặt chờ trông những căn nhà sắp tới. Tuy nhiên, xe cũng phải chạy độ một cây số rưỡi nữa, chúng tôi mới nhìn thấy căn nhà thứ nhất trên ngọn đồi bên phải. Nhiều tiếng đồng thanh đếm:

“Một ..., hai..., ba! Căn nhà thứ ba có mái đỏ kia!”

“Ồ nhà lớn quá nhỉ, đẹp quá hả?”

“Không có ai ra vậy chúng ta nhỉ.”

Trên ngọn đồi cỏ chỉ có một căn nhà mái đỏ nằm cạnh hai căn lán giềng, nhìn xuống triền đồi chạy thẳng xuống con đường chúng tôi đi, Ba căn nhà cùng trông ra mặt hồ trong xanh do nước Sông Shoshone chảy vào và được ngăn lại bởi một cái đập lớn. Âm hưởng Shoshone nghe như tiếng suối reo tuôn vào hồ nước trong vắt. Bên kia bờ hồ là cánh đồng cỏ nhuộm nắng vàng rực rỡ. Xa xa, núi tím nhạt mờ. Chủ nhân những căn nhà đó đều đã về hưu. Họ phải có nhiều thời giờ ngắm cảnh thiên nhiên đẹp hơn bức tranh sơn thủy. Nếu họ không có thú làm thơ, viết văn, hay vẽ thì thật đáng tiếc?

Xe chạy theo một nhánh của Shoshone River, qua thung lũng Wapiti rồi lượn quanh đèo, ngó xuống vực Shoshone Canyon, ngược lên Shoshone Mountain, để thu hút 52 dặm phong cảnh núi non, sông nước đẹp mê hồn của Shoshone National Forest Park. Du khách quay nhìn cảnh vật bên phải, bên trái đến mỗi chỗ. Có vách núi đá trông tựa như đền đài Hồi Giáo Ấn Độ; có mỏm núi giống như đền đài Phật Giáo Cao Miên, có triền núi mang hình cỗ xe có ngựa kéo, hay người cưỡi voi, hoặc một đoàn người ngồi xe mô-tô lớn phóng bạt bụi hồng...

Mỗi một góc nhìn là một bức tranh thiên nhiên tuyệt tác. Đá núi chen thông rừng. Thông rừng leo núi đá. Vì là vùng rừng núi đất đai quốc gia, nên không có nhà cửa, dân cư, cho đến khi xe chúng tôi ngừng lại ở trạm nghỉ chân trong rặng núi hoang vu Absaroka. Nơi đây còn lại một cái nhà nhỏ bằng gỗ của William Buffalo Bill Cody xây để dừng lại nghỉ mỗi khi đi săn bắn. Nhà có một lò sưởi lớn, ít cửa sổ nên tối tăm và lạnh lẽo nhưng còn rất kiên cố, vững chắc. Bên ngoài nắng ấm, dù đang ở trên cao hơn 7,000 bộ mà chẳng thấy lạnh chút nào. Có lẽ vì gần mặt trời hơn chăng? Tôi mua thêm một cái áo vải ngắn tay màu xanh có in hình *Non Nước Đá Vàng*, Yellowstone. Đây là chặng cuối cùng trước khi vào Yellowstone Park.

Sau 20 phút dừng chân, chúng tôi lên xe. Cô hướng dẫn cho chúng tôi biết về Yellowstone Park được thành lập từ 128 năm trước đây. Đó là miền cao nguyên rộng gần 3,500 dặm vuông. Vùng trung tâm cao từ 6500 đến 8000 bộ trên mặt biển. Núi non từ 2000 đến 4000 bộ cao hơn nữa. Sở dĩ miền này được mang tên Yellowstone vì đá ở đây có màu vàng. Yellowstone Park có hàng ngàn giếng phun nước nóng, hơn tổng số trên khắp hoàn cầu cộng lại. Đã cầm thì có thiên nga (swan), bồ nông (pelican), chim ưng (eagle)... Đã thú như hươu, nai (elk, bull elk, deer, mule deer, moose, bull moose), cừu có sừng lớn (bighorn sheep) sơn dương (antelope), lừa (mule), bò rừng (bison), chó sói (wolf), gấu (bear)... được tự do sinh sống, đi lại. Du khách không nên lại gần chúng và chỉ nên đứng cách xa chúng ít nhất là 25 bộ. Chúng có thể chạy nhanh gấp mười lần những người chạy nhanh nhất. Đi trong rừng hay buổi tối du khách phải làm tiếng động ồn ào để đuổi chúng ra xa. Ban đêm, chúng có thể đi vào tận lều trại hay vào bãi đậu xe của quán trọ. Phải cho thức ăn thừa vào thùng rác đậy kín, để chúng không ngửi thấy mùi mà sục sạo đi tìm và tấn công người.

Du khách không được phép cho các dã thú, dã cầm ăn, không được hái hoa, nhặt đá, không được hút thuốc lá, đốt lửa ở bất cứ nơi nào trong vùng Yellowstone.

Hỏi về những vụ cháy rừng, cô hướng dẫn cho hay năm nay chỉ có vụ cháy lớn ở Colorado và vài vụ cháy nhỏ không nguy hiểm gì đến những nơi chúng tôi sắp đi tới. Cô Judy nói thêm:

“Đến cái bảng đề Yellowstone National Park, Doc sẽ ngừng xe lại cho quý vị xuống chụp hình. Quý vị có thể đưa máy hình, tôi chụp cho.”

Nhưng ông tài xế lãng trí, đi qua cái bảng mới chợt nhớ và dừng lại, nên phải lùi cái xe cả trăm thước. May không có xe nào đi tới. Thế là mỗi người, mỗi cặp có một hình kỷ niệm. Chúng tôi đều nao nức chờ đón phong cảnh sắp đi đến.

Qua cổng Yellowstone Park một chút, bên trái hiện ra một hồ nước xanh ngắt, xa xa là rặng núi có nhiều ngọn trông như hình bộ ngực đàn bà. Du khách trầm trồ nhìn cảnh đẹp. Xe ngừng lại, Cô Judy nói:

“Đây là Hồ Sylvan nhỏ xíu so với Yellowstone Lake mà thôi, chưa phải là cảnh đẹp nhất đâu. Đằng xa kia là Rặng Grand Teton mà hai ngày nữa chúng ta mới đi tới, tôi sẽ nói về Teton sau.”

Chúng tôi được xuống chụp ảnh 15 phút. Tôi hít vào lồng ngực cái không khí mát dịu, nhẹ nhàng của cao độ 8000 bộ. Tôi liên tưởng tới Hồ Xuân Hương và ngọn Núi Lâm Viên của cao nguyên Đà Lạt mà tôi có mấy vần thơ sau đây tả cảnh ấy trong thi tập *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời* ^{4[4]} :

*Đà Lạt mây vờn tựa cảnh tiên
Kiêu sa thần vệ nữ Lâm Viên ...*

*Ngăn cách muôn trùng bóng núi xanh
Hững hờ mây trắng phủ mong manh...*

4[4] *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*, thi phẩm của Nguyễn Thị Ngọc Dung do Cơ Sở Cỏ Thơ xuất bản năm 1999.



Hoàng Hôn bên hồ Yellowstone Lake

Lên xe, đi được một quãng ngắn, chúng tôi bắt đầu reo lên liên tiếp vì nhìn thấy bờ rừng, nai rừng, giếng nước nóng trong xanh như cẩm thạch và bốc hơi cuộn cuộn. Khi chúng tôi trông thấy Yellowstone Lake thì tất cả bật lên một tiếng “Ồ” và nín thở đến vài giây. Hồ rộng quá, lớn quá, xanh quá, đẹp quá!!! Diện tích hồ 140 dặm vuông, chu vi 110 dặm dài. Đây là cái hồ lớn nhất Nước Mỹ ở trên cao gần 8000 bộ. Rặng núi đá Teton xa xa in bóng trong nước hồ. Cô hướng dẫn đưa cho du khách vé ăn sáng, trưa, tối của quán trọ trong ba ngày ở Yellowstone Park. Cô cũng nói rằng:

“Nếu quý vị nào tối nay có phòng nhìn ra bãi đậu xe thì tối mai sẽ có phòng nhìn ra Old Faithful Geyser. Quý vị nào tối nay có phòng nhìn ra hồ thì tối mai sẽ có phòng không nhìn thấy Old Faithful.”

Sự xếp đặt của hãng du lịch rất công bình và chu đáo nên không du khách nào lên tiếng than phiền chi cả.

Xe buýt ngừng lại trước cửa The Lake Hotel nhìn ra hồ mênh mông, phẳng lặng. Khách sạn là một tòa nhà kiểu Colonial, kiến trúc bằng gỗ, sơn màu vàng, cửa, cột màu trắng, được khánh thành năm 1891 cho khách du lịch. Năm 1980 The Lake Hotel được trùng tu lại, hiện nay có 210 phòng và là khách sạn cũ nhất trong vùng Yellowstone National Park.

Sau khi nhận chìa khóa, chúng tôi lên tầng ba bằng thang máy. Robert mở cửa phòng. Tôi nhìn ngay thấy mặt hồ êm đềm, thơ mộng. Vừa hài lòng tôi vừa thở dài tham lam:

“Thế là tối mai chúng mình sẽ có phòng không nhìn thấy Old Faithful.”

Tuy nhiên, tôi vui mừng vút tay xách lên giường và chạy tới mở cửa sổ để gió hồ lùa vào phòng. Tôi muốn hít thở không khí trong lành, mát lạnh bên ngoài. Hai giường *queen size* phủ khăn in hoa hồng màu đỏ cùng hàng vải với rèm cửa, trông ấm cúng, vui tươi. Phòng rộng và đẹp, thiếu vài tiện nghi không cần thiết lắm: *radio*, *TV*, bàn ủi, máy xấy tóc như tại các khách sạn thông thường khác. Nhưng những thứ lật vặt đó không thành vấn đề với chúng tôi. Từ đầu cuộc hành trình, sau bữa ăn tối, chúng tôi đều thiếp ngủ ngon lành, vì ngày nào cũng vận dụng chân cẳng leo trèo, con mắt mở rộng trông xa, không ngừng thu hút phong cảnh hai bên đường, trên cao, dưới thấp hay tít tắp chân trời. Nếu chúng tôi thức khuya hơn là để đọc lại các sách hay tài liệu về những vùng vừa đi qua trong ngày hay sắp đi tới hôm sau. Chẳng mấy chốc nhíp mắt lại, chúng tôi phải tắt đèn cho con mắt và thân thể nghỉ ngơi.

Tranh thủ thời gian, vẫn mặc bộ quần áo và giày mang từ sáng, chúng tôi đem theo máy hình, ống nhòm và đi ra hồ. Gió mát hây hây. Nắng chiều lộng lẫy ngả trên mặt nước lóng lánh ánh mặt trời phương tây. Người dạo mát lưa thưa là điều may mắn cho kẻ đi tìm nơi vắng vẻ. Bây giờ đã cuối mùa du lịch. Chúng tôi thả bộ trên lối mòn giữa cánh đồng cỏ hoa dại đã khô héo. Mùa xuân ở đây chắc đẹp lắm. Tôi đã nhìn thấy nhiều hình ảnh cánh đồng hoa tím, hoa vàng miền rừng núi sông hồ Yellowstone đẹp đến thần thức, nước nở con tim. Người có tiền cũng không được phép mua đất, xây cất nhà cửa ở vùng này, ngoại trừ những khu cắm trại, khách sạn của National Park, Công Viên Quốc Gia. Đi được một quãng, nghe có tiếng lao xao phía sau, chúng tôi ngoảnh lại thấy cặp người Anh và cô con gái. Vợ chồng tôi dừng lại đợi. Họ tươi cười đi tới. Người chồng hỏi:

“Ông bà đã trông thấy bò rừng hay dã thú nào chưa?”

“Chúng tôi làm nhiều tiếng động nên các con vật sợ không dám tới gần,” Robert trả lời.

Năm khách du lịch tiếp tục tản bộ, chuyện trò. Bỗng tôi nghe có tiếng gõ lách tách đều nhịp đầu đó rất gần. Mọi người cùng nhìn quanh quẩn xem âm thanh đó phát từ đâu ra, nhưng chỉ thấy một con bướm nhỏ. Khi đậu xuống một bụi cỏ, nó cụp cánh lại, chân lêu nghêu dài, không có vẻ gì là bướm cả.

“A, nó là con châu chấu, *grass hopper*,” tôi nói. “Cô Judy bảo rằng nó có thể bay được 5 dặm một giờ, có phải không nhỉ?”

“Có thể lắm,” người con gái trả lời và mọi người đồng ý vậy. Thường thì tôi chỉ nhìn thấy châu chấu màu xanh như cỏ chẳng làm tiếng động để chơi ú tim với loài người như loại châu chấu màu nâu này.

Đi thêm một quãng, chúng tôi tạm biệt du khách từ Anh Quốc, và đi xuống bờ hồ ngồi nghỉ chân. Không gian thật êm đềm, tĩnh lặng. Tôi nhúng tay vào nước hồ lạnh, tự chứng tỏ đã thực sự tiếp xúc với hồ.

Hai chục năm về trước, khi chúng tôi đến Lake District của William Wordsworth vùng Anh Cát Lợi, tôi cũng thử xem nhiệt độ nước hồ nơi đó nóng lạnh ra sao và kiêu hãnh đã được đi thăm vùng mà thi hào Anh đã từng *lang thang như áng mây trôi*^{5[5]}. Gặp những người Anh trong chuyến đi này, chúng tôi lại có dịp nhắc nhiều kỷ niệm với xứ sở họ. Người ta thường cảm động khi được tha nhân nói về những miền đã đi qua và có cảm xúc trên quê hương của họ.

Chúng tôi ngồi lên một thân cây khô ngã trên bãi sỏi nhẵn nhụi, trắng tinh đã được kỳ cọ sạch sẽ bằng nước hồ từ bao ngàn năm. Bỗng nhiên, văng vẳng nghe như có tiếng lạo xạo nhịp nhàng trong hơi gió thoảng. Tôi nhìn quanh, chẳng có con vật khả nghi nào đang rình mò chúng tôi mà chỉ có một bóng người từ rất xa đang đi lại.

5[5] “I Wandered Lonely As A Cloud,” thơ William Wordsworth (1770-1850)

“Anh có nghe thấy tiếng động lạ nào không?” tôi hỏi Robert. Chàng lắng nghe:

“Không, anh chẳng nghe thấy gì khác ngoài tiếng chim hót trên cây.”

“Anh lơ đãng bỏ xù đi, có bao giờ phân biệt được mùi vị và tiếng động tinh tế đâu,” tôi nghĩ thầm và dương ống nhòm lên quan sát.

Cách xa chúng tôi mấy trăm thước, một người đàn ông đang đi trên khúc quanh của bờ hồ, mặt hướng về bia rừng phía sau lưng chúng tôi. Ông ta có mái tóc đen, đeo kính râm, mặc áo sơ-mi màu ngà, quần màu nâu nhạt, rộng thùng thình bằng hàng gì đó có vẻ mềm mại. Một người đàn ông cô đơn hay sao? Ông ta đi tìm vần thơ hay cảnh vẽ, đi tìm kỷ niệm hay muốn ném kỷ niệm xuống hồ? Bỗng ông ta dừng lại, ngó ra mặt hồ. Âm thanh kia ngưng. Mấy phút sau ông ta lại bước đi, tiếng lạ xạ tiếp tục. Hình như âm thanh đều đặn đó phát ra từ đôi chân ông ta. Tôi đập giày trên lớp đá sỏi dưới chân tôi để so sánh tiếng động.

“Đúng rồi!” Tôi reo lên và trao ống nhòm cho Robert:

“Anh thử coi xem tiếng lạ xạ mà em nghe thấy có phải phát ra từ bước chân người đàn ông kia không? Anh phải nhìn vào chân ông ta và lắng tai nghe cùng một lúc.”

Robert dương ống nhòm lên, vài giây sau chàng gật đầu:

“Ừ đúng đấy. Tiếng giày ông ta đập trên sỏi.”

Khi cầm ống nhòm, Robert lại giữ dẹt lấy nó và nhìn mãi miết.

“Thôi, anh bỏ ống nhòm xuống đi, người ta sắp đến gần chỗ mình rồi,” tôi giục Robert.

Khi người đàn ông đi tới, tôi làm lơ, nhìn thẳng ra hòn đảo nhỏ ngoài hồ. Nhưng con mắt có đuôi, tôi vẫn nhìn thấy nét mặt thanh tú trung niên của khách bộ hành. Khi ông ta qua khỏi, tôi kín đáo quay nhìn đằng sau thì thấy rằng những điều tôi trông lén qua ống nhòm về người đàn ông này rất đúng. Tôi co vai, nháy mắt với Robert. Ông chồng tôi cười hiền từ về cái trò tiêu khiển vô thưởng vô phạt của bà vợ.

“Thật hoài của! Mấy bà độc thân gặp chàng độc hành phát phơ cỡ này, các nàng sẽ hỏi thăm, chọc gheo, tán tỉnh bằng thích đấy,” tôi nghĩ thầm. Và, chỉ nghĩ thầm thôi, chứ hờ môi, hờ miệng ra như thế với chàng của tôi thì đừng hòng được đi đâu một mình nữa!



Bob & Ngọc Dung bên Bờ Hồ Yellowstone.

Nhìn đồng hồ đã 5 giờ chiều, chúng tôi đứng lên đi về phía khách sạn. Robert rủ tôi đi theo đường rừng rậm rạp đằng sau khách sạn. Nhưng tôi ngán dân bản xứ bốn chân và có sừng lồi, nên chỉ dám đi lối ngoài quang đãng. Ở vị trí chúng tôi vừa đứng lên, bóng Núi Absaroka xanh mờ mờ xa phía bắc. Vài du khách dạo cảnh, chụp hình. Một cặp vợ chồng trẻ và đứa con sơ sinh ngồi trên tấm mền trải dưới bóng cây, giỏ *picnic* bên cạnh. Sau khi chụp mấy tấm hình, chúng tôi về khách sạn sửa soạn đi ăn tối.

Tôi đã ngờ phòng ăn của khách sạn nên biết mình có thể trang phục thế nào cho tối đó. Tôi mặc lại cái *long dress*, vải mềm màu đen in hoa và hình vẽ nhỏ màu đỏ, vàng, nâu, xanh sẫm. Robert mặc áo sơ mi xanh nhạt, quần xám sẫm, *jacket* xám nhạt. Những buổi chiều tối đi ăn cơm chúng tôi thường chọn quần áo cho hòa hợp với các trang trí và không khí phòng ăn. Không diêm dúa quá cũng không giản dị quá, tôi cảm thấy thoải mái, thanh thản nhất.

Xuống tới cửa phòng ăn, chúng tôi gặp cặp vợ chồng ông bác sĩ thú y, Cy và Sandra từ Rhode Ireland, đang ngồi đợi. Họ cũng phục sức giản dị và lịch sự. Cô Judy giữ bàn cho họ và chúng tôi cùng một giờ. Hướng dẫn viên của hãng du lịch sẵn sóc du khách về mọi phương diện. Vì thế, chúng tôi được cố vấn trên giấy tờ, cuối cuộc hành trình, du khách mỗi người phải tặng Cô Judy ít nhất 5 Mỹ kim một ngày nhân với 10 và tài xế ít nhất 30 Mỹ kim tất cả. Một cặp vợ chồng phải tặng gấp đôi.

Phòng đợi thật rộng rãi, sàn đá hoa trơn bóng, cửa kính lớn nhìn ra hồ. Du khách từng nhóm nhỏ ngồi trên các ghế bành mây nghe nhạc sĩ dương cầm lả lướt dạo những bản nhạc phổ thông quen thuộc có lẽ ai cỡ tuổi chúng tôi cũng đều ưa thích như *Autumn Leaves*, *Moon River*, *The Way We Were*, *Memory*... Có những người ngồi để chờ giờ vào phòng ăn. Có những người đã ăn xong, ngồi lại nghe nhạc, chuyện trò và ngắm nhìn các du khách khác. Khi cái hộp đèn, người tiếp viên đưa cho Sandra, nhấp nháy, có nghĩa là chúng tôi đã có bàn. Chúng tôi đi trở lại quầy tiếp khách và được đưa vào

phòng ăn, cửa sổ lớn ba bề, đông đảo mấy trăm thực khách. Kinh nghiệm nhiều trong nghề, Cô Judy chia du khách ra làm bốn nhóm, lấy giờ ăn cách nhau 15 phút. Như vậy, nhà hàng không phải lo tiếp một lúc 43 người và bao nhiêu thực khách khác. Các cửa sổ phòng ăn đều mở, gió hồ lùa vào mát rượi. Các tiếp viên đều là các sinh viên trẻ hay những người đã ở tuổi về hưu, như Judy cho biết. Cô nhắc nhở mọi người nên dễ dãi một chút vì họ không chuyên nghiệp. Tuy nhiên, họ ăn mặc đen trắng rất trịnh trọng và tỏ ra lễ phép, nhà nghề.

Vì ăn thịt đã nhiều và vùng sông hồ Yellowstone nổi tiếng về cá hương (trout) nên Cy và Robert gọi món đó. Sandra và tôi gọi món thịt cừu nướng... Cả ba người gốc Mỹ đều gọi rượu. Riêng tôi vẫn chỉ uống nước lạnh cho món ăn Âu Mỹ. Trong bữa ăn, chúng tôi được biết cặp Cy và Sandra có nhà lớn với 5 mẫu đất trên một hòn đảo ở Rhode Ireland. Một dinh thự trước cửa nhà họ trị giá 15 triệu. Cy vẫn làm nghề thú ý lai rai. Sandra có nghề làm tóc ở nhà. Ông bà cưới nhau đã 40 năm. Ông hơn bà 21 tuổi. Ông có ba người con. Bà không có con nào và vui vẻ thật thà. Họ đã đi du lịch trong vùng Bắc California với Hãng Tauck cách đây mấy năm và du lịch Anh Quốc, du thuyền vùng Địa Trung Hải rồi... Lễ dĩ nhiên chúng tôi cũng cung khai vài điều về đời tư sự nghiệp của mình. Đến món tráng miệng, chúng tôi no ứ hự. Mỗi cặp gọi một chén kem với dâu chia nhau, tuy có quyền gọi ăn bao nhiêu cũng chỉ phải trả bằng cái vé với cả tiền thù lao.

Ăn xong, Cy và Sandra cáo từ lên phòng ngay. Chúng tôi ra phòng khách và tới cửa sổ nhìn ra hồ đã tối sẫm, đường đi không rõ, nên ngại ngừng dạo hồ. Chúng tôi không nhớ rằng từ trong nhà sáng đèn nhìn ra ngoài đêm, trời đất thường tối hơn là ra tận bên ngoài quan sát. Chúng tôi ngồi lại phòng khách nghe đàn dương cầm. Nhiều người trong nhóm du lịch chúng tôi cũng ngồi quanh đó. Vài đứa bé chạy lăng xăng. Đã khai trường nên người ta chỉ thấy khách du lịch là người già đã về hưu và người trẻ có con nít chưa đến tuổi đi học.

Khi định lên phòng ngủ, chúng tôi ngạc nhiên chạm trán Sandra ở quầy tiếp khách.

“Bà cũng ngồi lại nghe nhạc hay sao mà tôi không trông thấy? Cy đâu?” tôi hỏi.

“Ông ấy ngồi kia kia, không lên nổi,” Sandra trả lời.

“Ừa, sao vậy?”

“Cy bị bệnh đau lưng, uống thuốc đã đỡ, bây giờ đi chơi bị đau lại.”

“Bà có đem theo thuốc cho Cy không?”

“Có, tôi định lên lấy thuốc cho ông ấy thì gặp bà.”

“Đề Bob diu Cy lên phòng.”

Bà Sandra xua tay:

“Không cần. Cảm ơn bà. Ông ấy ngồi nghỉ một lúc, rồi lại đi từng quãng vậy.”

“Khách sạn phải có xe lăn chứ. Bà hỏi xem?”

“Ừ nhỉ. Nhưng ông còn kiêu hãnh lắm cơ, không bao giờ chịu ngồi xe lăn cả,” bà tắc lưỡi, rồi nói tiếp:

“Được rồi, lần này thì ông ấy phải nghe!”

Bà Sandra ra rí tai chồng rồi tới quầy tiếp khách hỏi xe lăn. Lúc sau, một nhân viên khách sạn cao lớn đem xe lăn tới, đỡ Cy ngồi vào và đẩy lên thang máy nhẹ nhàng. Tôi có cảm tưởng như trút được mối lo của chính mình. Trong đoàn du lịch chúng tôi có nhiều ông già, nhưng ông Cy trông có vẻ yếu nhất. Ông già, bà cả thường lãng trí quên những điều mình nên làm hoặc bướng bỉnh, tự ái che đậy những điều mình không còn làm được. Nếu họ biết nghe, thì cũng đỡ khổ cho người phối ngẫu. Các quý vị ở tuổi về hưu đã bắt đầu khuyên nhau: “Đi chơi được ngày nào nên đi ngay, không thì quá muộn!” Đúng vậy! Ở tuổi đá vàng, hãy mau mau giữ lời thề non nước, kéo không còn cơ hội! Quý vị ơi!

Nửa đêm hôm đó, bỗng dưng tôi tỉnh ngủ và lóa mắt vì trăng sáng vào đây phòng. Tôi vén chăn rón rén ra khỏi giường sợ Robert thức giấc. Gió lạnh thấm vào người khi tôi áp mặt vào cửa sổ. Trên trời, mặt trăng không tròn lắm, có lẽ trăng 14 hay 16. (Bây giờ, khi viết tới đây, tôi xem lại lịch thì ngày 13 tháng 9, năm 2000 là 16 tháng 8 âm lịch, sau Trung Thu một ngày. Thảo nào trăng sáng vắng vặc.)

Nước hồ xanh thẫm lóng lánh ánh trắng vàng. Tầm mắt tôi không thể dõi ra xa vì trời tối. Con đường bờ hồ lờ mờ. Tôi đứng như thế rất lâu, không thấy bóng người, bóng vật. Tiếng chó sói tru hú từ trong rừng vọng lại. Có lẽ chúng đang réo gọi trăng đầy? Ước gì cái cửa sổ nhô ra khỏi tường như *balcony* và có ghế ngồi. Để làm gì nhỉ? Để làm thơ chẳng, hay liên tưởng tới một dòng thơ nào? Tôi không điên, cũng không say, nên không dám mặc áo ngủ chạy ra hồ như ma trời. Có thể chó sói, gấu đen, gấu trắng hay bò rừng nặng 2000 lbs sẽ vồ tôi trước khi tôi nhảy ùm xuống hồ định vớt trăng như ngày xưa Lý Bạch...

THỨ NĂM, NGÀY 14 THÁNG 9, NĂM 2000 – Định sáng sớm đi dạo ven hồ một lần nữa, nhưng tôi dậy muộn, chỉ kịp ăn sáng vội vàng và ra xe buýt. Mặt hồ còn bốc hơi. Sương mù phủ mịn mờ rặng núi xa xa. Gió lạnh từ hồ thổi vào. Tôi mặc hai áo vẫn còn co ro. Trong khi ấy có người mặc quần soọc, áo ngắn tay phong phanh. Ngồi vào xe, tôi nghe vài du khách khoe hồi đêm, qua cửa sổ, họ trông thấy bò rừng đi vào tận bãi đậu xe.

Xe chạy dọc theo bờ Hồ Yellowstone. Mọi người luyện tiếc nhìn lại cảnh khói sương huyền ảo nên thơ mắt hút sau rừng thông xanh ngắt. Xe đi vào Thung Lũng Hayden^{6[6]} dọc theo Sông Yellowstone. Những suối nước nóng nhỏ bốc hơi lên không theo gió nhẹ như những dải khăn voan trắng mỏng manh vẫy chào người hai bên đường. Du khách bắt đầu reo lên khi trông thấy hươu, nai tha thẩn trong rừng thưa. Từng đàn bò rừng thông dong ngoài nắng ấm. Có những con làm lũi đi bên đường như khách độc hành trầm tư mặc tưởng. Có những con đứng đỉnh đi lại qua đường như đây là địa đạo của riêng chúng. Xe cô phải ngừng lại nhường dã thú đi.

6[6] Dr. Ferdinand V. Hayden, nhà địa chất học đã thuyết phục Quốc Hội Mỹ thiết lập vùng Yellowstone thành National Park, 1-3-1872.

Tài xế xe buýt chúng tôi mở cửa cho du khách xuống chụp hình với lời cảnh cáo phải đứng xa những con vật nặng 2000^{lbs} và có tốc độ chạy ít nhất là 30 dặm một giờ. Có những vị “bản xứ bốn chân” dừng lại bên đường, giương đôi mắt nhìn loài người như có ý hỏi rằng:

“Cái giống gì kỳ cục, cứ lảng xãng, rồi rít cản đường đi ăn sáng của người ta. Khi ăn, các người có muốn kẻ khác đến nhòm ngó vào tận mày, tận mặt như vậy không? Thật là bất lịch sự! Các người mau mau đi khuất mắt, để người ta được tự nhiên ăn cỏ non còn tươi mát sương mai chứ! Bọn ta đây hiền lành, kiên nhẫn để các người yên đấy, chứ gặp mấy anh gấu đen thì đã cho các người mấy móng, mấy vả rồi!” Ha, ha! Nghe có lý đấy!

Xe ngừng lại ở Artist Point trong vùng Grand Canyon, Yellowstone Park. Từ bãi đậu xe có đường đi sâu xuống bờ vực để nhìn Thác Upper Falls cao hơn 100 bộ, đổ nước âm âm, tung bọt trắng xóa xuống Sông Yellowstone lờm chờm đá giữa hai vách núi hẹp và dựng ngược. Du khách xuýt xoa chiêm ngưỡng cảnh thiên nhiên hùng vĩ.

Sau đó, chúng tôi được đưa tới Lower Falls, cao hơn 300 bộ. Thác đổ nước âm âm xuống vực sâu cả ngàn bộ và trông giống như khăn voan thật dài của cô dâu bước lên bàn thờ Chúa. Ánh nắng bỗng sáng rực lên chiếu vào thác nước. Một cầu vồng ngũ sắc hiện ra vắt ngang thác. Máy hình, máy quay phim lại được dịp làm việc thêm. Triền đá ửng vàng, ửng đỏ. Có chỗ xanh rêu như cẩm thạch. Đó là kết quả của những suối nước nóng từ bờ cao đã chảy trên vách đá hàng triệu năm. Phong cảnh đẹp như những bức tranh trừu tượng màu sắc huyền ảo.

Trong đám du khách, xem ra có nhiều cặp kẻ cả chúng tôi đã mãn nguyện giữ được lời hẹn non thè nước, vợ chồng đã mấy chục năm, nay đưa nhau tới đây cùng thiên nhiên ghi tạc tình nghĩa đá vàng.

Địa điểm thứ ba đi tới là Fountain Paint Pot, những cái giếng giống như có sơn màu trắng, đặc sệt chảy ra. Chúng tôi được căn dặn chỉ đi trên lối lát gỗ, phải che mắt kiếng râm nếu

bùn sôi từ trong giếng bắn lên làm kiếng mắt màu. Đừng đại dốt sờ vào giếng nước nóng hay giếng bùn sôi. Nhiệt độ của chúng lên tới 199 độ F hay 93 độ C. Mùa hè năm nay, có hai cậu học trò làm việc tối đã lò mò đi trên vùng giếng nước nóng mà không có đèn *pin*. Một cậu đã ngã vào giếng và thiệt mạng.

Đây là vùng tập trung những giếng phun nước nóng, những hồ bùn đặc sệt như vôi trắng sôi sùng sục, trông thật sự đe dọa và nguy hiểm. Tôi liên tưởng tới ngày xưa, hồi còn bé, thợ hồ đào một cái hồ nung vôi để xây cất nhà chúng tôi ở ngoại ô Hà Nội. Thân phụ tôi đã thả trứng gà xuống hồ vôi để có trứng nóng ăn lòng.

Trong vùng Fountain Paint Pot, Yellowstone Park ấy, hơi nước dầy đặc bốc lên từ những vũng nước nóng trong xanh như ngọc thạch, mã não, lam thạch. Nhiều miệng giếng có hình trái bắp hay cái nôi vì nước nóng phun lên và để lại những lớp vôi từ năm này qua năm khác. Sự hình thành này là kết quả những lần núi lửa phun từ 2 triệu năm, từ 1.3 triệu năm và gần nhất là 630,000 năm trước đây. Chúng tôi yên trí chiêm ngưỡng sự cấu tạo của trái đất và chụp hình tới tấp. Núi lửa miền này còn lâu mới phun, chẳng xảy ra trong sự có mặt của chúng tôi. Nếu may mắn được chứng kiến, thân xác sẽ cùng nhau trở về thiên nhiên, đá vàng kết hợp, nước non trộn một lòì thề, không có gì đáng than tiếc.

Trở lại bãi đậu xe, du khách chờ nhau trên các ghế gỗ dài trong bóng mát. Nhiệt độ ngoài nắng cao tới 80F°. Bà Pat, người Oklahoma City, tiến lại gần tôi rụt rè hỏi:

“Tôi có một câu hỏi hơi riêng tư, bà có thể trả lời được không?”

“Bà cứ hỏi, tôi sẽ trả lời nếu có thể.” Tôi mỉm cười thân thiện.

“Hai ông bà mới cưới nhau hả?”

Tôi cười thành tiếng nhỏ:

“Ồ, không! Năm tới chúng tôi kỷ niệm 30 năm cưới đó.”

“Vậy hả,” bà ta ngạc nhiên và góp chuyện, “Tôi và Bill được 45 năm rồi!”

“Xin có lời mừng! Ông bà hay đi du lịch lắm không?”

“Chuyến này là chuyến thứ tư của chúng tôi với hãng Tauck.”

Trông cặp Oklahoma City cũng có vẻ uyên ương, sẵn sóc nhau nhẹ nhàng, hạnh phúc lắm! Nhưng có lẽ họ kín đáo hơn chúng tôi, những kẻ thích ôm eo nhau, nắm tay dung dăng dung dẻ, hay ngồi dựa sát vào nhau... Người ta cứ tưởng chúng tôi còn trong thời kỳ trăng mật nóng hổi, nên cắt đi 29 năm đá vàng của chúng tôi.

Khi lên xe, chúng tôi được cảnh cáo trước sẽ đi qua những vùng bị cháy nặng nề trong mùa hè năm 1988. Chính phủ liên bang đã tìm đủ cách để dập tắt ngọn lửa ấy mà không được. Khi nó lan đến cánh rừng bên cạnh Old Faithful Geyser (Giếng Trung Thành), cách khách sạn Old Faithful Inn khoảng 1/4 dặm thì gió đổi chiều, mưa rơi, tuyết xuống và khách sạn này thoát hỏa hoạn. Tuy nhiên, 45% rừng Yellowstone Park bị cháy. Sét trời đã đốt rừng, chỉ gió mưa, băng tuyết mới cản nổi thần lửa. Chúng tôi được xem vụ hỏa hoạn lớn lao, khủng khiếp đó qua *video* chiếu trên những máy TV treo dưới trần hành lý trên trần xe như trong máy bay vậy. Những ngọn lửa rừng rực như hoả ngục, bốc lên cao mấy dặm trên không trung. Hàng triệu cây thông ngã gục. Những nhà địa chất học cho rằng đó là luật thiên nhiên. Lửa đốt cây thông già, làm vỡ quả thông thật cứng và làm nở hạt bên trong. Hạt rơi xuống đất mọc thành rừng thông non tạo nên thế hệ thông mới tươi tốt. Mỗi cây thông cần 80 năm để trưởng thành. Tro tàn hỏa hoạn là phân bón cho cây. Luật thiên nhiên tuần hoàn là vậy. Người ta chỉ lo sợ lửa hại tới đời sống loài người. Nhưng, sự chết đôi khi là một cái lễ vui mừng cho người được lìa trần. Người thân ở lại phải chấp nhận sự mất mát, tiếc thương vậy.

Xe buýt chạy dọc theo Sông Yellowstone, qua Thác Gibbon rồi Sông Firehole. Cảnh hỏa hoạn 1988 còn để lại nhiều dấu vết rõ rệt. Rừng thông thuộc loại *lodgepole*, thân cây thẳng đứng thường dùng để xây nhà, làm cột điện. Đòng cỏ bao la cháy rụi, đen thui. Có chỗ sát ngay hai bên đường đi. Chắc chắn khách du lịch thời gian đó bị cấm toàn diện

trong vùng này. Nhưng niềm hy vọng cho tương lai đã trở về, những đồi thông non mới mọc xanh mượt lá.

Có người hỏi:

“Tại sao chính phủ không cho chặt những cây thông bị cháy khô đen, và dọn những cây bị ngã đổ ngổn ngang trong rừng và trên đồi, nhỉ?”

Cô hướng dẫn trả lời:

“Chính phủ muốn giữ vẻ thiên nhiên của núi rừng hoang dã. Những gì của thiên nhiên để thiên nhiên thanh toán, giải quyết. Nếu cho dọn dẹp gọn gàng như công viên trong thành phố, phải vứt những cây thông chết đi đâu? Đổ chúng sang rừng khác, đem chúng đi trôi sông hay đưa ra biển, cũng làm mất vẻ đẹp ở những nơi kia. Như thế, chính phủ phải tiêu tốn bao nhiêu tiền, dân phải trả thêm bao nhiêu thuế nữa cho những vụ cháy rừng hằng năm?”

Tôi nghĩ thầm: “Đúng quá! Nếu chính phủ cho người tự do vào lấy cây chết đem đi cho sạch, cho đẹp rừng, chắc thiên hạ dám đốt rừng thêm để lấy cây cháy làm củi than bán!”

Dấu vết hỏa hoạn chạy tới tận địa điểm Old Faithful Geyser nơi du khách ngừng lại đêm nay. Vì còn sớm, chúng tôi chưa có phòng khách sạn ngay. Trong khi chờ đợi, du khách vào phòng ăn trưa. Chúng tôi ngồi cùng bàn với hai phụ nữ người Anh.

Bây giờ tôi mới để ý, người Anh phát âm chữ *geyser* là ghi-dờ khác với người Mỹ phát âm là gai-dờ. Trước khi đi chuyến du lịch này, tôi nói chữ *geyser* là ghi-dờ. Cô con dâu người Mỹ của tôi sửa lại là gai-dờ. Tôi vui vẻ cười:

“Ừ, cảm ơn. Chứ không phải là ghi-dờ (geese) hay gu-dờ (goose) như con thiên nga số nhiều hay số ít hả?”

Hôm nay được nghe cái âm ghi-dờ, tôi lặng thinh, cười thầm. Có lẽ tôi đã nghe tiếng phát âm đó từ hồi học Anh văn ở trung học hay Hội Việt Mỹ mà các giáo sư không nhất thiết tốt nghiệp từ bên Mỹ.

Sau bữa trưa, tôi mới có dịp chú ý tới kiến trúc Old Faithful Inn. Khách sạn được xây cất từ năm 1904, bằng gỗ thông và đá trong vùng. Hành lang tầng mặt đất rộng lớn, mái

cao lên tận tầng thứ ba, có lò sưởi lớn bằng đá. Tiếng nhạc vang xuống từ cây đàn dương cầm trên hành lang tầng thứ hai. Cái đồng hồ treo trên tường, làm bằng tay với gỗ, đồng và sắt, chỉ giờ phun nước sắp tới của Old Faithful Geysler là 2 giờ 45. Trong lúc đang ăn trưa, chúng tôi đã lỡ xem lần nước phun trước. Mỗi lần giếng phun cách nhau khoảng 80 phút và lâu từ 3 đến 5 phút. Từ hơn 120 năm qua Old Faithful Geysler cứ đều đều phun nước như vậy và chưa bao giờ phụ lòng người chờ đợi. Vì thế giếng được mang tên Trung Thành.

Chúng tôi ra ngồi chờ trên băng ghế trước Old Faithful. Giếng bốc hơi không ngừng. Miệng giếng nhô lên trên một mô đất rộng bên bờ Firehole River. Hàng trăm cột hơi bốc lên dọc theo con sông này. Bên kia sông là rừng thông rậm rạp. Du khách dần dần đến ngồi kín cả các hàng ghế vòng quanh Giếng Trung Thành. Trời nắng chang chang, nóng bỏng lưng. Có người đội áo lên đầu. Độ thời tiết ở vùng núi ngày đêm gấp đôi. Quá giờ dự đoán mà Old Faithful chỉ phụt lên những cột hơi nhỏ. Chúng tôi yên lặng ngồi chờ đợi.

Trong sự đợi chờ hồi hộp ấy của khán giả, giếng đã bắn vọt lên không trung một cột nước nóng bốc hơi thật cao và trắng xoá như mây cuộn cuộn in trên bầu trời xanh nhạt. Nhiều người, vỗ tay, reo to tán thưởng. Tôi ngồi bật dậy và đứng lên băng ghế để chụp được cả miệng giếng. Máy ảnh, máy quay phim háp tấp làm việc. Sau khi giếng phun lên một cột nước có thể cao tới 185 bộ như thường được ước lượng, nước rút xuống dần dần thấp hơn cho tới khi chỉ còn lại cột hơi, thời gian kéo dài gần 5 phút. Thật không uống công tôi mong mỏi từ hơn 30 qua để thấy sự biểu diễn rất ngoạn mục và cảm động của Old Faithful, một kỳ quan trái đất. Tôi nghĩ thầm:

*Ta đợi “ngươi” từ ba mươi năm,
“Không” uống hoa phong nhụy, hoài trắng rằm.*

Thơ Vũ Hoàng Chương, “*Ta đợi em từ ba mươi năm, uống hoa phong nhụy, hoài trắng rằm,*” Nguyễn Thị Ngọc Dung đọc lái đi chút xíu cho hợp với hoàn cảnh mình. Tôi hôn nhẹ trên má Robert và cảm ơn chàng đã giữ lời hứa, đưa tôi tới

vùng *Non Nước Đá Vàng* này. Đôi mắt chàng đã hết trong xanh tuổi trẻ, nhưng vẫn long lanh xúc cảm như bao giờ. Chàng đáp lại với chiếc hôn trên vầng trán đã hơn nửa cuộc đời suy tư của tôi, vầng trán không khác chi hình vẽ những lớp nham thạch trong lòng Giếng Trung Thành.



Ngọc Dung trước Qld Faithful Geyser

Vừa lúc đó, xe buýt tới đậu trước dãy phòng dành cho nhóm du khách chúng tôi. Hành lý được mang vào từng phòng. Chúng tôi nhận chìa khóa và lên thang kiểm phòng ngay. Phòng chúng tôi trên lầu hai nhìn ngay ra cái giếng phun nước nóng trung thành nhất trong vùng Yellowstone Park chứ không nhìn ra bãi đậu xe như cô hướng dẫn đã nói hôm trước. Tôi mở cửa sổ cho thoáng mát. Tuy nhiên, chúng tôi không thích ngồi trong phòng và lại trở ra chờ Người tình muôn thuở Old Faithful. Chúng tôi mua hai xấp bưu ảnh và ít tem thư. Một xấp ảnh giữ làm kỷ niệm vì tôi biết chúng tôi không lựa chọn được đúng góc cạnh, ánh sáng tốt, không thể chụp được những hình đẹp với cái máy ảnh bỏ túi nhỏ xíu. Chúng tôi ngồi trên ghế trong bóng mát nhìn ra Giếng Trung Thành. Tôi viết địa chỉ các con lên ảnh: Nguyên Thủy và vợ, Kelly cư ngụ tại Reston, cùng tỉnh vợ chồng chúng tôi; Thần Phong và vợ tên Hope ở Vienna. Cả hai vùng này thuộc miền Bắc Virginia; Trường Sơn ở Orlando, gần Disney World, Florida; Ngọc Hân và chồng, David cùng hai con trai, Anton và Levi cư ngụ tại Dallas xứ *cow-boy*, Texas. Robert sẽ viết thêm vài dòng và gửi cho chúng.

“Sơn và Hope mà tới đây thì chúng điên lên được nhỉ?” Robert nói.

“Đúng vậy,” tôi đồng ý. “Chúng sẽ thức khuya chờ trăng lên, dậy sớm trước mặt trời để chụp lấy cảnh đặc biệt.”

Trường Sơn, cậu con trai thứ hai còn độc thân là nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp. Sơn có bằng cấp như ai nhưng không thích ép mình ngồi trước bàn giấy 8-9 giờ đồng hồ hay hơn mỗi ngày. Với cái máy ảnh, cậu con trai và cô con dâu tôi thích chày nơi này, đi chỗ nọ làm việc.

Chúng tôi đang cắm cúi viết, bỗng nghe tiếng người reo đây đó. Tôi nhìn lên, Old Faithful chưa phun nước. Chúng tôi ngó theo tay chỉ của một nữ nhân viên kiểm lâm.

“Beehive Geyser phun,” bà ta nói. “Giếng này phun một ngày hai lần, nhưng không biết giờ nào. Nó không phun đều đặn như Old Faithful.” Giếng Trung Thành đặc biệt dễ thương như thế đó.

Chúng tôi giờ bản đồ ra coi. Giếng Beehive ở bên kia Firehole River. Giòng sông nhỏ có cầu bắc qua. Chúng tôi bảo nhau sáng mai dậy sớm đi một vòng sang bên đó thăm thú. Một đứa bé gái đi qua phàn nàn với mẹ:

“Con nói *ghi-dơ* có thằng nhỏ bắt bẻ con ‘phải nói *gai-dơ* chứ!’ Có đúng không mẹ?”

“Thế nào cũng được. *Ghi* hay *gai* đều đúng cả,” bà mẹ trả lời. Vợ chồng tôi tùm tùm cười nhìn nhau, ngẫm hiểu vấn đề phát âm ngộ nghĩnh của tiếng Anh và Mỹ.

Khi du khách từ các phía theo nhau ra ngồi đông chung quanh vòng đai Old Faithful là lúc giếng sắp phun nước. Cy ngồi trong xe lăn Sandra đẩy cũng có mặt trong đám người ấy. Cái nghĩa *Non Nước Đá Vàng* thực sự thể hiện ở cặp vợ chồng này. Họ đã keo sơn gắn bó cho tới lúc gối mồn chân chồn, thực hiện lời nguyện ước cùng du lịch những nơi đã hứa hẹn với nhau tự bao giờ. Và, cũng như những cặp vợ chồng đầu bạc răng long khác, trong đó có chúng tôi, vào khoảng 4 giờ, chúng tôi lại nhìn thấy Giếng Trung Thành phun nước nóng lên cao hơn, bốc hơi mạnh mẽ hơn, rục rờ hơn trong ánh hoàng hôn xuất thần nhất.

Khi Old Faithful rút vào lòng giếng, nung nấu nguồn sinh lực sửa soạn cho kỳ phun nước sau, tôi như người vừa trải qua một việc làm quá sức, kiệt lực. Tôi hít một hơi thật dài và thở hắt ra cũng thật dài để trở về với thực tại. Tôi ôm cánh tay chồng đứng dậy. Chúng tôi trở về phòng tìm sự nghỉ ngơi.

Chiều đó, chúng tôi lên sân tầng hai của khách sạn để chờ Old Faithful phun nước lần kế tiếp trước khi xuống phòng ăn tối. Ở đây cũng có nhiều người ngồi uống nước ngọt, bia, rượu, ngắm cảnh Thung Lũng Firehole. Trong nắng vàng rục rờ, có những cột hơi dày đặc, trắng như bông bay lẫn với mây trời, có những sợi hơi nước thật mỏng manh như voan lụa, bay nhẹ theo chiều gió hây hây thổi. Du khách tản mạn, áo màu ảm hiện di động trong rừng cây hai bên bờ sông. Chúng tôi giữ bữa tối lúc 6 giờ 15. Trước đó mấy phút, Old Faithful lại trở tài bắn nước lên trời trước mắt du khách. Họ chẳng khác

gì những cô nhân tình trẻ chiêm ngưỡng và ái mộ người tình già gân mạnh, dẻo dai.

Tối đó, chúng tôi ngồi ăn cùng bàn với cặp Simon và Dellas. Tất cả đều cảm thấy mệt mỏi vì những bữa ăn nặng nề, nên chỉ gọi những món nhẹ như *soup, salad*. Bà Simon gọi món cá chia với Ông Dellas. Tôi gọi món thịt heo chia với Robert. Dù ăn chẳng phải trả tiền, chúng tôi cũng chỉ gọi một ly kem với dâu tươi để ăn chia với nhau. Chuyện về *Computer, Internet, Camera on line* là đề tài hấp dẫn chúng tôi với cặp Florida này. Simon và Dellas cũng tỏ vẻ lo lắng vì bão lớn có thể thổi qua chỗ họ ở. Họ kể chuyện rằng, cách đây 10 năm, bão đã cuốn sập nhà họ. Căn nhà mới của họ ở cách xa biển hơn, nhưng vẫn trong tiểu bang nhiều gió bão Florida. Simon tự thú, ông đếm từng ngày được trở về nhà. Hình như nhiều ông chồng đứng tuổi đi du lịch vì nề vợ. Họ đi chơi mà lòng còn liền với công việc hay nhớ những tiện nghi thoải mái ở nhà nên không thích thú lắm và chóng chán cuộc du lịch dài.

Sau bữa ăn tối, bốn người chúng tôi định đi bộ ra ngắm Old Faithful dưới trăng, nhưng trời lạnh, gió buốt và chẳng ai mặc áo ấm, nên đành phải trở về phòng. Không khí trong lành từ rừng núi lùa vào giường, chúng tôi ngủ thật dễ dàng sau một ngày lên núi, xuống đèo, vào rừng, ra sông thăm viếng vùng *Non Nước Đá Vàng*

THỨ SÁU, NGÀY 15 THÁNG 9, NĂM 2000 - 5 rưỡi sáng, đồng hồ reng reng báo thức. Trong phòng lạnh cóng, tôi định ra đóng cửa sổ thì thấy những tia sáng bắn tung lên trên ngọn cây. Sau một giây định thần, tôi hô hoán như cháy nhà, quên cả có thể đánh thức hàng xóm:

“Giếng phun! Giếng phun! Cung ơi, cung ơi, ra xem giếng phun!”

Robert đang ở trong phòng tắm, vội quần cái khăn lông quanh người và chạy ra cửa sổ đứng bên tôi để xem Old Faithful biểu diễn lần thứ tư với chúng tôi. Ôi người tình muôn đời của trái đất! Ngày đêm, người đã phun “nhiệt chất”

bao nhiêu lần mà vẫn không biết mệt ư? Những vị dững mãi, phá kỷ lục thế giới, làm như vậy được bao nhiêu năm, bao nhiêu tuổi nhỉ?

Sáu giờ, chúng tôi đồng phục mỗi người một cái áo len ấm màu xanh rêu mà cậu con cả mua cho và đem theo thêm cái áo khoác. Xuống phòng ăn, chúng tôi gặp nhiều người trong nhóm đã có mặt. Ăn vội bữa sáng giản dị với trái cây, bánh mì nướng và *coffee*, chúng tôi lại khoác áo lên vai ra ngoài thung lũng giếng nước nóng, Upper Geyser Basin. Tôi mừng đã mặc đủ áo ấm, không thì chẳng chịu nổi hàn độ thấp của miền cao nguyên cao trên 8000 bộ vào buổi sáng sắp sang thu.

Với bản đồ, máy hình và ống nhòm trong tay, chúng tôi đi vòng qua Old Faithful tỏa hơi nóng ngùn ngụt dù chưa đến giờ phun nước. Cột hơi như đám mây trắng sáng chói trong ánh chiều dương. Cả trăm cột hơi khác bốc lên hai bên bờ Sông Firehole ngoằn ngoèo trong thung lũng xanh um cây cỏ, tím nhạt sương mai. Không khí lạnh buổi sáng đã làm cho suối nước nóng nhỏ nhất cũng bốc hơi nhiều hơn và được nhìn thấy rõ hơn khi bị ánh mặt trời đốt tan. Phong cảnh tựa như một làng quê Việt Nam, mái tranh tỏa khói bếp nấu cơm của người dân trước khi đi chợ hay ra đồng cày bừa buổi sớm. Tôi nghĩ đến một ngày sẽ trở lại, ở trong căn nhà gỗ nhỏ đằng sau lưng, nhìn thẳng ra Thung Lũng Old Faithful khói sương tiên cảnh. Hãy tưởng tượng mùa thu nơi đây, rừng cây trùng trùng điệp điệp lá vàng đủ màu rực rỡ, mê hồn; mùa đông nơi đây mênh mông một màu băng tuyết trắng tinh, phủ ngập thung lũng, lấp sâu sự đời. Tìm cô đơn giữa thiên nhiên vắng vẻ, xa lánh chốn lao xao, ồn ào náo nhiệt, may mắn và hạnh phúc lắm thay!

Tôi luôn luôn nói với Robert ý định trở lại. Chàng ngạc nhiên, vì thường thường tôi chỉ thích đi qua mỗi chỗ một lần cho biết là đủ. Trước phong cảnh trong lành, tinh khiết làm tinh thần sáng khoái, tươi vui, tôi mong ước có ngày trở lại, ở lâu hơn để tận hưởng với cảnh vật thiên nhiên có một không hai trên trái đất này.

Chúng tôi gặp một nữ nhiếp ảnh gia đã sẵn sàng máy hình trên ba càng chân đứng. Cô đang đợi Giếng Trung Thành phun khi mặt trời ló rạng sau rừng cây phía đông và chiếu thẳng vào cảnh Old Faithful Inn phía sau cột nước. Cô kể rằng, đêm trước được xem giếng phun trong ánh trăng, nhưng tiếc không đem theo máy ảnh để chụp. Trăng rất sáng, soi rõ đường đi làm chúng tôi tiếc hùi hụi. Đi một quãng nữa, chúng tôi lại gặp một nhiếp ảnh gia khác cũng đang ở vị thế sẵn sàng chờ Giếng Trung Thành phun. Những người chụp hình nghề nghiệp này trang bị quần áo rất ấm, để có thể chỉ đứng một chỗ mà không bị cực khổ vì cóng lạnh. Chúng tôi muốn lên cầu đi qua sông, sang bờ bên kia, nhưng không đủ thời giờ, nên tiếp tục đi bên này sông. Những phiến đá xanh như ngọc thạch hay lóng lánh sắc vàng, sắc đỏ dưới làn nước nóng trong vất bốc hơi, những hồ bùn trắng như vôi sôi sùng sục rất gần tầm mắt, tầm tay. Chúng tôi chụp cho nhau mấy hình kỷ niệm.

Vừa đi chúng tôi vừa quay lại canh chừng Old Faithful đang bốc hơi mỗi lúc một nhiều hơn. Hình như vài lần giếng



Old Faithful Geyser

đã phun lên những cột nước nhỏ nhưng lại rớt tụt xuống, phì hơi như ông già mệt mỏi, hết gân cốt. Tôi có cảm tưởng Old Faithful già nua thật sự và cảm thấy tội nghiệp cho lão gia này. Tôi hô lớn vào không gian:

“Old Faithful! Old Faithful! Shoot it out! Shoot it out! You can do it!”

“Old Faithful, you can do it! Come on, honey!”

Robert choàng tay ôm qua người tôi cho ấm cả hai. Hình như chàng không hiểu những ý nghĩ méo mó trong đầu óc tôi. Vài phút sau đó “Lão Gia Trung Thành” đã chứng tỏ khả năng còn mạnh mẽ của mình và bắn lên một cột nước nóng lộng lẫy ngất cao trong những tia nắng huy hoàng đầu ngày. Đó là lần thứ năm trong vòng 18 giờ tôi được thấy Old Faithful thật trung thành, thật chịu khó làm vừa lòng nhân loại. Những cặp vợ chồng già như chúng tôi đến vùng cao nguyên Yellowstone

được dịp suy nghiệm về trời cao đất cả, đầy uy quyền linh biến, được dịp thừa hưởng cái đẹp tinh tú, linh diệu của thiên nhiên ban cho loài người. Chúng tôi đã ghi lại một lần nữa những hạnh phúc bên nhau và cảm ơn nhau cái tình thủy chung, cái nghĩa đá vàng đã cho nhau hơn nửa cuộc đời.

Chúng tôi lên xe buýt, lòng còn quyến luyến thung lũng khói sương Giếng Nước Trung Thành. Cô hướng dẫn Judy hỏi mọi người:

“Quý vị có hài lòng với Old Faithful không?”

“Yes! Yes! Yes!” Mọi người đồng thanh. Vài người nói muốn ở thêm ít nhất là một ngày nữa để thăm thú các giếng nước nóng khác trong vùng Upper Geyser này. Đó là chưa kể vùng Lower Geyser và bao nhiêu địa điểm khác trong Yellowstone Park như suối nước nóng Mammoth chúng tôi chưa được đi tới. Muốn thăm thú và thụ hưởng hết vùng giếng nước nóng của Yellowstone phải mất ít nhất một tuần lễ mới toại nguyện.

Rồi Old Faithful không xa, chúng tôi dừng lại ở độ cao 8,262 bộ trên mặt biển, nơi Continental Divide, ranh giới chia sông hồ trong lục địa Hoa Kỳ chảy về hai hướng: những

nguồn nước phía bắc Continental Divide chảy ra Đại Tây Dương; những nguồn nước phía nam chảy ra Thái Bình Dương. 75% nguồn nước của Yellowstone Park chảy ra Đại Tây Dương. Ai là người đã đi đo đạc phân chia chốn thiên nhiên đây nhỉ? Nước từ lằn ranh lục địa này sẽ theo suối, theo sông đi mãi ra biển cả, trùng dương mịt mù, chẳng bao giờ ngược giòng trở lại núi non thâm sơn cùng cốc, như những người bỏ quê cha, đất tổ ra đi, không có ngày về. Tiếng thơ “Thề Non Nước”^{7[7]} chợt vẳng lên, một se thất, nghẹn ngào như nhói tim tôi:

*Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi không về cùng non
Nhớ lời nguyện nước thề non
Nước đi chưa lại non còn đứng trông...*

Nhưng một lý luận bỗng đến... an ủi tôi. Nước chảy ra sông, ra biển, gặp nắng bốc thành hơi, thành mây, gặp lạnh biến thành mưa, thành tuyết rồi lại rơi về vùng núi non đất đá này. Thôi thì nguồn cao, suối cạn ời! Hãy kiên trinh đợi chờ, gió sẽ đưa mây mưa băng tuyết trở lại với người nhé! Nước sẽ trở về nguồn!

Du khách nhiều người chụp hình kỷ niệm ghi lại niềm kiêu hãnh đã đặt chân lên Continental Divide. Mây mưa, băng tuyết sẽ trở lại vào mùa thu đông. Trong đám du khách, ai sẽ có ngày trở lại đây? Một cơn gió buồn như tiếng thở dài thổi tới khi chúng tôi lên xe.

Nắng sớm ban mai ấm áp quyen rũ súc vật. Đến một thung lũng trống trải, chúng tôi lại được nhìn thấy hươu nai, bò rừng ăn cỏ hai bên đường. Bà Rhode Island reo vẳng lên khi trông thấy con vật đầu tiên trong cuộc hành trình hôm nay:

“Có con bò rừng, bên tay trái. Con bò đực!”

“Hê, Sandra, bà có con mắt tốt lắm đấy nhé,” một bà nào đó khô hài. “ Bà nhìn thoáng mà đã thấy ngay cái đực của nó!” Cả đoàn du khách cười lớn.

7[7] Thơ của Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1889-1939)

“Phải đấy, quý vị nào trông thấy vật gì lạ thì xướng lên cho mọi người biết,” cô hướng dẫn Judy biểu đồng tình.

Từ đó hết người này đến người kia hô hoán lên như một lũ con nít hồn nhiên mỗi khi trông thấy thú rừng. Nhưng có một con thú mà du khách vẫn không được nhìn thấy là con gấu. Có bà hỏi:

“Judy, chúng ta chưa nhìn thấy gấu nhỉ?” Đùng là đàn bà hay tản mần, tò mò, nhưng nếu trông thấy gấu thực sự thì có lẽ chết cứng, chứ ở đây mà ham! Cô hướng dẫn viên cầm ống vi âm lên từ tốn nói:

“Để tôi kể một chuyện về *bear* (con gấu) cho quý vị nghe nhé. Có đoàn người kia đến một trụ sở du lịch và yêu cầu được dẫn đi xem *bear*. Nhân viên du lịch cử một cậu học trò làm việc hè, cho mặc bộ áo hóa trang như con *moose* (bò rừng không có sừng, nhưng có tai to nhiều nhánh) và dẫn đoàn người vào rừng. Thành linh một con *bear* xuất hiện. Cậu học sinh giả dạng con *moose* sợ quá, vội vàng bỏ mũ hình cái đầu *moose* ra. Cậu ta nghĩ rằng *bear* chỉ đuổi theo *moose* thôi, chứ không vồ người. Bỗng cậu nghe con *bear* nói rằng, “mày đội cái mũ *moose* vào, không cả hai đứa cùng bị đuổi bây giờ!”

Du khách chúng tôi cười đến muốn vỡ xe buýt. Nhưng Cô Judy chỉ buông ống vi âm rồi ngồi xuống ghé, giữ đúng điệu bộ của một nhà khôi hài giỏi làm thiên hạ cười bể bụng mà chính mình không nhếch miệng cười. Từ đấy chẳng ai nhắc nhớ tới gấu nữa. Tuy nhiên, không phải là không có gấu trong vùng Yellowstone. Những con dã thú dữ tợn lại không thích tiếng động ồn ào của loài người. Chúng lẩn tránh trong rừng sâu rậm rạp, vắng vẻ mà thôi. Qua sách báo, phim ảnh tôi được nghe và biết cả nhân viên kiểm lâm cũng bị gấu vồ cắn suýt chết.

Qua Hồ Lewis, Thác Lewis, đi theo Sông Lewis để ra khỏi Yellowstone National Park, xe vẫy chào miền *Non Nước Đá Vàng* của Nguyễn Thị Ngọc Dung, và đi vào Grand Teton National Park cao 1000 bộ trên mặt biển. Vùng này rộng tới 485 dặm vuông, có 7 triệu núi đá đóng băng, 8 hồ lớn, 1300

hồ nhỏ, và mang tên ngọn Núi Grand Teton, 13,700 bộ, cao nhất trong 12 ngọn núi đá nhọn dựng đứng của Teton Range. Ngọn thấp nhất là Mount St. John cao 11,430 bộ. Ngọn cao thứ nhì là Mount Owen, 12,928 bộ. Ngọn cao thứ ba là Mount Moran, 12,605, mang tên nhà danh họa Thomas Moran. Ông đã vẽ cả trăm phong cảnh Yellowstone để chứng minh với Quốc Hội Hoa Kỳ cái kho tàng thiên nhiên của vùng này phải được gìn giữ và bảo vệ.



Crystal Falls, 1871, tranh màu nước của
danh họa Thomas Moran.
(Department of Interior, Yellowstone National Park).



Yellowstone Canyon, tranh màu nước của Thomas Moran, 1871,
Department of the Interior Museum, Washington, D.C.



Grand Canyon of Yellowstone, tranh sơn dầu, 1872 của
Thomas Moran, Department of the Interior Museum,
Washington, D.C.



Great Spring of the Firehole River, tranh màu nước 1871 của Thomas Moran, Department of Interior, Yellowstone National Park.



The Three Teton, tranh sơn dầu, 1895 của Thomas Moran, được treo trong The Oval Office của Tòa Bạch Ốc. (National Park Service).

Tranh Thomas Moran gồm cả màu nước và sơn dầu với kỹ thuật siêu việt, không khác gì hình chụp với màu sắc huyền ảo, huy hoàng nhất. Qua tranh ông, người ta sẽ mang một hoài vọng không nguôi cho đến khi nào được nhìn thấy Yellowstone tận mắt mới thoả lòng, toại nguyện. Ngoài Yellowstone, Thomas Moran còn đi cùng khắp các danh lam thắng cảnh trên Nước Mỹ, Anh, Ý, Mễ Tây Cơ... để vẽ. Tranh ông được so sánh với tranh Joseph Mallord William Turner, nhà danh họa Anh, 1775-1851. Vợ chồng chúng tôi cũng được cái vinh hạnh xem tranh Turner tại Tate Gallery khi viếng thăm London 20 năm về trước.

Chẳng bao lâu, chúng tôi trông thấy Rặng Teton hồng hồng, tím tím dưới ánh nắng và in bóng trên mặt Hồ Jackson trong xanh bên tay phải. Triền Núi Mount Moran đóng băng muôn đời, muôn kiếp không tan. Xe chạy dọc theo đồng hoa cỏ đại trải rộng tới bờ hồ, rồi ngừng lại tại Jackson Lake Lodge. Du khách vào khách sạn để tẩy trần chứ chưa được nhận phòng ngay vì còn sớm. Thường thường 4 giờ chiều phòng khách sạn mới sẵn sàng cho du khách. Mọi người chỉ kịp lên phòng tiếp tân, ngó qua cửa kính cao rộng bằng cả một mảnh tường vĩ đại đóng khung Rặng Teton bên kia thung lũng hoa đại và Hồ Jackson. Phong cảnh đẹp lóa mắt, ngây hồn. Chúng tôi xuống *gift shop* mua một cái máy chụp hình *disposal* (vứt bỏ sau khi phim được rửa) để chụp cảnh rộng lớn *panorama*. Vừa chụp được vài tấm hình, chúng tôi lại phải chạy ra xe buýt sang Tỉnh Jackson ăn trưa.

Xe đi theo Đường Teton Park và dừng lại ở một địa điểm vụng son để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng và chụp Rặng Teton cao nhọn như những bộ ngực trần căng cứng của đám phụ nữ nằm ngửa phơi nắng dưới bầu trời xanh biếc. Sở dĩ rặng núi tên Teton mà chữ Pháp có nghĩa là ngực là do một thương gia người Pháp đầu tiên qua vùng này đã đặt cho núi. Tất cả những ngọn núi kiêu căng, ngạo nghễ đó đã được chụp lần đầu tiên trong những tấm hình của nhiếp ảnh gia William Henry Jackson (1843-1942), đã được vẽ lần thứ nhất trong những bức tranh của danh họa Thomas Moran (1837-1926)

theo lời mời của nhà địa chất học Dr. Ferdinand Hayden (1829-1887).

Cách nay khoảng 130 năm, Ferdinand Hayden đã khám phá ra Yellowstone. Ông trình bày với Quốc Hội về cảnh thiên nhiên tuyệt vời của vùng này và đề nghị một dự án bảo vệ kho tàng quốc gia quý giá ấy. Nhưng không nghị sĩ, dân biểu nào tin ông cả. Hayden phải tới nhà danh họa Thomas Moran và nhiếp ảnh gia William Henry Jackson cùng ông trở lại Yellowstone vẽ cả trăm bức tranh, chụp cả trăm tấm hình để làm một hồ sơ dày 500 trang. Bấy giờ quốc hội mới tin và cho thi hành dự án Yellowstone National Park.

Hình chụp của William Henry Jackson đẹp như tranh và tất cả đều là bảo vật của kho tàng quốc gia Hoa Kỳ ngày nay. Ông là bạn thân của nhà danh họa Thomas Moran. Tên ông được đặt cho Hồ Jackson, Tỉnh Jackson, nơi chúng tôi sẽ tới trưa nay, cách quán trọ hơn 50 dặm về phía Tây.

Khi cô hướng dẫn kể rằng, người vợ đầu tiên của William Henry Jackson với 5 người con của họ lần lượt qua đời vì bệnh tật trong bước đường khần hoang đầu tiên đầy khó khăn, thiếu thốn trong vùng, tất cả du khách trong xe đều thở hắt ra, ngậm ngùi, tội nghiệp! Cô Judy nói tiếp, Jackson tục huyền và có 3 người con với bà vợ sau, mọi người như voi đi được nỗi thương cảm thật tình.

Chúng tôi được ngừng lại ở Jenny Lake lộng lẫy như gương soi bóng núi Teton đảo ngược. Bóng núi dưới nước rõ nét tươi màu như núi trên mặt đất. Từ góc cạnh chúng tôi đứng, đỉnh núi Grand Teton, Teewinot và Owen nhọn hoắt như những ngọn tháp nhà thờ. Tôi đã được thấy cảnh này trong hình đẹp như tranh của William Henry Jackson và trong tranh đẹp như hình của Thomas Moran.

Xe buýt vừa rời Jenny Lake được một quãng, phải dừng lại ngay giữa đường. Du khách nhấp nhôm la reo nhón nháo. Một đoàn nai mà tôi đếm được 14 con lon ton theo nhau đi từ rừng bên trái qua đường sang cánh đồng bên mặt để ăn cỏ. Bộ da nâu vàng óng lốm đốm những mảng màu hạnh nhân mượt

mà, chúng tỏ chúng khỏe mạnh, được ăn uống đầy đủ. (Áy, áy, xin quý vị đừng “nghèo mà ham”, đừng nhăm nhăm khẩu súng săn và nghĩ đến món nai thui chấm tương gừng, nai nướng ướp tỏi, nai khô đu đủ trong những vùng National Park của Mỹ nhé, phạm pháp đấy!)

Rất nhiều người Âu Châu trong đó có người Pháp đến khám phá vùng này, nên du khách lại được cô hướng dẫn Judy cho biết:

“Nếu quý vị nhìn về phía bên trái sẽ thấy ngọn núi có hình một người Da Đỏ bụng bự nằm ngửa, cái mũi lớn đâm lên trời. Núi có tên là Gros Ventre Slide.”

Vùng này cũng có Sông Gros Ventre, Đường Gros Ventre. Từ đây đường đi trong thung lũng rộng, đôi cỏ chập chùng. Du khách được đưa vào Tỉnh Jackson ăn trưa ở nhà hàng Cadillac, cũng do hãng du lịch Tauck đài thọ. Chờ đợi thật lâu mới được tiếp thức ăn nên chúng tôi ăn nhanh, đi ra phố tranh thủ thời gian thăm thú nơi lạ. Đây là một tỉnh nhộn nhịp về ngành thể thao trượt tuyết mùa đông. Từ dưới phố có thể nhìn thẳng lên các đường trượt tuyết thoải thoải trên núi đất, không lởm chởm đá và dốc ngược như Rặng Teton. Tài tử Harrison Ford^[8] có nhà nghỉ mát và luật sư của OJ Simsons^[9] có văn phòng ở tỉnh này. Chúng tôi vào xem mấy tiệm bán quần áo, dụng cụ thể thao, đồ dùng du lịch và mua được cái túi xách nhỏ và nhẹ, thay thế cái tôi đang mang, to và nặng không tiện cho sự lên xuống xe. Trước giờ lên buýt, du khách tập hợp trong công viên trước Tiệm Ăn Cadillac. Bốn cái mái cổng ở bốn góc công viên này được kết bằng vài trăm cái sừng hươu. Trong vùng Yellowstone Park và Grand Teton Park ước lượng có đến 10,000 con hươu. Vào mùa xuân, hươu thường bị rụng sừng. Những đoàn Hương Đạo trong vùng

[8] Harrison Ford, tài tử nổi tiếng trong bộ phim thần thoại, phiêu lưu, mạo hiểm tân thời *Raiders of the Lost Ark, Indiana Jones and the Temple of Doom, Indiana Jones and the Last Crusade*.

[9] O.J. Simsons bị nghi 99% đã giết vợ, trong vụ án nổi tiếng tốn kém và kéo dài mấy năm mà vẫn được trắng án.

được phép đi nhặt và bán lấy tiền mua thức ăn nuôi hươu trong mùa đông. Con buôn Á Đông chiếu cố mua sừng hươu kỹ lưỡng. Dân Việt Nam cũng không lạ gì món “bồ tỉ bồ tỉ bồ âm dương” này.

Trên đường trở về khách sạn, chúng tôi ghé thăm ngôi nhà thờ nhỏ một phòng, được dựng lên từ năm 1925. Bàn thờ có cửa sổ đóng khung Rặng Teton trông như *stained glass*, kiếng sơn hình nhiều màu. Tôi phải nhắm mắt, tĩnh tâm lắm mới cầu nguyện được vài câu vì cứ mãi nhìn rặng núi đẹp như thiên đàng đằng sau bàn thờ Chúa.

Về đến Jackson Lake Lodge, chúng tôi được đưa chìa khóa phòng của đoàn du khách. Đó là những *cottage* (nhà gỗ nhỏ) một tầng, hai căn giáp nhau. Bên trong mỗi căn được trang hoàng với những bức tranh sẵn bán có màu xanh lá cây như khung cửa, màn cửa và lá thông reo trên đồi. Ngoài phòng tắm có thêm bàn rửa mặt, bàn bếp nhỏ cùng đủ các đồ dùng cần thiết ngoại trừ, bàn ủi, TV. Đây mới là loại phòng ngủ hợp với khung cảnh thiên nhiên mà tôi thích nhất trong chuyến du lịch này. Tôi mở cửa sổ lưới để không khí thơm mát của núi rừng, hồ nước lùa vào phòng.

Chiều đó, chúng tôi ra khỏi phòng sớm để có thời giờ xem triển lãm tranh trong phòng tiếp tân, cửa kính cao 60 bộ. Ở góc độ nào trong phòng, du khách cũng có thể nhìn thấy những bộ ngực cao nhọn, đẹp nhất của ba mỹ nhân nằm trên rặng Teton phía bên kia Hồ Jackson.

Nhiều bức tranh phong cảnh màu sắc tuyệt vời, tinh tế của vùng Non Nước Yellowstone, Teton Range và nhiều vùng khác của Tiểu Bang Wyoming đã làm tôi ngây ngất, thờ hất ra. Sơn màu hình như lại muốn chảy ra từ ngón tay tôi. Robert chỉ vài bức tranh:

“Em có thể vẽ được bức này, bức này...”

“Em mà không viết chắc là em sẽ học vẽ lại và vẽ như điên,” tôi trả lời. Tuy nhiên, nếu vẽ dễ dàng như thế thì ai cũng là họa sĩ cả.

Đi hai vòng ngắm, tôi vẫn không chán những bức tranh chưa đề giá. Chiều mai ở đây có một buổi tiếp tân bán đấu giá những bức tranh này.

Cũng trong phòng triển lãm ấy, tôi được đọc về cuộc tranh giải toàn quốc hằng năm rất hấp dẫn, Arts For The Parks. 100 bức tranh sẽ được giải Grand Prize và được mua với giá \$50,000. Một bức độc nhất sẽ được chọn thắng giải chung kết và được thưởng thêm \$50,000 nữa. Các họa sĩ phải nộp tranh trước ngày 1 tháng 6 mỗi năm. Quý vị họa sĩ nào muốn biết thêm chi tiết thì liên lạc với số sau đây: 800 553 2787n - www.artsfortheparks.com - Arts For The Parks. P.O. Box 608. Jackson Hole, WY 83001.

Mặt trời chiếu thẳng qua cửa kính vĩ đại vào phòng tranh làm nóng ngót người. Chúng tôi ra ngoài vườn hoa và đứng cạnh khóm liễu rủ nghiêng chiều gió mát. Rặng Núi Teton lộng lẫy dưới nắng chiều. Những đám thông cháy bốc lên từ chân núi gợi nhớ cảnh khói lam miền thượng du quê nhà. Cảnh chiều thôn bản nào cũng mang một vẻ buồn cô liêu, man mác như trong bản nhạc “Nương Chiều” của Phạm Duy:

*Chiều ơi, mái nhà sàn thờ khói âm u
 Cô nàng về để suối tương tư, ơi chiều!
 Chiều ơi! Biết chiều nào còn đứng trên nương,
 Phố phường nhiều chiều vắng quê hương, ơi chiều!
 Chiều ơi! Chiều ơi! Chiều ơi!*

Cánh đồng cỏ bao la ngập nước, lóng lánh ánh chiều vàng trải dài ra tận Hồ Jackson. Chúng tôi dõi mắt tìm mãi cũng không thấy một con dã thú nào còn ăn cỏ muộn. Gió đùa với mái tóc và cái xiêm dài rộng của tôi. Robert chụp cho Ngọc Dung một tấm hình trong cảnh hoàng hôn thắm. Mỗi lần nghĩ hay viết tới ba chữ sau cùng này tôi lại liên tưởng tới tên trưởng nữ của nhà thơ Hoàng Anh Tuấn là Hoàng Hôn Thắm, rất đẹp và thơ mộng ấy.

Sau một vòng bách bộ, chúng tôi vào phòng ăn. Hồi chiều cô hướng dẫn Judy đã giữ trước bàn cho chúng tôi với cặp

Florida và cặp Rhode Island. Sandra phải đẩy xe lăn cho Cy tới. Phòng ăn rất rộng được gọi là Mural Room vì có bức tranh lịch sử vĩ đại bằng cả bức tường, của họa sĩ Carl Roters vẽ phong cảnh hoang dã miền rừng núi Wyoming, lều vải thô sơ, thổ dân Da Đỏ quần áo da, tóc bím khi người da trắng mới tới đây khai khẩn và lập nghiệp.

Nắng hấy còn đây trong phòng dù cửa kính cao và dài 100 bộ có mảnh buông thấp. Nhiều người ăn mặc giản dị. Nhiều người phục sức trịnh trọng hơn. Hai cặp bạn đồng hành có vẻ cởi mở, tâm đầu ý hợp với chúng tôi. Sau khi gọi thức ăn, và rượu, Sandra mau mắn đề nghị:

“Tôi mai chúng ta phải tự giữ chỗ ăn lấy. Tôi đề nghị mình giữ chỗ ngay từ bây giờ. Quý vị nghĩ sao?”

“Ý kiến hay!” Mọi người cùng trả lời và đồng ý giữ bàn 6 giờ rưỡi. Sandra đi ra quầy tiếp khách ghi tên bữa tối mai cho ba cặp.

Bỗng dưng có tiếng vỗ tay ran cả phòng ăn. Thì ra, mảnh màn cửa sổ được kéo lên để thực khách chiêm ngưỡng cảnh mặt trời đang xuống dần sau Rặng Núi Teton bên phương đông. Chúng tôi không ngồi bên cửa sổ cũng nhìn thấy mặt trời như mâm son đang từ từ lặn sau những bộ ngực nhấp nhô dưới làn áo nhung lam dần dần xẫm tím của rừng núi. Vì tới sau cùng, Sandra và Cy phải ngồi quay lưng lại cảnh hoàng hôn. Bà ta nói đùa:

“Chiều mai đến lượt chúng tôi được ngồi đối diện mặt trời lặn đây nhé.”

“Lẽ dĩ nhiên,” tôi cười hả hê. “Nhưng trước khi được xem mặt trời lặn cũng phải chịu nắng xiên vào mặt rất lâu đấy nhé!”

Cảnh hoàng hôn rực rỡ đã làm tôi cảm thấy no và hạnh phúc. Thức ăn trở nên thừa thãi, chán ngán. Hình như tất cả sáu người chúng tôi đều có cảm tưởng như vậy. Nhưng không ăn thì lát nữa đói, nên phải ăn thôi. Chuyến du lịch khá đắt tiền vì du khách phải trả những bữa ăn lớn ở nhà hàng sang là điều chúng tôi không thấy cần thiết cho 24 bữa liền.

Chúng tôi được biết sáng mai cặp Florida sẽ đi thuyền cao su trên Sông Snake như chúng tôi. Cặp Rhode Island sẽ chỉ

đi tàu trên hồ Jackson vì trường hợp đau lưng của Cy. Lúc đầu tôi không muốn đi sông mà chỉ định đi hồ vì nghĩ đến cảnh người ta đi Sông Colorado trong vùng Grand Canyon, Arizona trên những giòng sông thác lũ, sóng ghềnh mà tôi đã từng xem trên màn ảnh. Lúc sau, tôi hỏi mấy cặp già lụ khụ khác thì được biết các cụ đều đi cả. Người ta có phao cho du khách mang, và giòng sông mùa này nước thấp, không chảy xiết, nên tôi yên tâm hơn. Và lại, ông xã tôi rất hiền ngang, nhất định đòi đi. Tôi cũng muốn nếm mùi phiêu lưu mạo hiểm xem sao.

Sau bữa ăn, Sandra đẩy Cy ngồi xe lăn về phòng. Tôi nay tôi mang theo cái áo khoác ấm để đi dạo trên lối mòn ven đồng cỏ dại, nhưng cặp Florida và chúng tôi vừa ra ngoài được vài bước xa tầm đèn khách sạn chiếu sáng thì chẳng còn nhìn thấy lối đi tối đen như mực. Chúng tôi đành quay lại đi xuyên qua khách sạn và men theo hàng hiên có đèn tù mù về phòng. Trong đêm trăng muộn, vắng vắng có tiếng chó sói tru hú từ trong rừng vọng lại. Tôi nghĩ đến con chó sói trong truyện *Cô Bé Quàng Khăn Đỏ*. Chớ lang thang, thơ thẩn, chó sói dám vồ lắm ạ!

THỨ BẢY, NGÀY 16 THÁNG 9, NĂM 2000 - Chúng tôi dậy rất sớm và sang phòng ăn sáng khi mặt trời chưa lên đuổi mảnh trăng mờ nhạt trên ngọn cây. Vắng vắng vẫn có tiếng chó sói tru hú man rợ.

Chúng tôi đang đứng chờ tới lượt được xếp chỗ ngồi thì hai phụ nữ người Anh cùng trong đoàn du lịch, một rất mập, một rất ốm đến đằng sau và tỏ ý muốn ngồi chung bàn với chúng tôi để khỏi phải chờ đợi lâu hơn, như chúng tôi đã thực hành với hai phụ nữ Anh khác tại Old Faithful Lodge. Chúng tôi ăn sáng vội vàng để còn thời giờ sang thung lũng bên kia quán trọ xem thiên nga và các dã thú khác trước khi lên xe ra sông đi thuyền cao su.

Trên đường ra hồ thiên nga, chúng tôi ghé vào một chuồng ngựa bên đường. Hằng chục con ngựa cao lớn, da nâu bóng mượt đang được sửa soạn chở du khách đi thăm thú trong vùng. Chúng tôi mang giày đặc biệt đi bộ và leo trèo

nên vượt qua rất dễ dàng lối đi lỏm chồm sỏi đá, đòi dốc gập ghềnh. Cây cỏ còn đọng sương đêm. Ước gì chúng tôi có nhiều thời giờ hơn để tận hưởng không khí trong lành buổi sớm ngoài thung lũng hoang dã chạy sâu vào vùng núi tím sương lam mờ ảo. Hồ thiên nga trông thì gần nhưng đường đi quanh co phải mất ít nhất 45 phút đi, về. Chúng tôi chỉ còn có nửa giờ để ra xe, nên đành dừng ống nhòm xem thiên nga bơi lội xa xa dưới ánh ban mai rực rỡ.

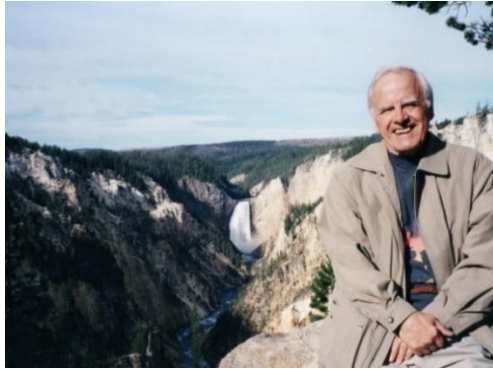
Cặp vợ chồng Oklahoma, xuống thung lũng trước chúng tôi, nhưng cũng chỉ đi xa hơn một chút và quay trở lại. Khi họ lên tới đường cao, chúng tôi nghe tiếng họ réo gọi lớn. Thì ra họ muốn chỉ cho chúng tôi một con *moose* (loại hươu lớn như con bò, vành tai to năm bảy nhánh) đang tiến lại đằng sau chúng tôi. Một nữ nhiếp ảnh viên lò dò tiến lại sau bụi cây mà con *moose* đang ăn lá. Tôi leo lên một mô đất cao nhô ra đằng sau con *moose*. Tôi vậy Robert đem máy hình đến. Nhưng chúng tôi chỉ nhìn thấy đuôi *moose*. Tôi bắt đầu tru miêng gọi “*moose!... moose!... moose!...*” như gọi chó. *Moose* chẳng thèm ngoảnh lại. Tôi lại vỗ tay đến mỗi rất. *Moose* vẫn bình thản ngoạm cỏ. Hê! Tôi nghĩ thầm, tại sao con *moose* này lại đi ăn mảnh nhĩ. Chắc là con đực. Chứ con cái thì thường đi với bê con. Thế rồi tôi lại vừa vỗ tay đôm đốp vừa tru miêng lên gọi: “Mu-sờ!... Mu-sờ!... Mu-sờ!...” Quả nhiên hai, ba lần như thế *moose* quay lại nhìn thẳng lên phía tôi đứng.

“Cái giống hai chân kia sao mà kỳ cục,” “*moose*” như có ý bực bội cảnh cáo tôi: “Mặt mũi trắng nhợt, Tóc tai bù xù. Người ngợm nhỏ thó. Tru tréo như điên. Cũng muốn ăn đọt lá, cỏ non của ta hả? Liệu chừng, đừng có lại gần mà ta cho mấy húc ạ!”

“Còn lâu,” tôi cười thầm ngầm bảo “*moose*”: “Người có thể chạy nhanh hơn ta nhưng sức máy mà người nhảy lên được cái bờ cao đến một tầng nhà mà ta đang đứng này. Với cái thân hình nhẹ như lông hồng, ta có thể co giò chạy như bay. Đố người đuổi kịp đó. Ta chỉ có hai chân nhưng thông minh hơn người là cái chắc!”

Robert đứng vài bước xa sau tôi và chụp hình liên tiếp. Moose lườm tôi một cái dọa nạt rồi quay đi tiếp tục bữa ăn sáng của nó.

“That’s not good idea to stand close to it.” Có du khách nói vậy. Họ nghĩ rằng *moose* có thể tấn công vì tôi đứng gần nó và mặc áo khoác màu đỏ như cái khăn đầu bò rừng mới nguy hiểm chứ!



Robert và Ngọc Dung trên miền Non Nước Đá Vàng

Dù sao thì chúng tôi cũng có bằng chứng đã nhìn thấy *moose* và chụp hình với nó. Sau đó, cặp Oklahoma dặn dò chúng tôi gửi hình *moose* cho họ, vì lúc đó họ không đem theo máy ảnh. (Khi trở về Virginia, chúng tôi đã gửi cho cặp Oklahoma một tấm hình họ đứng đằng xa bên hồ thiên nga và một tấm tôi đang vỗ tay gọi *moose* khi nó đang trừng mắt nhìn tôi.)

Chúng tôi về tới khách sạn vừa đúng giờ lên xe đi sông. Có ba xe, mỗi xe có một tài xế, một người chèo thuyền và 12 khách du lịch. Nhóm của chúng tôi có 6 cặp: 2 cặp người Anh, 2 cặp anh em Louisiana với cặp Florida và chúng tôi. Thuyền cao su được kéo sau xe van.

Tới một bến phía nam bờ Snake River, chúng tôi được mặc áo phao và dặn dò để lại các xách tay nặng trong xe. Tài xế sẽ gặp lại chúng tôi ở bến mà thuyền sẽ ngừng. Ông ta phải thắt chặt áo phao cho tôi, để lỡ có tai nạn, người ta móc vào phao vớt tôi lên, tôi không tuột ra khỏi phao vì cái thân hình nhỏ bé.

Thời tiết chiều người. Trời nắng đẹp óng ả. Không khí hanh lạnh buổi sáng sớm làm khỏe khoắn tinh thần, thể xác. Cái áo phao cũng không làm nóng. Mỗi bên ba cặp ngồi. Người chèo thuyền đứng giữa. Tim tôi đập phồng lo sợ. Nhưng ông ta cho biết giòng sông rất êm đềm, có chỗ chỉ nông một bộ. Chỗ sâu nhất độ 6 hay 7 bộ, chỉ ngập đầu người cao lớn thôi. Người chèo thuyền khoảng ngoài 40, thân thể lực sĩ cường tráng, tóc bành bông, đeo kính râm màu đen, đẹp như tài tử *movie* Kevin Kline khi còn trẻ. Sau khi yêu cầu du khách tự giới thiệu tên và nơi ở, người chèo thuyền cũng cho biết tên ông ta là Steve, giám đốc một tiệm bán quần áo và đồ dùng thể thao ngoài trời ở Indiana. Mỗi kỳ hè, ông ta tới đây vừa làm việc kiếm tiền vừa hưởng thú ngao du sông hồ núi non của vùng Teton. Anh chàng Steve nói huych toẹt ra rằng hẳn ly dị, không con, đang đi kiếm vợ giàu để nuôi hẳn sống với thiên nhiên như hiện tại. Trưa nay hẳn có hẹn với hai phụ nữ, một bác sĩ và một luật sư, bạn của nhau. (Du khách chúng tôi nhất định không là đối tượng của hẳn). Chiều nay, hẳn lại có một chuyến chèo

thuyền khác sau bữa trưa, từ khách sạn. Steve cũng khoe rằng, năm 1995, anh chàng được chọn chèo thuyền cao su trên giòng sông này cho Tổng Thống Clinton với Đệ Nhất Phu Nhân Hillary và Tiểu Thư Chelsea cùng mấy vệ sĩ của họ. Tuy không phải *tour guide* chuyên nghiệp nhưng Steve cũng có tài ăn nói huyền thuyên như mấy ông bà thợ hớt tóc.

Con Sông Snake có 48 dặm phong cảnh đẹp chày dọc theo Rặng Teton và phản chiếu những bộ ngực “núi cửa”, kiêu sa phơi trần trong nắng. Nước sông trong veo trong rõ sỏi đá nhẵn nhụi, đủ màu trong lòng sông nông nhìn thấy đáy. Hai bên bờ, rừng thông xanh ngắt. Có lẽ du khách nào được thấy cảnh đẹp thiên nhiên này cũng đều muốn làm nhiếp ảnh viên, họa sĩ, thi sĩ. Có những triền núi còn đóng băng mà nhiều nhất là núi mang tên nhà danh họa Thomas Moran.

Steve kể, có một lần hấn trèo bờ hơi tai lên đỉnh núi đó để chỉ được nghỉ có vài giờ trong gió lạnh cắt da, sẻ thịt, rồi lại leo xuống và nghĩ rằng hấn may mắn đã sống sót. Nhưng bây giờ nếu có dịp, hấn lại muốn được leo lên nữa, như các bà đầu để thề không bao giờ đẻ nữa nhưng ba tháng sau lại có bầu.

Thỉnh thoảng thuyền đi qua một chỗ nước xoáy vì có đá ngầm hay giòng sông bị ngăn làm hai nhánh bởi một cù lao nhỏ. Anh chàng lái chèo phải ngừng câu chuyện để chú ý vào việc điều khiển chiếc thuyền tránh đụng những cành cây đổ hay đá nhọn.

“Cái nguy hiểm là những chỗ đó,” Steve lại nói. “Chúng tôi được luyện tập chèo thuyền trên con sông này 5, 7 lần trước khi cầm tính mạng du khách trong tay. Sau mùa hè, nước sông đã cạn nhiều nên quý vị không nhìn thấy sự nguy hiểm lắm. Nhưng vào khoảng tháng 5, tháng 6 khi tuyết mới tan, nước sông cao, cuồn cuộn chảy như thác lũ với đủ các thứ cây, gỗ, súc vật chết trong mùa đông. Nếu người không cứng tay chèo, không có kinh nghiệm và thuộc giòng sông là chết như chơi. Cách nay mấy năm, tôi đã phải nhẩy xuống sông trong nước lạnh đầu mùa xuân để vớt những người trên một cái thuyền bị lật. Một cậu sinh viên đã đem cả gia đình cha mẹ anh em tới đây và chèo thuyền cho họ lần đầu tiên trên sông này. Cậu ta

để thuyền đâm vào một thân cây đổ ngang ra từ một cù lao. Thuyền bị lật và thủng. Tất cả người trên thuyền ngã nhào xuống sông. Rất may, thuyền tôi và một thuyền nữa chọt đi tới cứu, không ai bị thiệt mạng.”

Tôi cảm thấy yên lòng hơn khi thấy nhiều chỗ nước sông chảy nhanh nhưng thẳng giòng, người lái thuyền được nghỉ tay chèo. Tôi cũng mừng cho ông ta không phải chèo ngược giòng sông trở lại bến khởi hành trong khi 12 người ngồi thoải mái ngắm nhìn phong cảnh hữu tình.

Thuyền đi qua một cù lao có vài nhiếp ảnh viên với đồ nghề nặng nề to lớn trên vai hay trên cây ba càng dựng máy ảnh chụp cảnh sông nước và Rặng Teton. Tôi đã được xem những tấm hình chụp cảnh đẹp mê hồn này. Có lẽ tác giả của chúng cũng phải vất vả, mất công lắm mới đạt được những tác phẩm xứng đáng nghệ thuật ấy.

Ngồi trên con thuyền lướt nhẹ trên giòng sông êm đềm, du khách cũng được nhìn thấy những con chim ó, bồ nông, đại bàng (dấu hiệu của quốc gia Hoa Kỳ). Những con hải ly, *beaver* không xuất hiện, nhưng chúng tôi trông thấy dấu vết của chúng để lại trên nhiều thân cây bị gặm gân đứt. Cách đây hai năm, vườn hoa anh đào Hoa Thịnh Đốn đã bị mấy anh chị chồn nước luân lạc từ rừng về và chiếu cố. Nhiều gốc cây bị gặm nhấm gãy đổ. Sau cùng người ta bắt được và đem chúng thả về rừng. Có loại áo lông làm bằng da của cả trăm con chồn nước. Vì thế Hội Bảo Vệ Dã Thú đã và đang tiếp tục bảo vệ chúng bằng cách phản đối kỹ nghệ may áo lông và những người mặc áo lông. Các con tôi có lần căn dặn bà mẹ chúng: “Nếu mẹ mặc áo lông ra ngoài, gặp nhóm người nào la ó thì cứ lẳng lặng mà đi. Đừng cãi cọ với họ, để tránh gặp phiền nhiễu!”

Một giờ rưỡi sau khi khởi hành, thuyền cập bến vào khoảng 11 giờ. Các du khách đều đồng ý họ đã có một chuyến đi thuyền cao su rất nhẹ nhàng, thoải mái. Chúng tôi vui mừng được lên xe chứ không phải đi thuyền ngược lại giòng sông về khách sạn. Tuy rằng chuyến đi thuyền này được kể trong Tauck tour, du khách không phải trả tiền thêm hay thù lao cho

tài xế và người chèo thuyền, nhưng chúng tôi cùng nhiều người khác vẫn kín đáo để tiền vào lòng bàn tay họ.

Về tới khách sạn, việc đầu tiên chúng tôi nhìn lại chương trình du thuyền trên Hồ Jackson buổi chiều. Thấy giờ khởi hành là 1 giờ 30, chúng tôi mua vé rồi vào *caferia* ăn vội cái *hamburger* và đem nước theo ra trước khách sạn đợi xe buýt. 12 giờ 45 chúng tôi lại lên xe đi Jackson Lake. Sau 15 phút chờ trên bến, chúng tôi lên tàu nhỏ, du ngoạn hồ. Cũng may, tàu có ghé ngòi dựa lưng đỡ phải đứng mỗi chân và có mái che. Chúng tôi đều mang kiếng râm, không bị lóa mắt vì ánh nắng chói chang phản chiếu từ mặt hồ.

Hồ Jackson nhỏ hơn Hồ Yellowstone nhiều, nhưng trong tầm mắt tôi, Hồ Jackson vẫn mênh mông bát ngát. Hình như tất cả băng tuyết ở trên núi khi tan đều chảy xuống hồ vì hồ nằm ngay dưới chân núi và như tấm gương vĩ đại soi ngược bóng Rặng Núi Teton chuyển màu theo ánh sáng mặt trời. Đây đó một vài bóng thuyền buồm lờ lững, hai ba chiếc tàu máy chạy từ từ hay ngừng giữa trời nước bình yên, phẳng lặng. Cái thú du lịch sau mùa hè là không gặp cảnh tấp nập trên bên dưới thuyền.

Tàu đi xuống hướng nam, dọc theo bờ phía đông, vòng qua Elk Island ở giữa hồ và sang bờ phía tây, chạy dọc theo chân Núi Teton. Du khách được một nữ kiểm lâm trẻ tuổi đi theo giải thích địa dư, địa chất Hồ Jackson và Rặng Teton. Cô ta nguyên là giáo sư địa chất học. Nhưng ngán nghề gõ những cái đầu trẻ bướng bỉnh ở nhà trường, cô thích cảnh thiên nhiên hơn nên đã đến làm việc cho Nha Kiểm Lâm Teton National Park.

Theo các nhà địa chất học, tổ tiên Teton có từ 60 tới 70 triệu năm. Nhưng Rặng Núi Teton còn trẻ lắm, mới có 9 triệu tuổi thôi. Với đà di chuyển và rung động của trái đất, thung lũng vùng Jackson Hole này sẽ dần dần thụt xuống và Rặng Núi Teton sẽ tiếp tục nhô lên cao hơn. So với chiều dài một đời người thì nghĩa lý gì đâu! Đến đời nào con cháu mình mới thấy Teton cao như Hymalaya?

Con tàu chạy rất sát chân Núi Teton. Du khách lo âu nhìn những đám cháy bùng bùng lửa trên triền núi. Nhưng người nữ viên kiểm lâm đã trấn an chúng tôi:

“Đó là định luật thiên nhiên. Núi hoang chỉ có dã thú ở, loài người chẳng đi tới làm gì chỉ trừ mấy người leo núi chơi. Những cây già bị cháy, chết đi làm phân bón nuôi cây con mọc lên. Mưa và tuyết xuống sẽ dập tắt ngọn lửa. Mùa tuyết từ tháng 11 đến tháng tư. Dưới thung lũng tuyết cao từ 5 tới 7 bộ. Trên núi, tuyết cao từ 10 đến 15 bộ. Thiên nhiên xếp đặt tất cả.”

Chuyến đi tàu lâu chừng một giờ 30 phút. Chúng tôi về tới bến vào khoảng 3 giờ. Trong khi chờ đợi xe buýt tới đón, tôi vào tiệm bán đồ kỷ niệm và mua được vài tấm hình Hồ Jackson và Núi Teton mà tôi nghĩ rằng ảnh chụp của chúng tôi không thể nào đẹp được như thế.

Về đến *cottage*, chúng tôi lăn ra ngủ như chết, khi tỉnh dậy đã 6 giờ chiều. Chúng tôi vội vàng phục sức nhanh chóng để đi ra ngắm nắng chiều hôn trên ngực các kiềm nữ Teton. Ngoài chúng tôi, còn nhiều quan khách ăn mặc lịch sự vừa tham dự buổi bán đấu giá tranh trong phòng triển lãm cũng đang tản bộ hay ngồi uống nước trong vườn hoa phía sau khách sạn.

Gió thơm mát lộng bay tóc áo. Tầm mắt không bị vướng một chướng ngại vật nào trước rặng núi chạy ngang trước mặt. Đồng cỏ xanh thang dưới nắng vàng. Mặt hồ lấp loáng như vàng lỏng chảy. Những đám cháy hình như bốc lên cao hơn trên triền núi, nhưng trông không còn đáng sợ nữa. Trái lại, những cuộn khói tô điểm cho rặng núi thêm phần nên thơ, huyền ảo. Một họa sĩ đang vẽ cảnh ấy trên bức tranh nhỏ bằng khổ giấy học trò. Những đám khói như lụa bay mềm mại trên tranh. Nhiều họa sĩ thu nhanh phong cảnh vào một bức tranh nhỏ như thế rồi từ đó đem về xưởng họa, vẽ lại thành một hay nhiều tranh lớn khác nhau. Một lần nữa tôi lại nghĩ thầm: “Nếu có sơn cọ ngay lúc này mình cũng có thể vẽ được như vậy.” Tuy nhiên, đó chỉ là những ý nghĩ thoáng qua, tôi còn nhiều dự định, không ôm đồm làm nhiều việc được. Xin nhường ngón vẽ cho các quý vị họa sĩ tài năng khác!



Grand Teton Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Khi Robert và tôi vào bàn ăn, cặp Florida cũng vừa tới. Chúng tôi ngồi quay lưng lại cửa sổ nhường chỗ khác cho hai cặp kia ngắm hoàng hôn chiều nay. Một lúc lâu sau, Sandra đi một mình vào bàn và nói rằng Cy, chồng bà không ăn chung với mọi người được. Bà đã gọi thức ăn và vừa đem về phòng cho ông.

“Thế ông ấy cũng không dùng xe lăn được ư?” tôi hỏi.

“Có,” Sandra ghé tai tôi nói nhỏ và tiếp, “Ông ấy uống thuốc cho đỡ đau lưng thì lại cứ đi tiểu hoài. Mà đi phòng tiêu thì phải ra phía ngoài và xuống tận tầng dưới đây.”

“Tôi nghiệp Cy!” tôi chỉ biết thờ dài.

Simon muốn làm cho Sandra vui, ông gọi rượu cho bà ta uống. Không biết trong lòng Sandra có buồn phiền không nhưng bà ta vẫn trang điểm sáng láng, nói cười vui vẻ. Sandra kể rằng vợ chồng bà có đi tàu trên Hồ Jackson sáng nay và đêm được 27 đám cháy trên núi. Bà tiếp:

“Sáng nay trước khi đi tàu, tôi một mình đi ra hồ thiên nga và chụp được rất nhiều hình chúng. Tôi trông thấy hai con *moose* nữa.”

“Chúng tôi chỉ trông thấy một con rất gần và Zung vỗ tay gọi nó quay lại,” Robert ngắt lời Sandra.

“Tôi gọi chúng Mu-sy, Mu-sy chúng cũng quay lại,” Sandra khoe. Tôi vui mừng tiếp lời:

“Tôi gọi nó, Mu-sơ, Mu-sơ. Có lẽ nghe ra tên, nó mới quay lại nhìn tôi.”

“Đúng thế, chúng biết tên chúng là *Moose*!”

Chúng tôi đều cười vang như trong phòng ăn không có ai. Hơn nửa tuổi đời, được dịp đi chơi giữa thiên nhiên, con người khoẻ khoắn, lành mạnh ra và bỗng cảm thấy yêu đời, trẻ lại. Quay sang cặp Florida, Sandra hỏi:

“Thế hai ông bà có đi xem thiên nga sáng nay không?”

“Chúng tôi đi đến nửa đường thì quay lại vì đường đầy những phân ngựa,” Dellas trả lời.

Chúng tôi lại được dịp cười nữa. Tuy nhiên, Robert cũng không quên hỏi cặp Florida về tình hình giông bão nơi họ ở.

“Bão đã thổi qua Florida và không thiệt hại gì,” Simon đáp.

“Vậy thì ông không lo đi chơi lâu nhi?”

“Nêu có thể tôi vẫn muốn về ngay sáng mai.”

May quá! Ông xã tôi không kêu ca, than thở gì. Hình như tôi vui đâu thì chàng mừng đó. (Thank you, my dear!)

CHỦ NHẬT 17 THÁNG 9, NĂM 2000 - Sáng nay chúng tôi phải để đồng hồ báo thức lúc 5 giờ, khi lên phòng ăn trời còn tối. Nhiều người trong đoàn du lịch của chúng tôi đã có mặt ở đây. Hôm nay xe buýt sẽ khởi hành 7:45 đi Salt Lake City, chặng đường cuối cùng của chuyến đi. Hành lý phải để sẵn sàng bên trong cửa trước 6:45. Sau bữa sáng dần bụng với *cereal*, bánh mì nướng và cà phê, chúng tôi định ra ngoài thung lũng từ biệt Rặng Núi Teton. Trời lâm tẩm mưa, lần đầu tiên trong cuộc hành trình. Tôi rào nhanh bước về phòng. Hành lý đã được mang ra buýt rồi. Còn nửa giờ nữa ngồi làm gì trong phòng? Tôi chạy ra xe đậu cách phòng tôi không xa. May quá, va-li của tôi chưa được chất lên xe, tôi mở vội lấy hai cây dù nhỏ và kéo tay Robert, đi như chạy lên đồi.

Grand Teton chìm trong sương mù. Những bộ ngực mỹ nhân còn đang say giấc mộng điệp, thấp thoáng trong màn khói sương mờ ảo. Mây trời xám đục. Hồ Jackson bốc hơi ẩm. Mưa gió ào ào, hắt ướt mặt. Chúng tôi đi lên tận đỉnh đồi nhìn xuống thung lũng dõi mắt kiểm xem có hươu nai ra uống nước hay ăn cỏ không? Nhưng tuyệt nhiên chẳng nhìn thấy con nào ra gọi mưa như chúng tôi. Bỗng ánh lửa trong đám khói lớn nhất cháy bùng lên. Có vài du khách la hét hoảng. Nhưng với cơn mưa này và những ngày tuyết rơi sắp tới, lửa không thể lan đi xa và không thể đốt được cả rặng núi đá đã đứng vững 9 triệu năm. Vùng này từ đó tới nay cũng chưa có động đất hay núi lửa phun. Địa thế của nó chắc chắn sẽ không thay đổi trong vài năm.

Trong lòng tôi vang lên lời từ biệt, hẹn hò: “Chào các người đẹp Teton! Ta sẽ trở lại!”

Đúng 7 giờ 45 phút xe buýt rời khách sạn Grand Teton và đi dọc theo Snake River xuống phía Nam. Trời mưa lưa thưa. Rặng Teton bệnh bồng trong sương mù. Bỗng mặt trời loé lên

từ rặng núi phương đông, làm thành một cầu vòng ngũ sắc mọc từ mặt Hồ Jackson bốc hơi và bắc qua rặng núi, đánh thức các Kiều Nữ Teton. Du khách lại reo lên như lũ con nít. Một đám mây đen khổng lồ như phi thuyền không gian bay ngang thật thấp qua thung lũng như sắp có giông to bão lớn. Trong khi đó rặng núi hai bên rực rỡ tia nắng ban mai. Có lẽ ở trong một vùng bao la tầm mắt người ta mới bắt gặp cảnh nắng quái ban mai lạ lùng này. Nhưng rồi mây tan, mưa tạnh. Chúng tôi đi xa dần giòng Sông Rắn, lại qua Ngọn Đồi Tủ Trườg Da Đỏ Bụng Bự và Tỉnh Jackson với công viên có bốn mái cổng được kết bằng sừng hươu.

Chúng tôi dự định một ngày không xa sẽ bay tới phi trường Jackson, rồi từ đó sẽ thuê xe và lái đi Grand Teton National Park, mượn *cottage* (nhà gỗ nhỏ) ở năm hay bảy hôm, thăm thú hết mọi nơi trong vùng. Sau đó đi Yellowstone cách 57 dặm về phía Bắc. Hoặc bay tới Phi Trường Cody rồi đi Yellowstone Park cách 52 dặm về phía Nam và phải ở trong vùng suối nước nóng và hồ êm lặng ít nhất là một tuần trăng để được sống gần với thiên nhiên huyền ảo, tuyệt vời. Đoạn đường này tương đối đi dễ dàng hơn từ phía Bắc Yellowstone.

Rời Tỉnh Jackson, xe đi qua những trang trại chăn nuôi trâu bò với cánh đồng cỏ bát ngát. Cỏ được gặt và chất đống trên những nhà kho hình tròn và cao để súc vật không tự tiện đến bới ăn. Snake River vẫn ngoằn ngoèo chảy dưới chân cầu xe chạy qua, và xuyên vùng rừng núi Targhee National Park. Sắc thu đã chớm điểm nơi đây. Ngoài thông vạn niên thanh ngàn năm xanh rì, những cây phong (Birch), cây sồi (Oaks), cây bạch dương (Cottonwood), hoan diệp liễu (Aspen)... đã đổi màu vàng nhạt hay vàng tươi. Còn 5 ngày nữa, 21 tháng 9 mới thực sự vào thu.

Qua Alpine Town, xe đi ngang Sông Rắn lần cuối cùng và len lối giữa những vách đá, vực thẳm hiểm trở, khe thác cheo leo. Mưa xuống mịt mù, rừng núi âm u càng tăng thêm vẻ bí ẩn của Snake River Canyon. Đường đi xuống thấp dần và đi vào Five Star Valley, vùng thung lũng rộng lớn cuối cùng của Tiểu Bang Wyoming mà người Mormons đã đến định cư

từ giữa thế kỷ 19. Xe đi qua dưới một cổng chào được làm bằng 3500 cái sừng hươu của tỉnh Afton. Trước khi rời Wyoming, cô hướng dẫn Judy đọc một bài thơ mà tác giả là một cô chăn bò vùng này. Tôi chỉ nhớ được câu cuối cùng: *Wyoming, God beloved land!*

Geneva là tỉnh đầu tiên của Idaho chúng tôi đi tới sau khi từ biệt Wyoming, một tiểu bang đã để lại bao kỷ niệm khó quên trong chuyến du lịch của chúng tôi. Xe ngừng lại ở một nhà hàng trước đây là nhà thờ Đạo Cơ Đốc (Mormon), trong Tỉnh Montpellier. A, cái tên Geneva, Montpellier nghe có vẻ Thụy Sĩ và Pháp ghê!

Idaho là tiểu bang nổi tiếng về khoai tây. Nên du khách háo hức chờ đợi được ăn khoai đút lò. Nhưng thứ khoai chúng tôi được ăn là thứ khoai tây trắng, bờ bột, nhạt nhẽo. Không phải là thứ khoai vàng như bơ, vừa dẻo vừa đậm ngọt mà tôi thích và vẫn thường chọn mua ở chợ. Tuy nhiên, chúng tôi ăn bữa trưa một cách ngon lành vì trời mát và bụng đói.

Rời Tỉnh Montpellier, chúng tôi qua các tỉnh có tên Âu Châu khác như, Paris, St. Charles tọa lạc trên bình nguyên canh nông trồng trọt bát ngát. Cô Judy cho chúng tôi biết rằng Tỉnh Paris của Idaho không mang tên kinh đô nước Pháp mà mang tên họ Paris của người thành lập ra nhóm Mormons đầu tiên tại đây. Ông Paris có sáu vợ và 51 người con. Có lẽ thuở xưa người ta cần nhiều vợ, sinh nhiều con để quây quần cho vui, để tỏ ra có uy quyền, để bành trướng tôn giáo, thành lập làng riêng với nhiều chân tay, sức mạnh bảo vệ họ?

Tỉnh St. Charles là nơi sinh của danh họa sĩ điêu khắc gia Gutzon Borglum, người đã hoàn tất công trình đẽo tạc bốn khuôn mặt của bốn vị tổng thống Hoa Kỳ trên Núi Rushmore: Washington, Jefferson, Roosevelt và Lincoln.

Bắt đầu vào Tỉnh St. Charles, Bear Lake hiện ra bên tay trái, mênh mông màu xanh lam ngọc và trải rộng tới rặng núi màu tím hồng xa xa. Bear Lake ở giữa ranh giới Idaho và Utah, có chiều dài 20 dặm, chiều rộng 8 dặm. Chúng tôi đi rất lâu dọc theo bờ hồ.

Đến Garden City là sang tới Tiểu Bang Utah, thổ ngữ của người Da Đỏ có nghĩa là ở *chỗ cao trên ngọn núi*. Xe rẽ tay mặt leo mấy vòng tròn ốc quanh ngọn núi cũng mang tên Bear Lake, chúng tôi vẫn nhìn thấy mặt hồ sáng loáng như gương dưới ánh mặt trời. Thưa thớt những nhà cửa bằng gỗ nhỏ nhỏ xinh xinh, trông như những chuồng chim lớn ẩn mình trong rừng cây. Đường vào các nhà trải đá rậm đơn sơ. Đồi sống có vẻ xa rời thế giới văn minh.

Sau đó, xe vào vùng Logan Canyon. Sông Logan chảy xiết dưới vực sâu. Vách đá dựng ngược trông như những tháp nhọn nhà thờ chen chúc cạnh nhau hay những đền đài, những bức tường thành đồ sộ, kiên cố thời La Mã, cái này nối tiếp cái kia, du khách nhìn không chán mắt.

Đến Thành Phố Logan, chúng tôi được ngừng lại trước cửa Logan Temple, Church of Jesus Christ of Later-Day Saints. Người Mormons muốn được gọi nhà thờ của họ như thế hơn là Mormon Church. Nhà thờ đóng, chúng tôi chỉ được đứng ở bên ngoài nhìn nhà thờ có kiến trúc Gothic với nhiều tháp nhọn, được xây từ năm 1884 và là công trình tuyệt hảo đầu tiên của người Mormons khi mới đến vùng Utah. Hình như ai nấy đều mỗi một chẳng thiết xuống xe và chụp hình. Du khách chờ đợi được nhìn thấy Great Salt Lake và Salt Lake City. Tuy nhiên, khi xe đậu lại ở một tiệm McDonal thì ai nấy đều vui mừng xuống tầy trần, mua kem, nước ngọt, *milk-shake* hay cà phê. Cũng nên nói, suốt hành trình vừa qua, không có du khách nào dùng đến cái phòng “xả xui” ở cuối xe buýt cả. Có một lần tôi dùng nó để thay cái áo mỏng và mát hơn. Phòng rất sạch sẽ thơm tho.

20 phút sau, chúng tôi lên xe đi vào Salt Lake City, thủ đô của Tiểu Bang Utah và được cô hướng dẫn Judy giới thiệu về thành phố này. Năm 1847, Brigham Young, giáo chủ thứ hai của đạo Mormon và gia đình ông đến đây để chạy trốn sự tấn công của dân Mỹ không cùng tôn giáo. Theo như Đạo Mormon, sau khi Đức Chúa Jesus chết và sống lại, ngài đã hiện ra và đi giảng đạo trên đất Hoa Kỳ. Một lý do nữa mà những người đồng chủng trong thời gian khai khẩn đất hoang

không ưa người Mormons vì họ có tục đa thê. Ông Brigham Young đã chọn vùng Salt Lake City và dừng lại để “lập quốc”. Ông nghĩ rằng đất sa mạc hoang vu khô cằn này không ai thèm tìm đến tranh chấp với họ. Sau đó, Brigham Young hướng dẫn và điều khiển những người Mormons tới trồng trọt mở mang trang trại, xây dựng nhà thờ, trường học. Tới năm 1896, sau khi bãi bỏ tục lệ đa thê và tuân theo luật liên bang một vợ, một chồng, Utah trở thành tiểu bang thứ 45 của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, với Salt Lake City là thủ đô.

Xe buýt của chúng tôi chạy vào đại lộ chính của thành phố. Khu kỹ nghệ đông dân cư nhất nằm trên triền núi Wasatch phía đông và phía tây Great Salt Lake. Nước hồ mặn gấp mấy lần nước biển. Không loài sinh vật nào sống được trong hồ. Theo các nhà địa chất học, nhiều trăm triệu năm trước kia, Utah nằm dưới đáy biển. Đến 100 triệu năm trước đây, nước rút dần thành bùn lầy và là đất sống của nhiều loài khủng long. Khi bùn lầy khô cạn, khủng long chết hết. Great Salt Lake là hồ nước mặn cô đọng lại từ thuở đó.

Xe ngừng tại bến thuyền bên hồ bát ngát sáng lóa dưới ánh mặt trời chói chang. Hồ dài 90 dặm và rộng 30 dặm. Gió hồ lồng lộng nhưng vẫn không xua đuổi sức nóng mặt trời trong vùng Utah vẫn được coi như sa mạc khô cằn.

Tôi hỏi Robert, vốn sinh trưởng ở Chicago:

“Great Salt Lake có rộng hơn Hồ Michigan của anh không?”

“Không,” ông xã tôi trả lời dưới và trả lời. “Hồ Michigan lớn đến độ không nhìn được bờ bên kia và trông như biển.” Tuy vậy, chúng tôi phải chụp hình *panorama*, mới hy vọng thu cảnh mênh mông như trời biển của Great Salt Lake. Nơi chúng tôi đứng, nhìn sang hòn Đảo Antelope trụi khô khan nhưng lại là giang sơn của nhiều dã thú như hươu, nai, trâu, bò, mèo rừng và nhiều loại chim muông. Hải âu, loài chim tiêu biểu của Tiểu Bang Utah, bay lên đậu xuống trên bờ hồ nườm nượp. Sở dĩ hải âu được chọn là *State Bird* của Utah vì, vào những năm đầu tiên định cư của người Mormons, mùa

màng vùng Salt Lake City bị châu chấu tàn phá gần hết. May nhờ có hàng đàn hải âu bay từ đâu tới mổ ăn châu chấu tới tấp mới cứu được mùa màng nhà nông.

Nhiều du khách Anh trong nhóm du lịch giữ chỗ đi du thuyền vào ngày mốt, ngày mà chúng tôi và nhiều người khác sẽ kết thúc cuộc hành trình lên đường về quê.

Khi trở lại xe, cô Judy phát cho du khách mỗi người một bản đồ Salt Lake City mà trung tâm là Temple Square, nơi Mormon Temple tọa lạc. Xe buýt đưa du khách đi quanh đó cho chúng tôi có khái niệm phương hướng cùng vị trí để chiều nay có thể tự đi thăm thú vì khách sạn của chúng tôi chỉ độ mấy quãng ngắn tới Temple Square. Cô Judy không quên chỉ cho chúng tôi những nhà hàng, tiệm ăn chung quanh khách sạn. Tối nay chúng tôi phải tự túc.

Du khách được đưa tới Hilton Salt Lake City Center, khách sạn mà chúng tôi ở đêm nay và đêm mai. Phòng chúng tôi trên lầu bảy, nhìn sang cao ốc của một công ty thương mại nào đó. Chúng tôi kéo màn cửa sổ và ngả lưng tìm giấc ngủ. Vừa chợp mắt thì có tiếng gõ cửa. Hành lý được mang lên. Tôi lại nhòe dậy là ủi, hong quần áo định mặc tối nay lên mặc cho thơm tho và sửa soạn đi ra phố.

Chúng tôi đi lên, đi xuống vài con đường vòng quanh Hilton Center. Nhiều khách sạn, nhà hàng sang trọng nhưng đường phố cũng như những thành phố khác, không có gì đặc biệt để xem. Chúng tôi rẽ vào một tiệm ăn đặc biệt đồ biển, có tên Market Grill. Trong vùng Reston chúng tôi ở Virginia cũng có nhà hàng này trong khách sạn Hyatt Regency, nên yên trí món ăn phải ngon. Robert yêu cầu được ngồi ở chỗ cấm hút thuốc. Cô tiếp đãi viên lịch sự cho hay toàn thể nhà hàng không có chỗ nào cấm hút thuốc cả. Nhưng họ có một nhà hàng cùng tên, cùng chủ, cách đó ba căn và toàn thể cấm hút thuốc. Thật là mừng!

Vào đến nhà hàng Market Grill thứ hai, chúng tôi thấy hai cặp Louisiana đang ngồi ăn ở một góc. Chúng tôi mỉm cười với họ. Tiếp đãi viên hình như toàn là sinh viên trẻ ăn mặc

đồng phục đen trắng, lịch sự, lễ phép. Chúng tôi đã biết bụng dạ mình như thế nào nên Robert chỉ gọi một đĩa *salad*, tôi gọi món cơm với đồ biển và rau nướng xiên. Chúng tôi chia nhau ăn chứ không lại no ứ hự, bỏ phí của trời.



Robert và Ngọc Dung bên Hồ Great Salt Lake,
Salt Lake City.

Một lát sau cặp vợ chồng Oklahoma City đi vào và đòi ngồi xuống bàn cạnh chúng tôi. Hai ông bà nói họ đã đến tiệm này cách đây vài năm thế mà vẫn vào làm Market Grill bên kia để rồi lại trở sang đây. Họ cho chúng tôi biết, sáng mai họ không theo đoàn du lịch đi thăm Làng Olympic 2002 mà sẽ thuê xe đi thăm Trung Tâm Phim Ảnh, do Đạo Diễn kiêm Tài Tử Robert Redford^{10[10]} thành lập. Họ đã viếng thăm nơi đó

10[10] Robert Redford là tài tử nổi tiếng của Hollywood trong nhiều phim như *The Way We Were*, *The Sting*, *All the President 's Men*...

mấy năm trước, nay muốn biết nó tiến triển đến đâu. Có những người trọng tuổi mến mộ Robert Redford và phim ảnh thế đấy.

Chúng tôi ăn xong trước và cáo từ cặp Oklahoma đi ra dạo phố. Buổi tối, đường phố trong khu công tư sở thật vắng vẻ, buồn nản. Một điều đặc biệt ở các ngã tư, ngoài đèn xanh, đèn đỏ còn có tiếng chim hót trên lối đi cho người bộ hành mù. Đến một ngã tư tôi thử nhắm mắt và đợi tiếng chim hót thì đi qua đường, nhưng vẫn ăn gian nắm tay ông chồng. Tuy vậy, tôi vẫn có cảm tưởng chới với mất thăng bằng.

Mỗi mệ và thầy không đủ sức đi tới Temple Square, xem đèn chiếu ban đêm, chúng tôi trở lại khách sạn và lên giường nằm ngay thẳng cẳng, không biết ai ngáy trước, ngáy sau.

THỨ HAI NGÀY 18 THÁNG 9, NĂM 2000 - Sáng nay, chúng tôi được thông thả xuống phòng ăn sáng vì 9 giờ mới phải lên xe buýt. Một nữ tiếp đãi viên người Á Đông làm tôi chú ý. Bà ta nhỏ nhắn, gầy gò, vào khoảng 50 tuổi là nhiều. Tôi nói thăm với Robert:

“Người đàn bà này có vẻ Việt Nam.”

“Tôi trông bà ta có vẻ Phi Luật Tân thì đúng hơn,” chồng tôi nói.

Tôi định hỏi, nhưng bà ta và những người dọn bàn khác đều rất bận. Tuy nhiên, tôi cũng bắt gặp ánh mắt người đàn bà nhìn tôi như có cùng một ý nghĩ. Thế rồi, vợ chồng chúng tôi phải vội vàng ra xe buýt. Hôm nay là ngày cuối cùng của cuộc hành trình, chúng tôi lại ngồi gần cuối xe, nhưng ở đây ghé đối diện với ngày đầu tiên.

Dân số Salt Lake City vào khoảng 200,000. 50% dân theo đạo Mormon. Nhà ông tài xế Doc ở trong thành phố, nhưng ông không phải là người Mormons và không có vợ. Chiều hôm qua ông chưa có dịp về trang trại thăm bốn con ngựa.

Chúng tôi được đưa tới tòa nhà Lập Pháp của tiểu bang Utah, tọa lạc trên khu đất cao, chung quanh là thảm cỏ xanh mướt như nhung, vườn hoa muôn màu rực rỡ. Tòa nhà được

xây bằng đá hoa cương và hoàn thành năm 1916, trông rất giống tòa nhà Quốc Hội Capitol, Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.

Trên đường đi Làng Thế Vận Hội Mùa Đông 2002, cách Salt Lake City 30 dặm, chúng tôi dừng lại ở Heritage State Park. Nơi đó có Đài Tưởng Niệm địa điểm ngừng lại của những người Mormons đầu tiên đến đây khai khẩn đất hoang, sau một chặng đường 1300 dặm đi bộ gian nan, cực khổ.

Đường lên núi quanh co, đập nước lớn dưới sâu, sân *golf* bát ngát, nhà cửa xây bằng gỗ nhưng trông rất tối tân, sang trọng. Olympic Park nằm trên Rặng Núi Wasatch cao 7,310 bộ. Chúng tôi được đưa tới một cái cầu nhảy của những người tranh tài Nordic Ski Jumping và được vào phòng xem một phim giải thích về đủ các trò trượt tuyết khác như Bobsled, Skeleton, Luge.

Bobsled là trò trượt băng của một đội cùng nhau tranh tài và điều khiển một đoàn xe trượt băng móc vào nhau. Người ngồi toa đầu lái xe và những người ngồi toa sau cùng uyển chuyển theo cho đoàn xe lao xuống đường hẹp băng đá dốc cao, ngoằn ngoèo.

Người tranh tài Skeleton, đẩy thật mạnh cái *sled* rồi nằm xấp xuống *sled*, đầu hướng về phía trước, và lao xuống theo đường băng đá như Bobsled.

Người tranh tài Luge nằm vào cái *sled* có khung sắt qua đầu, hai bàn tay để áp hai bên hông, dùng chân duỗi thẳng và điều khiển cho *sled* lao xuống dốc núi băng tuyết.

Toàn những trò chơi mạnh bạo, nguy hiểm, tốn tiền, cần sức khỏe phi thường. Chơi những trò này đã khó, lấy được huy chương càng khó hơn lắm lắm vậy. Nữ hướng dẫn viên của Olympic Park yêu cầu một du khách nào đó nằm thử vào *luge sled*. Các ông già, bà cả nặng nề, chậm chạp, lắc đầu quày quật. Tôi ngồi ngay hàng ghế đầu nên xung phong trình diễn. Người hướng dẫn ngạc nhiên thấy tôi nằm xuống, ngồi dậy và ra khỏi *luge sled* rất gọn gàng, nhẹ nhàng, không đụng đầu vào khung sắt như nhiều người đã từng thử *luge sled* trước đây.

Sau khi đã viếng thăm Salt Lake Olympic Park này, nếu không được đi dự Thế Vận Hội vào mùa đông 2002, chúng tôi

cũng sẽ thú vị hơn khi xem những cuộc tranh tài trượt băng, trượt tuyết, nhào lộn cầu nhảy trên vô tuyến truyền hình và nhận ra những địa điểm đã viếng thăm.

Trên đường trở về Salt Lake City, cô hướng dẫn Judy, căn dặn du khách, khi viếng thăm Mormon Temple, không nên để tên và địa chỉ ở lại nhà thờ. “Người ta” sẽ theo đuổi tên quý vị mãi. Một số du khách xuống tại Temple Square. Chúng tôi đi thẳng về khách sạn để cất vài món đồ kỷ niệm nặng mà tôi mua buổi sáng. Trên đường về khách sạn, xe đi qua Eagle Gate, được dựng lên năm 1859 và là cổng sắt vào tư trại của Brigham Young. Trên nóc cổng gắn một con đại bàng bằng sắt nặng tới 4000 lbs. Ngay gần cổng là Beehive House, tư gia chính thức của ông Young, được xây vào năm 1853. Chắc chắn ông giáo chủ thứ hai của Đạo Mormon có nhiều tư gia không chính thức khác.

Chúng tôi định ăn trưa trong khách sạn, nhưng lại đổi ý ăn trong khu Shopping Center. Thèm cơm lắm rồi, nên tôi gọi một đĩa cơm chiên với thịt gà xào rau thập cẩm. Chúng tôi lại ăn chung vì biết rằng tối nay sẽ ăn ở nhà hàng Spencer’s, trong khách sạn, lòng danh nhất Salt Lake City về món *beef steak*.

Sau khi ăn, tôi để người anh hùng thăm mệt của tôi ngồi đọc báo ở một chỗ. Tôi lang thang đi xem khu Department Stores nổi tiếng lớn nhất nước Mỹ này. Tôi vẫn thấy nhiều tiệm quen thuộc ở Virginia và các nơi khác. Tôi gặp nhiều du khách cùng đoàn. Mấy bà người Anh hí hửng khoe mua được nhiều đồ trang điểm rẻ hơn bên Anh. Dellas, của Florida, cũng để chồng ở khách sạn, tay bà xách túi to, túi nhỏ.

Sau một vòng đi mũi tú kính các tiệm hàng, tôi trở lại chỗ Bob ngồi và cùng chàng sang Mormon Temple. Chúng tôi chụp được vài tấm hình ở bên ngoài. Robert cáo mệt không vào bên trong. Chúng tôi gặp cặp vợ chồng người Anh với cô con gái.

“Tôi xuýt đổi đạo,” bà vợ thì thầm.

“Vậy hả?” tôi trợn mắt ngạc nhiên.

“Tôi nói giỡn đấy. Nhưng thực sự là những cô hướng dẫn viên trẻ của nhà thờ ăn nói rất giỏi, rất khéo!”

Về đến khách sạn, chúng tôi điền mẫu giấy nhận định về chuyến du lịch mà cô hướng dẫn Judy đưa cho du khách chiều hôm qua. Chúng tôi đồng ý cho điểm *very good* cho chương trình du lịch, nhưng ghi thêm rằng ước gì được ở Yellowstone Park lâu hơn trong cuộc du lịch này. Trên thế giới không thiếu gì sông, núi, biển, hồ đẹp. Nhưng chẳng có nơi nào giống như Yellowstone Park.

Về ông tài xế Doc và Cô Judy, chúng tôi phê điểm *excellent*. Đa số chúng tôi đều cho rằng họ đã làm việc hết mình, sẵn sàng chúng tôi chu đáo, luôn luôn kiên nhẫn và vui vẻ. Thậm chí cô Judy đã gọi các hãng hàng không để chắc chắn các du khách đều có chỗ trên máy bay khi ra phi trường ngày mai. Ông tài xế và cô hướng dẫn không thể làm gì hơn cho du khách được nữa. Tôi ký sẵn cho Ông Doc và Cô Judy mỗi người một ngân phiếu như hãng du lịch đề nghị và để vào bao thư với tấm các cảm ơn.

Chúng tôi xuống phòng tiếp tân thì đã đông người. Ai nấy đều phục sức trịnh trọng hơn những bữa thường vì đây là buổi cuối cùng từ biệt nhau. Chúng tôi được đãi rượu với vài món khai vị nhỏ. Khi chúng tôi đưa bao thư cho ông tài xế và cô hướng dẫn thì được Cô Judy trao tặng tấm ảnh mà đoàn du lịch đã được chụp tại Mount Rushmore. Ảnh lớn bằng trang giấy viết thư, cảnh đằng sau là bốn khuôn mặt của bốn vị Tổng Thống được công dân Mỹ biết ơn và tôn thờ trên núi. Kèm theo tấm ảnh là danh sách có đánh số từ du khách thứ nhất tới du khách thứ 41 cộng với cô hướng dẫn. Trên trang giấy đó có tô lại tấm hình và ghi số của mỗi người. Chúng tôi có thể tra tên trong danh sách và nhận diện lại từng khuôn mặt. Đó là ý kiến hay, khi gửi cho bạn bè một cái hình hộp mặt có nhiều người.

Du khách bắt tay hay chào ôm Cô Judy và Ông Doc để từ biệt và cảm ơn họ. Hai người sẽ không sang phòng ăn với chúng tôi. Cô Judy trở lại Boston ngay sáng sớm hôm sau và sẽ điều khiển một chuyến du lịch khác ở Canada vào cuối tuần.

Tôi đó, chúng tôi ngồi cùng bàn với hai bà người Anh, một bà Alaska và một bà Palmspring. Bà này khoe rằng chiều nay bà không ra phố nhưng gọi người lên phòng đấm bóp cho một trận đã đời trời đất. Hai bà người Anh kể rằng sẽ đi du thuyền trên Great Salt Lake ngày mai và ngày một mới về Anh Quốc. Họ ở vùng Edingburg, phía Bắc nước Anh. Vậy mà họ chưa bao giờ đi xem trình diễn Tatu của quân đội Hoàng Gia Anh mà chúng tôi đã dự kiến gần 20 năm về trước, khi Robert làm việc ngoại giao ở Brussels. Bà Alaska là nhà văn viết truyện nhi đồng và đã có một quyển sách xuất bản. Tôi được dịp khoe về họa sĩ Hương Alaska của Việt Nam:

“Bà có nghe tên một họa sĩ Việt Nam có tên là Hương Alaska không?”

Tôi nói tiếp khi bà Alaska còn đang vận động trí nhớ:

“Người phụ nữ Việt Nam này được bảo trợ tới Alaska năm 1975. Cô ta khởi đầu vẽ những bức tranh nhỏ với phong cảnh và đời sống Alaska bằng màu nước và bán với giá 10 hay 18 Mỹ kim để sinh sống. Thế rồi họa sĩ này đến trường học thêm về hội họa và trở thành nổi tiếng ở Alaska.”

“À, à, tôi có nghe về họa sĩ này,” bà Alaska gật gù.

“Họa sĩ Hương trẻ hơn tôi nhiều,” tôi nói tiếp. “Nhưng cũng tốt nghiệp từ trường trung học cũ của tôi ở Sài Gòn. Sau này họa sĩ Hương đã nổi tiếng khắp nước Mỹ trong giới hội họa và vừa có một cuộc triển lãm lớn ở Florida với những bức tranh vĩ đại để đánh dấu 25 chấm dứt chiến tranh Việt Nam.” Người đồng hương của mình thom, thì mình cũng thom lây. Nên tôi không bỏ qua những dịp có thể giới thiệu về sự vang dân Việt của mình.

Các bà trong bàn chúng tôi, mỗi người gọi một món khai vị, tôi gọi năm nướng bơ, để chia nhau ăn thử. Cho món chính, bà thì gọi gà, bà thì gọi thịt heo hay thịt bò. Robert không gọi khai vị chỉ gọi cá *salmon*. Tôi gọi *filet mignon*. Chúng tôi sẽ chia sẻ với nhau như thường lệ cho đỡ ngán. Đến tráng miệng, các bà kia cũng mỗi người gọi một món thích nhất và cho nhau nếm. Robert chia món dâu kem với tôi.

Tiệc nào rồi cũng đến lúc tan. Cuộc vui nào rồi cũng đến lúc tàn. Sau khi chia tay tại bàn mình, chúng tôi đi sang các bàn khác chào từ biệt tất cả du khách đã cùng đi chung một chuyến 10 ngày. Tất cả đều lịch sự, thân thiện với nhau, từ Rapid City, Mount Rushmore tới Thành Phố Cody, Lake Yellowstone, Old Faithful Geyser, Hồ Jackson, Rặng Núi Teton và sau cùng là Salt Lake City. Phút chia tay bịn rịn làm sao!

Sandra tôi nay lại xuống phòng ăn một mình. Bà ta ghé tai tôi thì thầm:

“Sáng mai chúng tôi về Rhode Island rất sớm. Tôi sẽ phải đưa Cy vào nhà thương ngay.”

Robert nói với Simon:

“Ông có mừng được về Florida ngày mai không?”

“Rất mừng,” Simon vừa nói vừa liếc sang vợ. “Nhưng Dellas còn tiếc không được ở lại mua sắm thêm quần áo nữa.”

Chúng tôi chẳng hỏi địa chỉ hay số điện thoại của ai và cũng chẳng ai hỏi chúng tôi trừ cặp vợ chồng Oklahoma và cặp Louisiana. Đa số các quý vị đã về hưu, nhưng cũng mỗi một vì sự làm quen xã giao với tha nhân gần hết chiều dài cuộc đời. Có dịp gặp gỡ thì chung vui, ít ai tiếp tục mãi được sự quen biết mới bằng thư từ, bằng điện thoại... Chúng tôi nhắc lại nhiều lần một câu:

“Mong được gặp lại trong những chuyến du lịch khác.”

Sáng hôm sau chúng tôi xuống phòng ăn sáng lúc 7 giờ dù chẳng có điều gì vội vã. Không người nào trong đoàn du hành vừa qua hiện diện. Bỗng người nữ tiếp viên Á Đông mà chúng tôi đã trông thấy sáng qua, đến nói với Robert:

“Có người muốn gặp ông trong điện thoại.”

“Người ta có nói tên tôi không?” ông xã tôi hỏi lại.

“Người ta chỉ nói muốn nói chuyện với ông có bộ tóc trắng ngồi trong phòng ăn sáng.”

“Cô ra hỏi lại xem người có tóc trắng tên gì. Nếu là tên tôi thì tôi sẽ ra nói chuyện.”

Người nữ tiếp viên lui ra, một lúc lâu mới trở lại phòng ăn, nhưng không đến gặp Robert. Chồng tôi có vẻ thản nhiên về

sự việc không đầu không cuối này. Nhưng tôi cảm thấy áy náy về cô tiếp viên. Trong cái tiểu bang nhiều sa mạc, xa xôi, ít người Á Đông này, nếu tôi gặp một người Việt Nam và không chào hỏi thì bất nhẫn quá. Và lại, trông người đàn bà này có vẻ cô đơn làm sao! Tôi nói với Robert:

“Tôi không nghĩ người phụ nữ này là Phi Luật Tân. Nghe giọng tiếng Anh có vẻ Việt Nam lắm. Để tôi hỏi xem sao.”

Tôi vẫy tay gọi người nữ tiếp viên Á Đông lại và hỏi bằng tiếng Anh:

“Bà là người nước nào?”

“Việt Nam.”

Tôi chuyển sang tiếng Việt ngay:

“Tôi cũng là người Việt. Cô ở vùng này lâu chưa?”

Người nữ tiếp viên tươi cười mừng rỡ:

“Em đến đây từ năm 1975.”

“Tại sao lại chọn vùng này?” Tôi ngạc nhiên hỏi lại. “Có người bảo trợ hả?”

“Dạ.”

“Cô có theo đạo Mormon không?”

“Không. Chị đến đây chơi hay sao?”

“Tôi đi với đoàn du lịch.”

“Chị còn ở lâu không?”

“Không. Chúng tôi sắp phải ra phi trường về Virginia rồi. Ở đây có nhiều người Việt không?”

“Ít lắm. Tiếc quá chị không ở chơi lâu?”

Robert không biết tiếng Việt nhiều, nhưng cũng hiểu tôi đã gặp người đồng hương. Tôi dịch sơ qua câu chuyện với Robert và lại nhìn đồng hồ. Chỉ còn độ 15 phút nữa chúng tôi phải lên phòng xem hành lý đã được đem xuống chưa. Tôi quên cả việc hỏi cô tiếp đãi viên về người nào đó muốn nói chuyện với Robert, và tiếp tục phỏng vấn người đồng hương bất ngờ gặp gỡ:

“Có bao giờ cô đi Virginia không?”

Cô tiếp viên cười buồn:

“Em vất vả với con cái lắm. Chẳng đi đến đâu được?”

“Có bao giờ đi Cali không?”

“Cũng không chị ạ.”

Tôi cảm thấy tội nghiệp cho người đàn bà lẻ loi này:

“Cô học trường nào ở Sài Gòn?”

“Em học trường Trưng Vương.”

“Tôi cũng Trưng Vương đây!” tôi reo lên. “Thế là chúng mình đồng môn, đồng trường rồi.”

Tôi lại nhìn đồng hồ và vội vã hỏi thêm:

“Cho tôi số điện thoại. Về Virginia, tôi sẽ gọi hỏi thăm. Có tin tức gì về Trường Trưng Vương đây đó tôi sẽ thông báo cho vui.”

Người bạn đồng môn ghi số điện thoại và tên cho tôi. Tên cô ta là Anh, họ Nguyễn. Tôi chào Anh:

“Rất mừng được gặp Anh ở đây tuy là vào giờ chót. Về Virginia tôi sẽ gọi và nói chuyện nhiều hơn.”

Trong thang máy đi lên lầu, Robert nói:

“Trước khi gặp em, trông cô ấy có vẻ buồn. Nhưng sau khi nói chuyện với em, cô ấy tươi vui hẳn lên.”

“Tôi cũng nghĩ vậy. Một người Việt Nam không theo đạo Mormon mà lại ở Salt Lake City thì lạ thật.”

“Nếu em đem theo, vài tờ báo, vài quyển sách thì có phải em đã có quà tặng cô ấy không? Em không nghe tôi.”

“Tôi có địa chỉ của cô ta. Tôi sẽ liên lạc nếu cô ta thích đọc sách báo tôi sẽ gửi sau, khó gì!”

(Sau này, tôi gửi mấy tác phẩm của tôi và một tập báo Cỏ Thơm mà tôi phụ trách tới địa chỉ của Nguyễn Anh. Khi lâu không được trả lời. Tôi gọi theo số điện thoại của Anh cho thì số điện thoại đã đổi. Tôi vẫn thắc mắc mỗi khi nghĩ về chuyện này.)

Lên đến phòng, chúng tôi vẫn thấy hai cái va-li còn nằm bên trong cửa. Chúng tôi lại xuống hành lang khách sạn tìm bàn giấy coi về việc đưa rước khách ra phi trường. Chúng tôi thấy cần phải nhắc họ hành lý của chúng tôi còn trên phòng và máy bay của chúng tôi cất cánh một giờ rưỡi đồng hồ nữa. Vừa lúc đó ông bà Oklahoma cũng kéo lê hành lý của họ xuống vì chờ lâu không có người lên lấy. Họ sẽ cùng lên phi trường Salt Lake City và bay một chuyến với chúng tôi đi

Denver. Từ đó họ về Oklahoma City, chúng tôi về Dulles, Virginia. Tôi tự nhắc mình phải nhớ khi nào có ảnh con *moose* (hươu rừng) sẽ gửi cho họ.

Cuối cùng, chúng tôi cũng lên xe *van* ra phi trường. Nhìn lại Salt Lake City với những tháp nhọn của nhà thờ Mormon, Church of Jesus Christ of Latter-day Saints, phía sau là những cao ốc in hình trên Rặng Núi Wasatch xanh lơ, trập trùng, tôi nghĩ rằng cũng tạm đủ sự thăm viếng thành phố này. Nhưng tôi còn luyến tiếc những vùng sa mạc cực kỳ lộng lẫy như tranh vẽ của Utah mà tôi chưa được đi đến. Và, biết có bao giờ trở lại?

Mấy năm về trước chúng tôi chỉ có ý định thực hiện lời nguyện ước, hẹn non thề nước, đi chơi thăm viếng vùng Mount Rushmore và Yellowstone, Non Nước Đá Vàng. Sau chuyến du lịch thích thú này, tôi mới nhận thấy rằng vùng nào chúng tôi may mắn được đi qua cũng có vẻ đẹp riêng biệt để thưởng ngoạn, những mới lạ để học hỏi, tu bổ cho cuộc đời còn nhiều thiếu sót.

Kiếp sống trăm năm của con người quá ngắn ngủi, nhỏ nhoi, chẳng là gì so với trăm trăm, triệu triệu năm sông hồ, rừng núi, đồng cỏ, sa mạc mà tình nghĩa đá vàng đã cho chúng tôi chia sẻ hạnh phúc quý giá bên nhau giữa thiên nhiên tuyệt vời, vũ trụ huyền bí, đất trời cao cả, vĩ nhân, thiên tài đã được ghi danh, tạc tượng đời đời kiếp kiếp.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Virginia, 10/2000

NGÀN DẶM DU CA

Từ tháng 6 năm 2000, chúng tôi đã nhận được giấy mời của trưởng Ban Chấp Hành Hội Cựu Nữ sinh Trung Vương Toronto, Trần Thị Bích Diệp mời tham dự Đại Hội Trung Vương – Chu Văn An vào ngày 7 tháng 4, năm 2001.

Tôi biết cái không khí gặp lại thầy cô xưa, bạn bè cũ cảm động, thân thương lắm. Cái không khí đó làm sống lại quãng đời vui tươi, trẻ trung của tuổi học trò, làm tung bừng, nhộn nhịp buổi hoàng hôn cuộc đời dù chỉ “vài ngày huy hoàng rồi chợt tắt”. Tôi coi đó như liều thuốc bổ cần thiết cho cuộc sống hối hả hiện tại của đa số chúng tôi dù ở tuổi về chiều hay sắp qua nửa cuộc đời.

Tôi nghe nói các bạn Trung Vương California, Texas và nhiều nơi khác rủ nhau tới Washington, D.C. vào đầu tháng tư xem hoa anh đào rồi cùng nhau thuê xe buýt có tài xế lái đi dự Đại Hội Trung Vương – Chu Văn An Toronto. Cái xe sẽ rộng hơn 50 chỗ ngồi và do một cựu nữ Trung Vương Hoa Thịnh Đón tổ chức. Tôi đã dùng những chi tiết trên cùng cảm hứng sau khi gặp một cựu học sinh Trung Vương và Gia Long ở đoạn chót chuyến du lịch Yellowstone năm 2000, để viết truyện ngắn hư cấu *Duyên Trung Vương* cho đặc san Đại Hội.

Khi chương trình thuê *bus* lớn có hơn 50 chỗ ngồi xếp dần và tắt hẳn thì Thanh Minh, một Trung Vương khác của vùng Hoa Thịnh Đón đã đứng lên phát cờ tổ chức chuyến đi. Thanh Minh bàn với tôi nhiều việc. Nàng tìm được một hãng du lịch và cùng tôi đến thuê cái *bus* 24 chỗ ngồi. Tôi lo gọi và giữ bốn phòng, hai đêm Khách Sạn Comfort Inn ở Toronto.

Thanh Minh lo giữ bốn phòng Khách Sạn Sheraton on the Falls, Niagara bên bờ Canada.

Lo xong vấn đề *bus* và khách sạn, Thanh Minh gọi tôi đưa ra ý kiến: “Phái đoàn Trung Vương Hoa Thịnh Đốn phải có một mục văn nghệ tham dự chứ.” Sau khi bàn tính, chúng tôi chọn bài hát “Một Thuở Trung Vương” vì là thơ của cựu nữ sinh Trung Vương Ngọc Dung, nhạc của Nhạc Sĩ Nhật Bằng, phu quân của Trung Vương Tường Huệ.

Thực ra, đầu đề của bản nhạc chính là “*Sài Gòn Nắng Nhớ Mùa Thương*”, *điệu Slow Waltz*, nhưng tôi đổi lời một chút cho thích hợp với ý nghĩa của Đại Hội Trung Vương hơn và Nhạc Sĩ Nhật Bằng cũng đổi nhạc thành Waltz nhanh hơn cho hợp với đồng ca. Sau đó, anh đến nhà anh Nguyễn Túc và hai ông nhạc sĩ cùng chơi đàn và thu âm vào *cassette* cho chúng tôi. Thế là sáng Chủ Nhật ngày 1 tháng 4 năm 2001, năm ngày trước chuyến đi, các “ca sĩ” của phái đoàn đến nhà tôi tập hát với cái *cassette* nhạc rồi thu vào một *cassette* khác, dưới sự điều khiển của Nhạc Sĩ Nhật Bằng.

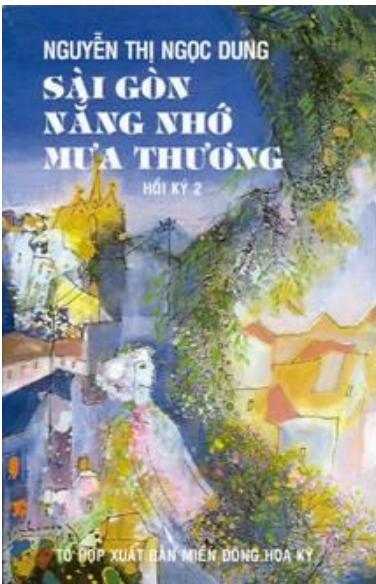
Khởi đầu có 17 người ghi tên. Nhưng cuối cùng chỉ còn 15 là: Lê Thị Ngọc, Đặng Vân Trang và phu quân là anh Đặng Tế Thế, cặp Tường Huệ – Nhật Bằng, Tuyết Lê, Thái Phụng, Trần Kim Hân, Bạch Tuyết, Tú Nhật, Minh Đức, Minh Chúc, Thanh Minh, Minh Tâm và Ngọc Dung.

Tối hôm trước ngày khởi hành, các bạn lại tề tựu tại nhà tôi để tập hát nữa với sự có mặt của anh Nhật Bằng. Sau vài lần đồng ca, Thái Phụng và Minh Chúc được đề nghị hát *duo* đoạn giữa của bài hát. Tất cả đều công nhận lần thu âm này tiếng hát đều hơn, mạnh hơn, giọng tươi vui vững vàng, tự tin hơn. Như vậy yên trí lớn rồi, hôm đại hội cứ mạnh bạo hát theo *cassette* thôi.

Sáng ngày khởi hành, 6 tháng 4 năm 2001, trời âm u như sắp mưa. Mùa đã sang xuân mà gió còn gây lạnh. Robert, ông xã tôi đưa tôi đến chỗ hẹn khoảng 10 phút trước bảy giờ. Xe *bus* của chúng tôi đã đậu tại đó.

Trước khi gặp người tài xế, tôi lo ông ta to lớn như cái cột nhà cháy thì ngắn quá. Bây giờ ông tài xế này lại nhỏ xíu, lùn tí. Nếu xe nằm ụ, không biết ông ta có đẩy nổi không?

Bây giờ mọi người đều có mặt. Tất cả du khách đều ăn mặc gọn gàng dăn dỉ cho cuộc hành trình dài. 7 giờ 30 cái xe chở Họa Sĩ Đinh Cường lao tới vì sợ muộn, có thể xe chúng tôi bỏ rơi tranh của anh. Tôi nhận lời đem tranh của Đinh Cường sang triển lãm tại Đại Hội Trưng Vương – Chu Văn An Toronto. Xe *bus* chuyển bánh liền sau đó cho kịp đến Toronto trước trời tối.



Họa Sĩ Đinh Cường sinh năm 1939 tại Thủ Dầu Một, tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế năm 1963, và Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn năm 1964. Đinh Cường được ba giải thưởng huy chương bạc năm 1962 và 1963 tại Sài Gòn trong đó có một huy chương của Tòa Đại Sứ Trung Hoa Quốc Gia. Trước năm 1975, họa sĩ đã có nhiều triển lãm khắp các thành phố lớn của Miền Nam và các nước Đông Nam Á. Từ khi định cư tại Virginia, Họa Sĩ Đinh Cường nổi danh khắp cộng đồng người Việt. Họa sĩ có cả trăm triển lãm khắp nước Mỹ và Âu Châu... Anh đã vẽ hình bìa cho tập hồi ký tiểu thuyết “Sài Gòn Nhớ Mưa Thương” của Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Bây giờ xin trở lại với cuộc Bắc Du Toronto của chúng tôi. Chưa ra khỏi vòng đai 495 Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, Trường Huệ đã mời mọi người ăn sáng với bánh bao, quýt.

Thái Phượng, Tuyết Lê mời bạn đồng hành và cả ông tài xế ăn bánh mì, uống nước lạnh.

Đường từ Frederick, Hagerstown, Tiểu Bang Maryland bắt đầu có phong cảnh nông trại, ruộng đồng trơ trụi, rừng cây không lá, đồi cỏ chưa xanh. Thấy rằng đã đến lúc khơi động không khí đường trường “phiêu lưu, mạo hiểm”, tôi nhắc Thái Phượng phân phát bài hát cho các bạn. Tuyết Lê yêu cầu Thái Phượng mở đầu “chương trình văn nghệ”. Người bạn trẻ nhất và có giọng ca hay nhất trong chúng tôi, lên cầm *microphone* của *bus* và hướng dẫn bài “Con Đường Vui”, nhạc của Lê Vy, lời của Phạm Duy:

*Đoàn người tung bừng về trong sương sớm,
Hồn như đám mây trắng lững lờ,
Giang hồ không bờ không bến
Đẹp như kiếp Bô-hê-miên...*

Chúng tôi cùng hát hai lần với tất cả giọng lớn nhất, khỏe nhất bài ca tung bừng, hào hứng ấy. Buồng phổi như căng phồng, nở rộng. Rồi chúng tôi đồng ca tiếp, bài “Về Miền Nam”:

*Đứng vùng lên nào bao thanh niên yêu nước
Hướng về đây Miền Nam thân yêu nắng sớm*

Anh Nhật Bằng và anh Tế Thế cũng tươi cười đánh nhịp tay, nhịp chân và hát theo, nhưng nhất định là không hát lớn như bọn phụ nữ to miệng. Chúng tôi hăng say hát sang bài “Cô Gái Việt” của Nhạc Sĩ Hùng Lô:

*Lời sông núi bừng vang bốn phương trời
Giục chúng ta đường phụng sự quyết tiến*

Tiếp đến là bài “Những Nẻo Đường Việt Nam” của Nhạc Sĩ Thanh Bình:

*Những nẻo đường Việt Nam
Suốt từ Cà Mau thẳng tới Nam Quan,
Ôi những nẻo đường Việt Nam...*

Chúng tôi tiếp tục hát và hát nhiều lắm, hát đồng ca, song ca, tam ca, hát không biết mệt. Xe đi tới Tiểu Bang Pennsylvania thì sương mù lên dày đặc, mưa xuân giăng nhẹ bầu trời. Chúng tôi tạm nghỉ hát, lại uống nước, ăn quýt, kẹo, bánh.

Khi gió bắt đầu nổi lên, cây cối vật vờ, mưa rơi rào rào trên mái xe, trên kính xe. Mọi người hô hào Minh Chúc hát những bài hát về mưa. Cô nàng réo rắt luôn ba bài không cần nhìn bản nhạc: “Mưa Trên Phím Ngà, Mưa Đêm Xuân, Mưa Roi”. Thái Phụng ngân nga tha thiết với bài “Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay” (của Đoàn Chuẩn và Từ Linh). Ngọc Dung không bỏ lỡ cơ hội, đỡ ngay ống vi âm rên rĩ tiếp theo với bài “Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa” của Tô Vũ. Bên ngoài, mưa nghiêng trời, lở đất, gió dạt dào rùng cây. Ngọc Dung vươn cổ gào thi với mưa gió sầm sập chuyển mình.

Mưa tạnh thì chúng tôi cũng hết hứng hát những bài về mưa. Minh Chúc đọc bài thơ Khóc Cô Hiệu Trưởng Tăng Xuân An^{11[1]} của các Trung Vương Hà Thanh, Phương Trâm và Thanh Hà:

*Trước ngày Giỗ Nữ Vương
Cô Tăng Hiệu Trưởng Trung Vương về trời
Cali mưa gió toi bời
Khóc cô vĩnh biệt một thời áo xanh...*

Vì đã lâu không được nghe bài hiệu đoàn ca, Tú Nhật yêu cầu chúng tôi hát bài “Trung Nữ Vương” của giáo sư Thẩm Oánh. Dễ ợt mà! Một số bạn như tôi đã hát bấy năm bài này trong Trường Trung Vương và Đại Hội Trung Vương ở nhiều tiểu bang Hoa Kỳ rồi:

*Trung Nữ Vương lau phấn son mưu thù nhà
Mài gương vang khúc toàn thắng hùng ca*

11[1] Bà Hiệu Trưởng Tăng Xuân An của Trường Nữ Trung Học Trung Vương từ trần ngày 27 tháng 2, năm 2001 tại Virginia, Hoa Kỳ.

*Thu về giang san cho lòng uy Gái Nam
Bầu trời Á sáng ngời ánh quang...*

Xin cam đoan rằng chúng tôi đã hát mạnh mẽ tung bừng hơn cả thời hát ở sân Trường Trưng Vương Hà Nội, Sài Gòn và với cả bầu nhiệt huyết tưởng như có thể đánh đuổi hết Quân Tàu ra khỏi các Đảo Trường Sa, Hoàng Sa, Tây Sa, lấy lại được cả Ải Nam Quan, Thác Bản Dốc bây giờ.

Quá trưa, chúng tôi lấy thức ăn ra mời nhau. Thanh Minh, Tường Huệ, Minh Chúc mời cơm nắm, giò kho. Kim Hân chuyên lọ muối vừng. Chị Bạch Tuyết có xôi vò. Chị học trên chúng tôi hai lớp. Tôi chia xôi đậu xanh và ruốc với các bạn. Món cơm nắm do Tường Huệ và Minh Chúc làm, được mọi người chiêu cổ hơn hết. Tráng miệng, chúng tôi có chuối của Tuyết Lê, Thái Phượng, nho của Tú Nhật, quýt của Tường Huệ. Ngoài ra Minh Đức, Tuyết Lê, Thái Phượng còn có nước suối, nước ngọt cho mọi người. Ông tài xế cũng được mời thêm một ổ bánh mì thịt nữa cùng với một trái chuối và một trái quýt. Lâu lắm tôi mới có một bữa ăn đường trường ngon miệng đến thế.

Tới một trạm nghỉ chân, ông tài xế ngừng lại cho chúng tôi 20 phút “xả hơi”. Mưa vẫn không ngừng, mịt mờ, ướt sũng cả miền Bắc Nước Mỹ. Khi trở lại xe buýt là giờ chúng tôi nghỉ trưa. Đêm qua ai nấy đều thức khuya, sáng nay lại dậy sớm. Chúng tôi, người ngủ, kẻ thì thăm tâm sự với bạn ngồi bên cạnh. Cái xe được êm ả một giờ đồng hồ, nhưng có lẽ tôi chỉ nhắm mắt độ chừng 30 phút, rồi lại lấy bản đồ đường trường ra xem.

Chúng tôi đã qua Thành Phố Pittsburg, Pennsylvania là đi được độ nửa đường. Mới đầu tôi còn xem sách du lịch và đọc cho các bạn nghe về địa dư, lịch sử vài địa danh chúng tôi đi qua. Nhưng thực ra, từ trên đường cái quan, chúng tôi chẳng nhìn thấy gì đặc biệt, nên tôi bỏ rơi *tour book*. Hai bên đường là những rừng cây không lá, những mảnh đồi trọc, cỏ khô hay những hầm mỏ than, những xưởng chế tạo sắt thép với những cột khói tỏa thán khí. Tất cả là một màu xám buồn thảm.

Phong cảnh bị rừng cây hay vách đá ngăn tầm mắt. Tôi không nhìn thấy sự bao la bát ngát để thả hồn mơ mộng.

Không khí trong xe lười cuốn hơn. Chúng tôi lại bắt đầu đơn ca, đồng ca đến khản cổ, nói chẳng cần loa cũng lọt tai người ngồi cuối xe hay đầu cái xe đang long lên sóng sọc trên đường. Một tiếng nói tiêu lâm cất lên là tất cả cười bò lăn, bò càng đến đau bụng, chảy nước mắt, nghiêng ngả cả người lẫn xe. Hình như chúng tôi chưa bao giờ được cười nhiều đến thế. Thanh Minh, Tuyết Lê, Thái Phụng là những cây chọc cười cừ khôi nhất.

Khi xe đi qua con đường dẫn tới Jamestown, thành phố lớn đầu tiên của Tiểu Bang New York, tôi để *tape* bài “Một Thuở Trung Vương” vào máy của *bus*. Tiếng hát từ *tape* đủ lớn để chúng tôi hát theo, tập lại bài đồng ca đem đi đấm xừ người. Mới hát 3 lần, chúng tôi ngưng, cho rằng đã hát được rồi.

Xe vào Tiểu Bang New York rồi tới Buffalo, thành phố lớn cuối cùng trước biên giới Hoa Kỳ - Gia Nã Đại, tài xế ngừng xe đỗ xăng và cho chúng tôi “đi giải tỏa”.

Mới khoảng 4 giờ mà như đã chiều muộn. Trời vẫn mưa lâm râm. Xa lộ đông đảo. Tôi lên ngồi cạnh tài xế xem bản đồ, giúp ông ta nhìn đường. Đã cùng Robert đi chơi Thác Niagara cách đây 7, 8 năm nên tôi nhận ra con đường sắp tới. Khi xe bắt đầu đi lên cầu biên giới tôi hô lớn, báo hiệu cho các bạn nhìn Thác Niagara bên tay trái, nhưng chúng tôi chỉ thấy một vùng sương khói tỏa mù dày đặc. Qua trạm kiểm soát không có vấn đề, chỉ lo trời tối vào thành phố khó tìm ra khách sạn. Thật là mừng, anh Đặng Tế Thế thay tôi ngồi cạnh tài xế để phụ ông ta nhìn đường. Xe chúng tôi đến Comfort Inn, Toronto lúc 6 giờ rưỡi tối, nghĩa là đúng 11 giờ đồng hồ chạy từ Virginia. Nếu tài xế không lộn một “exit” thì có thể chúng tôi đến sớm hơn nửa giờ.

Cặp Tế Thế-Vân Trang có một phòng. Nhật Bằng-Tường Huệ, Minh Chúc, Minh Tâm một phòng. Chúng tôi coi anh Nhật Bằng cũng như Tường Huệ mà thôi. Thái Phụng, Tuyết Lê một phòng. Thanh Minh, Kim Hân, Lê Thị Ngọc, Minh Đức một phòng. Bạch Tuyết, Tú Nhật, Ngọc Dung một phòng.

Chúng tôi vội vàng tẩy trần và sửa soạn gấp để đi đến tiền đại hội tại một tiệm ăn Hoa bên kia thành phố. Trước khi chúng tôi lên *bus*, anh Chu Văn An Lê Hân đến nhận gói tranh của Họa Sĩ Đinh Cường.

Anh Thế xem bản đồ thành phố kỹ lưỡng và lên ngồi cạnh tài xế chỉ đường. Chúng tôi mừng rỡ kiếm ra tiệm ăn sau 20 phút dò dẫm từng đường phố đông đúc nhোáng nhোáng ánh đèn xe dưới trời tối, mưa giăng lướt thướt, lê thê. Tiệc đã bắt đầu từ lâu với 4, 5 chục người vừa giáo sư vừa học trò. Tất cả vui mừng vì đường xa xôi là thế, phái đoàn Hoa Thịnh Đốn đã tới bình an. Chúng tôi được Hội Trưởng Trần Bích Diệp giới thiệu. Đỗ Thị Sơn trưởng ban báo chí Trung Vương Toronto và tôi bắt tay nhận diện nhau lần đầu tiên. Đây chỉ là một bữa ăn gặp gỡ trước ngày đại hội nên mọi mục nói chuyện ngắn gọn, vài bài hát vui tươi, nhẹ nhàng đủ để hâm nóng sự háo hức cho đại hội chính thức vào ngày mai.

Sáng hôm sau, xe *bus* đưa chúng tôi đi chợ Tàu ăn phở. Trời mưa tầm tã, chúng tôi phải giương dù lên xe, giương dù xuống xe. Chúng tôi mời cả ông tài cùng ăn. Là người xuề xòa, được đám phụ nữ ngoại quốc thân thiện o bế, nên ông ta rất vui mừng, cởi mở. Ăn xong, chúng tôi lại đội mưa, cản gió đi mua mít, mua nhãn, măng cụt, chôm chôm và đem trở lại tiệm phở, ngả trái cây ra “sực” liền, thèm quá không chờ được!

Chúng tôi định đi Chùa Tàu, nhưng hỏi bao nhiêu người chẳng ai biết. Và, “Who cares?” nên bảo tài xế cho về một Shopping Center lớn và tối tân trung tâm Toronto. Chúng tôi đi loanh quanh xem cho biết cảnh phố phường, chẳng cần mua sắm, cũng chẳng có gì đặc biệt hơn trên đất Mỹ.

Bốn giờ chiều xe *bus* đưa chúng tôi về khách sạn. Ông tài cho xe chờ chúng tôi nghỉ ngơi chốc lát rồi sửa soạn đi dự đại hội. Có một vài cặp Trung Vương khác đến từ Montreal cùng ở chung khách sạn và xin đi nhờ xe *bus* của chúng tôi càng thêm đông vui!

Tôi kéo theo cái *carry-on* đựng 20 tập thơ *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*. Hết bạn này đến bạn kia nhắc nhở tôi

đem theo băng bài hát “Một Thuở Trung Vương”. Tôi cho các bạn biết, tôi có một băng trong cặp xách tay và 2 băng khác để trong *carry-on* cùng với mười mấy tấm bìa màu xanh dán bài hát. Trước khi ra xe, chúng tôi tập xếp hàng, cầm bài hát như đứng trên sân khấu. Áo dài lam, quần trắng giày trắng của chúng tôi làm nhân viên khách sạn và ông tài xế ngạc nhiên tươi cười với ánh mắt đầy cảm tình, ngưỡng mộ. Chúng tôi lên xe *bus* và dượt với băng hát lần cuối cùng. Có lẽ cũng như các bạn, lòng tôi xôn xao náo nức. Chúng tôi đi tới tiệm ăn ở Chinatown, nơi Đại Hội Trung Vương - Chu Văn An được tổ chức tối nay. Xe *bus* của chúng tôi sẽ trở lại đón lúc 12 giờ. Cái tiện lợi thuê xe cho suốt cuộc hành trình là thế. Có xe đưa rước ở mọi chỗ và luôn luôn được đi cùng với nhau, đêm khuya không phải lo kiếm người đưa về.

Vừa vào trong nhà hàng đã thấy nườm nượp những tà áo lam lộng lẫy, những bức tranh rực rỡ màu xuân của Họa Sĩ Đinh Cường mà phái đoàn Trung Vương Hoa Thịnh Đốn đã đem sang giùm. Tôi nhận ra nhiều khuôn mặt đã từng gặp tại các đại hội Hoa Thịnh Đốn, Nam California và Houston. Nhưng tôi không nhận ra một giáo sư quen biết nào. Mỗi người dự Đại Hội được tặng một Đặc San với tranh bìa rất đẹp của Họa Sĩ Đinh Cường. Nội dung đặc san phong phú với nhiều tên tuổi quen biết trên văn thi đàn, nhiều hình ảnh để thương thuở học trò để lòng lâng lâng tiếc nuối.

Phái đoàn Trung Vương Hoa Thịnh Đốn có một bàn gần sân khấu với toàn một màu áo lam tươi thắm. Vì không đủ 20 người để có hai bàn dành riêng nên cặp Nhật Bằng - Tường Huệ, cặp Tế Thế - Vân Trang ngồi chung với các cặp Trung Vương khác như Nguyễn Thị Nhị và phu quân, Nguyễn Song Thuận - Ngọc Loan...

Nhường chỗ cho 10 bạn đi *solo* ngồi với nhau, tôi ngồi bàn của Trần Thị Bích Diệp và các bạn trẻ Phạm Thị Thanh, Nguyễn Minh Quang, Nguyễn Minh Hải, Trịnh Cúc Phương, Bùi Thị Mỹ, Nguyễn Thị Hằng và Cao Mai Hoàng. Chúng tôi tranh thủ thời gian, chụp hình với các bạn trước khi đại hội khai mạc và dạ tiệc bắt đầu. Tôi để ý sân khấu có phong cảnh

cổng trường Chu Văn An và cổng trường Trưng Vương với cảnh phượng vĩ đỏ. Hình ảnh kỷ niệm xa xưa thấp thoáng hiện về. Xót xa nào len lén con tim những kẻ đã từng là học trò hai ngôi trường thân yêu ấy mấy mươi năm về trước!

Bích Diệp nhắc tôi bày sách thơ ra bàn bên cạnh sách của Nhà Văn Giáo Sư Trà Lũ Trần Trung Lương. Tôi mắc cỡ, nên nhờ Thái Phượng làm giùm. Tôi tặng nhà Văn Trà Lũ tập thơ *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời* và ông tặng lại tôi cuốn tạp ký *Đất Quê Ngoại*. Minh Đức cũng bày bằng thơ của nàng.

Sau khi hai vị giáo sư Chu Văn An và Trưng Vương lên cắt bánh kỷ niệm Đệ Ngũ Chu Niên, Đại Diện Chu Văn An anh Phan Long Hải và Đại Diện Trưng Vương Trần Thị Bích Diệp lên chào mừng quan khách, giới thiệu ban tổ chức, ban chấp hành và các giáo sư. Màn chụp hình với các giáo sư trên sân khấu diễn ra sau đó. Các giáo sư ngồi ghế, các trò Chu Văn An “khoanh tay đứng hầu” đằng sau, các trò Trưng Vương “quỳ” đằng trước. Tôi nghe có thầy nào hay anh Chu Văn An nào nói đồng: “Lâu lắm mới bắt được các trò quỳ dưới đất đấy nhé!” Nhưng may quá chúng tôi quay lưng lại các vị đứng ngồi đằng sau và tôi khuyu một chân chứ không quỳ trên hai đầu gối. Không tin, quý vị nhìn lại *video* hay ảnh mà xem.

Sau đó đến mục giới thiệu các phái đoàn từ xa tới. Thanh Minh đại diện nhóm Trưng Vương Hoa Thịnh Đồn lên sân khấu chúc mừng và cảm ơn ban tổ chức. Minh Đức trao một món tiền tặng quỹ Trưng Vương Toronto giúp thầy cô ở Việt Nam. Minh Chúc mang lên một xấp áo T-shirt in hình Hai Bà Trưng.

Chương trình văn nghệ chủ đề Cội Nguồn của Chu Văn An và Trưng Vương Toronto thật xuất sắc với đủ các màn hợp ca, đơn ca, độc tấu *saxophone*, *violon*, múa, thi nhạc giao duyên, nhạc cảnh, cải lương..., phái đoàn Hoa Thịnh Đồn ngồi xem mà hãi quá. Có bạn bàn tới việc rút lui. Chương trình càng dài lại càng run hơn. Nhưng khi nghe vài mục của các phái đoàn ở xa về trình diễn theo tiếng hát và tiếng nhạc đã thấm sần, chúng tôi lấy lại tinh thần. Nên gần nửa đêm được

mời lên sân khấu, phái đoàn Hoa Thịnh Đốn cũng bình tĩnh đi lên. Chúng tôi đứng một hàng đều đặn. Thanh Minh cầm *micro* chững chạc nói:

“Thưa quý vị, sau khi nghe các anh các chị Chu Văn An - Trung Vương Toronto trình diễn hay quá, chúng tôi thật là rét. Nhưng bốn phận chúng tôi là phải đáp lễ nên đành liều vậy. Nếu chúng tôi hát không hay xin quý thầy cô và quý vị thính giả lượng tình tha thứ.” (Ghi theo *video*). Chúng tôi được một tràng pháo tay lớn. Thanh Minh bắt đầu vào đề:

*“Sài Gòn nắng nhớ mưa thương
Sài Gòn một thuở Trung Vương ngọt ngào...
Sài Gòn vẫn đó anh ơi
Sài Gòn bóng khuất chân trời thê lương
Sài Gòn còn đó quê hương
Sài Gòn nắng nhớ mưa thương muôn đời.”*

“Thưa quý vị,” Thanh Minh tiếp. “Đó là lời thơ tuyệt vời của Trung Vương Nguyễn Thị Ngọc Dung đã được Chu Văn An Nhật Bằng phổ nhạc. Chúng tôi dùng toàn cây nhà lá vườn cả. Đây cũng là lần đầu tiên bản nhạc “Một Thuở Trung Vương” được trình bày để thân tặng các anh các chị Chu Văn An và Trung Vương Toronto.” (Ghi theo *video*). Thanh Minh vừa nói vừa đưa tay về phía anh Nhật Bằng và Ngọc Dung để giới thiệu. Khán giả vỗ tay rầm rộ.

Cũng chưa hết, Thanh Minh vẫn thông thả tiếp tục: “Chúng tôi xin quý thầy cô, quý thính giả hãy nghe tiếng hát của các nữ sinh Trung Vương tuổi từ 16 đến 20... của 40 năm về trước.” Khán thính giả vừa vỗ tay vừa cười ngất. Bây giờ Thanh Minh mới chấm dứt:

“Chúng tôi cũng xin cảm ơn anh Chu Văn An Nhật Bằng cũng có mặt nơi đây. Xin quý vị cho Chu Văn An Nhật Bằng một tràng pháo tay.”

Nhạc sĩ Nhật Bằng đứng dưới sân khấu cúi chào khán giả và sửa soạn *conduct*. Chúng tôi nghiêm trang cầm bài hát, sẵn

sàng chờ tiếng nhạc phát ra từ cái *cassette* mà Tuyết Lê đã đưa cho người giữ âm thanh từ khởi đầu chương trình văn nghệ. Nhưng một phút im lặng, rồi hai, ba phút trôi qua, vẫn lặng im. Tôi nghe có tiếng lao xao trong mấy bạn đứng cuối hàng:

“Tape không ra tiếng”.

Tôi nói nhỏ rằng:

“Cái tape chúng mình vừa nghe trên xe trước khi tới đây mà!”

Các bạn lo lắng:

“Sao lạ vậy?”

“Sao kỳ cục vậy.”

Có tiếng trong hậu trường bảo chúng tôi cứ đứng yên đừng nhón nháo, sẽ có người *take care*. Nhưng 5 phút trôi qua vẫn không có tiếng đàn, tiếng hát nào phát ra. Tôi định xuống bàn lấy *cassette* khác trong *carry-on* thì nghe Nhạc Sĩ Nhật Bằng nói:

“Tôi đánh đàn, các chị hát.”

Tường Huệ xung phong tiếp:

“OK, mình hát *live*, sợ gì!”

Thanh Minh lại cầm *micro* điem nhiên cười và nói vài lời tự thú cùng quan khách:

“Chúng tôi muốn đóng góp một mục văn nghệ, nhưng gặp quá không có thời giờ tập nhiều, định hát theo *tape* cho vững lòng. Nhưng đến nước này thì chúng tôi phải hát *vivant* vậy. Nếu có vấp vấp xin quý vị lượng tình tha thứ cho.”

Một tràng pháo tay khuyến khích vang ran nhà hàng làm chúng tôi lên tinh thần.

Sau tiếng đàn dương cầm mở đầu của anh Nhật Bằng, chúng tôi mạnh bạo, vui tươi hát theo. Cả nhà hàng im lặng theo dõi. Có thể có những quý vị tốt bụng cầu mong cho chúng tôi trình bày suông sẻ, chót lọt. Nhưng chúng tôi có những cây hát vững như Thái Phụng, Tường Huệ, Minh Chúc, những cái miệng lớn như Tuyết Lê, Minh Đức, Ngọc Dung và có ba cái máy vi âm trên sân khấu, chúng tôi đã oanh liệt làm tròn nhiệm vụ.

MỘT THUỞ TRUNG VƯƠNG

Sài Gòn nắng nhớ mưa thương
 Sài Gòn một thuở Trung Vương học trò
 Đòi vui ca hát mộng mơ
 Lá me đếm bước, hẹn hò từng đôi.
 Sài Gòn nắng nhớ mưa thương
 Sài Gòn một thuở Trung Vương ngọt ngào
 Hồn thơ trong sáng ngàn sao
 Áo em màu trắng dạt dào tim anh.
 Sài Gòn ngày ấy ngọc ngà
 Đường em tha thướt lướt là Tự Do
 Xuân xanh nhạc thấm tình thơ
 Bên người yêu dấu mộng mơ suốt đời.
 Sài Gòn vẫn đó anh ơi
 Sài Gòn bóng khuất chân trời thê lương
 Sài Gòn còn đó quê hương
 Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương muôn đời.

Sài Gòn vẫn nắng mưa trong... lòng tôi.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Khi chúng tôi chấm dứt bài hát, cả nhà hàng vang lên những tiếng vỗ tay nhiệt tình. Khi đi xuống ngang qua các bàn, chúng tôi được các thầy cô, các bạn nắm tay, ôm vai khen ngợi với đầy thiện cảm. Cứ nhìn vẻ mặt mãn nguyện của Nhạc Sĩ Nhật Bằng với lời khen: “hát đều lắm, được lắm”, chúng tôi cảm thấy tự tin rồi.

Vì đã tới giờ hẹn nửa đêm với tài xế, chúng tôi không thể ở lại lâu hơn để nghe nửa chương trình văn nghệ còn tiếp diễn. Anh Nhật Bằng đưa tôi cái *cassette* oan gia. Tôi vẫn không tin nó trống rỗng hay bị hư. Khư khư cầm nó như sợ mất và xăm xăm đi lên *bus*, tôi ấn ngay nó vào cái máy *cassette* trong xe. Tiếng hát “Một Thuở Trung Vương” của chúng tôi phát

ra liền. Tôi vẫn lớn hơn. Các bạn đều ngăn người ngạc nhiên về sự lạ lùng hậu trường sân khấu vừa qua, nhưng vẫn hài lòng với màn trình diễn hợp ca của mình trong đại hội.

Sáng hôm sau, chúng tôi định dậy sớm *check-out* khách sạn, nhưng mãi tới 9 giờ mới ra xe, sau khi bị rịn từ biệt một số bạn Trung Vương từ các nơi khác cũng đến ở đây. Chúng tôi hẹn gặp lại ở Đại Hội Trung Vương Bắc California vào 7/8/2001.

Trời hôm nay hết mưa, nhưng vẫn âm u, ẩm đạm. Lên xe, chúng tôi yên tâm, anh Đặng Tế Thế ngồi cạnh tài xế xem bản đồ và chỉ đường giúp ông ta lái ra khỏi Thành Phố Toronto. Chúng tôi lại bàn tán về sự tịt mịt của cái *cassette* tội nghiệp không được dịp vang tiếng xứ người. Nó phải nhường lời *live, vivant* sống động từ những cái miệng của các bà sồn sồn!

Chúng tôi không ăn sáng vì bữa cơm Tàu tối qua còn đầy bụng và bữa cơm trưa đang chờ đợi tại nhà Bác Sĩ Giang và phu nhân. Anh là bạn của Thanh Minh. Tuy nhiên ngồi một lúc buồn miệng chúng tôi lại lấy những trái cây, bánh mì, bánh bao còn lại từ ngày hôm trước và chia nhau cùng với sôi vò, sôi hoa cau đã được chị Bạch Tuyết hâm *microwave* trước khi rời khách sạn.

Chúng tôi mãi nói chuyện chẳng ai để ý đường đi, khi xe tới trạm biên giới mới giật mình. Con đường chưa tới nhà Bác Sĩ Giang sao đã xuyên qua trạm kiểm soát? Thanh Minh dùng *cell phone* gọi người bạn, mới hay nhà anh ở bên kia cầu biên giới, phía Hoa Kỳ. Chúng tôi vội vàng giấu cam, quýt, chuối, nhãn, mít với quần áo cuối xe và trên trần xe. Luật Mỹ không cho người ta đem trái cây vào Nước Mỹ nếu không xin phép. Nhà Nước sợ sâu bọ hay vi trùng nhập cảng đất Mỹ. Tường Huệ bình tĩnh:

“Cứ bỏ hết thức ăn và trái cây vào bao rác. Họ hỏi thì mình bảo là rác. Họ đi rồi thì mình lấy ra ăn.” May mắn, thức ăn và trái cây của chúng tôi được bình yên vô sự.

Trời từ đây hanh hanh nắng ấm áp hơn. Nhưng khi đi qua cầu biên giới vẫn chỉ nhìn thấy hơi nước mù mịt bốc lên từ phía Thác Niagara.

Sau vài lần liên lạc *cell phone* và đi loanh quanh vài đường chúng tôi tới nhà Bác Sĩ Giang ở trong một khu yên tĩnh, sang trọng. Vợ bác sĩ là Trung Vương Ánh Hằng, em của Trung Vương Lê Khanh ở Memphis. Trong nhà và ngoài vườn của cặp Giang-Hằng đầy hoa lá thơ mộng. Chúng tôi chụp nhiều ảnh chung với chủ nhân. Sau bữa cơm trưa thịnh soạn, anh Giang và Hằng yêu cầu chúng tôi hát lại bài “Một Thuở Trung Vương” với tiếng dương cầm đệm của anh Nhật Bằng. Càng ngày chúng tôi càng hát nhuần và quyến giọng nhau đều hơn. Thái Phượng và Minh Chúc mỗi người cũng ca một bản nhạc tặng chủ nhà.

Sau đó, chúng tôi háo hức lên *bus* theo sau xe vợ chồng Bác Sĩ Giang đi Niagara bên bờ Canada. Chỉ 20 phút sau chúng tôi lại đi qua cầu, qua trạm biên giới và thật mau tới Sheraton on the Falls Hotel. Chúng tôi cũng có bốn phòng ở đây và chia nhau như đã ở khách sạn bên Toronto. Giá một phòng vào khoảng \$220 Gia kim với *dinner* và *breakfast*. Nhưng chúng tôi có thẻ của hãng du lịch AAA nên lại được trừ 10%. Bác sĩ Giang mời tất cả chúng tôi ăn cơm tối tại nhà hàng Casino, chúng tôi bỏ *dinner* của khách sạn nên lại được bớt nữa.

Phòng nào cũng nhìn xuống Thác Niagara, vừa sang trọng vừa đẹp, vừa rẻ, chúng tôi ai nấy đều hài lòng. Ông tài xế giữ phòng ở khách sạn gần đây và đậu *bus* tại *parking lot* của Khách Sạn Sheraton.

Vừa quãng hành lý vào phòng, tôi mở ngay cửa *balcony* nhìn xuống Niagara âm âm đổ nước trắng xóa bên kia bờ Hoa Kỳ. Chúng tôi khoan khoái hít thở không khí trong lành mát rượi với mùi hơi nước từ thác. Nhưng rồi con mắt cũng phải rời phong cảnh hùng vĩ, hữu tình, chúng tôi cùng Tú Nhật và chị Bạch Tuyết xuống *Lobby* chờ các bạn. Khi đã đông đủ, cặp Giang-Hằng dẫn đầu đưa chúng tôi đi bộ qua đường sang bờ Hồ Errie nhìn qua Thác Niagara. Đây là lần thứ hai tôi

đứng trước cảnh thần thoại này. Lần đầu tiên tôi tới đây kỷ niệm 25 năm bạc... đầu với Robert, người bạn đường đáng yêu của tôi.

Trời chiều nắng cao, càng đi gần đến thác, gió càng lộng, chúng tôi phải quàng khăn trên đầu hay đội mũ để giữ tóc. Hơi nước lạnh, bụi nước thanh, bay tới đậu trên tóc, áo khách bộ hành. Có những lúc ráng chiều chợt sáng lên chiếu vào “giải voan trắng của cô dâu Niagara”, làm thành cầu vồng ngũ sắc rực rỡ để du khách suýt soa chiêm ngưỡng.

Đông đảo người tản bộ trên những lối đi trong công viên với những thảm hoa tươi thắm, những chòi nghỉ chân, những bậc đá, những quán nước thơ mộng. Đây có lẽ là một trong những ước mơ của những người chưa được tới đây thường lãm kỳ quan vũ trụ này. Chúng tôi chụp nhiều hình *panorama* với nhau, ung dung nhàn tản tới tận cuối công viên mới quay trở lại khách sạn, và hẹn gặp nhau 7 giờ ở *lobby*.

Chúng tôi lên phòng trang điểm và thay y phục thoải mái cho buổi tối. Bác sĩ Giang và Ánh Hằng lại dẫn đầu đưa chúng tôi sang nhà hàng Casino sang trọng lộng lẫy ngay bên cạnh khách sạn. Những phần ăn quá lớn. Chúng tôi cảm thấy tội lỗi không ăn hết của giời cho, biết thế chỉ gọi hai đĩa một phần ăn chung, dù ăn nhiều, ăn ít cũng là *free*. Nhóm chúng tôi muốn gửi lại đây lời cảm ơn chân thành đến Bác Sĩ Giang và Trung Vương Ánh Hằng đã nồng hậu đón tiếp phái đoàn Trung Vương Hoa Thịnh Đốn.

Sau bữa tối, chúng tôi theo nhau đi qua các khu *slot machine*, đông đảo khách chơi. Tiếng máy quay rào rào, nhảy tung tung. Đèn đủ màu nhấp nháy choáng mắt. Vài bạn đôi một hay hai chục Mỹ kim, kéo máy cho vui.

Khi mệt mỏi định về khách sạn thì Bác Sĩ Giang đưa chúng tôi vào một phòng lớn và gần như không có tiếng động để xem người ta đánh bài, sát phạt lớn. Tôi mù tịt về Casino, nên chẳng biết họ chơi gì. Những con bạc rít thuốc lá nhiều hơn nói. Mặt người nào người nấy căng thẳng, làm lì. Chúng tôi im lặng hay thì thầm đứng xa nhìn họ. Không khí này không hấp dẫn, tôi rủ Kim Hân về phòng trước.

Qua cửa kính *balcony* rộng, chúng tôi được nhìn đèn màu chiếu muôn hồng nghìn tía trên Thác Niagara. Khi đèn tắt, thác nước vẫn trắng xóa trong đêm tối.

Đêm ấy, phòng tôi có chị Bạch Tuyết chung giường với Tú Nhật. Tôi mời cô nàng Kim Hân chung giường với tôi nhưng nàng nhất định nằm đất một mình. Tôi kéo cái mền bông dày phủ giường, trải xuống đất cho cô nàng nằm êm ái tấm thân dài thon thả. Gần nửa đêm, Thanh Minh vào phòng sau khi chia tay cặp Giang và Hằng. Họ qua biên giới cái vèo, về nhà bên Buffalo, USA chẳng xa gì. Chị Tuyết, Thanh Minh và tôi lung củng tính toán tiền nong chi phí của mỗi bạn đến 2 giờ sáng. Thanh Minh thấy Kim Hân nằm đất một mình tội nghiệp, cũng chui vào chăn chia sẻ nỗi lạnh lùng với bạn.

Vừa mở mắt dậy sáng hôm sau tôi đã hé màn cửa *balcony*, nhìn Niagara bốc hơi mờ mịt, bông bèo sương khói. Vì năm mạng trong một phòng nên đến gần 8 giờ tôi và Kim Hân mới kéo hành lý ra khỏi phòng, đem xuống *bus* giao cho tài xế. Khi chúng tôi lên thượng tầng khách sạn ăn sáng, các bạn đã đủ mặt ở đây. Chúng tôi đều chọn bàn bên cạnh cửa kính lớn nhìn qua giòng thác muôn đời đổ nước vẫn không trôi hết bụi trần gian. Ánh nắng rực rỡ lại biểu diễn một màn cầu vồng huyền ảo trên tấm khăn voan trắng xoá, thướt tha của cô dâu Niagara chào mừng du khách trầm trồ chiêm ngưỡng. Mỗi người chúng tôi chỉ phải trả hơn 20 Mỹ kim mà được hưởng một ngày, một đêm khách sạn sang trọng với tiện nghi nhân tạo, ngoạn mục thiên nhiên thì coi như chẳng tốn kém đồng nào.

Muốn ngồi lâu hơn, nhàn hạ ngắm cảnh thác đổ triền miên, chúng tôi vẫn phải xuống đường, lên *bus*. Tuy tài xế nói đường trở về dễ dàng như ăn *a piece of cake*, một miếng bánh bông lan, anh Thế vẫn ngồi bên cạnh ông ta và nhìn đường cho yên trí.

Sau khi qua Hồ Ontario trong xanh rộng lớn bên trái, chúng tôi ra khỏi Thành Phố Toronto. Tới biên giới, một nữ kiểm soát viên mặt mũi lạnh lùng như đá, lên *bus* xem *passport* của chúng tôi và soi mới nhìn vào mặt từng người.

Nếu họ cẩn thận như vậy với bọn khủng bố thì đã không có vụ hai tòa nhà World Trade bị phá sập ở New York ngày 9 tháng 11, năm 2000.

Qua cầu biên giới chúng tôi đều nhìn về phía bên tay mặt vẫy chào tạm biệt giồng thác đã để lại nhiều giai thoại tình sử. Người thì nói *Good bye, Au revoir*, kẻ thì nói *Soyonara* với người tình muôn thuở Niagara. Ông tài xế gốc Ý Đại Lợi cũng lên tiếng “Chao! Chao Bambino!” Tôi chợt nhớ tới phim *The River of no Return*, minh tinh Marilyn Monroe và tài tử Robert Mitchum đã thủ vai chính. Hình ảnh họ chống chọi với giồng sông thác lũ, tiếng nhạc, tiếng hát trong phim đi theo tôi mãi xa sau biên giới. Mỗi khi bắt gặp phim này trên TV, tôi không thể không xem lại, để xao xuyến bồi hồi tâm tư, nhớ thuở xa xưa nào...

Phái đoàn đi chơi Canada chúng tôi hôm đó cũng đều có chung một cảm tưởng luyện tiếc bồi hồi như thế. Niagara vừa khuất bóng đằng sau, tất cả quay ra nhao nhao hỏi nhau:

“Có hài lòng với Niagara không?”

“Có muốn trở lại Niagara không?” Tất cả đều đồng thanh:

“Có, có!” và hỏi lại nhau:

“Bao giờ, bao giờ?” và đồng ý nếu có dịp sẽ rủ nhau đi nữa.

Tôi và vài bạn dùng *cell phone* gọi về nhà cho chồng con biết đã trở về đất Hoa Kỳ không có vấn đề gì, khi vào tới Beltway sẽ gọi lại cho biết giờ ra đón.

Lúc đi phong cảnh hai bên đường không có gì đặc biệt thì lúc về lại càng không đáng chú ý. Chúng tôi lại hát nhiều bài vui nhộn, nhiều bản đơn ca tình tứ. Ông tài xế hứng quá lái xe một tay và vớ *microphone* hát bài “Come Back to Sorrento”. Cái xe lạng quạng trên đường. Cả xe la hoảng:

“Thôi ông ơi, ông không đưa chúng tôi trở lại Sorrento mà về châu Diêm Vương bây giờ”.

Tôi vội chạy lên phía trước và đỡ lấy cái micro trên tay ông tài:

“Tony, you keep your hands on the wheel and your eyes on the road, please!”

Hát mỗi miệng, Minh Chúc ngồi bệt xuống sàn, nghiêng ngả vì cái xe chạy như ngựa vía long lên sóng sọc. Nàng kể về những gian nan khổ cực vì Cộng Sản sau năm 1975 ở Sài Gòn. Tất cả bạn bè đều động lòng trắc ẩn. Chị Bạch Tuyết cũng lên cầm *micro*, đứng trước các bạn đồng hành, chia sẻ nỗi đau quốc nội của Minh Chúc và với nỗi gian truân của chị ở quốc ngoại. Trước năm 1975, chị Tuyết du học Hoa kỳ. Khi chị học xong Master, hết học bổng, hết hạn *visa* ở lại, chị cũng không tìm được việc làm, tài chánh rất eo hẹp. Từ Mỹ, chị phải sang Âu Châu bưng trải với việc học, việc làm vất vả, đời sống khó khăn trong nhiều năm. Sau năm 1975, chị mới được nhập cảnh Hoa Kỳ với diện di cư, tị nạn. Đó là sự “bí mật” về chị Bạch Tuyết mà bây giờ chúng tôi mới được biết. Hiện nay chị vẫn đi làm và rất hoạt động trong Cộng Đồng Người Việt ở Maryland.

Sau hai lần xe ngừng cho chúng tôi xuống “rửa tay” và ăn trưa *hamburger* với khoai chiên tại tiệm MacDonald, cái xe được im lặng một hồi lâu vì hành khách của nó đều khép miệng, nhắm mắt, tìm giấc ngủ chập chờn.

Khi xe sắp về tới Maryland, từng người chúng tôi nói lên kinh nghiệm, cảm tưởng về cuộc hành trình ba ngày qua. Chúng tôi xúc động cảm ơn nhau, đã cho nhau một cuộc hành trình tràn đầy thích thú, có một không hai.

Anh Đặng Tế Thế điềm đạm nói rằng trước khi khởi hành anh không nghĩ chuyến đi của chúng tôi có nhiều tiếng hát tung bừng, tiếng cười cởi mở như vậy. Sự vui vẻ, trẻ trung và hồn nhiên của phái nữ chúng tôi đã làm anh vui lây và cảm thấy trẻ lại. Đây là một chuyến đi chơi lành mạnh bổ ích, chúng ta không những nên tiếp tục mà còn nên phổ biến rộng rãi với bạn bè khác những chuyến đi sau này. Tiếng vỗ tay hoan nghênh anh Thế vang dậy, muốn vỗ tung cái xe. Chúng tôi đều hẹn hò sẽ làm một chuyến đi chơi khác.

Từ sau chuyến đi ấy, chúng tôi cảm thấy gần gũi, thân thiết, thương mến nhau hơn. Chúng tôi tìm cơ hội gặp gỡ nhau

thường hơn. Có dịp gặp nhau tại một nhà, hay tiệm ăn, chúng tôi đều nhớ mời tất cả các bạn đã cùng đi chuyến qua cầu biên giới đó. Và, chúng tôi gọi nhau là Nhóm Đi Toronto.

Mong rằng trong tương lai chúng tôi sẽ tổ chức được những chuyến viễn du đông hơn, xa hơn và lâu hơn. Còn vui thì vui đến thế là cùng. Không nguồn vui bạn bè nào hơn thế nữa.



Hàng ngồi, từ trái: Bạch Tuyết, Minh Đức, Tuyết Lê, Thái Phượng.
Hàng đứng, từ trái: Tú Nhật, Ngọc Dung, Kim Hân, Vân Trang, Minh Tâm, Minh Chúc. Toronto 7-4-2001.



Toronto 7-4-2001. Tại nhà Bác Sĩ Giang và Ánh Hằng. Từ trái: Nhạc Sĩ Nhật Bằng, Ngọc Dung, Tú Nhật, Thanh Minh, Tuyết Lê, Tường Huệ, Ánh Hằng, Thái Phượng, Vân Trang, Kim Hân, Lê Thị Ngọc, Minh Chúc, Minh Đức, anh Thế, Minh Tâm.



Bạch Tuyết
Ngọc Dung
Minh Chúc.
<<<

Tường Huệ
Lê Thị Ngọc
Tú Nhật
Minh Đức.>>



<<<
Kim Hân
Thanh Minh
Tuyết Lê
Thái Phương.

PHÁI ĐOÀN TRUNG VƯƠNG HOA THỊNH ĐÓN
BÊN BỜ THÁC NIAGARA. 8-4-2001



Từ Trái: Kim Hân, Ngọc Dung, Thanh Minh, Bạch Tuyết,
Minh Trân, Tuyết Lê, Minh Tâm.



Minh Đức, Ánh Hằng, Tú Nhật, Minh Chúc, Lê Ngọc, Vân Trang.

THƯ GỬI BẠN QUÊ NHÀ

Virginia 12/16/2002

Thân mến gửi các bạn Trung Vương quê nhà, Gần đây Ngọc Dung rất vui mừng nhận được *email* của Ngọc Diệp Hà Nội, kèm theo hình vợ chồng con cháu chụp chung. Ngọc Dung sẽ chuyển những hình này cho các bạn ở hải ngoại có địa chỉ *email* và in ra nhiều tấm gửi các bạn không sử dụng *computer*.

Cảm ơn khoa học tân tiến hiện tại đã cho chúng ta có thể thư từ và gửi hình ảnh trực tiếp bằng *email* cho nhau, chỉ trong vài phút, bên kia đã nhận được. Nhà Ngọc Dung có *Camera On Line*, vừa nói chuyện qua điện thoại vừa nhìn thấy nhau trên màn ảnh *computer*. Nhưng hình ảnh luôn luôn bị tắt và không được rõ ràng bằng *movie*. Khoa học tiến triển không ngừng. Trong tương lai *Camera On Line* của tư nhân chắc chắn sẽ khá hơn. Chúng mình sẽ được nhìn thấy nhau trong khi điện đàm và cảm thấy gần gũi nhau hơn nhỉ?

Các bạn quê nhà muốn biết sinh hoạt của bạn bè ở quê người, nên Ngọc Dung gửi thư này cùng với mấy tấm hình để các bạn in ra cho nhau xem và biết dung nhan những kẻ di cư tị nạn chúng tôi bây giờ ra sao.

Hình thứ nhất, Ngọc Dung chụp với cháu nội gái vừa được một năm. Các bạn có thấy đôi mắt cháu trong xanh, ngây thơ vô tội và đôi má phúng phính, nụ cười dễ thương không? May mắn, cháu chưa hiểu biết chuyện 9/11/2000 xảy ra trên đất Mỹ năm ngoái và chuyện Trung Đông hiện tại.

Hình thứ hai, Ngọc Dung chụp chung với các bạn cùng khóa, cùng lớp (1952-1959) trong Tiền Đại Hội Trung Vương Bắc California, San Jose sáng ngày 6 tháng 8 năm 2001, tại nhà Vũ Thị Hiền. Trong hình, hàng đầu, từ trái sang phải có Kim Đài, Vân Phụng, Nguyễn Thị Tú, Hà Dương Thị Quyên, Lương Thị Nghệ, Lê Dung, Thúy Ái, Trần Thị Ngọc Dung, Vũ Thị Hiền và Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Trong hình thứ ba, chụp buổi chiều Tiền Đại Hội tại tư gia Nguyễn Thị Trinh, ngoài những tên tuổi kể trên còn có Mộng Thu, Minh Nguyệt, Hồng Diệp, Kim Bảo, Thanh Lan, Mạnh Quang, Tố Lan, Cao Mỹ Nhân, Ngọc Châm, Nhạn Sơ, Kim Lợi, Bùi Thị Quế (từ Sài Gòn qua du lịch Hoa Kỳ). Chẳng mấy khi chúng mình được họp mặt đông vui như thế!

Hình thứ tư có 16 nàng Trung Vương trong áo dài lam đồng phục trên sân khấu ngày Đại Hội Trung Vương Bắc Cali, ngày 7 tháng 8 năm 2001, đồng ca bài “Một Thuở Trung Vương”,^{12[1]} của Nhạc Sĩ Nhật Bằng, phu quân nàng Tường Huệ, phổ thơ của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Các nàng trong màn hợp ca đó (từ phải sang trái) là: Minh Chúc, Hà Dương Thị Quyên, Bùi Thị Quế, Lê Dung, Châu Hà, Vũ Thị Khiêm, Tường Huệ, Bạch Tuyết, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Kim Đài, Vũ Thị Hiền, Trần Thị Ngọc Dung, Minh Nguyệt, Tố Lan, Nguyễn Kim Tuấn, Thái Phương. Bạn quê nhà có nhận được ra hình hài, vóc dáng các bạn đang ở quốc ngoại chăng? Chúng mình thay đổi quá nhiều. Mấy chục năm rồi chứ ít gì? Vậy mà chúng mình vẫn hào hứng, hồn nhiên đồng ca. Đó là tác dụng hữu hiệu của các Đại Hội Trung Vương!

Bây giờ, Ngọc Dung kể chuyện gặp gỡ bạn bè nhóm 1952-1959 của chúng mình nhân dịp đi dự Đại Hội Trung Vương Bắc California tại San Jose năm ngoái, 2001. Phải nói chuyện viếng thăm này dài nhất của Ngọc Dung tại một tiểu bang từ

12[1] Bài hát này đã được một nhóm các bạn Trung Vương Hoa Thịnh Đồn lần đầu tiên đồng ca tại Đại Hội Trung Vương – Chu Văn An tại Toronto, Canada, ngày 7 tháng 4 năm 2001.

trước đến nay. Ngọc Dung đến San José hơn một tuần trước Đại Hội vì được các bậc đàn chị Trung Vương niên khoá 1950-1957 như Dương Vân Quyên, Diệu Linh, Phạm Phương Chi, Đào Thị Viễn, Nguyễn Thị Minh Tâm (chị ruột của Ngọc Dung)... tổ chức cho một buổi ra mắt tập thơ *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời* và tập truyện *Một Thoáng Mây Bay* của Nguyễn Thị Ngọc Dung, tại Trụ Sở Hội Tương Trợ Lạc Việt San José, chiều ngày 1 tháng 7 năm 2001. Người điều khiển chương trình là nhà thơ Kim Vũ^{13[2]}. Diễn giả giới thiệu tập thơ là Thi Sĩ Diên Nghị^{14[3]}. Diễn giả giới thiệu tập truyện *Một Thoáng Mây Bay* là Nhà Văn Lại Quốc Hùng. Nhà Thơ Trần Thiện Hiệp^{15[4]} diễn ngâm bài thơ *Đưa Anh Vào Mộng* của Nguyễn Thị Ngọc Dung vừa được đăng trong Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm số mới nhất mà Ngọc Dung biếu tặng.

Cũng xin giới thiệu với các bạn, Nguyễn Thị Ngọc Dung đã cộng tác với Cỏ Thơm, tập san văn học độc nhất vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn từ nhiều năm nay.

ĐƯA ANH VÀO MỘNG

Em thức dậy khi đêm anh vào tối
 Có mơ gì trong giấc ngủ cô đơn
 Có thao thức hình em trong đáy hồn
 Và luyến tiếc thuở ban đầu bối rối?

Đóa phù dung một chiều nào hấp hối
 Bời phồn hoa không là cảnh êm đềm

13[2] Nhà thơ Kim Vũ tên thật Vũ Mạnh Phát, là tác giả các tập thơ song ngữ Việt, *Anh Tình Anh Như Thế Đây, Khi Yêu Em, Những Áng Thơ Tuyệt Tác* (dịch).

14[3] Nhà Thơ Diên Nghị, một nhà thơ kỳ cựu. Có thi phẩm xuất bản từ năm 1956, là chủ bút nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hòa, sáng lập viên Cơ Sở Cội Nguồn, San Jose.

15[4] Thi Sĩ Trần Thiện Hiệp, tác giả những tập thơ *Cây Lá Phận Người, Mặt Trời Lưu Vong, Đình Mây Qua, Đá Mọc Rêu Xanh*.

Cuộc đời anh không là của riêng em
Dù vẫn biết tình chúng mình không thiếu.

Hãy lắng nghe lời thơ ru huyền diệu
Bình minh em mượn nắng ấm sưởi anh
Xin gió lạnh và mây trắng, mây xanh
Làm vũng mát đầy đưa anh vào mộng.

Thành phố cũ đã không còn tiếng động
Ngủ đi anh, vàng trán dịu bình yên
Ngủ đi anh, đời nhẹ bước lãng quên
Mí khép lại tìm về xưa anh nhé!

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Sau đó là âm thực khá hậu hĩnh. Ngoài những món đặt mua, bạn Nguyễn Thị Trinh vừa từ Pháp đi chơi về khuya đêm trước cũng bỏ ngủ, ráng làm cho mấy khay thạch đầy. Nhờ sự mời đón của Nhà Thơ Kim Vũ, phu quân bạn Kim Đài, một số văn, thi, nghệ sĩ, thân hữu, các anh chị Chu Văn An, Gia Long, Đồng Khánh... đã tham dự đông đảo. Nhờ sự kêu gọi của bạn Lương Thị Nghệ, mặc dù bận rộn với Đại Hội nhiều chị em bạn Trung Vương đã hiện diện. Một số không có mặt cũng nhờ bạn khác mua sách. Tác giả nào ra mắt sách mà không nhờ tới các bạn cũ cùng trường, cùng giới, cùng sở, cùng trong quân ngũ đi ủng hộ, sách mới bán được nhiều, nhất là khi có mặt tác giả. Từ đó sách mới được phổ biến rộng rãi tới tay các độc giả khác.

Một buổi sáng, Tố Lan đến đón Ngọc Dung tại nhà cô em Song Hà, trong ban tổ chức Đại Hội, và bắt ngõ đáo nhà Thiên Hương. Phu quân của Thiên Hương là Nhà Thơ Sao Biển đấy. Hai đứa được ăn mì tôm thịt thật đậm đà, hàn huyên không dứt, bỏ cả ý định đi ăn bánh tôm, bánh sèo Milpitas. Chiều đó, Tố Lan phải đi thông dịch tại Nhà Dưỡng Trí, cũng chờ Ngọc Dung theo luôn. Ngọc Dung tò mò muốn xem dưỡng

đường ra sao, Tổ Lan thông dịch những chuyện gì, nhưng phải ngồi ở phòng đợi và ngủ một giấc ngon lành. Sau đó hai đứa rẽ vào một Department Store lớn. Mỗi đứa mua một cái áo dạ hội *on sale*. Nhưng chẳng bao giờ Ngọc Dung mặc vì cảm thấy cái áo quá trẻ trung với mình. Về đến tư gia Tổ Lan, Ngọc Dung được coi căn nhà xinh xắn bên rừng, nai vàng ngơ ngác bên suối của đôi uyên ương Hiệp-Lan đang được sửa sang. Lần sau tới San Jose chắc Ngọc Dung sẽ được họp bạn tại “nhà Tổ Lan “bên chiếc cầu soi nước” thơ mộng này.

Chiều đó, Tổ Lan lại chở Nguyễn Thị Ngọc Dung đến đón Trần Thị Ngọc Dung và cùng nhau tới nhà Lê Dung và anh Thành. Ở đó đã có cặp Hiền-My. Chúng mình được thưởng thức súp măng cua, trạo tôm, nem chua rất ngon, trái đào cây trong vườn vừa ròn vừa ngọt như ổi xá lị. Lê Dung và “Ngọc Dung Trần” học với “Ngọc Dung Nguyễn” từ Đệ Thất Trưng Vương Hà Nội và nhiều lớp học tư Anh, Pháp, Toán đến hết đệ tứ Trưng Vương Sài Gòn thì kẻ sang Ban Sinh Ngữ, kẻ đi Ban Toán hay Vạn Vật. Tại nhà Lê Dung, Ngọc Dung lấy băng *cassette* và bản nhạc “Một Thuở Trưng Vương” cùng các bạn tập hát một cách rất nghiêm chỉnh. Buổi tối, cặp My-Hiền cho Ngọc-Dung quá giang về nhà bà chị Minh Tâm. Mong rằng một ngày không xa Ngọc Dung sẽ trở lại họp bạn tại nhà Lê Dung và xem cây thông của anh Thành được uốn tía công phu, mỹ thuật và hoàn tất với hình hai Bà Trưng cưỡi voi có lính hầu cận.

Chiều thứ sáu 1 tháng 7, 2001, Ngọc Dung cùng chị Trương Anh Thụy^{16[5]}, Nhà Thơ Diên Nghị và Kim Đài, được anh Phạm Nguyên Khôi, Tổng Thư Ký Hội Cựu Học Sinh Chu Văn An đưa đi Sacramento. Các bạn cũng nên biết nàng Kim

16[5] Trương Anh Thụy: Trưng Vương khóa 1950-1957. Giám Đốc Nhà Xuất Bản Cảnh Nam tại Virginia, tác giả tập thơ *Gửi Mưa Cho Nắng*, *Trường Ca Lời Mẹ Ru* và tập truyện ngắn *Ánh Mắt*.

Đài vừa trở thành phu nhân Vũ Mạnh Phát^{17[6]}, Hội Trưởng Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An, Bắc California.

Về Thi Sĩ Diên Nghị, Ngọc Dung đã được gặp từ thuở còn học Đệ Tam Trung Vương và đã từng nghe thơ Diên Nghị qua Mục Tao Đàn của Đài Phát Thanh Sài Gòn. Thuở ấy, Nhà Văn Văn Quang, mỗi lần muốn đến chơi nhà Ngọc Dung phải rủ một hay hai người bạn đi cùng trong số đó có Diên Nghị, để ông bà bà khỏi nghi ngờ con gái có chuyện riêng tư với ai... Ngọc Dung còn nhớ nhà thơ Xứ Huế có đôi mắt trong xanh, mơ màng với cặp lông mi dài cong vút. Bây giờ anh vẫn còn phảng phất dáng nét đó. Vừa gặp lại, tôi đã nhận ra ngay chàng thi sĩ Diên Nghị của Núi Ngự Sông Hương ngày xưa, tay bắt mặt mừng.

Tại Sacramento, tất cả được Nhà Văn Nhật Thịnh^{18[7]} và phu nhân là Trung Vương Khuê Dung giới thiệu trong một buổi họp mặt đông đảo. Tất cả các món ăn ngon miệng hôm đó đều do Khuê Dung làm cả. Trong dịp này, Ngọc Dung gặp lại Trung Vương Đỗ Thị Xinh, và Văn Thi Sĩ Hoàng Ngọc Liên^{19[8]} và nhiều văn, thi, nghệ sĩ, thân hữu trong vùng...

Buổi sáng Tiền Đại Hội Trung Vương 6 tháng 7, 2001, tại nhà anh My và Vũ Thị Hiền, Ngọc Dung và các bạn được nghe Hà Dương Thị Quyên giảng thiền, tập ngồi im không suy nghĩ gì cả, để tâm thần thoát khỏi đầu óc, bay bổng tới một cõi vô vi, vô hình, vô thường nào. Nhưng chỉ một phút sau Ngọc Dung đã nghe tiếng chim hót ngoài vườn và dù nhắm mắt vẫn hình dung nắng vàng chan hòa trong sân, bướm trắng lượn bay

17[6] Vũ Mạnh Phát có bút hiệu Kim Vũ, tác giả tập thơ *Tình Anh Như Thế Đó*.

18[7] Nhà Văn Nhật Thịnh và Khuê Dung là đồng tác giả tập truyện, *Đường Xuôi Nẻo Ngược, Những Điều Trông Thấy, Người Về Từ Trận Địa*.

19[8] Văn Thi Sĩ Hoàng Ngọc Liên: tác giả tập thơ *Khung Trời Tương Nhớ*, truyện dài *Đoàn Quân Mũ Đỏ, Tuyển Lựa Đầu, Viên Đạn Cuối Cùng*...

trên những cụm hoa tươi thắm đủ màu... Quyên là “anh chồng sáu vợ” trong bốn năm đệ nhất cấp Trung Vương của chúng mình. Ngọc Dung là “vợ” thứ năm, Kim Dung (ở Indonesia bây giờ) là “vợ” thứ sáu, Ngọc Diệp là “vợ” thứ bảy của “hắn” hả các bạn? Vũ Thị Hiền trước cuộc di cư năm 1954, nhà ở đối diện Vũ Ngọc Diệp Hàng Than. Hiền vẫn còn nhớ Diệp!

Tại nhà Vũ Thị Hiền, Tiền Đại Hội San Jose hôm đó, khách được chủ nhà và Vân Phụng cho nếm nhiều món chay rất hợp cảnh thiên, ngon hơn cả món mặn. Nồi nào nồi đó ngát ngừ, vĩ đại. Mua một, nhà chùa ủng hộ gấp đôi, nên cả nhóm có thể hợp ăn mấy bữa không hết.

Buổi chiều Tiền Đại Hội được các bạn niên khóa 1952-1959 vùng San Jose tổ chức tại nhà ông bà chủ tiệm ăn về hưu Chấn & Trinh. Các bạn và Ngọc Dung được ăn cơm tây sang trọng, gặp nhiều bạn học cùng khóa, cùng lớp. Cô dâu mới Kim Đài đem theo một cuốn lưu niệm Trung Vương xưa cũ. Các bạn xúm xít tranh nhau xem, tíu tíu chụp hình chụp ảnh. Chúng mình đâu sợ tuổi bà nội bà ngoại! Có mấy cụ nữ sinh Trung Vương chưa lên chức này nhỉ? Ngọc Dung nhờ chàng Phát của nàng Đài chụp cho mọi người nhiều hình *Panorama*, và đã chọn in ảnh đẹp nhất gửi tặng các bạn. Tại đây cũng như tại nhà Lê Dung và Vũ Thị Hiền, nhóm 1952-1959 lại cùng tập hát bài “Một Thuở Trung Vương”, để trình diễn Ngày Đại Hội. Ngọc Dung đem theo cuộn băng, vặn lên vài lần để các bạn hát theo. Hài chưa, tập đồng ca như thế đấy!

Sau khi rời nhà Nguyễn Thị Trinh, mặc dù đã khuya, Ngọc Dung còn theo xe của cặp uyên ương Mộng Thu, Ngô Hùng, nhà thơ kiêm ngâm sĩ, cùng Minh Nguyệt tới nhà Trần Ngọc Trâm. Nơi đây la liệt thức ăn đồ uống, đông đảo tấp nập các bạn niên khoá 1954-1961.

Chiều ngày 7 tháng 8, 2001, Đại Hội Trung Vương Bắc Cali đã được tổ chức long trọng tại một khách sạn lớn của San Jose với đông đảo hơn 600 người tham dự. Sau phần nghi lễ chào mừng mở đầu, đến phần giới thiệu ban chấp hành, ban tổ chức hùng hậu và giới thiệu các giáo sư trong đó có Giáo Sư

Nguyễn Thị Ninh từ Sài Gòn tới. Phần văn nghệ tiếp theo với đề tài *Trung Vương Theo Dòng Thời Gian*, khởi sự từ những bước chân oai hùng của Hai Bà tại đất Mê Linh tới Trung Vương Hà Nội, Trung Vương Sài Gòn, Trung Vương Hải Ngoại. Các tiết mục nào cũng đều có ý nghĩa tình thầy trò, bạn hữu, xã hội, văn hóa, lịch sử...

Chúng mình phải hãnh diện, ban tổ chức đã dùng bài thơ “Áo Lam Ngâm Ngùi” của Nguyễn Thị Sâm (niên khóa 1952-59), trong nhiều màn trình diễn thật cảm động. Người Trung Vương nào không ngâm ngùi luyện tiếc cái thời đệ thất ngày thơ rồi đến những lớp lớn đắm thắm mộng mơ. Nguyễn Thị Sâm là một cây thơ Trung Vương, học đệ tam và đệ nhị “C”, 1957-1959. Hiện nay, nàng vẫn ở Sài Gòn, thỉnh thoảng gửi thơ cho các bạn hải ngoại. Chúng mình chuyển thơ của Sâm tới các đặc san Trung Vương khắp nơi.

Trong phần văn nghệ của từng niên khóa, 16 nàng Trung Vương trong áo dài lam trang trọng, đại diện nhóm Trung Vương 1952-1959, như trong hình thứ tư kể trên, lên sân khấu hào hứng đồng ca bài “Một Thuở Trung Vương”. Tuấn và Khiêm chưa nghe, chưa tập bài hát này lần nào cũng bị các bạn đẩy lên hát cho đông vui. Vài bạn thấy đông quá, không lên sân khấu nữa. Có lẽ các bạn cũng như Ngọc Dung, đều hồi hộp vì là mục khởi đầu chương trình văn nghệ từng niên khóa. Nhưng nhìn rể Trung Vương, Nhạc Sĩ Nhật Bằng hân hoan đánh nhịp dưới sân khấu, các bạn yên trí lớn và hào hứng hát. Nhạc sĩ tác giả tươi cười có vẻ hài lòng với tiếng nhạc, lời ca rõ ràng, đều nhịp. Chúng mình được vỗ tay hoan nghênh rầm rộ kể cũng không quá đáng. Ngọc Dung đã được các bạn gửi cho mấy tấm hình chụp màn trình diễn lịch sử này làm kỷ niệm.

Các bạn bên nhà muốn xem đầy đủ chương trình ngày Đại Hội Trung Vương Bắc Cali ấy, hãy tìm xem *Video*. Ngọc Dung không ngần ngại gửi tặng các bạn nếu người “nhà nước ta” không vờ đòi kiểm duyệt và tịch thu xem chơi.

Ngoài các bạn nêu tên từ đầu thư này, trong đại hội, Ngọc Dung còn gặp những người đẹp khác của chúng ta như Bảo Quỳnh, Hồng Hy, Trần Thị Thảo, Đặng Lương Quyên... và

chụp chung với Cô Ninh, Cô Nại cùng các bạn khác. Cô Ninh từ Sài Gòn sang dự Đại Hội Trung Vương lần thứ hai. Ngọc Dung đã được gặp cô Nại và chụp hình với cô tại đại hội Trung Vương Houston, năm 2000. Cô Nại trông còn trẻ như học trò. Các bạn ơi, hãy sửa soạn và điểm trang để cạnh tranh với cô Nại chứ!

Ngoài 3 lần Đại Hội Trung Vương Hoa Thịnh Đồn vùng nhà, Ngọc Dung đã đi dự Đại Hội Houston hai lần, Nam Cali hai lần, Toronto vào tháng 4, và San Jose vào tháng 7 năm ngoái, 2001 như đã kể trên. Chuyến đi dự Đại Hội Trung Vương-Chu Văn An Toronto vui thật là vui. Một đoàn 15 người, Thanh Minh, Thái Phương, Tuyết Lê, Lê Thị Ngọc, Minh Chúc, Minh Tâm, Bạch Tuyết, Tú Nhật, Vân Trang và phu quân Tế Thế, Tường Huệ và phu quân Nhật Bằng cùng Ngọc Dung đã thuê một cái *mini-bus* với tài xế, rong ruổi từ Tysons Corner, Virginia tới Toronto. Ăn, hát, hét suốt dọc đường không biết mệt. Ngọc Dung chưa có cuộc đi chơi nào với các bạn mà vui đến thế! Phái đoàn cũng đã đem bài “Một Thuở Trung Vương” đi “đám” xứ người lần thứ nhất và được đại hội vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt. Thầy cô trường cũ, bạn xưa nhất định phải khuyến khích nhau rồi! Trên đường về, phái đoàn ở Hilton Hotel nhìn xuống thác Niagara. Thả bộ ngắm thác nên thơ và chụp hình kỷ niệm bên nhau thật quyến luyến, thân thương. Tất cả vẫn mong mỗi, thêm muốn cùng nhau đi chơi nữa.

Các bạn biết không? Ngày 4 tháng 8 năm nay, 2002 Đại Hội Trung Vương *Áo Xanh Tao Ngộ* Nam California sẽ được tổ chức lớn lắm tại Hyatt Regency Hotel gần Disneyland Park đây. Các bạn bên đó sẽ có hậu đại hội với hai chuyến đi chơi Las Vegas và Mexico một hay hai ngày mà giá chỉ có \$70 Mỹ Kim cả xe cộ, ăn ở. Rẻ quá đi thôi! Gì chứ đi chơi và có bạn bè là có Ngọc Dung. Dĩ nhiên Ngọc Dung dự tính sẽ đi. Sẽ viết và *email* chia sẻ niềm vui Đại Hội với các bạn quê nhà.

Cũng chưa hết chuyện Đại Hội đâu, Trung Vương Hoa Thịnh Đốn đang dự tính tổ chức Đại Hội Kỷ Niệm 10 năm sinh hoạt vào tháng 4, 2003, tại một khách sạn sang trọng. Hậu đại hội có thể là một chuyến đi du thuyền vài ngày lênh đênh sông, biển, mây trời, tha hồ làm thơ, viết văn. Nghe mà ham! Chưa đi đã thấy vui rồi! Các bạn để dành tiền và ngày nghỉ từ bây giờ đi! Ngọc Dung mong các bạn ở Việt Nam cũng tổ chức được những Đại Hội Trung Vương hợp với hoàn cảnh, để có dịp gặp gỡ vui chơi cởi mở, gạt bỏ vài khoảnh khắc lo âu phiền muộn do thời thế xoay vần, cuộc đời biến đổi đã gây nên.

Các bạn thân mến, lâu lâu không gặp, không hỏi thăm nhau vì hoàn cảnh, vì không gian, thời gian cách trở, nhưng tình bằng hữu đồng niên, đồng môn thân ái vẫn cất giữ trong một góc tim êm ái, một nơi rất thần tiên, mơ mộng, khi được dịp hội ngộ, lại mở cửa ngõ tâm tình, xao xuyên ôn kỷ niệm thân thương. Nhịp sống sẽ lại rộn ràng, khoẻ ra, trẻ lại để thêm sức hiên ngang đi hết đường đời. Còn hiện diện trên trái đất, còn muốn được nhìn thấy nhau trong bồi hồi, lưu luyến. Đại hội là nơi chúng mình được gặp nhau đông vui nhất, phải không?

Hẹn thư sau sẽ có thêm chuyện Trung Vương Hải Ngoại và mong được nghe chuyện Trung Vương Quốc Nội của các bạn đấy. Cho Ngọc Dung và Trung Vương bên này gửi lời hỏi thăm và chúc tất cả quý thầy cô và các bạn bên ấy được bình yên, nhiều sức khỏe để trông cháu nội, cháu ngoại cho vui cửa vui nhà. Hy vọng chúng mình sẽ cùng được tham dự nhiều Đại Hội Trung Vương trong tương lai.

Thân mến,
Nguyễn Thị Ngọc Dung



Hình #2 hàng trước: Kim Đài, Vân Phụng, Nguyễn T. Tú, Hà Dương T. Uyên, Lương T. Nghệ, Lê Dung, Thúy Ái, Trần T. Ngọc Dung. Hàng sau: Vũ Thị Hiền và Nguyễn T. Ngọc Dung.



Hình #3, hàng trước: Hồng Diệp, Ngọc Trâm, Thanh Lan, Mạnh Quang. Hàng sau: Cao Mỹ Nhân, Bùi T. Quế, Ngô Thúy Ái, Kim Đài, Minh Nguyệt.



Hình #4, hàng trước: Kim Bảo, Nguyễn T. Trinh, Trần T. Ngọc Dung, Mộng Thu, Vũ Thị Hiền. Hàng sau: Lương Thị Nghệ, Nguyễn T. Ngọc Dung, Nguyễn Thị Tú, Tô Lan, Lê Dung.

SAIGON NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG

Thơ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
NHẬT BẰNG phổ nhạc

SLOW WALTZ

The musical score is written in 3/4 time and consists of seven staves of music. The melody is in the treble clef. The lyrics are written below the notes, and chords are indicated above the staff. The chords used are C, F, Dm, G7, D7, and F.

Sai gon nắng nhớ mưa thương Sai
gon một thuở Trưng vương học trò Đồi vui ca
hát mộng mơ Lá me đêm bước hẹn hò từng
đôi Sai gon nắng thấm mưa trong Sai
gon một thuở Gia long ngọt ngào Hồn xanh mây
biếc dệt sao Áo em màu trắng dệt dào tim

anh Sài gòn ngày ấy ngọc ngà
 phê Pa gode lượt là Tịch đó Gi vral
 ăm tình thơ Bên người yêu dấu mộng mơ suốt
 Sài gòn vẫn đó em ơi Sài gòn
 khuất chân trời thể lương Sài gòn còn đó
 hương Sài gòn nắng nhớ mưa thương muôn đời
 ..đời - Sài - gòn vẫn nắng mưa trong lòng tôi



Hàng trước: Thúy Ái, Nguyễn Thị Trinh, Tô Lan, Nguyễn Ngọc Dung, Hà Dương Quyên, Ngô Bích Vân. Hàng sau: Bảo Quỳnh, Kim Tuấn, Vũ Thị Hiền, Trần Ngọc Dung, Nguyễn Thị Tú, Kim Đài.



Hàng quý: Phạm Thị Thảo, Ngọc Dung, Mạnh Quang. Ngồi giữa: Giáo sư Đinh Thị Nại. Giáo sư Phạm Thị Ninh. Hàng đứng: Vân Phụng, Thiên Hương, Tô Lan, Vũ Thị Hiền, Thúy Ái, Kim Đài, Trần Bích Vân, Nguyễn Thị Tú, Minh Nguyệt, Thanh Lan, Mộng Thu, ..., Bùi Thị Quế.



Minh Chúc, Hà Dương Quyên, Bùi Thị Quế, Lê Dung,
Châu Hà, Vũ Thị Khiêm, Tường Huệ, Bạch Tuyết,
Ngọc Dung, Kim Đài, Vũ Thị Hiền, Trần Ngọc Dung,
Minh Nguyệt, Tố Lan, Kim Tuấn, Thái Phương.
Nhạc sĩ Nhật Bằng điều khiển (1)

LẠC VÀO KHUNG TRANH

Thông thường, mỗi Chủ Nhật, hơn 8 giờ ông xã tôi mới dậy ăn sáng và đọc báo rồi 10 hay 11 giờ đi lễ nhà thờ. Hôm nay, mới 7 giờ chàng đã phải tung chăn dậy theo đồng hồ báo thức, và rửa mặt đánh răng ngay, không có thời giờ vuôn vai, vặn mình làm mấy cử động giãn gân, giãn cốt.

7 giờ 15 chàng đã chinh tề ngòi xe lái đi nhà thờ, chẳng kịp uống ly cà phê. Bởi tôi đã hẹn chàng 9 giờ 30 chúng tôi sẽ đi xem triển lãm *Beyond The Frame* tại Viện Bảo Tàng Corcoran Gallery of Art^{20[1]} trong Washington, D.C. Tôi lo đến muộn sẽ phải đậu xe xa và phải xếp hàng dài vào cửa thì mất công và mệt cái thân còm.

Hơn 8 giờ rưỡi Robert đã trở về, tôi còn uể oải lười biếng trong cái áo choàng màu hồng và lẹp xẹp đôi dép vải cùng màu. Phòng ngủ của chúng tôi toàn màu hồng mà lì! Cũng bởi vì bức tranh (34 x 43”) của Họa Sĩ Nguyễn Trung treo trên tường, đầu giường ngủ. Bức tranh mang tên *Màu Hồng* (1971)! Màu hồng *pastel* phơn phớt của bức màn trong tranh nhẹ nhàng bay với mái tóc thề của người thiếu nữ có bộ ngực chanh cốm để trần. Tác giả bức tranh, người bạn thư từ thuở học trò xa xưa, đã tặng tôi trước khi tôi rời Sài Gòn năm 1972. Tháng 6 năm 2000, Họa Sĩ Nguyễn Trung sang Mỹ chơi, đã cùng Họa sĩ Đinh Cường đến nhà tôi thăm hai bức tranh của

20[1] 500 Seventeenth Street, NW, Washington, D.C. 20006-4804.



Màn Hồng, (1971),
tranh sơn dầu
NGUYỄN TRUNG



*Thiếu Nữ
Đội Khăn* (1971),
Tranh sơn dầu
NGUYỄN TRUNG.

anh. Bức tranh thứ hai lớn hơn, có tên *Thiếu Nữ Đội Khăn* (1971), tôi đã mua trong triển lãm tại phòng tranh Dolce Vista của Khách sạn Continental cách đây 32 năm.

Họa Sĩ Nguyễn Trung sinh năm 1940 tại Sóc Trăng. Từ năm 1959 đến năm 1989 Nguyễn Trung có nhiều triển lãm cá nhân và tham gia các triển lãm khác trong nước, Paris, Singapore, Tokyo, San Francisco. Tại Sài Gòn, Nguyễn Trung được giải huy chương bạc năm 1960, và huy chương vàng năm 1963. Họa sĩ cũng có tranh sưu tập tại Bảo Tàng Mỹ Thuật Việt Nam, Singapore; Bảo Tàng Bassano del Grappa, Ý Đại Lợi; các sưu tập tư nhân tại Singapore, Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan, Pháp, Đức, Hà Lan, Anh, Thụy Sĩ, Ý Đại Lợi, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại...

Trở lại buổi sáng vợ chồng tôi đi xem triển lãm *Beyond The Frame*. Tôi nướng bánh ngọt và pha *coffee* cho hai người. Robert tự làm thêm một bát *oatmeal* (lúa mạch) nóng với sữa. Ngày nào chàng cũng ăn được như thế. Tôi thì chịu, trông cái bát *oatmeal* như cám cho heo ăn, chẳng hấp dẫn chút nào, nhưng bỏ lăm đấy các cụ ạ.

Còn nửa giờ để sửa soạn. Ăn sáng xong, tôi chỉ kịp nghe loáng thoáng TV nói máy thám hiểm Spirit Rover đã đáp xuống hỏa tinh sáng sớm hôm nay, 01/04/2004, lúc người miền đông còn đang say giấc nồng. Tuy nóng nảy muốn xem Spirit Rover khám phá được những gì trên hỏa tinh cho người hạ giới xem, tôi miễn cưỡng vào phòng trang điểm chút phần hồng, son nhạt. TV báo thời tiết hôm nay mưa phùn và sẽ lên tới hơn 60 độ F. Mùa đông như vậy là ấm lắm đối với miền Đông Bắc Hoa Kỳ. Tôi chọn mặc cái quần màu xám với cái áo len mềm, mỏng, màu rượu chát. Robert cũng mặc bộ quần áo len nhẹ màu xám. Khi ra tới cửa, chàng khoác thêm cái áo *blouson* mỏng màu đen.

Nhìn lên trời có vẻ âm u, nhưng phía xa ửng chút mây hồng, tôi mặc thêm cái áo khoác dạ đỏ mùa xuân và bỏ cây dù nhỏ vào ví xách. Tôi lái xe. Ông xã tôi chỉ đường. Khác hẳn ngày làm việc giờ này xe nối đuôi nhau kẹt cứng, Toll Road

267 hôm nay thênh thang vắng vẻ. Hai bên đường, cây trơ trụi lá, cỏ vàng úa khô. Chỉ có loài thông vẫn hiên ngang xanh rờn trong băng giá mùa đông. Vài hạt mưa lấm tẩm đậu kính xe. Nét mặt tươi rạng, Robert nhìn sang tôi đắm đuối, và bỗng cũ sao lại, chàng đưa tay tôi lên môi hôn:

“Anh rất sung sướng, chúng mình có *date* với nhau hôm nay. Anh cảm thấy như ngày chúng ta mới quen nhau. *I love you, baby.*”

Ông xã tôi như vậy đó, sẽ suốt đời gọi tôi *baby*. Lẽ dĩ nhiên tôi cũng phải đáp lễ chàng bằng câu: “*Me too.*”

Đã lâu, chúng tôi không đi thăm các viện bảo tàng trong D.C. vì tôi không thấy có triển lãm nào đáng chú ý, hay vì tôi bận ăn cơm nhà vắc báo Cổ Thom, đi dự các buổi ra mắt sách, các sinh hoạt cộng đồng Việt Nam, gần như mỗi tuần, nên đôi khi quên rằng mình đang sống trong xã hội Hoa Kỳ chẳng? Chỉ một tháng đôi lần chúng tôi rung-răng, rung-rẻ đi tiệm ăn, đi *movie*. Chúng tôi định chiều nay đi xem phim *Cold Mountain*, dựa theo tiểu thuyết nổi tiếng của Charles Frazier’s và do Nicole Kidman và Renée Zellweger^{21[2]} đóng. Tôi thích xem những phim dựa theo một tác phẩm hay, hoặc dựa theo truyện thật. Chúng tôi cũng định sau *movie* sẽ đi ăn tối tại tiệm Mỹ nào đó trong Reston Town Center gần nhà.

Nhưng khuya hôm qua, tôi bỗng thấy trên TV nói về triển lãm *Beyond the Frame*, những tượng cảnh ba chiều (Paintings in three-dementions), được tạo dựng y hệt tranh của Renoir^{22[3]}, Monet^{23[4]}, Manet^{24[5]}, Van Gogh^{25[6]} ... Tôi hô hoán Robert chú ý vào TV để lấy chi tiết.

Công trình tạc tượng theo tranh này là của một điêu khắc gia người Mỹ mà tôi chưa nghe ra là ai. Người xem có thể đi

21[2] Ngày 29 tháng 2, 2004, Renee Zellweger được giải Oscar với vai nữ, phụ trong phim *Cold Mountain*.

22[3] Pierre-August Renoir, danh họa Ấn Tượng Pháp, 1841-1919.

23[4] Claude Monet, danh họa Ấn Tượng Pháp, 1840-1926.

24[5] Edouard Manet, danh họa Ấn Tượng Pháp, 1832-1883

25[6] Vincent Van Gogh, danh họa Hòa Lan, 1853-1890

vào bức tranh sờ mó các bức tượng, có thể nằm lên giường trong *The Bed Room* của Vincent Van Gogh, có thể mon trốn đôi vai nồn nà của cô nàng *Olympia* của Edouard Manet, hay lên tàu dự *Luncheon of the Boating Party* của Pierre-Auguste Renoir. Tượng có kích thước người thật mới hấp dẫn chứ! Tôi đang náo nức lại giật mình nghe TV nói ngày mai, Chủ nhật 4 tháng 1, 2004 là ngày triển lãm cuối cùng.

Không một hai chi nữa, tôi quyết định rủ Robert đi xem cái triển lãm mới lạ chưa nghe, chưa thấy bao giờ, và ngay sáng hôm sau là ngày triển lãm chốt.

Hình như ai đã thích tranh, đã thích vẽ đều mê tranh ấn tượng, *Impressionism*, một loại tranh phát xuất từ các danh họa Pierre-Auguste Renoir, Edouard Manet, Claude Monet... cuối thế kỷ 19 của Pháp.

Lần đầu tiên đặt chân tới Paris cách đây gần 30 năm, tôi đã đòi Robert đưa tới Viện Bảo Tàng Jeu de Paume để xem tận mắt những bức tranh thiệt của các danh họa trên và nhiều tên tuổi siêu việt khác. Tôi đi học vẽ mấy năm, vác giá vẽ to hơn người, bước thấp bước cao với cái *portefolio* từ Brussels sang Bonn rồi về Virginia, cũng vì mê man những bức tranh ấn tượng có sức quyến rũ mãnh liệt. Bây giờ, tôi đâm bỏ đi lòng cái hơi hướng, màu sắc đó cũng chẳng có gì lạ.

Qua *Toll Booth*, trạm lộ phí, không phải ngừng trả tiền vì xe có gắn *Smart Tag*, thẻ tự động tính tiền như điện thoại, tôi lấy Xa Lộ 66. Xe chạy một lèo tới Cầu Theodore Roosevelt bắc ngang Sông Potomac, vào địa phận Washington, D.C. Bên trái, Kennedy Center, nhà hát lớn nhất vùng thủ đô, làm toàn bằng đá trắng, trang trọng tọa lạc bên bờ sông, nơi vợ chồng tôi đã tham dự nhiều buổi hòa nhạc và xem nhiều vở kịch trong đó có, *Cats*, *Miss Saigon*... Tôi hỏi Robert:

“Gần đây anh không thấy có buổi hòa nhạc hay vở kịch nào đáng chú ý hả?”

“U” ừ! Anh không thấy gì thích cả ngoại trừ những vở kịch, những buổi trình diễn chúng mình đã coi rồi.”

Qua Watergate, địa danh tai tiếng, gắn liền với tên Tổng Thống Nixon, xe đi vào vài đường một chiều, vòng phải, vòng

trái, Corcoran Museum ở góc Đường 17 và Đường New York. Chúng tôi đi thêm hai quãng thì kiếm được chỗ đậu xe cùng phía với viện bảo tàng. Lác đác trên hè vài người đi bộ cùng hướng với chúng tôi. Không khí thơm mát, ấm áp. Tất cả những suy nghĩ, những chương trình làm việc thường xuyên đều ra khỏi bộ óc chật chội, tôi cảm thấy khoan khoái lạ thường. Hoa *Pensees* tím, vàng nở tươi tốt trong những chậu xi-măng lớn trước một công sở cổ kính cũng như những tòa nhà khác hai bên đường. *Pensees* trông mong manh nhỏ bé nhưng là loài hoa có thể nở trong mùa đông của vùng thủ đô này.

Từ xa, chúng tôi đã thấy tượng một cặp nam nữ khổng lồ ôm nhau trong dáng khiêu vũ được dựng bên ngoài viện bảo tàng. Cặp tượng giống một tranh của Pierre-Auguste Renoir, được đặt trên một nền đá cao. Tôi đoán cặp tượng này thuộc triển lãm *Beyond The Frame*. Đến gần, đầu tôi chỉ tới chân cặp tượng mà có lẽ cao như tượng Davis bằng thạch cao trắng (có cái đùm bụi toòng teng), tôi đã từng ngắm nghía kỹ lưỡng tại viện bảo tàng Florence bên Ý.

Vừa lên khỏi bậc thềm đá trắng vào viện bảo tàng, tôi đã thấy một dãy người đang đứng chờ. Tôi tưởng phải xếp hàng sau họ, nhưng nhân viên trật tự trong đồng phục đen trắng chỉnh tề, lịch sự đã lễ phép chào và đưa tay mời chúng tôi vào. Hành lang bảo tàng viện thật cao, thật rộng, cột đá ngạo nghễ, trang nghiêm. Chúng tôi mua vé ^{26[7]}, lấy chương trình, bản đồ khu triển lãm và theo bảng chỉ dẫn lên lầu. Bậc thang và tường đều bằng cẩm thạch trắng, mát rượi, sáng sủa ánh sáng thiên nhiên từ mái kính trên cao tỏa xuống. Tôi chợt nhớ tới những bậc thang tối tăm, chật hẹp của Viện Bảo Tàng Louvre ở Paris, khai ồm những mùi xú ối. Không biết bây giờ còn vậy không?

Đọc qua chương trình, tôi được biết triển lãm *Beyond The Frame* là của J. Seward Johnson, Jr. Ngoài cái tên, tôi chưa

26[7] Vé thường: \$5. Vé cao niên: \$4. Vé sinh viên, học sinh: \$3. Trẻ em dưới 12 tuổi: miễn phí.

có tài liệu về tiểu sử của nhà điêu khắc. Nhưng từ từ, hạ hồi tôi sẽ đọc và viết lại hầu quý vị.

Tượng cảnh đầu tiên chúng tôi được xem là *On Poppied Hill*^{27[8]} của J. Seward Johnson, Jr. dựng theo hai bức tranh mang tên *Woman With a Parasol* (1875) và *Poppy Field at Argenteuil* (1873) của Claude Monet. Tượng là hình ảnh bà vợ Monet trong mấy lớp xiêm y màu xanh nhạt, đội mũ rộng vành, mặt che voan mỏng, tay giương cây dù và đứng trên ngọn đồi cỏ xanh, rực rỡ hoa *Poppies* đỏ, lúa thừa hoa tím, hoa vàng. Thấp bên chân bà là cậu con trai đội mũ và mặc bộ đồ chèn màu gần giống màu váy áo của bà mẹ.

Thuở xưa, phụ nữ quý tộc luôn luôn che dù, giữ làn da mịn màng, trắng hồng. Nếu không bắt buộc, đàn bà không giải nắng, dầm mưa sợ mất vẻ đẹp quý phái. Không như bây giờ, người ta nướng da dưới mặt trời, dưới ánh đèn nhân tạo, hành hạ da đến cái độ làm cho da bị ung thư.

Trong tranh *Woman With a Parasol*, Claude Monet vẽ cận gần cả thân hình bà vợ che dù và cậu con trai trên đồi cỏ không hoa *Poppies*. Trong tranh *Poppies at Argenteuil*, Monet vẽ hình ảnh vợ con xa xa trên đồi hoa *Poppies* đỏ mênh mông. Nhà điêu khắc J. Seward Johnson, Jr. không thể bỏ qua hoa *Poppies* nên đã cho hoa đỏ vào tượng cảnh *On Poppied Hill* của ông.

Tôi chú ý và biết tới loại hoa đỏ này từ khi được xem tranh Monet tại viện bảo tàng Paris và đọc bài thơ “In Flanders Fields”^{28[9]} trên báo Stars and Stripes của Quân Đội Hoa Kỳ khi chúng tôi ở Bỉ. Bài thơ viết lên lời các linh hồn tử trận trên những cánh đồng *Poppies* màu đỏ máu.

*In Flanders fields the poppies blow
Between the crosses, row on row*^{29[10]}

27[8] Xin xem hình trong bút ký Theo Dấu Chân Ấn Tượng.

28[9] “In Flanders Fields” của Lieutenant-Colonel John McCrae: 1872-1918.

29[10] Tâm Minh Ngô Tằng Giao dịch: “Chôn đây chiến địa Flanders, Hoa anh-túc nở nên thơ giăng cùng”

...

*If ye break faith with us who die
We shall not sleep, though poppies grow
In Flanders fields.*



Les Coquelicots à Argenteuil (1873): Claude Monet.



Femme à l'ombrelle – Mme. Monet et son fils (1875): Claude Monet.

Robert đã đưa tôi đi Normandy, Pháp Quốc, và Bastogne, Vương Quốc Bỉ vào những mùa xuân để viếng Nghĩa Trang Chiến Sĩ Hoa Kỳ tử trận trong thế chiến thứ hai. Hình như linh hồn người tử trận còn phảng phất trên cánh đồng *Poppies* đã từng loang máu đỏ của họ. Tôi ngậm ngùi chạnh nghĩ đến những thân người đã gục ngã trên chiến trường miền Nam bên trời quê hương mình. Bức tượng người chiến sĩ ^{30[11]} gác nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa bị giạt đổ, và thân xác người lính cũng không được nằm yên trong những nấm mồ.

Tượng phẩm của Điêu Khắc Gia J. Seward Johnson, Jr. được đúc bằng đồng, được sơn vẽ giống hệt như những bức tranh nguyên thủy. Trong tranh Claude Monet, cổ che chân người đàn bà và đứa bé. Người ta chỉ nhìn thấy bề mặt bức tranh. Trong tượng cảnh, Johnson, Jr. phải đúc tượng với toàn thể chiều cao thân hình, váy áo, mũ, khăn, dù. Vạch cỏ ra, người ta sẽ nhìn đôi chân mang giày của Bà Monet...

Khách thưởng lãm đi xung quanh nhìn ngắm được từng chi tiết cả bốn phía. Điểm tài tình làm tôi sững sờ, thở hắt ra, là mảnh voan che mặt Bà Monet, trông thật mỏng, thật nhẹ, và như đang bay theo chiều gió.

Sau *Poppied Hill*, chúng tôi lên lầu coi tượng phẩm *Oriental Fan* của Johnson, Jr. đúc và sơn theo tranh *La Japonaise* (1876) của Claude Monet vẽ Camille, bà vợ ông trong áo *kimono* gấm thêu màu đỏ và đang múa quạt. Các chi tiết tỉ mỉ và màu sắc của áo, tóc, quạt, sàn, tường được giữ rất trung thành với tranh. Tuy nhiên, sàn, tường bị giới hạn, và nhiều hình quạt treo trên tường, hay nằm trên sàn và bị cắt bởi khung tranh Monet. Trong tượng phẩm, Johnson, Jr. phải làm tường và sàn cao, dài rộng hơn, và tất cả những cái quạt đều có hình nguyên vẹn. Khi người thưởng lãm bước qua bên tay trái của tượng thì được nhìn thấy tấm kimono mở rộng để hở đôi chân trần, trắng muốt của tượng mà trong tranh của Claude

30[11] Bức tượng *Thương Tiếc* của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu.

Monet người ta chỉ thấy tấm kimono che kín người mẫu. Trí tưởng tượng của nhà điêu khắc Johnson rất phong phú.



La Japonaise (1876)
Claude Monet



Oriental Fan:
J. Seward Johnson, Jr.

Qua tượng Camille múa quạt, chúng tôi đi vào căn phòng âm áp dưới ánh đèn lu mờ của cô nàng Olympia với y phục Eva, phô bày tấm thân hấp dẫn, nở nà trên giường phủ khăn gấm thêu, tua vàng mà J. Seward Johnson, Jr. đặt tên là *Confrontational Vulnerability*, được đúc vẽ theo bức tranh *Olympia* (1863) của Edouard Manet. Bức tranh này là một cuộc cách mạng tai tiếng thời đó, vì Manet đã ngang nhiên phô bày thân hình Olympia trần như nhộng. Ở tượng phẩm, đôi gò bông đào của nàng căng đầy với điểm nhũ hoa tươi hồng. Bàn tay trái của nàng đặt trên phần kín đáo dưới bụng. Chân trái xỏ trong chiếc dép cao gót và vắt chéo qua chân mặt tuột ra khỏi chiếc dép kia nằm trên nệm.

Người thường ngoạn có quyền sờ mó tấm thân ngà ngọc của Olympia. Nhưng không ai lúc ấy làm việc đó mà chỉ chụp hình nàng lia lịa với cả *flash*. Đó là điều trái ngược khi người ta xem tranh ở những triển lãm khác. Một bông hồng được cài bên trái mái tóc màu hạt dẻ sỡ vai Olympia. Nàng đeo hoa tai hạt trai và cái cổ ba ngón được thắt dây nơ nhưng đen với một hạt trai hình giọt nước. Cườm tay đeo vòng vàng, với hạt đá đen. Đôi môi cong chúm chím cười. Đôi mắt mở rộng như nhìn người bước vào phòng. Dưới chân nàng, con mèo đen cong cái đuôi dài, trợn tròn đôi mắt sáng quắc như đe dọa người khách đang tiến lại gần. Bên trái cái giường, người nữ nô tì mập mạp, da đồng đen, đang khúm núm dâng nữ chủ nhân một bó hoa trắng, tím, đỏ, chắc là của kẻ ái mộ Olympia.

Bàn ghế trong phòng theo kiểu Louis XV mà khách vào xem có thể ngồi nghỉ chân... Tường treo màn nhung xanh đậm, có mảng là gỗ mun đỏ, có mảng được vẽ như giấy hoa, màu sắc tiếp với *back ground* nâu đỏ trong tranh của Edouard Manet.

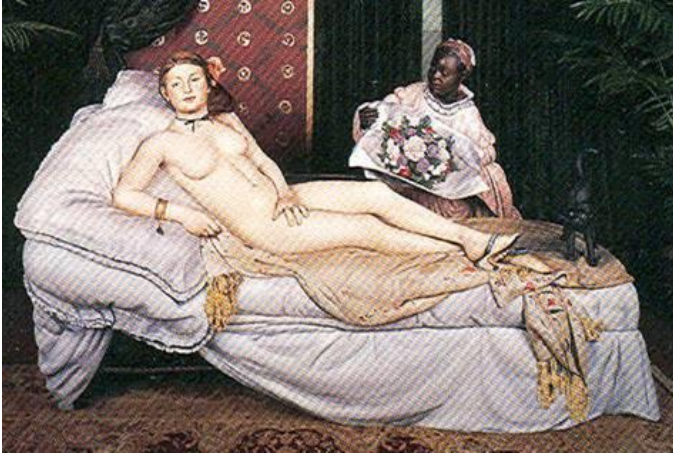
Trên sàn trải thảm Trung Đông. Cửa ra vào treo màn màn bằng hạt thủy tinh màu đỏ, đen, vàng làm cho căn phòng của người đẹp thêm phần huyền ảo. Khung tranh *Olympia* của Manet bị cất ở một góc cái giường, một góc cái gối, và một phần tua khăn giải giường, người ta không nhìn thấy chân giường và gầm giường. Nhưng tượng phẩm *Confrontational Vulnerability* của J. Seward Johnson, Jr. cho người ta thấy tất cả các chi tiết đó và có thể đi xung quanh cái giường, đi sau lưng người nữ tì phục phịch trong bộ áo, váy mấy lớp rộng thùng thình. Khách thường lãm có thể đứng sau Olympia và ghé gần nàng xem bông hoa gắn trên tóc nàng là hoa gì. Tôi đoán là hoa trà màu đỏ. *Madame au Camélia Rouge* chăng?

Ánh sáng từ chùm đèn pha lê trên trần tỏa xuống tấm thân ngà ngọc, ngồn ngộn, trắng muốt. Có ai thèm thưỡng, khao khát cái chi chi... không nhỉ?

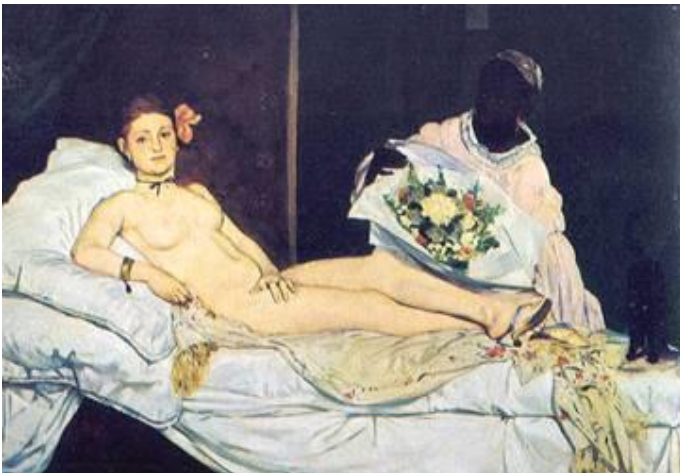
Ra khỏi phòng Olympia, tôi hỏi nhỏ Robert:

“Nhìn cô nàng Olympia, anh có hứng gì không?”

“Anh không có hứng với tượng.” Robert đỏ mặt trả lời và bóp chặt bàn tay trái của tôi. Cái nhẫn cán vào ngón tay làm tôi đau điếng và kêu lên oai oái, chàng mới chịu buông tay tôi.



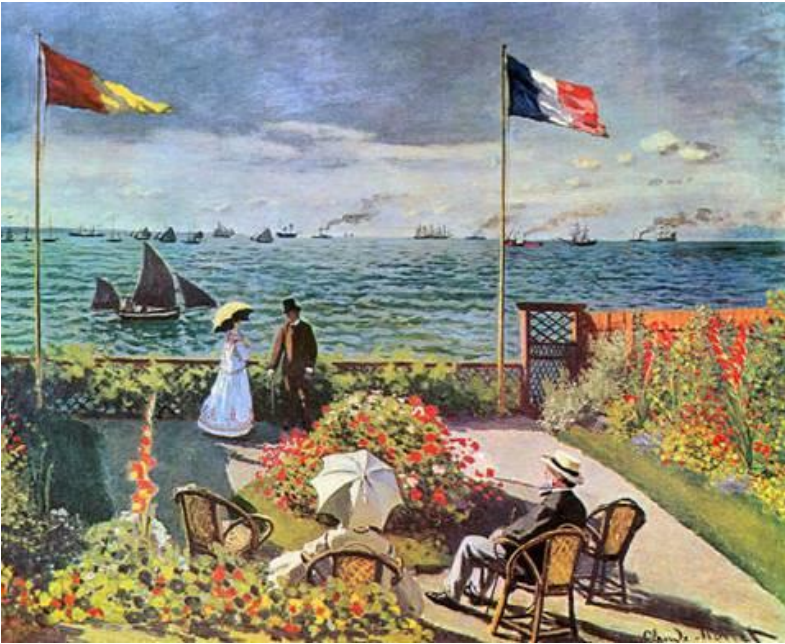
Confrontational Vulnerability: J. Seward Johnson, jr.



Olympia (1863): Edouard Manet

Tôi không mang theo máy hình để chụp ảnh, cũng không nhớ được hết những lời chú thích gắn trên tường của từng tác phẩm. Tôi bảo Robert ngồi xuống một cái ghế, giữ cho tôi cái áo khoác, tôi đi như bay xuống tiệm bán hàng kỷ niệm, mua một cái *disposal camera* và một quyển *catalogue* của triển lãm *Beyond The Frame*. Tôi lo khi xem xong mới mua sách thì hết tiêu mất. Nhưng cô bán hàng nói họ có nhiều lắm.

Sau khi có những thứ cần dùng trong tay, tôi lại đi như gió lên lầu rồi cùng Robert vào thăm tượng cảnh *If It Were Time*^{31[12]} với những bức tượng của J. Seward Johnson, Jr. dựa theo tranh *The Terrace at Sainte-Adresse* (1866-1867) của Claude Monet.



Sur la Terrasse (1881): Claude Monet

31[12] Xin xem hình trong bút ký Theo Dấu Chân Ấn Tượng.

Trên lối vào cao 5, 7 bậc, tựa tay trên lan can, chúng tôi nhìn xuống khu vườn hoa đỏ rực rỡ của nhà bà cô Họa Sĩ Monet trông ra bờ Biển Normandy. Biển được vẽ phóng trên vải bố, cao lên tận trần và rộng cả chiều ngang của căn phòng lớn. Người ta có cảm tưởng thực sự nhìn ra đại dương sóng nước mênh mông, lênh đênh vài cánh thuyền buồm trắng. Xa xa cuối chân trời, những con tàu nhỏ khói xám trên nền trời xanh, mây trắng cuộn cuộn bay. Bỗng tôi giật mình nhìn sang người bên cạnh. Ông ta mặc bộ đồ đen, thắt nơ đen, đội mũ đen, râu quai nón đen rậm, tay cầm *palette* sơn màu và cọ vẽ, mắt nhìn ra biển. “Ah, Mr. Monet. How are you? I like your painting. Do you know that?”

Vâng, thưa đó là tượng Claude Monet do Nhà Điêu Khắc J. Seward Johnson, Jr. tạo dựng bên ngoài cảnh *If It Were Time*. Vài khách thăm viếng vừa bước vào, nghe tôi chào và vỗ vai “Ông Monet”, họ cũng bật cười. Một máy thu phát hình màu đặt phía dưới lan can cho thấy trên màn ảnh nhỏ du khách đang đi dạo dưới vườn có cột cờ Pháp ba màu xanh, trắng, đỏ. Người ta thay phiên nhau chụp hình với các tượng phẩm được giới thiệu có *life-size*, kích thước người thật. Nhưng xem ra khách thường lăm cao lớn vẫn nhỏ hơn tượng.

Chúng tôi chụp vài cảnh từ lan can rồi đi xuống vườn. Các bức tượng trông như người thật, người ta được phép sờ mó tự do. Một cậu bé giật mình đánh thót khi nắm phải tay một bà du khách ngồi trên cái ghế bên cạnh tượng ông thân sinh của Monet. Cậu bé tưởng bà du khách cũng là một bức tượng. Ông cụ Monet râu dài, đội mũ rom, ngồi sưởi nắng trong vườn, cái *cane* dựng bên cạnh. Tôi chụp cho Robert một tấm hình ngồi trên cái ghế trống cạnh bức tượng người đàn ngồi bà che dù trắng, bên tay trái ông già Monet. Có thể đó là bà cô của họa sĩ.

Robert chụp tôi đứng giữa hai bức tượng nam nữ trẻ đang thủ thỉ với nhau, lưng quay ra biển. Với *disposal camera*, chúng tôi chỉ nghịch ngợm chụp hình kỷ niệm chơi, chứ không thể nào lấy được cảnh vừa ý. Nhưng yên trí lớn, tôi đã có

nhiều hình ảnh đẹp nhất và rõ nhất của Beyond The Frame trong quyển Catalogue để nghiên ngầm sau này.

Rời khỏi *If It Were Time*, chúng tôi đi vào khu vườn *Family Secret*^{32[13]} của J. Seward Johnson, Jr., được tác dựng theo tranh *Two Sisters (1881)* của Pierre-Auguste Renoir. Tượng phảm là một thiếu nữ trẻ và cô bé em ngồi ngoài vườn, trước cái bàn nhỏ và cái giỏ đựng những cuộn len nhiều màu. Thiếu nữ đội mũ đỏ, mặc xiêm y xanh dương, đeo bao tay xám nhạt, ôm cái ví đen trên đùi. Trong ví có một tấm giấy in bức tranh nào đó. Cô bé đội mũ xanh rộng vành gắn hoa tím, vàng, đỏ.

Trong tranh Renoir, người ta chỉ được nhìn thấy một phần cảnh vật xung quanh hai chị em. Trong tượng cảnh của Johnson, Jr. người ta nhìn thấy toàn thể hai cái ghế họ ngồi, chân đế dưới bàn. Cái thùng gỗ nguyên vẹn dựa vào hàng rào sắt chạy dài sau lưng họ. Một khoảng trời xanh, cây lá ửng nắng và mặt hồ xa xa phía sau vườn. Tranh Renoir được phóng rộng lớn trên nhiều tấm *canvas* ghép lại. Nét vẽ, màu sơn trên tượng, trên tranh đằng sau tượng được giữ rất trung thành với nền tranh của Pierre-Auguste Renoir. Không nhà họa sĩ và điêu khắc nào có thể vẽ đúc giống tranh thật hơn thế được.

Robert chụp cho tôi một tấm hình đứng đằng sau tượng. Hình như Ngọc Dung nghe lén được *Hai Chị Em* nhà kia đang chia sẻ sự bí mật của họ: “Khi cô bé em đi học về, được chàng công tử con ông thị trưởng nhờ đưa lá thư tỏ tình cho cô chị. Chàng viết rằng chủ nhật này chàng sẽ đi nghe hòa nhạc Mozart ở nhà thờ Đức Bà. Chàng khẩn khoản muốn nàng cùng đi. Chàng sẽ đợi nàng lúc 1 giờ chiều tại công viên gần nhà nàng. Cô chị bàn, hai chị em giả bộ xin phép cha mẹ ra công viên dạo chơi, rồi cùng lên xe ngựa của chàng...” Tôi có biết một cô bé 16 tuổi cũng dám nói dối cha mẹ để đi chơi lén với bạn trai trong quyển hồi ký *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* đấy quý vị ạ!

32[13] Xin xem hình trong bút ký Theo Dấu Chân Ấn Tượng.



Two Sisters (1881):
Pierre-Auguste Renoir



Family Secret:
J. Seward Johnson, Jr.

Tiếp tới là bức tượng *Follow Me*^{33[14]} được J. Seward Johnson, Jr. đúc vẽ theo tranh *The Fifer* (1866) của Edouard Manet. *The Fifer* đã bị phòng triển lãm thời đó từ chối. Bởi vì Manet đã vẽ rất thực một cậu bé lôi thôi lếch thếch, thô sáo trong thời chiến tranh. Cậu đội mũ chào mào chỏm đỏ, tua vàng. Cái áo *blouson* da đen, khuy đồng, quần dạ đỏ dài, rộng thùng thình. Cái dây da màu trắng, to tồ bồ, đeo cây sáo lòng thòng. Đôi vớ loi thôi lòi ra ngoài đôi giày quá khổ. Có lẽ nhà buôn tranh thấy cậu bé thô sáo chẳng có vẻ gì đẹp mắt cho một bức tranh trưng bày trong các dinh thự của giới thượng lưu. Nhưng Manet đã vẽ nghệ thuật vị nhân sinh, theo sự thật những gì ông nhìn thấy và vì lòng thương xót cậu bé vô gia cư, lang thang trên đường phố. Cậu đã kiếm ở đâu ra được bộ quần áo, giày vớ của người lớn và mặc vào để làm nghề thô sáo dạo, độ nhật trong cảnh nghèo đói như chính các họa sĩ thời đó chẳng?

33[14] Xin xem hình trong bút ký Theo Dấu Chân Ấn Tượng.



The Fifer (1866): Edward Manet



Follow Me:
J. Seward Johnson, Jr.



Landlady: J.S. Johnson, Jr.



Larlésienne,
Mme Joseph Michel Ginoux
(1888): Vincent Van Gogh

Vị nghệ thuật, người nghệ sĩ thường thích gì vẽ đó, viết đó, không chiều theo thị hiếu xã hội, không màng tới dư luận và hậu quả thể trái ý, Johnson Jr. đã đúc vẽ *The Fifer* với cái tên dễ thương *Follow Me* và mong rằng người đời sẽ đi theo và hiểu được *The Fifer* của Manet để thưởng lãm, để chia sẻ những kinh nghiệm đau thương của nhà danh họa này.

Không xa bức tượng *Follow Me* là bức *Landlady*, được nhà điêu khắc J. Seward Johnson, Jr. đúc vẽ theo bức tranh *L'Arlésienne: Madame Josheph-Michel Ginoux* (1888) của danh họa Vincent Van Gogh. Johnson, Jr. đã làm sống lại người mẫu của Van Gogh và lột tả được cái nét cay nghiệt và u tối của bà chủ cho thuê nhà, trong bộ xiêm y đen xít, ngồi trước cái bàn đen xỉ với mấy quyển sổ nợ đòi tiền dân “ABC” không có nhà đi ở thuê như người họa sĩ nghèo tận mạng. Đằng sau tượng phảm là vách tường với những ván gỗ ghép sơn màu vàng chói đối chọi với màu đen của tấm khăn dải bàn và màu đen của tóc áo *Landlady*. Sàn nhà cùng màu vàng với tường. Johnson, Jr. đã làm cả cái ghế cho bà chủ nhà ngồi, và nguyên vẹn cái bàn với khăn trải, nhưng dĩ nhiên tất cả đều bằng sắt và sơn giống như thiết. Thuở tối tăm đó, không ai thèm chú ý tới tranh của Van Gogh bởi vì những đề tài hắc ám, tuyệt vọng ấy. Nhưng Johnson cũng như những người hiểu được giá trị nghệ thuật tranh Van Gogh sau này, đã đúc vẽ tượng phảm để vinh danh nhà danh họa, mà ngày nay có bức tranh của ông trị giá gần trăm triệu Mỹ kim.

Từ biệt *Landlady*, chúng tôi sang dự *Déjeuner Déjà Vu* của J. Seward Johnson, Jr. dựng theo *Le Déjeuner sur l'herbe* (1863) của Edouard Manet. Một lần nữa, Manet lại đem một người mẫu phụ nữ không quần áo ra trưng bày trước công chúng. Nhưng lần này bạo phôi hơn, ông cho nàng ngồi thõn thện, trắng hếu ngay trên bãi cỏ, giữa thanh thiên bạch nhật. Nàng *pinic* với 2 người đàn ông có thể là Manet và người bạn trong y phục mùa đông ấm áp dày cộm. Có lẽ người nghệ sĩ muốn cho khách thưởng lãm tranh thấy đầu óc tưởng tượng phong phú của ông về thân hình đích thực của người đàn bà bên trong lớp váy áo chăng? Xiêm váy của nàng đặt bên cạnh

giỏ trái cây, bánh mì và chai rượu. Sự đàm tiếu lại nổi lên rầm rầm. Cũng cùng một lý do như *The Fifer*, bức tranh này của ông bị phòng tranh từ chối triển lãm. Manet đã trả lời sự phản đối rằng: “Triển lãm là tìm bạn và đồng minh để tranh đấu.”

Gần thế kỷ rưỡi sau, bên trời Mỹ Quốc, nhà điêu khắc J. Seward Johnson, Jr. rất ngưỡng mộ tư tưởng hồn nhiên, bất cần đời ấy của Manet. Johnson Jr. muốn cảm ơn Manet đã cho chúng ta thưởng thức *Le Déjeuner sur L’herbe* rất ngon miệng và hấp dẫn cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Vì thế ông đã thực hiện bức tranh đó thành tượng phảm. Johnson, Jr. cố tình làm đôi mắt lồi cuồn của người đàn bà nhìn thẳng vào khách thưởng ngoạn từ bất cứ góc cạnh nào trước tượng phảm.



Le Déjeuner sur L’herbe (1863) – Edward Manet

Nhất định là tôi phục diên đảo nghệ thuật của cả họa sĩ lẫn điêu khắc gia. Nhưng tôi chẳng thấy người mẫu phụ nữ hấp dẫn chút nào. Tôi tự hỏi, giá Ông Manet dùng vẽ ngực nàng xệ, bụng nàng gấp hai ngón to, lưng nàng dùng còng còng, cô nàng dùng có mấy lần nếp thì sượng con mắt biết bao? Họa sĩ

không sửa sang sắc đẹp cho nàng nên ông điều khắc cũng giữ nguyên những nét thiếu mỹ cảm. Có lẽ sự suy nghĩ của phái nữ khác phái nam chăng? Thế là hình dáng nàng sẽ đời đời như vậy. Trong khi đó, hai người đàn ông ngồi với nàng đều mặc mấy lần quần áo dây cộm, ấm áp. Ông nào cũng râu quai nón rậm rạp, kiểu râu Abraham Lincoln, ông Tổng Thống Mỹ bị ám sát chết trước đó hai năm (1865), vì bệnh vục người da đen và nhất quyết bãi bỏ chế độ nô lệ ở miền Nam.

Back ground của *Déjeuner Déjà Vu* là nền tranh *Le Déjeuner sur l'herbe* với một phụ nữ đang vén váy rửa chân bên hồ, được phóng rộng như một bức tranh lớn thứ hai dựng phía sau và cách tượng phẩm vài bước. Khoảng cách này cho phép tôi bước vào tranh ba chiều của Johnson Jr. và đứng sau người đàn ông đội mũ tay cầm *cane*, đối diện với người đàn bà “chuồng cời”.

Tôi ra hiệu cho Robert chụp nhanh một cái hình, rồi đi vội ra khỏi cảnh trí, vì không muốn thiên hạ chụp cả tôi trong hình của họ. Đã xem nhiều tượng từ phòng này qua phòng khác mà tôi vẫn háo hức nắm tay Robert đi nhanh sang phòng kế bên. Tôi vừa muốn xem kỹ vừa muốn xem nhanh và bòn chòn biết rằng triển lãm còn nhiều tượng phẩm hấp dẫn lắm. Tượng phẩm tiếp theo đó của J. Seward Johnson, Jr. là *Sailing the Seine*^{34[15]} được đúc vẽ theo bức tranh *Argenteuil* (1874) của Edouard



Argenteuil (1874):
Edouard Manet

34[15] Xem du ký Theo Dấu Chân Ấn Tượng.

Manet. Tượng cảnh là một cặp tình nhân ngồi trên ghế gỗ dài bên bên sông. Người đàn ông to lớn khỏe mạnh, nước da nâu hồng, đội mũ rơm. Anh ta ngồi rất sát và âu yếm nhìn người đàn bà đầy đặn. Tay trái chàng thủy thủ đặt trên đùi với cây dù của nàng. Người đàn bà đội mũ kết nơ lớn, khuôn mặt bầu bĩnh, mũi thon, môi mím, đôi mắt lim dim như đang lắng nghe lời mật ngọt.

Trong tranh Manet, người ta không nhìn được toàn thể bộ váy của người đàn bà và đôi bàn chân mang giày trắng, dây đỏ của người đàn ông. Nhưng trong tượng phôi, Johnson, Jr. đã phải đục vẽ thêm những chi tiết đó kể cả cánh tay mặt rắn chắc của người thủy thủ ôm hờ lưng người tình. Nhà điêu khắc cũng bày đặt hoa và nơ lụa trên mái tóc chải lộn ôm gáy của người đàn bà. Phía sau tượng là tranh phong cảnh tàu, thuyền dừng bên sông. Robert ngồi xuống phần ghế trống bên cạnh người đàn bà và ra hiệu cho tôi chụp hình. Nếu không có tượng người đàn ông, trông Robert giống tình nhân của người đàn bà trong cảnh. Tượng được đục vẽ linh động như người thật.



Chez le Père Lathuille (1879): Edouard Manet

Từ bên Sông Seine của Johnson, Jr. chúng tôi ghé vào *Chez le Père Lathuille* tại Clichy, nơi Edouard Manet thường lui tới và vẽ bức tranh mang cùng tên. J. Seward Johnson, Jr. đã dựa theo bức tranh này và đúc vẽ thành tượng phẩ́m mang tên *Eye of the Beholder* (1997). Tượng trong cảnh là đôi trai gái ngồi bên nhau trong tiệm ăn. Lẽ dĩ nhiên Johnson, Jr. phải đúc nguyên cả người với tóc, áo, váy, quần, chân giầy của họ dưới gầm bàn mà trong tranh của Manet ta chỉ thấy có nửa người. Bàn ghế, khăn trải bàn, bình hoa, bánh mì, bơ, *fromage* và chai *champagne* cũng đều bằng đồng, và được sơn vẽ trung thực với tranh Manet. Người thanh niên để ria ngắn, tay mặt đặt trên bàn, tay trái quàng qua lưng ghé người phụ nữ.

Đôi mắt chàng đăm đỏi thiết tha thối miên người đối diện. Nhưng nàng nhìn xuống, không dám chạm ánh mắt thối miên ấy. Đó là tại sao Johnson, Jr. có cái tên *Eye Of Beholder* cho tượng phẩ́m của ông.

Ấy, chút nữa thì quên, trong tượng phẩ́m còn có thêm một nhân vật nữa là người tiếp đãi viên để râu quai nón, mặc áo *vest* đen, sơ-mi trắng, nơ cổ màu đen, mang *tablier* trắng, tay cầm bình cà-phê, nách kẹp cái khăn lau ly chén. Ông ta đứng cách bàn của đôi trai gái vài bước và chăm chú nhìn đôi người hò hẹn. Vài cái bàn trải khăn trắng, ghé gỗ đỏ được đặt xung quanh bàn của cặp tượng. Nền tranh Manet được phóng lớn làm cảnh xung quanh tượng.

Tượng phẩ́m này được một tiệm ăn bên Ý mượn và để giữa các bàn thực khách. Nhìn thoáng qua, người ta không nhận ra người hay tượng.

Từ *Chez le Père Lathuille* chúng tôi đi vào *Nhà Kiếng Mùa Đông* của Manet (*In the Conservatory*, 1879). Chúng tôi lại được gặp một cặp nam nữ khác của J. Seward Johnson, Jr. đúc vẽ: *A Thought to Consider*^{35[16]} theo tranh Manet. Trong nhà kiếng trồng hoa rực rỡ, lá xanh tươi, người đàn bà trẻ, ngồi thẳng ngay trên băng ghế sắt dài, dáng quý phái, thanh tú trong bộ xiêm y màu xám, mũ len, bàn tay mặt đeo bao tay và cầm

35[16] Xem bút ký Theo Dấu Chân Ấn Tượng.

cây dù cụp màu ngà đặt trên đui, bàn tay trái để trần đặt lên thành ghế sắt; người đàn ông trung niên đứng khom người bên cạnh và đằng sau người đàn bà, đôi cánh tay khoanh tròn, từ trên thành ghế gần bàn tay để trần của người đàn bà. Người đàn ông nghiêng bộ râu quai nón rậm về phía nàng như đang nói chuyện, nhưng không nhìn nàng mà nhìn xuống bộ váy bóng lộn của nàng. Người đàn bà nét mặt nghiêm trang, không nhìn người bên cạnh, nhưng có vẻ như đang lắng nghe chàng nói. Phải chăng đó là ý nghĩa tượng phảm của Johnson, Jr. , *A thought to consider?*

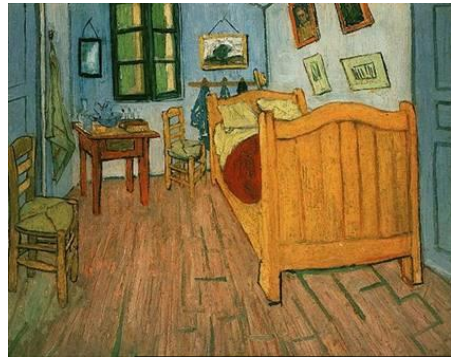


A Thought to Consider:
J. Seward Johnson, Jr.



Manet (*In the Conservatory*, 1879)

Một bức tranh nổi tiếng, *The Bedroom* (1889) Vincent Van Gogh vẽ một năm trước khi chết, cũng được J. Seward Johnson, Jr. dựng lại với tiêu đề *Welcome Home*, như để tặng Van Gogh một mái nhà mà suốt cuộc đời nghèo khó, người họa sĩ chưa bao giờ làm chủ. Johnson dựng lại căn phòng ngủ đầy màu



Welcome Home :
J. Seward Johnson, Jr.

vàng tươi rói, màu nắng ấm của miền Nam Nước Pháp, để mời Van Gogh trở lại, cùng Johnson mơ những giấc mơ xưa mà danh họa không được hưởng lúc sinh thời và mơ giấc mơ ngày nay *Beyond The Frame* mà Johnson đang theo đuổi. Trong căn phòng có cái giường gỗ thông màu vàng chói, cái mắc ở đầu giường treo áo, mũ, ca-vạt., một cái khăn lông treo trên tường. Trên cái bàn sơn đỏ có bình nước uống, chậu rửa mặt, một bình không hoa, hai lọ thuốc, đĩa xà-vông, ly uống nước,



The Bedroom (1889)
Vincent Van Gogh

một bàn chải lớn, loại dùng để cọ nhà bây giờ. Không lẽ Van Gogh dùng nó để chải quần áo, chải râu tóc hay cọ thân thể? Cửa sổ trước bàn rửa mặt chặn hòa ánh nắng. Xin nhắc lại rằng những đồ vật kể trên vẫn là *sculpture*, cũng như sàn gỗ, ba cửa ra vào, và ba

mảnh tường quanh phòng đều được đúc bằng đồng và được sơn vẽ cùng màu sắc với tranh Van Gogh, trừ cái mền, cái nệm Người xem có thể

xờ mó những vật đó để tìm cảm xúc với họa sĩ đã về bên kia thế giới từ 114 năm qua và cảm thông với điêu khắc gia hiện đại. Trong thời gian thực hiện công trình tượng phảm ba chiều *Beyond The Frame*, Johnson thường nghỉ trưa trên giường Van Gogh. Ông có đôi dép luôn luôn để trong ngăn kéo bàn trong căn phòng ngủ đó.

Có khách thường nằm nằm trên giường để chụp hình kỷ niệm. Robert ngồi xuống cái ghế bên đầu giường để nghỉ chân. Cái ghế trông như ghế mây nhưng thực ra cũng được đúc bằng đồng và sơn vẽ rất trung thành với cái ghế trong tranh Van Gogh. Ông xã tôi ngoắc tay ra hiệu cho tôi chụp hình. Tôi ngồi xuống một ghế khác, hướng máy về phía Robert và chụp. Người đời đã ngưỡng mộ, đã bái phục Vincent Van Gogh sau khi ông chết trong nghèo khó, bệnh tật và tuyệt vọng. Tranh của ông trị giá gần trăm triệu ngày nay, nhưng sao tôi vẫn ngậm ngùi khi ra khỏi “căn phòng Van Gogh”!

Whispering Close của J. Seward Johnson, Jr. là tượng phảm đúc vẽ theo bức tranh *Dance in the City* (1883) của Pierre-Auguste Renoir. Một cặp trai gái trẻ trung, quý phái, dịu dàng ôm sát nhau, vai kề vai, má kề má. Nàng mặc bộ xiêm y *satin* dài xếp gập nhiều nếp. Người ta có thể đi xung quanh tượng để nhìn thấy phần trên của bộ xiêm y hở cổ, hở lưng và cánh tay trần nuột nà. Đôi bao tay màu trắng, dài tới khuỷu. Đôi giày cùng màu áo. Chàng mặc bộ *tuxedo* đuôi tôm màu đen, áo sơ-mi trắng cổ cao, thắt nơ trắng, bao tay trắng. Cánh tay mặt của chàng ôm gọn eo lưng nàng, bàn tay trái nắm tay nàng đưa ngang. Hai người trong tư thế luân vũ. Gấu váy nàng quét lê trên sàn gỗ bóng. Đuôi áo chàng tung bay. Tranh đằng sau tượng phảm vẽ phong cảnh tường, cột đá trắng, hoa lá cành trong một tòa lâu đài hay dinh thự sang trọng. Tiêu đề *Whispering Close* đã nói lên những nét dễ thương của tượng phảm. Tôi chợt nghĩ tới những chuyện thần tiên, hoàng tử và công chúa một thời trẻ thơ mơ mộng đầu đời. Hình như thực tế hiện tại đã biến mất trong khoảnh khắc phù du.



Whispering Close:
Seward Johnson, Jr.



Dance in the City (1883)
Pierre-Auguste Renoir

Tượng phẩm *A Turn of the Century* của J. Seward Johnson, Jr. được cấu tạo theo bức tranh *Dance at Bougival* (1883) của Pierre-Auguste Renoir. Cặp tượng phẩm này cũng giống hệt cặp tượng khổng lồ, cao 20 feet được đặt bên ngoài Viện Bảo Tàng Corcoran trong suốt thời gian triển lãm *Beyond The Frame*, chỉ khác cặp tượng bên trong cao lớn bằng người thiết mà thôi. Vì quá vĩ đại nên cặp tượng khổng lồ đã được đúc làm ba khúc và đặt lên nhau để di chuyển dễ dàng hơn.

Cái tiêu đề *A Turn of the Century* của J. Seward Johnson, Jr. muốn nói lên rằng luân vũ không còn chỉ dành riêng cho giới quý tộc trong triều đình, trong lâu đài quyền quý. Luân vũ đã xâm nhập quán rượu bình dân như cặp nam nữ thường phục, ôm nhau nhảy trong bức tranh của Pierre-Auguste Renoir mà Johnson, Jr. đúc dựng lại rất sống động.



A Turn of the Century
J. Seward Johnson, Jr.

Dance at Bourgival (1883)
Pierre-Auguste Renoir



Time For Fun
J. Seward Johnson, Jr.

Dance in the Country (1883)
Pierre-Auguste Renoir

Người nam đội mũ rom, đắm đuối nhìn người nữ như muốn trao nụ hôn. Nàng đội mũ vải màu đỏ gắn chùm nho, tay để trần, cái nhẫn kim cương (?) lóng lánh trên ngón tay trái giáp út. Nàng nghiêng người ra xa như né tránh, nhưng đôi mắt khép hờ như đợi chờ... Có người thương ngoạn nào cảm thấy thân thể bùng bùng nóng như đang ôm ấp hỏa diệm sơn hay rạo rục trong vòng tay ai thưở nào không?

Tượng phẩm *Time For Fun* của J. Seward Johnson, Jr. được đúc vẽ theo bức tranh *Dance in the Country* của Pierre-Auguste Renoir (1883). Cảnh trí cũng trong một quán rượu. Cặp trai gái có vẻ say mê, ôm nhau xoay tít thò lò. Cái mũ cói của chàng rớt trên sàn. Chàng mặc bộ *complet* xậm, áo sơ-mi trắng, thắt cà-vạt. Nàng đội mũ vải đỏ, vành rộng, khuôn mặt bầu bĩnh, thân hình tròn lẳn, tay mang bao da, cái quạt xòe trong bàn tay phải. Nét vẽ thể hiện vẻ ngót ngát nóng bức pha chút mệt phờ trên hai khuôn mặt kề sát nhau, nhưng bước chân họ như vẫn nhảy chồm theo điệu vũ, quên trời bỏ đất. Hình như những bước khiêu vũ là lướt quán quít theo âm thanh vi vút xoay tròn thoát ra từ cặp tượng sống động này.

Rời cảnh ngót ngát trước điệu vũ quay cuồng của đôi nam nữ trên, chúng tôi bước sang *La Promenade* thênh thang, mát mẻ, mưa giăng tím mờ của J. Seward Johnson, Jr. được dựng theo bức tranh *Paris Street: A Rainy Day* (1887) của Gustave Caillebotte^{36[17]}. Nhà điêu khắc đúc vẽ một cặp nam nữ rong y phục mùa thu, khoác tay nhau che ô đen rộng, đi trên một ngã đường phố lát đá cổ. Có lẽ trời mưa phùn, nên không nhìn thấy giọt mưa mà chỉ thấy người ngựa như đi trong sương mờ. Quang cảnh Paris này sao có vẻ quen thuộc, giống ngã tư trước nhà Godard, Phố Tràng Tiền Hà Nội thưở nào.

Cũng có thể vì tôi du lịch Paris nhiều lần trước kia và đã gặp những ngày mưa, trời mây u ám nhiều hơn nắng. Đông đảo du khách chụp hình kỷ niệm với tượng phẩm. Tôi vừa đứng dưới ô của đôi nam nữ Parisien khoác tay nhau để Robert chụp hình, một bà du khách đề nghị chụp cho cả hai chúng tôi. Sau

36[17] Gustave Caillebotte: danh họa Ấn Tượng Pháp, 1848-1894.

khi được chụp và cảm ơn bà ta, Robert bảo tôi dương dù lên chụp thêm một cái nữa. Nhưng tôi không muốn dù che lấp cảnh Paris, nên chỉ đứng ở một góc tượng cảnh với đầu trần mà khi lên ảnh giống như tôi đang lang thang dưới mưa bụi Paris.



Paris Street - A Rainy Day (1887): Gustave Caillebotte

Một tượng phẩm làm tôi không ngừng tâm tặc khâm phục J. Seward Johnson, Jr. là *Were You Invited?* ^{37[18]} dựa theo tranh *Luncheon of the Boating Party* (1880-1881) của Pierre-Auguste Renoir. Tôi không được mời nhưng cứ lên thuyền dự *party* và thềm ngưỡng mộ tài nghệ có một không hai của nhà điêu khắc. Trong tranh, Renoir chỉ có 15 nhân vật nửa người mờ nhạt. Trong tượng cảnh, Johnson, Jr. không những đúc vẽ tượng đó với nguyên thân hình, y phục mà còn thêm 6 tượng khác trong số đó có chính nhà điêu khắc Johnson, Jr. và 5 cộng sự viên của ông. Kề đứng người ngồi, kẻ nghiêng người ngả, kẻ ăn người uống, kẻ cười người liếc, kẻ nói người nghe chung quanh bàn tiệc đầy thức ăn, trái cây, pho-ma, bơ, rượu, ly, muống, dao, nĩa bữa bãi. Lại thêm một nàng đang ôm nựng nịu con chó xù. Một nàng cỡi một chiếc giầy để khêu gợi cợ cựa bàn chân trần lên cái cẳng dưới gầm bàn của

37[18] Xem bút ký Theo Dấu Chân Ấn Tượng.

chàng ngồi bên cạnh. Tôi lấy tay thử kéo một cái ghế. Ghế không nhúc nhích. Có thể ghế được gắn chặt xuống sàn hay ghế và người ngồi trên ghế bằng đồng quá nặng? Không biết Johnson đã mất bao nhiêu năm mới thực hiện được tượng phẩm này, đừng nói đến cả công trình *Beyond on the Frame*.



Luncheon of the Boating Party (1880-1881)
Pierre-August Renoir

Tượng phẩm cuối cùng của J. Seward Johnson, Jr. chúng tôi được xem là *Lap of Choice*^{38[19]} dựa theo bức tranh *Young Girl at a Window* (1883) của Mary Cassatt^{39[20]}, nữ họa sĩ ấn tượng Hoa Kỳ độc nhất trong cuộc triển lãm này.

Johnson, Jr. đúc vẽ một thiếu nữ trong xiêm y, mũ áo trắng toát ngồi trên ghế mây bên cửa sổ chan hòa ánh nắng ban mai. Đôi mắt mơ màng, đôi môi đỏ phụng phịu, tay nàng ve vuốt con chó nhỏ nằm gọn trên lòng cô chủ. Cái vẻ hiền hòa, trong sáng ở tượng phẩm này khác hẳn với những nét sống động, trần tục ở nhiều tượng phẩm khác.

38[19] Xem bút ký Theo Dấu Chân Ấn Tượng.

39[20] Mary Cassatt, nữ họa sĩ ấn tượng Mỹ (1844-1926)

Sau triển lãm *Beyond the Frame*, chúng tôi xuống *Cafeteria* dùng bữa trưa dưới *lobby* có mái kiếng cao chót vót. Những cột đá trắng lớn, cao tới lan can lầu trên. Không khí thoáng mát. Chủ nhật ở đây có “buffet brunch, all you can eat” và có ca nhạc của những nhóm người nhà thờ trong vùng giúp vui. Có nhiều thực khách nhún nhảy hát theo nhịp điệu. Tiếng vỗ tay ran sau mỗi bài hát. Món ăn bày tràn trề trên mấy cái bàn dài, nhưng tôi chỉ ăn vài miếng *saussages* với khoai tây chiên, *salad*, trái cây, còn để bụng ăn bánh ngọt, uống cà-phê chứ! Nhìn những khay bánh ngọt hấp dẫn, tôi không thể bỏ qua được. Robert và tôi vừa ăn uống vừa giờ sách và giấy tờ, đọc về *Beyond the Frame*. Tiểu sử của J. Seward Johnson, Jr. làm tôi ngạc nhiên. Tôi chia sẻ với Robert:

“Anh có biết Johnson, Jr. là ai không?”

“Không?” Robert trả lời.

“Ông ta là con cháu nhà thuốc Johnson & Johnson làm *baby powder* của con bé Mai (cháu nội chúng tôi), có mùi rất thơm đấy. Ông ta được thừa hưởng một gia tài kék xù, nhưng từ chối không chịu giữ một chức vụ nào trong hãng thuốc của gia đình mà lại đi học vẽ từ năm 20 tuổi?”

Tôi vừa dứt lời, Robert nhào người qua bàn ăn và với lấy quyển sách trên tay tôi, giảnh đọc tiếp về nhà điêu khắc.

Về sau, Johnson được bà vợ khuyến khích theo học ngành điêu khắc. Ông đã sáng tạo công viên tượng phảm, *Grounds for Sculpture*, rộng 22 acres ở Hamilton, NJ. Tôi nói với Robert:



Susan on a Balcony Holding a Dog (1883): Mary Cassatt

“Đến mùa xuân, đẹp trời mình phải đi thăm cái công viên đó mới được.”

“Đúng đấy, có thể nó vĩ đại và đặc biệt hơn cái triển lãm này nữa. Chúng mình phải đi xem.” Robert sốt sắng trả lời. Có điều gì tôi yêu cầu mà chàng từ chối đâu!

Beyond The Frame bắt đầu từ 15 tháng 9, mà tôi không biết. Đã thế, suýt nữa thì hụt xem. Muốn theo dõi các cuộc triển lãm tại các bảo tàng viện vùng Hoa Thịnh Đốn thì phải theo dõi mục Museums, Exhibitions của Washington Post Weekend.

Càng nghĩ tôi càng phục sự kiên chí, quyết tâm thực hiện công trình Beyond The Frame của J. Seward Johnson, Jr. Ông đã làm sống lại những tác phẩm lớn của Phái Ấn Tượng thế kỷ 19. Không thiếu gì các nhà điêu khắc tài hoa siêu đẳng trên thế giới, nhưng thực hiện được 18 tác phẩm với mấy chục bức tượng bằng đồng, mỗi bức tượng nặng cả ngàn *pounds*, rồi lại vẽ, sơn y như tranh nguyên bản thì phải có trí, kiên nhẫn tuyệt vời. Không biết ông J. Seward Johnson, Jr. đã mất bao nhiêu năm tháng để hoàn thành công trình đó. Lại nữa, viện bảo tàng đã tốn bao nhiêu công của để dựng Beyond The Frame? Không dễ gì người ta sẽ được xem lại triển lãm này tại Washington, D.C. lần thứ hai trong đời. Tôi nói những điều đó với Robert. Chàng gật gù:

“Chúng mình may mắn không hụt xem cái triển lãm lớn lao, mới mẻ này. Cảm ơn em đã rủ anh. Bây giờ chúng mình sang xem phòng triển lãm tranh Impressionism của Hoa Kỳ đi.”

Khu triển lãm *The Impressionist Tradition in America* của Viện Bảo Tàng Corcoran có tới 75 bức siêu họa phẩm (masterpieces) với nhiều tranh của giới Ấn Tượng Hoa Kỳ cũng rất tuyệt vời như *Susan on a Balcony Holding a Dog* (1883) của Mary Cassatt mà J. Seward Johnson, Jr. đã đúc vẽ thành tượng được trưng bày trong triển lãm Beyond The Frame chúng tôi vừa xem. Ngoài ra còn có tranh của John Singer Sargent: *Ms. Henry White* (1883), *The Oyster Gatherers of Cancale* (1878). Nhiều bức tranh phong cảnh

lớn bằng cả bức tường như *Valley of the Seine Giverny Heights* (1892) của Theodore Robinson; *May Night* (1906) của Willard Metcalf. Bên cạnh khu triển lãm *The Impressionist Tradition in America* có một cái phòng được trạm trở bằng vàng thiệt, *The Salon Doré*. Chung quanh tường có nhiều gương lớn làm cho phòng trông rộng hơn. Màn gấm đỏ thêu chỉ vàng rủ từ trên trần cao sơn vẽ trời mây, thiên thần, hoa lá mỹ lệ. Nguồn gốc phòng này từ Khách Sạn Clermont ở Paris, được xây cất vào đầu thế kỷ 18, dành riêng cho giới quý tộc. *The Salon Doré* chẳng có gì huy hoàng so với những lâu đài vua chúa Âu Châu, nhưng nó có một sự tích đặc biệt. Cuối thế kỷ 18, Khách Sạn Clermont được một Bá Tước mua lại. Khi sắp cưới một cô công chúa, ông sửa sang một phòng thành *The Salon Doré* để dành riêng cho nàng. Sau cuộc cách mạng Pháp, ông bá tước lưu vong sang Đức và chết nghèo khổ tại Vienna, Austria, năm 1809. Sau này, Khách Sạn Clermont thuộc về chính phủ. Năm 1904, những vật trang hoàng *The Salon Doré* được bán cho thượng nghị sĩ Montana, Hoa Kỳ, Ông William A. Clark. Ông Clark cho gắn *The Salon Doré* vào dinh thự của ông tại New York City. Năm 1925, khi ông



May Night (1906):
Willard Metcalf

chết, vợ con ông đã tặng cái phòng mạ vàng đó cho Bảo Tàng Viện Corcoran. *The Salon Doré* được mở cho công chúng xem từ năm 1928. Căn phòng vàng đã trải qua bao thời thế biến chuyển, đã lưu lạc và được ưu đãi trên đất Mỹ, nhưng chủ cũ của nó thì đã chết lưu vong khôn khó từ 200 năm nay. Số phận *The Salon Doré* có khác gì những di dân đã đến tá túc trên xứ sở Hợp

Chúng Quốc này. Nếu họ chịu khó học hành, làm ăn sẽ thành công, sẽ được trọng đãi. Có vô số người Việt di cư làm giàu hơn *The Salon Doré* rất nhiều.

Trước khi rời Corcoran, tôi vào *Gift Shop* mua mấy thứ kỷ niệm như thói quen rất con nít từ ngày đặt chân tới xứ Hoa Kỳ 32 năm về trước: một hộp *thank you note* in tranh Impressionist và một *coffee mug* in tranh Claude Monet với người đàn bà che cây dù trên cánh đồng hoa *Poppies* đỏ. Từ hai mùa xuân qua, hoa *Poppies* đã được trồng hai bên xa lộ 66, quãng đường trước khi rẽ vào khu chợ Eden của cộng đồng Việt Nam vùng Falls Church, Virginia. Những dải hoa *Poppies* này quá nhỏ hẹp bên xa lộ luôn luôn bị kẹt xe, nên người ta khó lòng liên tưởng tới những linh hồn chiến sĩ đã bỏ mình bên trời Âu vì tổ quốc họ và tổ quốc bạn. Trên đường ra xe, Robert ôm tôi sát người, vừa đi vừa mơ mộng:

“Via hè này làm anh chợt nhớ tới hè Đường Thống Nhất, trước cửa Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ngày nào, đã nhiều lần chúng mình hẹn hò đi trên đó nhỉ?”

“Hê, em cũng vừa nghĩ như vậy mới lạ chứ! Không biết bây giờ con đường đó ra sao?” Tôi reo khẽ vì sự đồng giao cách cảm của chúng tôi.

Con đường Thống Nhất ngày xưa bỗng hiện ra trong tâm trí tôi. Dinh Độc Lập ở một đầu đường, Sở Thú ở đầu kia; Nhà thờ Đức Bà với Công Trường Kennedy; Hãng RMK nơi tôi làm việc vài năm; Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ nơi Robert đi tới đi lui làm việc 6 năm; Đường Nguyễn Bình Khiêm rợp bóng lá me xanh, chạy ngang Sở Thú tới trường Trưng Vương của Nguyễn Thị Ngọc Dung hơn 40 năm về trước. Robert ngậm ngùi:

“Chắc rằng chúng mình không có dịp thăm lại Sài Gòn cùng nhau nhỉ?”

Thực vậy, người anh hùng của tôi đã thấm mệt mà đường về phương đông những 24 giờ bay một chiều. Tôi cứ rập rình bao mùa *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* mà vẫn chưa về thăm *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương*. Khi muốn về thì nào vụ khủng bố 9/11 xảy tới, rồi bệnh Sars, bệnh bò điên, cúm gà, cúm vịt...

Lên xe, Robert lại cầm tay tôi hôn nhẹ, một việc mà chàng không cần phải sức lực nhiều:

“Cảm ơn cung đã cho anh một buổi hẹn hò thật hạnh phúc.
I love you, my dearest.”

“Nếu không có anh, chắc chắn em cũng hụt xem *Beyond the Frame*. Em cũng cảm ơn anh nhiều. Mỗi tuần anh nhớ xem các mục *Museums, Exhibitions* trong *Washington Post weekend section* nhé. Có gì đặc biệt thì chúng mình cùng đi xem.

Tôi cảm thấy tim óc như sáng thông, rộng mở, tinh thần sảng khoái như được uống một liều thuốc bổ rất cần thiết cho cuộc sống lắm nhiều khô, nhiều phiền toái này. Hạnh phúc là tự nơi mình tạo ra, tự mình tìm thấy. Hãy *“make time for your happiness.”*

Đường chúng tôi về trời vẫn còn nắng ấm như mùa xuân, chỉ khác cây rừng vẫn trơ trụi lá, những củ hoa còn nằm ngủ dưới đất, những nụ hoa chưa nhú trên cành. Tôi tắt máy sưởi nóng, xuống kính xe, hít thở không khí trong lành khi qua giong Sông Potomac mênh mông tràn đầy như hạnh phúc chúng tôi đang có và đã có từ ba mươi mấy năm qua.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

01/04/2004,

THEO DẤU CHÂN ẤN TƯỢNG

Một ngày mùa xuân năm 2004, vợ chồng tôi may mắn được xem cuộc triển lãm Beyond The Frame của họa sĩ điêu khắc gia người Mỹ J. Seward Johnson, Jr. tại Bảo Tàng Viện Corcoran^[1]. Vì thế, chúng tôi được biết điều khắc gia này có một khu vườn trung bày ngoài trời những tác phẩm của ông và của nhiều điêu khắc gia khác. Tôi quyết định ngay với Robert, chúng tôi phải đi xem Grounds For Sculpture của Ông Johnson, Jr. tại Tiểu Bang New Jersey.

Lúc đó tiết xuân Virginia còn lạnh và tôi đang bận tổ chức buổi kỷ niệm chín năm sinh hoạt văn học Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm vào tháng tư. Tôi nghĩ, tháng năm vào giữa mùa xuân, trời ấm áp hơn, hoa *fortysia*, *daffodils*, *tulips*, *azealias* sẽ tung bừng nở khắp nơi, đi xem Vườn Tượng của Ông Johnson, Jr. thì thật đúng thời điểm. Nhưng chúng tôi chưa kịp đi thì một tin thật buồn xảy đến, Nhạc sĩ Nhật Bằng^[2] đột ngột từ trần vào ngày 7 tháng 5, sau cơn đứt gân máu đầu.

[1] Xin xem đoạn văn “Lạc Vào Khung Tranh” trang 165.

[2] Nhạc Sĩ Nhật Bằng sinh ngày 2 tháng 7 năm 1930 tại Hà Nội, tên thật là Trần Nhật Bằng, trưởng Ban Nhạc Hạc Thành tại Sài Gòn trước năm 1975. Từ trần tại Virginia, Hoa Kỳ ngày 7 tháng 5, năm 2004.

Ngoài tình thân gia đình, anh còn là thầy dạy hát của tôi từ khi anh định cư tại Virginia cho đến khi anh mất. Tường Huệ, phu nhân của Nhạc sĩ Nhật Bằng là bạn đồng môn của tôi. Chúng tôi gặp gỡ nhau hoài trong các sinh hoạt văn nghệ và Trung Vương vùng Hoa Thịnh Đôn, cùng nhiều tiểu bang trên đất Mỹ. Nhà anh Nhật Bằng rất gần nhà tôi. Tường Huệ lại là tay nấu ăn ngon nhất vùng, nhất là món bánh cuốn Thanh Trì thì thực sự là Thanh Trì, nên tôi và các bạn Trung Vương thường tụ tập ăn uống bên nhà Nhật Bằng hoài.

Mỗi khi được mời tham dự một buổi ca nhạc tại gia nào, tôi đều đến anh nhờ lấy *tone* và tập cho một bài hát để bỏ túi đem đi “thi thố tài năng”. Có vụ sinh hoạt văn nghệ nào tại nhà tôi, anh cũng sang ngồi bên cây dương cầm cũ để đệm đàn không biết mỗi một cho các vị ca hát, ngâm nga tài tử. Chúng tôi vừa gặp Nhạc sĩ Nhật Bằng trong buổi hội ngộ cặp vợ chồng bạn học cũ Phước Liên- Võ Trung, và trong buổi kỷ niệm chín năm sinh hoạt văn học của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Vậy mà chỉ một tháng sau, anh đã ra người thiên cổ. Hai buổi đó đã trở thành hai kỷ niệm cuối cùng của anh với chúng tôi. Sự ra đi của Nhạc sĩ Nhật Bằng là niềm đau đớn lớn lao cho gia đình anh. Sự thân tình của anh với bạn bè cũng làm chúng tôi ngẩn ngơ, vô cùng thương tiếc.

Tôi để mùa xuân, mùa hè qua đi lúc nào không hay. Mãi đến khi rừng lá bắt đầu đổi màu, tôi mới chợt nhớ mùa đông lạnh sắp tới và rủ chồng đi viếng Vườn Tượng của điêu khắc gia J. Seward Johnson, Jr.

Robert gọi điện thoại cho Grounds For Sculpture, (609) 586-0616, và vào website: www.groundsfor Sculpture.org, thì được biết những ấn tượng điêu khắc của Johnson, Jr. đã được dinh về trưng bày trong vườn tượng của ông. Tôi quyết định phải đi xem ngay, nếu không tượng của Johnson, Jr. sẽ lại được viện bảo tàng nào khác khiêng đi.

Chồng tôi là hội viên của Hãng AAA (American Automobil Association) nên đã có *tour book* để chọn khách sạn giá phải chăng và gần nhất với Grounds For Sculpture, Clarion Hotel Palmer Inn, 3499 Route 1 South, Princeton, NJ.

08540. Robert đặt một phòng cho đêm thứ tư ngày 6 tháng 10, 2004.

Tôi vào Mapquest in ra đường đi nước bước cho ngắn gọn. Nhưng Robert vẫn thích xem sách chỉ dẫn du lịch của AAA. Vào khoảng 9 giờ hôm đó, sau khi ăn sáng, chúng tôi rời nhà. Mỗi người mang theo một cái *suitcase* nhỏ với quần áo và đồ dùng qua đêm. Nếu ra đi 8 giờ thì cũng bị kẹt xe giờ đi làm. Đi sớm hơn thì không muốn vất vả cho cuộc đi chơi hưởng thú nhàn.

Không khí mùa thu dịu dịu mát. Vườn cỏ còn ướt sương đêm. Hàng cây phong ngoài ngõ mới ửng màu vàng nhạt trong nắng ban mai rực rỡ. Xăng đã được đổ đầy bình xe từ hôm trước. Tôi ngồi vào tay lái để Robert có thể đọc báo Washington Post và New York Times, một thói quen thành nghiền không thể bỏ được của chàng.

Sau 9 giờ, đa số người đi làm đã vào đến sở, nhưng Beltway 495 North đầy xe vận tải hạng nặng. Từ Virginia, xe chúng tôi ngược dòng xe cộ của Maryland nên không bị kẹt đường. Qua cầu Sông Potomac, qua ngã rẽ vào con đường 270 coi như chúng tôi thoát nạn kẹt xe. Tôi thuộc đường lên xa lộ Bắc 95 nên chưa cần Robert hướng dẫn. Nhưng chàng dù cúi xuống tờ báo vẫn luôn ngẩng lên nhìn đường và coi chừng tay lái của vợ. Thình thoảng chàng đặt tay trái lên tay phải của nàng và khen:

- Em là tài xế giỏi.

- Yên trí, anh cứ xem báo đi. Có tin tức gì lạ thì nói cho em biết.

Tôi lười xem cả tờ báo. Khi nào xem TV hay nghe Robert nói có tin tức hấp dẫn mới tìm đọc báo, xem kỹ chi tiết hơn.

Cây cối bên Maryland chỉ còn lác đác những chùm lá chết, di tích của loài ve sầu 17 năm sống ản dưới đất mới tới tuổi trưởng thành, rồi chui lên khỏi mặt đất. Chúng đi tìm tình nhân đúng tần số, ân ái được ba bảy 21 ngày thì cùng ngã ra chết. Ve sầu cái để lại trứng. Trứng nở ra sâu. Sâu chui vào lòng đất, lại sống một chu kỳ 17 năm nữa mới trưởng thành. Trong khi đó, ở Tiểu Bang Virginia đây cảnh lá đổi màu nâu, khô

héo, vì là đệm êm, nệm ấm làm tình của hàng triệu cặp ve sầu trong mùa hè vừa qua. *Virginia is for lovers* mà!

Chúng tôi đổi tay lái tại hai trạm nghỉ chân và ăn trưa, khoảng 3 giờ chiều thì đến Clarion Hotel Palmer Inn, trên Quốc Lộ Số 1 ở Princeton, nơi có Trường Đại Học nổi tiếng. Người ta lái xe nhanh chỉ mất chừng 3 giờ rưỡi, chúng tôi lái vừa tốc độ, và ngừng lại hai lần nên mất thêm một giờ nữa.

Khách sạn tình nhỏ, chỉ có hai tầng, vừa đủ tiện nghi. Tôi nóng lòng muốn đến mục tiêu của mình nên thấy cần phải tranh thủ thời gian. Tẩy trần xong, chúng tôi nhanh chóng mang theo cái áo khoác để mặc khi chiều tối về trời lạnh và lại cầm bản đồ, giấy hướng dẫn đường đi tới Vườn Tượng, Grounds For Sculpture, 18 Fairgrounds Road, Hamilton, New Jersey 08619.

Tôi lái xe. Robert ngồi bên xem giấy chỉ đường. Trời hãy còn nắng. Xe cộ không nhiều và cũng không có gì lạ hơn mấy con đường thương mại như trong tỉnh nhỏ Reston của chúng tôi, cũng có Department Store bình dân như Target, cũng có Home Depot bán vật liệu làm nhà cửa, điện, nước... cũng có Lions Super Market bán thực phẩm, Mcdonald's bán hamburgers, gà chiên, khoai chiên...

Xe vừa vào tới Sculptor's Way đã thấy lát đá hai bên đường những bức tượng điêu khắc tân hiện đại. Bỗng tôi nhìn nhanh kính chiếu hậu, không thấy xe nào đằng sau, tôi thắng gấp xe, miệng ú ớ:

“Kìa, kìa! Anh xem kìa. Tượng của Johnson kìa!”

Tôi chỉ bức tượng một người đàn ông như đang chạy theo sau và đỡ yên xe đạp cho một cậu bé trên hè đường.

“Đúng là tượng của Johnson chứ không sai. ‘Cha tập xe đạp cho con’^[3]. Trông vui ghê hả anh?”

“Em vui là anh vui rồi! Nhưng phải cho xe chạy chứ, không thể ngừng xe ngay giữa đường thế này được. Có xe tới kìa.” Robert vừa nhìn kính chiếu hậu vừa nhắc nhở vợ.

[3] Tượng cảnh First Ride của J. Seward Johnson, Jr.

Tôi cho xe chuyển bánh nhưng chạy chậm và nhìn hai bên đường để tìm tượng:

“Anh nhìn bên mặt, em nhìn bên trái nhé, xem có tượng nào nữa không?”

Robert có vẻ chăm chú nhìn cảnh đường phố, vỉa hè, các tiệm buôn bán và nhà ở san sát của thị xã nhỏ. Nhưng chính tôi lại phát hiện trên hè đường bên tay mặt của Robert, một cậu bé của J. Seward Johnson, Jr. đang cầm que gõ lăn cái bánh xe đạp lớn.

“Anh thấy không, điêu khắc gia này cũng yêu thời dĩ vãng thơ ấu của ông ta đây chứ?”

“Thì em có khác gì đâu!” Robert quay sang tôi mỉm cười.

Ừ nhỉ, tôi chẳng viết cả một quyển hồi ký về thời thơ ấu của tôi hay sao? Cái tên *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* nào có xa lạ đâu?

Từ đó, vào đến công Grounds For Sculpture, chúng tôi không nhìn thấy một bức tượng nào khác. Tất cả các nhân tượng đang chờ tôi trong kia.

Chúng tôi phải trả 10 Mỹ kim cho hai vé vào cổng và hai cái bản đồ của Vườn Tượng. Vì là ngày thường và gần cuối ngày, bãi đậu không nhiều xe lắm. Theo tài liệu chúng tôi được đọc, Grounds For Sculpture là một công viên rộng 35 *acres*, triển lãm tượng điêu khắc và mở cửa tiếp đón khách thăm viếng từ năm 1992. Vườn Tượng đầy hoa lá, cây cảnh, có suối, ao, hồ, Arts Building, phòng triển lãm mấy tầng, rạp hát ngoài trời, nhà hàng, *cafe*, *museum shop*, có xưởng vẽ, đúc tượng. Hiện tại Vườn Tượng trưng bày 230 bức tượng hiện đại, *contemporary sculptures*.

Đi theo bản đồ cả nửa giờ đồng hồ, qua nhiều tượng điêu khắc hiện đại mới, hình dạng khó hiểu, hình thù khó trông, chúng tôi vẫn không thấy bóng dáng ấn tượng, *Impressionist* của Monet, Manet, Renoir... và của J. Seward Johnson, Jr. ở đâu. Trên bản đồ không ghi tên vị trí của tượng ở chỗ nào. Người ta cố tình làm du khách phải tìm kiếm để tất cả các bức tượng đều được chiêm ngưỡng. Khách lãng du phải tự dò dẫm mà thôi. Tôi lo lắng “hay là cái *collection* của nhà điêu khắc

đã được đem đi triển lãm ở đâu rồi?”. Nhưng Robert đã gọi hỏi, người ta đã nói, điều khắc tranh ba chiều của ông ta còn đang ở đây mà! Mặt trời đã khuất sau những ngọn cây cao. Chiều trời bằng láng bóng hoàng hôn vẫn suốt đời làm lòng tôi xốn xang, hồi hộp thế nào! May mà tôi có Robert bên cạnh.

“A, em thấy cây dù trên kia. Nó phải là cái dù của bà vợ Monet!” Tôi reo lên, rảo bước dưới tàn cây quanh một gò đất cao và tới một khoảng trống.

“Đây rồi. *On the Poppied Hill* của Johnson đây rồi!”

Trên gò đất, bà vợ của Monet đang cầm dù đứng bên cạnh cậu con trai. Robert đưa máy ảnh lên chụp. Nhưng mặt trời đã xuống sau lưng nàng. Tôi thất vọng kêu lên:

“Ôi thôi, mặt nàng bị che tối rồi!”

Robert vòng ra phía sau tượng và chụp được máy cái phía sau lưng vợ con Monet vẫn còn sáng nắng chiều. Chàng an ủi tôi:

“Chúng mình còn cả ngày mai nữa cơ mà. Sáng mai mình sẽ đến đây thật sớm.”

“Sao mặt trời ở đây xuống nhanh thế. Mới có năm giờ.” Tôi buồn bã than.

Robert ôm vai tôi:

“Em không biết bây giờ đã vào thu và vùng này là miền bắc, cách Virginia mấy giờ đồng hồ xe hơi chạy hay sao?”

Chúng tôi tiếp tục đi loanh quanh tìm kiếm. Dưới lùm cây, thấp thoáng vài bức tượng màu sắc nhạt nhòa trong bóng tối chập choạng, có chụp ảnh cũng chẳng rõ, chẳng đẹp. Tôi đành bỏ cuộc đi tìm dấu chân tượng trong chiều hôm tối rồi. Chúng tôi khoác áo dạ mỏng lên vai, đi ra *parking lot* lấy xe, và vòng tới cửa trước của Rat’s Restaurant trong Grounds For Sculpture.

Một cảnh tượng lạc lõng nhưng trông quen quen hiện ra trên lối vào nhà hàng. Hai cỗ xe không ngựa, có vẻ cổ xưa đậu bên ngoài một mảnh tường thật cao và dài cả mấy chục thước, vẽ cảnh nhà cửa nông trại vùng quê Âu châu nào đó tôi

đã đi qua, hay bức tranh nào đây tôi đã được xem. Lại một tượng cảnh của J. Seward Johnson, Jr. chứ không sai!

Thực vậy, sau này tôi được biết đó là tượng cảnh *Designated Coachman* (2001) của nhà điêu khắc, được đúc bằng nhôm, dựa theo tranh *The Tarascon Stagecoach* của Vincent Van Gogh. Hai cỗ xe công kênh như vậy, thảo nào tôi không thấy trong triển lãm *Beyond The Frame* tại Corcoran Gallery mùa xuân vừa qua.

Nhà hàng có tên Rat's nhưng lẽ dĩ nhiên không có nghĩa là chuột trù, chuột cống bò dưới chân. Đó chỉ là một trong những ý nghĩ dí dỏm của điêu khắc gia J. Seward Johnson, Jr. Rat's Restaurant được trang hoàng âm cúng và lịch sự. Tiếng nói cười ồn ào của cái tiệc nào đó trong phòng khánh tiết tầng dưới. Chúng tôi được đưa lên lầu trên, tới một bàn cho hai người bên cửa sổ. Trên tường được trang hoàng với nhiều bức tranh lớn vẽ thân hình những người đàn bà không quần áo, nhưng không có vẽ tục. Nét vẽ thô sơ, màu sắc mạnh mẽ. Khăn bàn đỏ chói, ghế gỗ đen mun. Đĩa sứ đủ màu sắc sỡ. Ly pha lê. Muỗng nĩa bóng loáng như bạc. Lác đác vài cặp khách y phục thời trang lịch sự, rủ rủ đối diện nhau. Bên lò sưởi không lửa, một cặp vai kề vai thân mật trên cái ghế đệm dài rộng, bọc vải hoa nhiều màu. Cách trang trí phòng ăn có vẻ miền Nam Nước Pháp và Tây Ban Nha. Robert gọi *soup*, *salad* và *salmon*. Tôi gọi *beefsteak* và *vegetables* để chia nhau ăn cho đỡ ngán, đỡ bỏ phí. Một nhà hàng kiểu cách như thế nên chúng tôi phải đợi cả giờ mới được tiếp món ăn cũng không có gì lạ. Khi chúng tôi ra khỏi Rat's Restaurant thì trời cũng đã tối mịt.

Sáng hôm sau, chẳng nhờ nhân viên khách sạn đánh thức, chúng tôi cũng dậy rất sớm. Tôi trang điểm sơ sài, thay bộ đồ khác hôm trước, nhưng vẫn thơm tạt và hớp với màu sắc chớm thu miền bắc.

Sau khi thu xếp mọi thứ bỏ vào 2 cái *suitcases* nhỏ, chúng tôi xuống phòng ăn sáng và *checkout* luôn. Vì phải trả phòng

vào 11 giờ sáng, nên chúng tôi định đi thăm Grounds For Sculptures rồi về thẳng Virginia từ đó.

Sớm mai mùa thu mát mẻ, nắng hanh vàng trong sáng. Nhiều hàng quán chưa mở cửa. Sự sinh hoạt chậm chạp. Chúng tôi vẫn thấy tượng cảnh người cha tập xe đạp cho cậu con trai và một cậu bé khác đang dùng cây gậy đẩy cái bánh xe đạp chạy trên hè phố vắng. Có lẽ ai nhìn thấy cảnh này cũng phải để lại nơi đây một nụ cười yêu đời, nhớ thương thời trẻ thơ quý báu của mình.

Chúng tôi lại trả tiền vào cổng, lại đậu xe. Nhưng có xá gì chuyện trả thêm 10 đồng bạc nữa cho một ngày nhàn du thưởng thức nghệ thuật. Chúng tôi vừa đi vừa nhìn ngắm những bức *Contemporary Sculptures* vĩ đại trên thảm cỏ xanh rì, chan hòa ánh nắng ban mai. Đầu óc nông cạn của tôi không đủ tưởng tượng sâu xa nên chẳng dừng lại để tìm hiểu những hình thể kỳ lạ hay kỳ dị. Tuy nhiên, tôi cũng thích và có cảm xúc với vài bức tượng được cấu tạo bằng nhôm, bằng cẩm thạch trắng, bằng đá hoa cương... Tôi nhận ra một tượng cảnh quen quen bằng đồng đen với năm người đàn ông đội mũ sùm



On Poppied Hill, 1999: J. Seward Johnson

súp, mặc áo khoác dài, rộng thùng thình. Họ đứng xếp hàng người này sau người kia, cúi mặt buồn rầu bên ngoài bức tường đen, trước một cánh cửa đen đóng kín. Lại gần thì ra đó là tượng phẩm *Depression Bread Line* (1999), 108” x 148” x 36”, của George Segal (1926-2000). Đây là tượng cảnh *Depression Bread Line* thứ hai được làm tại xưởng đúc của J. Seward Johnson, Jr. Tượng phẩm *Depression Bread Line* thứ nhất được đặt tại The Franklin Delano Roosevelt Memorial, tại Washington, D.C. Mall mà tôi đã thăm viếng vài lần. Ông Roosevelt là vị Tổng Thống đã khôn khéo, hướng dẫn dân chúng Hoa Kỳ qua khỏi thời kỳ khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất lịch sử Hoa Kỳ, từ năm 1939 đến năm 1945.

Vì nhớ đường, nên qua vùng *Contemporary Sculptures*, chúng tôi đến thẳng ngọn đồi hoa đỏ, *On Poppied Hill* (1999) của J. Seward Johnson, Jr. trước hết. Tôi vui mừng vì nắng ban mai xuyên qua mảnh khăn voan mỏng che mặt bà Monet và cũng là người đẹp của ông chủ Grounds For Sculptures này. Robert ngắm nghía chụp ba bốn phía tượng cảnh. Chỉ tiếc một điều hoa đỏ cũng là hoa *poppies* điêu khắc và cỏ thiệt thì đã úa vàng. Vào mùa xuân, ngọn đồi này chắc xanh rờn cỏ, và hoa *poppies* thiệt nở rục rở chẳng? Johnson, Jr. dựng tượng cảnh này theo bức tranh *Femme à l'ombrelle – Mme. Monet et son fils* ^[4] (1875) của Claude Monet.

Chúng tôi lần theo đường mòn đi tới. Ô kìa, hai ông em trai của Manet và người mẫu mặc y phục Eva đang ngồi *picnic* trên thảm lá vàng mùa thu của miền Đông Bắc Hoa Kỳ! Cô bồ của họa sĩ đang rửa chân bên giòng suối. Gần đó là chiếc thuyền nhỏ neo bờ. Thưa rằng, bờ suối thiệt sự đó, quý vị ạ! Cái đam mê của một điêu khắc gia triệu, triệu phú là vậy đó. Tượng cảnh này, *Déjeuner Déjà Vu* (1994) của J. Seward Johnson, Jr. dựa theo bức tranh *Le Déjeuner sur l'herbe* ^[5] (1863) của Edouard Manet. Trong triển lãm bức tranh có một người nữ

[4] Hình trong bút ký *Lạc Vào Khung Tranh*.

[5] Hình trong bút ký *Lạc Vào Khung Tranh*.

tắm suối với chiếc thuyền bên giòng nước, dựng phía sau ba bức tượng kia như tranh Manet.



Déjeuner Déjà Vu, 1994: J. Seward Johnson, Jr



Rời chân đi còn ngỡ ngàng với cảnh tượng như thiết vừa qua, chúng tôi lại ngần ngại bước vào một vùng khói sương mờ ảo. Một thiếu phụ khỏa thân da dẻ hồng hào, cặp nhũ hoa căng cứng, cặp bông đảo căng tròn, thân hình nẩy nở, đầy đặn. Nàng ngồi trên một phiến đá bên bờ lau sậy, đang lau mình sau buổi tắm suối bốc hơi nước nóng. Đó là tượng phẩm *Part of the Nature* của J. Seward Johnson, Jr. đúc vẽ theo bức tranh *After Bath* của Pierre-August Renoir.



Part of the Nature, 2000: J. Seward Johnson, Jr.

Tôi muốn đặt bàn tay lên đôi vai tròn trĩnh của nàng như chào đón một người từ hai thế kỷ trước đã được nhà điêu khắc làm sống lại trong khu vườn tiên cảnh của ông. Nhưng tôi bỏ ý định đó vì nước suối chảy tràn lan dưới chân nàng, tôi sợ ướt giày, vớ.

Cũng nên nói, những bức tượng của J. Seward Johnson, Jr. đều được đúc bằng đồng, sơn vẽ bằng chất không phai màu. Người ta được phép chụp hình, sờ mó, miễn là nhẹ nhàng và lịch sự. Đừng lợi dụng đèn tối làm mất mỹ thuật. Đừng nghĩ bậy, phản bội nghệ thuật!

Tôi muốn đứng lại lâu ở mỗi tượng cảnh, nhưng cũng háo hức muốn gặp gỡ các tượng nhân khác đang đợi chờ. Vừa đi

trên đường mòn chúng tôi vừa nhìn hai bên vườn cây, nhìn vào các bụi rậm hóc hiểm, sợ bỏ sót một tượng cảnh nào.

Bước chân chúng tôi đặt lên lối đi trên ván gỗ, như *woodden walk way* cho du khách bãi biển. Tôi nhận ngay ra cặp tình nhân *Argenteuil* ^[6] (1874) của Edward Manet.



Robert và Ngọc Dung trong *Sailing The Seine* (1999) của J. Seward Johnson, Jr.

[6] Hình trong bút ký *Lạc Vào Khung Tranh*.

Chàng và nàng âu yếm ngồi bên nhau trên cái ghế dài bên bờ Sông Seine. Nhưng ở đây, sau lưng họ là con lạch nhỏ có ghe thuyền buồm buồm dừng bên. J. Seward Johnson, Jr. đặt tên tượng cảnh là *Sailing the Seine* (1999). Ở tượng cảnh này trong viện bảo tàng, nhà điêu khắc đã vẽ một bức tranh bằng cả mảng tường cao rộng cho khung cảnh sông nước và bên thuyền, được dựng phía sau cặp tình nhân.

Đi bộ cũng đã nhiều, chúng tôi ngồi xuống nghỉ chân bên chàng thủy thủ của J. Seward Johnson, Jr. và thay phiên nhau chụp hình với “cặp tình nhân” ấy. Nhưng ngồi không yên, chỉ độ vài phút sau, chúng tôi lại đứng dậy đi tìm dấu chân những nhân vật ẩn tượng mà tôi khao khát muốn gặp.

Đọc theo bờ sông, tôi bỗng trông thấy một tấm bảng ghi mấy dòng chữ và vui mừng reo lên:

“*We are invited!*”

“Chúng ta được mời cái gì?” Robert ngỡ ngác hỏi:

“Chán anh quá! Một tượng cảnh của nhà điêu khắc có tên là *Were You Invited?*”

Thực vậy, Robert đi theo vợ cho vui, chứ chàng có để ý gì đến tranh ảnh, tượng cảnh nào của ai đâu. Tên các danh nhân lịch sử, hay các chính trị gia thì chàng nhớ lắm. Tôi xăm xăm bước xuống mấy bậc gỗ, vào ngay khung cảnh của J. Seward Johnson, Jr. dàn dựng theo bức tranh *Le déjeuner des canotiers*^[7] (1881) của Pierre-Auguste Renoir. 21 bức tượng có kích thước người thật đứng, ngồi, ngả nghiêng tựa thành tàu, ăn uống cười nói quanh một cái bàn trên con tàu nhỏ. Qua mạn thuyền, giòng sông nơi đây rộng hơn. Bên kia sông là một khu nhà cửa khang trang của Thị Xã Hamilton, New Jersey. Robert chụp cho tôi mấy tấm hình đứng lẫn vào đám người “đang ăn uống” của nhà điêu khắc, xem như mình cũng được ông ta mời ăn trưa trên một giòng sông thực sự của New Jersey, chứ không phải trong tranh Ẩn Tượng.

[7] Hình trong bút ký *Lạc Vào Khung Tranh*.



Ngọc Dung lên thuyền không có giấy mời nên bị J. Seward Johnson, Jr. hỏi “*Were You Invited?*”

Trở lên bờ, chúng tôi tha thân dưới bóng cây bên sông, rồi ngồi nghỉ bên cái bàn tròn trải khăn trắng với bốn ghế tựa rộng rãi. Trên bàn bày một chai, bốn ly rượu đỏ, bốn cái đĩa, khăn ăn trắng còn nguyên nếp gấp, muỗng, dao, đĩa đủ cả. Cũng không thiếu giỏ bánh mì, đĩa bơ và lọ hoa tím đỏ vàng. Chúng tôi biết ngay đây cũng là một trò đùa cợt dí dỏm của chủ nhân vườn tượng nhưng vẫn giả bộ nâng ly mời nhau. Nhưng ly

không nhúc nhích. Tất cả đều được gắn chặt xuống bàn. Thưa rằng, cái bàn và các vật trên bàn, kể cả khăn trải bàn và khăn ăn đều được đúc vẽ như các tượng cảnh nghệ thuật cao cường của J. Seward Jonhson, Jr.



J. Seward Johnson, Jr. mời Robert ngồi bên *Lake Side Table*.

Tiếp tục trò chơi ú tim với những tượng nhân của J. Seward Jonhson, Jr., tôi, vâng chỉ là tôi chứ không là Robert, lại chú ý tới cái bảng *Lakeside Table #1(1999)* ở trước một cái cổng cửa đóng then cài. Hai bên cửa không có tường hay hàng rào chỉ có bụi cây rậm rạp. Vịn cửa, kiễng chân, nghển cổ ngó vào bên trong, tôi nhìn thấy một cái đầu... đen. Tôi lấy máy ảnh Robert đang cầm và đi ngược lại hàng rào, tìm chỗ giậu thừa len vào. Robert kêu âm lên:

“Đừng, đừng, em ngã xuống sông bây giờ!”

Bởi vì chỗ tôi len hàng rào xuống mấp mé nước sông, nhưng tôi túm chặt mấy bụi cây, lần từng bước lại phía cổng. Trong bóng râm của tán cây rậm rạp, hai người đàn ông và một người đàn bà y phục thời *French Impressionism*, ngồi bên bàn với mấy cái ly và chai rượu. Hai người đàn ông đều có râu rậm như Monet, Manet. Tay họ cầm điều thuốc lá. Tôi không nhận ra tượng cảnh này được dựng theo tranh nào. Và

tại sao ông Johnson, Jr. lại nhốt nhân tượng trong một chỗ kín đáo này? Hay là ông chưa dàn cảnh xong, hoặc định cửa đóng then cài để gọi tò mò người xem như nàng Ngọc Dung?

Robert lắc đầu, cười:

“Em thật là con nít? Cho anh xem cái ảnh em vừa chụp nào?”

Tôi hí hửng mở máy ảnh. Nhưng cái hình tối om vì trong bóng râm rịt. Tôi lại quên không bấm *flash*, khi in ảnh ra phải đổi độ sáng thật cao vẫn không được rõ.

Vẫn với đôi mắt lão liên, tôi vừa đi vừa nhìn quanh không bỏ sót một xó xỉnh nghi ngờ. Một cái ao sen hiện ra trước mặt. Lá sen to như cái mẹt, vẫn còn xanh, nhưng không có cái hoa nào. Một cái hương sen già nhô trên cái cuống cao ngồng giữa hồ. Tôi mon men đi xung quanh xem còn cái nào gần tầm tay



Ngọc Dung nghe lén *Family Secret* (2000) của J. Seward Johnson, Jr

không. Tôi không gặp may mắn, không được nhâm nhi hạt sen tươi, nhưng tôi được gặp *Two Sisters on the Terrace*^[8] (1881), của Pierre-Auguste Renoir mà J. Seward Johnson, Jr. đã lấy cảm hứng dựng thành tượng phẩm *Family Secret* (1998). Hai Chị Em của Renoir ngày xưa ngồi bên bờ Sông Seine, giờ đây họ đang thủ thỉ bên nhau dưới tàn cỏ thụ bên hồ sen Grounds for Sculpture, New Jersey.

Trong triển lãm *Beyond the Frame*, đăng

[8] Hình trong *Lạc Vào Khung Tranh*.

sau *Hai Chị Em* là một bức tranh với hàng cây ngả ánh nắng thu vàng bên bờ Sông Seine phản chiếu cả một khung trời xanh lơ thơ mộng. Bây giờ, trong khu vườn tượng New Jersey, đằng sau *Hai Chị Em* là một nhà thủy tạ hai tầng, có chỗ ngồi ăn uống nhẹ cho du khách dừng chân ngắm cảnh, ngắm người tranh của Renoir, người tượng của Johnson, Jr. và những bức *Contemporary Sculptures rải rác* quanh đó.

Tôi chụp cho Robert đứng trên lầu thủy tạ nhìn xuống *Hai Chị Em* của Renoir. Người đẹp trong tranh được họa sĩ đương thời chiêm ngưỡng, hơn một thế kỷ sau lại được điêu khắc gia tôn làm thần tượng và tha nhân ngưỡng mộ. Ôi, “*Mỹ nhân tự cổ như danh tướng...*”

Để lại *Hai Chị Em* với *Bí Mật Gia Đình* họ, chúng tôi tiếp tục đi trong vườn cây cho khỏi nắng. Con đường mòn dẫn chúng tôi tới cái hồ rộng, có vẻ thiên nhiên chứ không nhân tạo. Tôi bỗng nhìn thấy một con thuyền nhỏ, rất “khả nghi” trên mặt hồ.

“Anh có nhìn thấy cánh buồm đen kia không? Nó phải liên hệ tới một cái gì đó.”



Nguyễn Thị Ngọc Dung trong tượng cảnh
If It were Time (1999) của J. Seward Johnson, Jr.



Ngọc Dung với tượng Claude Monet và trước cảnh
If It were Time (1999) của J. Seward Johnson, Jr.

Nói rồi, tôi rảo chân đi trước Robert và mắt vẫn không rời mặt hồ. Một cây cờ tam tài, xanh trắng đỏ nhô trên những ngọn cây. Tôi reo lên trong lòng: “Nhất định phải là tượng cảnh *If It were Time* của Johnson, Jr. Tôi đi theo hướng cây cờ và rẽ xuống mấy bậc thềm. Tôi đứng ngay Claude Monet đang đứng trước giá vẽ, tay cầm bút lông to, bút lông nhỏ và *palette* màu. Họa sĩ đang hướng mắt vào khung cảnh *La Terrasse à Sainte-Adresse*^[9]. Một cặp đứng tuổi ngồi ghé mây dưới sân. Một cặp uyên ương trẻ đứng bên lan-can trông ra Biển Normandy, mà ở đây là hồ lớn của New Jersey. Với đam mê các danh họa ẩn tượng, với nghệ thuật cao thủ, J. Seward Johnson, Jr. đã công phu tìm đúng địa điểm dựng nên cảnh *If It Were Time* này. Cái lan-can và hai cây cột cờ được đúc bằng đồng, cũng không thiếu trong cảnh. Ngón nghề cao quý của nhà điêu khắc đã được người đời ca tụng từ thuở sinh thời, không cần đợi đến “*tam bách dư niên hậu*”...

[9] Hình trong bút ký Lạc Vào Khung Tranh, trang 187.

Tôi đòi Robert chụp cho mấy kiểu đứng với Claude Monet. Nếu là họa sĩ bằng xương bằng thịt, tôi đâu dám khơi khơi hỏi Robert như vậy, và nhất định chàng sẽ không vui vẻ chút nào.

Vì ở ngoài trời, nên từ khởi đầu cuộc *Theo Dấu Chân Ấn Tượng* của J. Seward Johnson, Jr., chúng tôi không gặp cô nàng Olympia^[10] trong *Confrontational Vulnerability*, cậu bé thối sáo *Follow Me*^[11], bà *Landlady*^[12]. Chúng tôi cũng không nhìn thấy cặp trai tài gái sắc *Whispering Close*^[13], cặp tình nhân say sưa khiêu vũ *A Turn of the Century*^[14], người đàn bà với *Oriental Fan*^[15], con chó bông trên *Lap of Choice*^[16]. Chúng tôi không nghĩ tới *A Thought to Consider*^[17] của một cặp tình nhân trong nhà kiếng. Chúng tôi cũng chưa đến căn phòng *Welcome Home*^[18], vì bối cảnh của những tượng phẩm đó không ở ngoài trời, mà ở trong nhà như chúng tôi đã được thưởng ngoạn tại Corcoran Gallery of Art, Washington, D.C. hồi đầu năm.

Mặt trời đã đứng trưa, chúng tôi cảm thấy cần ăn uống và nghỉ chân để đi trở lại vài địa điểm còn lưu luyến. Bản đồ Grounds For Sculpture đưa chúng tôi trở lại và đi dưới dàn cây leo *wisteria* mà trong mùa xuân, hoa tím rủ từng chùm chắc phải làm ngơ ngẩn lòng người. Nhưng, chẳng cần đợi

[10] Dựa theo tranh *Olympia* (1863) của Edouard Manet

[11] Dựa theo tranh *The Fifer* (1866) của Edouard Manet

[12] Dựa theo tranh *L'Arlésienne, Madame Josheph-Michel Ginoux* (1888) của Vincent Van Gogh.

[13] Dựa theo tranh *Dance in the City* (1883) của Pierre Auguste Renoir

[14] Dựa theo *Dance at Bougival* (1883) của Pierre-Auguste Renoir

[15] Dựa theo tranh *La Japonnaise, Camille Monet in Japanese Costume* (1876) của Claude Monet.

[16] Dựa theo tranh *Young Girl at a Window* (1883) của Mary Cassatt (1844-1926)

[17] Dựa theo tranh *In the Conservatory* (1879) của Edouard Manet

[18] Dựa theo *The Bed Room* (1889) của Vincent Van Gogh



The Monet Bridge, Grounds For Sculture, New Jersey.



The Waterlily Pond with the Japanese Bridge (1899):
Claude Monet.

tới mùa xuân, một cảnh hiện ra trước mắt làm tôi ngỡ ngơ như đang đi trong mơ. *The Bridge* của Claude Monet ở bên kia suối. Trong một giây, tôi không tin hình ảnh này có thật.

Cây cầu cong cong cũng được sơn màu xanh lá cây. Hai bên cầu liễu rủ la đà chạm giòng suối xanh ngắt một màu. Nhất cái nhà ông J. Seward Johnson, Jr. này rồi! Ông có cả 35 *acres* vườn tượng, xưởng vẽ, xưởng đúc tượng ngay bên cạnh vườn hoa, cây cỏ, suối, sông, hồ. Ông ta có thể làm được tất cả, có thể còn hơn những gì Claude Monet có trong Giverny Garden.

Cảm ơn Ông J. Seward Johnson, Jr., từ khi còn ở Bỉ, ở Đức và đến bây giờ tôi vẫn ao ước có ngày viếng thăm Cây Cầu của Monet ^[19] trong vườn nhà họa sĩ ở Giverny, miền Bắc Nước Pháp, nhưng vẫn chưa thực hiện được. Tôi chụp một tấm hình cây cầu của J. Seward Johnson, Jr. mà ông đặt tên là Monet Bridge, ở góc cạnh như bức trong tranh của Claude Monet, và nói với Robert:

“Anh đứng đây chụp cho em một cái đứng trên cầu nhé.”

“Chụp xa như vậy thì đâu có nhìn thấy người.” Robert nói.

“Em không muốn làm xấu cây cầu.”

Thực vậy, tôi cảm thấy quần áo của mình không tha thướt, không thích hợp với bóng liễu mềm rủ bên cây cầu duyên dáng. Đã xem nhiều sách tranh của Claude Monet, tôi không nhìn thấy nhân dáng nào được nhà danh họa vẽ trên cây cầu của ông. Hình như những người mẫu phụ nữ của Monet đều to lớn, nặng nề, đều tương phản, đối nghịch với cây cầu tơ liễu mong manh bắc qua ao hoa súng xinh tươi thơ mộng của người họa sĩ.

Tôi chỉ muốn hình bóng tôi nhỏ li ti, lẫn vào bóng liễu hai bên cầu, phải nhìn qua kính hiển vi mới thấy. Chỉ gọi là một chút kỷ niệm đã dừng chân nơi đây.

Tôi từ từ, chậm chậm, nhẹ nhẹ từng bước đi lên cây cầu J. Seward Johnson, Jr. để thám nhập cái cảm tưởng phi nguyên đang đi trên cầu Claude Monet bên trời Tây. Robert chụp cho tôi vài bức hình trên Monet Bridge trong Grounds

[19] Claude Monet vẽ bức tranh The Waterlily Pond with The Japanese Bridge (1899) trong vườn nhà ông tại Giverny, Pháp.

for Sculpture, nhưng tôi vẫn chọn bức hình không có tôi trong đó, dù rất nhỏ, để bên cạnh tranh Monet trong bài viết này.

Và, hình như từ phút đó tôi đã mãn nguyện, không còn ao ước đến tận Giverny để nhìn tận mắt cây cầu của Monet nữa. Bởi vì hai cây cầu giống hệt nhau và cây cầu J. Seward Johnson, Jr. cũng ở trong một bối cảnh thơ mộng tuyệt vời. Thật là một ngày du lịch lý tưởng cho một nhóm bạn, cho những kẻ yêu nhau, cho những cặp tình nhân, cho những người có tâm hồn lãng mạn, yêu chuộng nghệ thuật.

Tôi bày tỏ ý nghĩ với Robert. Chàng nói:

“Còn anh, anh rất vui mừng thấy em tung tăng như con nít được đi chơi vườn trẻ. Cảm ơn em đã cho anh một buổi hẹn hò (a date) với em. Chúng mình phải làm những chuyến đi chơi như thế này thường xuyên hơn.”

“Em muốn trở lại đây vào mùa hoa *poppies* và *wisterias* nở.”

“Mình sẽ trở lại bất cứ khi nào em muốn.”

Rời cây cầu danh tiếng đó với bao lưu luyến, chúng tôi đi qua một thác nước ào ào chảy mạnh, bốc hơi như sương mù. Hai bên lối vào Rat's Restaurant là vườn hoa, cây cảnh được chăm chút từng bậc trên đồi, từng bước bên chân. Chúng tôi chọn ngồi ngoài sân nhà hàng dưới dàn hoa gỗ sơn màu đỏ tươi vui như mới. Bàn ghế sắt cũng sơn đỏ, phủ khăn bàn đỏ. Tôi nói với Robert:

“Em gọi một cái *salad* gà thôi. Để dành bụng ăn bánh ngọt và uống cà phê ngoài vườn *Museum Shop*. Buổi sáng lúc mới đi vào, em thấy thấp thoáng có tượng cảnh nào đó.”

Robert cũng đồng ý, ăn một cái *hamburger* và gọi thêm hai ly nước lạnh. Tôi lấy miếng chanh của Robert và của tôi vắt vào ly nước lạnh, thêm hai gói đường hóa học. Tôi hy vọng vì sự lấu cá có ly nước chanh không phải trả tiền. Khách ngồi ăn trưa ngoài sân nhà hàng khá đông, nhưng không ồn ào, náo nhiệt. Ai nấy hình như rất thư thái, quên thời gian đang trôi. Họ không nóng nảy đợi lâu mới có một cái *hamburger*, hay *sandwich*. Những giây phút thanh thản, quý

giá này thật hiếm có trong đời sống hằng ngày. Không cần thiên tịnh cũng quên được hết những phiền lụy, nhiễu nhương trên thế gian.

Từ chỗ này, chúng tôi vẫn nhìn được cây Cầu Monet mờ màng bên hàng tơ liễu mềm rủ. Đàn vịt ung dung bơi lội trên mặt hồ lác đác vài bông hoa súng cuối mùa. Vào mùa xuân, mùa hè cảnh này sẽ không khác những bức tranh *Waterlilies* của Claude Monet.



Leucantha(1993): Philip Grausman.

Du khách lại thêm một ngạc nhiên nữa. Giữa vùng hơi nước tỏa bốc như khói sương ấy, nhô lên một khuôn mặt phụ nữ mỹ miều trên cần cổ thanh cao, tóc chụm mũ bơi lội. Người ta có cảm tưởng “nàng” đang ngâm mình trong hồ nước nóng. Đó là bức tượng bán thân, *Leucantha* (1993), 108” x 118” x 118”, bằng nhôm, sáng loáng dưới ánh mặt trời ban trưa, của Điêu Khắc Gia Philip Grausman, giáo sư Yale University.

Một bức tượng toàn thân phụ nữ trong xiêm y đồ chơi, thướt tha, mềm mại, với mái tóc ngắn, đen bóng ôm khuôn mặt nhỏ nhắn được đặt đứng trên một bệ đá nhẵn bên bờ hồ của nhà hàng. Đó là bức tượng *Summertime Lady* (1999),

116” X 32” X 24” bằng đồng của Điêu Khắc Gia David Hostetler, tốt nghiệp Indiana University và Ohio University.

Ăn xong, chúng tôi đi xuyên qua nhà hàng vào Toad Hall Gallery bên cạnh. Tiệm bán các phẩm vật nghệ thuật, nữ trang bằng bạc, pha lê, đồ gốm, lụa, những bức tranh nhỏ, nhưng sờ vào là cháy tay đây quý vị ạ! May quá, tôi chỉ thích ngắm, không muốn mua một thứ gì.

Từ cửa kính của Toad Hall Gallery, tôi “đánh hơi” thấy có một cái gì đó trong *Court Yard*, sân bên ngoài. Tôi hỏi người bán hàng: “Có tượng nào ở ngoài kia không, bà?”

“Có, mời ông bà ra xem.”



La Promenade: J. Seward Johnson, Jr.

Vừa mở cửa bước ra ngoài cái sân rộng hình tròn, tôi thú vị nhìn ngay thấy cặp uyên ương che ô cho nhau trên “hè phố”

Paris Street: A Rainy Day của Gustave Caillebotte, danh họa Ấn Tượng Pháp. Trong triển lãm Beyond The Frame, J. Seward Johnson, Jr. phải vẽ một bức tranh vĩ đại với cảnh Paris dưới trời mưa rét ướt và dựng đằng sau cặp uyên ương che chung cây ô. Nhà điêu khắc đặt tên *La Promenade* cho tượng cảnh này và dần dựng trước lối vào Rat's Restaurant. Robert lại chụp vài hình cho cặp tượng. “Họ” như có vẻ là thực khách đang đi đến nhà hàng. Nếu người ta chỉ muốn đến ăn ở nhà hàng, không thăm viên Grounds For Sculpture, thì đi vào lối sân trước của Rat's Restaurant. Hôm trước, trời đã nhá nhem tối, có thể từ xa, tôi đã tưởng cặp tượng này là thực khách nào đó đi tới nhà hàng. Vì thế tôi đã không nhận ra “họ” trong *La Promenade* của Johnson, Jr.

Chúng tôi hỏi người bán hàng của Gallery thì được biết, những bức tượng *indoor* được trưng bày trong *Private Gallery*, phòng tranh tư của J. Seward Johnson, Jr. Và, hôm nay, ông không có mặt tại đây.

Trên đường tản bộ trở ra Museum Shop chúng tôi ngồi nghỉ chân trên ghế đá được đặt thành nhiều hàng nửa vòng cung trên cỏ của Amphitheater. Tại rạp hát ngoài trời này và tại nhiều vị trí khác trong Grounds For Sculpture, như Court Yard, Outdoor Cafe, Domestic Art Building, người ta có thể vừa thưởng thức những chương trình ca, vũ, nhạc, kịch, đọc thơ, kể truyện, *puppet show* vừa *picnic*. Du khách có thể tham dự nhiều sinh hoạt địa phương nếu theo dõi lịch trình hằng tuần của Vườn Tượng.

Chúng tôi vào Museum Shop, mua kỷ niệm vài quyển sách tranh ảnh màu về Grounds For Sculpture, mấy tấm *cards* có hình tượng, thêm một bức tượng nhỏ, rất tinh vi và xinh đẹp, *A Turn of the Century* của J. Seward Johnson, Jr. dựa theo tranh *Dance at Bougival* (1883) của Pierre-Auguste Renoir.

Còn một cảnh tượng cuối cùng đang chờ tôi, nhưng tôi muốn kéo dài thời gian còn lại và nhẫn nha đi vào Domestic Art Building xem những Modern Art Works của các điêu khắc gia địa phương, chế tạo ngay trong xưởng điêu khắc của

Grounds For Sculpture. Water Garden bên ngoài Domestic Art Building là những Contemporary Sculptures được đặt trong nước chảy, hay nước chảy qua những hình thể, hình khối điêu khắc này.

Sau cùng, chúng tôi vào Garden Cafe ẩn dưới bóng râm cây cối rậm rạp và chọn bàn gần tượng cảnh *The eye of the Beholder* (1997) của J. Seward Johnson, Jr., dựa theo tranh *Chez le Père Lathuile* (1879) của Edouard Manet. Không khí thật êm đềm, ngưng đọng như muốn du khách ngừng chân nơi đây thật lâu dài. Vài bàn chung quanh có khách ngồi ăn uống chậm rãi, nhàn hạ.

Tượng cảnh là cặp nam nữ ngồi bên nhau trong một tiệm ăn. Nàng trong xiêm y đen dài, tóc búi cao. Chàng trong bộ quần áo màu hạnh nhân, thắt cái nơ lớn trịnh trọng trước cổ. Tay chàng quàng qua lưng ghế của nàng, mắt đắm đuối nhìn nàng như săn sóc thăm hỏi: “Em đã bóp mỗi chân chưa? Chúng mình đi bộ hơi nhiều nhì. Em muốn anh bóp chân cho em không? Em muốn dùng *coffee*, *ice cream* hay bánh ngọt?”

Nhưng chính là chàng Robert đã hỏi nàng Ngọc Dung như vậy. Tôi trả lời:

“Cho anh nợ đến tối về nhà. Bây giờ em muốn uống cà phê, ăn kem và cả bánh ngọt nữa.”

Robert trợn tròn mắt. Tôi nói tiếp:

“Anh và em mỗi đứa ăn một nửa kem và một nửa bánh. Nhưng em cần cả ly cà phê để lái xe về khỏi buồn ngủ.”

Tôi nghe nói cái bí quyết của người Pháp giữ thân hình không mập, là chỉ ăn mỗi món một chút, thì món gì cũng được thưởng thức mà không sợ ăn quá độ và lên kí.

Nhìn quanh tìm tiếp viên nhà hàng, tôi giật mình suýt vẩy một người bồi bàn của Điêu Khắc Gia J. Seward Johnson, Jr., đứng cách đây vài thước, tay cầm bình cà phê, nhìn về phía chúng tôi. Tượng nhân bồi bàn khoác cái *tablier* dài, trắng ra ngoài bộ quần áo đen với cái nơ trên cổ cùng màu.

Trong triển lãm *Beyond The Frame*, nhà điêu khắc phải vẽ một bức tranh với khuôn viên cây cối um tùm và chung cư

thành phố như trong tranh của *Chez le Père Lathuile* của Edouard Manet, để làm nền cảnh cho *The Eye of the Beholder*. Nhưng ở đây, chính khung cảnh Garden Cafe, thực khách và chúng tôi đã làm nên bối cảnh phẩm.

Vừa ăn vừa mở xem những quyển sách tranh ảnh mới mua, chúng tôi nhìn lại những nhân tượng điêu khắc đã được gặp trong Grounds For Sculpture hôm nay. Chúng tôi rất hài lòng, mãn nguyện chuyến đi thăm Vườn Tượng này. Công trình xây dựng nghệ thuật của J. Seward Johnson, Jr. thật đáng nể, độc nhất vô nhị. Nếu có dịp, chúng tôi sẽ không từ chối trở lại và sẽ trở lại vào cuối xuân, đầu hè thì tốt nhất. Nghe nói, ông chủ vườn tượng và xưởng điêu khắc của ông sẽ không ngừng tiếp tục đúc vẽ tượng cảnh ba chiều dựa theo những bức tranh danh tiếng nghệ thuật thế giới, những thần tượng Hollywood và danh nhân lịch sử Hoa Kỳ...

Tôi mong rằng những người yêu chuộng nghệ thuật tranh vẽ, điêu khắc sẽ có dịp như tôi, viếng thăm Grounds For Sculpture ít nhất là một lần trong đời. ♥

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Virginia ngày 7/10/2004



Cơ Sở Tạp Chí Cỏ Thơm du lịch Grounds For Sculpture,
10/24/2009



Đặng Văn Hiến với Monet trước cảnh *If It were Time*



Hồng Thủy với tượng cảnh *A Thought to Consider* của Johnson Jr.



GS. Nguyễn Ngọc Bích
và GS. Đào Thị Hợi



Nhà Thơ Hoàng Song Liêm
và phu nhân.



Đình Hùng Cường - Ngọc Trâm & Dương Ngọc Hoán - Giáng Tiêu



Nguyễn Lâm và Diễm Hoa
Trong Grounds for Sculpture



Nguyễn Hằng với *Family Secret*
của J. Seward Johnson, Jr.



Nguyễn Thị Ngọc Dung và Trương Anh Thụy trong tượng cảnh
If It were Time (1999) của J. Seward Johnson, Jr.



Vân Trang và Thúy Hiền với *Eye of Beholder* Seward Jonhson



Ngọc Trinh và Ngọc Dung với tiếp đãi viên trong tượng cảnh
Eye of the Beholder



Thái Phượng, Ngọc Dung Nguyệt Hằng, Thu Thủy, Hải Yến,
Ngọc Thanh, thân hữu, Ngọc Tú.

NHỮNG NGỌN CỎ THƠM

Theo truyền thống từ nhiều năm qua, ngày 2 tháng 4, 2006, khi hoa anh đào đang trong thời kỳ thịnh phóng nhất, rộ nở đẹp nhất dưới vùng trời Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, Cơ sở Văn Học Cỏ Thơm đã có một đêm hội ngộ cùng độc giả, văn, thi, nhạc, họa sĩ, báo chí, truyền thông và thân hữu gần xa. Đêm Thơ Nhạc Cỏ Thơm được tổ chức tại Nhà Hàng Harvest Moon khang trang, rộng rãi trong Quận Falls Church, Virginia, tiểu bang thơ mộng của những người tình lãng mạn.

Cũng xin giới thiệu mối liên hệ của người viết với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, một tập san được phát hành ba tháng một kỳ và bốn số một năm. Nguyễn Thị Ngọc Dung là một trong những tác giả đã ủng hộ tài chánh và đóng góp bài vở ngay từ buổi họp đầu tiên các văn nhân, thi sĩ được mời, cách nay 11 năm. Nhà thơ chủ nhiệm sáng lập Lưu Nguyễn Đạt cho biết Cỏ Thơm sẽ là một tập báo văn học, nghệ thuật, biên khảo, bất vụ lợi. Nghĩa là toàn ban trị sự đều không có thù lao, các tác giả gửi bài vở tới đều không có nhuận bút. Không những thế, Cỏ Thơm sẵn sàng nhận ủng hộ từ các tác giả có tấm lòng phục vụ văn học nghệ thuật. Đó là một tập báo đáng được khuyến khích và Ngọc Dung hằng mong đợi. Cộng Đồng Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn đã có nhiều báo thông tin, thương mại hằng tuần, hằng tháng vì nhu cầu sinh hoạt, nhưng chưa có một tờ báo Việt ngữ nào có chủ trương văn học thuần túy, nghiêm chỉnh. Vì thế nên tôi đã ủng hộ và cộng tác với Cỏ Thơm ngay.

Hai năm sau ông chủ nhiệm mời tôi tiếp tay sinh hoạt thường xuyên với chức vụ phó Chủ Bút. Vài năm sau nữa, ông chủ bút bỏ Cỏ Thơm ra làm hai tờ báo khác. Chủ Nhiệm và Văn Thi Hữu Hội Viên Cỏ Thơm đề cử tôi giữ chức vụ chủ bút. Trong phiên họp ngày 4 tháng 10, năm 2003, Chủ Nhiệm từ chức và đề cử Chủ Bút Nguyễn Thị Ngọc Dung kiêm chức vụ chủ nhiệm luôn. Vì không mời được ai giữ nhiệm vụ này, nên tôi đã gánh vác tập báo từ ngày đó và vẫn kiếm tìm, vẫn chờ đợi một chủ bút nhiệt tình đến với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Ngọc Dung đã bỏ nhiều công sức với Cỏ Thơm, đã thương mến Cỏ Thơm, không muốn vườn Cỏ Thơm sớm tàn lụi. Cỏ Thơm sẽ luôn luôn được chăm sóc như mái tóc được cắt xén, chải chuốt để làm đẹp thêm các giai nhân, tài tử trong làng văn học.

Tập san vẫn tiếp tục mục đích phục vụ văn học, nghệ thuật bất vụ lợi. Báo chỉ cần sự ủng hộ tài chánh khiêm nhường của độc giả, hội viên, kể cả các tác giả thành danh, chỉ cần đủ chi phí in ấn và gửi báo. Tất cả ban trị sự đều còn là công, tư chức, nhưng tình nguyện làm việc không lương cho Cỏ Thơm. Tổng Thư Ký Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, tức Nhà Thơ Ý Anh, giữ việc gửi báo cho độc giả dài hạn. Phó Chủ Nhiệm, Nhà Thơ Phan Khâm, kiêm việc gửi báo cho hội viên. Đăng Nguyên gửi báo cho thân chủ quảng cáo. Nhà Thơ Cỏ Thơm này rất anh hùng, nghĩa hiệp. Vì công việc làm ăn, anh không có thời giờ đem báo đến từng thân chủ. Anh bỏ bốn hay năm tập báo vào mỗi bao Priority Mail và đem ra bưu điện gửi. Anh hiên ngang không thềm tính tiền với Cỏ Thơm. Mỗi lần họp mặt Tết anh còn định lì xì “member fee” cho Cỏ Thơm nữa. Chủ nhiệm phải kêu âm lên: “Thôi thôi, anh cho Cỏ Thơm đủ rồi.”

Phần Chủ Nhiệm, mỗi kỳ báo ra, cũng phải gửi bốn hay năm tập cho các đại diện Cỏ Thơm trong Hoa Kỳ với bưu phí đường bộ và gửi Global Priority Mail cho các đại diện ở ngoại quốc. Chủ Nhiệm cũng... lười không trừ tiền vào quỹ Cỏ Thơm, để nhìn thấy ngân quỹ Cỏ Thơm còn đủ in số báo sau. Làm báo bất vụ lợi, phục vụ văn học nghệ thuật, để chữ nghĩa

ông cha không bị mai một ở hải ngoại là cần một sự hy sinh, không nhiều thì ít, không lợi lộc gì về tài chánh! Nhưng tinh thần vui vì làm được một việc có ý nghĩa, giới thiệu kiến thức văn học, nghệ thuật, văn thi tài năng...

Càng ngày Cỏ Thơm càng có thêm độc giả, hội viên, văn, thi, nghệ sĩ trong Hoa Kỳ và các nước Âu, Á, Úc cộng tác. Báo từ 150 trang lên tới hơn 200 trang, và có một số giám đốc công ty dịch vụ yêu chuộng văn học, cho quảng cáo thường trực. Cơ Sở Cỏ Thơm đã phụ giúp các tác giả Cỏ Thơm trình bày và in ấn 20 tác phẩm văn, thơ, biên khảo. Hội viên Cỏ Thơm được mua sách báo Cỏ Thơm với một nửa giá bán ở ngoài. Người Cỏ Thơm ra chợ Tết hằng năm bán sách báo, nhưng không quên góp một ngân quỹ lớn, chỉ cần đủ chi phí in ấn hằng năm 4 số báo mà thôi.

Từ khi chưa là chủ nhiệm, Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng đã bỏ hết tâm lực ra tổ chức ngày sinh nhật hằng năm của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Năm nay, nếu tôi lại lo ngày kỷ niệm này cũng không có gì lạ.

Trời chiều những con người nặng tình với văn học, Ngày Cỏ Thơm nắng hồng ấm áp, phái nữ được dịp khoe những tà áo dài mỏng manh như tơ trời. Các nàng kiều nữ không phải khoác áo len hay khăn choàng che lấp những màu áo tươi thắm hơn cả màu hoa anh đào bên bờ Tidal Basin của Hoa Đô. Tôi mặc lại cái áo dài đã diện trong buổi ra mắt tập hồi ký *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* 12 năm về trước. Ngọc Dung có lên ký một chút, nhưng thân hình vẫn thoải mái trong làn áo nửa hồng, nửa xanh hoa mẫu đơn, được Bà Anh Đào ở vùng Northern Virginia, vẽ từ ngực xuống gấu áo.

Khoảng 4 giờ 45 phút chiều đó, tôi hội họp tới Nhà Hàng Harvest Moon, trưởng ban văn nghệ Cỏ Thơm, Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng đã có mặt ở đó với cậu con trai lớn là Quốc Duy phụ ông thân sinh lấp và thử máy *slide* sẽ chiếu hình sinh hoạt Cỏ Thơm trong 10 năm qua. 30 bàn đang được bày biện trong căn phòng rộng lớn, vuông vắn với một bàn dự bị và một bàn cho ban nhạc là 32 bàn.

Gần 5 giờ chúng tôi vui mừng nhìn thấy Nhật Hoàng, người điều khiển âm thanh tới. Nhật Hoàng là con trai Ca Sĩ Nhật Phượng trong Ban Hợp Ca Hạc Thành với Nhật Bằng, Thế Tàn, Hồng Hào một thời vàng son Sài Gòn năm xưa.

Nhà Văn Nguyễn Lâm ^[1] tác giả tập truyện *Sói Nổi*, đáng đáp tao nhã thư sinh lững thững đi vào, bên cạnh là phu nhân, Nhà Thơ Diễm Hoa ^[2] mảnh mai trong bộ gấm màu hoa hồng Brigide Bardot, như đem theo ánh nắng rực rỡ từ bên ngoài, làm sáng láng thêm khung cảnh nhà hàng. Cả hai đến sớm như đã hứa để nhận số bàn và lát nữa sẽ đón tiếp quan khách.

Ít phút sau, Nhạc Trưởng Trần Lượng của chúng tôi tươi cười bước vào cùng lúc với Phó Chủ Nhiệm Phan Khâm vác hai cây cò, và biểu ngữ “Cơ Sở Cỏ Thơm Chào Mừng Quan Khách”, theo sau là thứ nữ kiều diễm Kellina. Nhà Thơ tác giả *Bên Dòng Thạch Hãn* cũng mang vào hai thùng nặng báo Cỏ Thơm. Đáng lẽ Nhà Thơ Đăng Nguyên, tác giả tập thơ *Đã Khô Dòng Lệ*, lãnh trách nhiệm đem hai cây cò tới. Nhưng tin buồn cháu bé gái Julianne Đoan Nguyễn bốn tuổi của ông nội Đăng Nguyên bị sung phổi vì nhiễm lạnh phải nằm nhà thương bảy tuần lễ, và đã theo thiên thần bay về trời sáng sớm đó, nên dòng lệ lại tuôn trào. Anh Đăng Nguyên không còn lòng dạ nào tham dự tiệc Cỏ Thơm. Ngọc Dung có hai cháu nội, hai cháu ngoại nên càng cảm thông nỗi đau đớn mất mát của người bạn thơ! Cơ Sở Cỏ Thơm xin chia buồn với Nhà Thơ Đăng Nguyên và ba mẹ cháu Julianne.

Nàng thơ Phi Hồng của Thi Sĩ Phan Khâm và thân phụ, được trưởng nam Tuấn Khanh, Phó Tổng Thư Ký Cỏ Thơm chở tới cùng với một thùng báo nữa.

Cỏ Thơm số 34 được tẩm tặc khen ngợi rất nhiều. Bìa báo bốn màu trắng *plastic* bóng láng, hoa tím xen lẫn hoa vàng lá xanh trong nắng huy hoàng. Chữ Cỏ Thơm màu cỏ non xanh dọn chân trời. Tác giả hình bìa là nhiếp ảnh gia Sonny Senser, thứ nam của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Nếu ở Virginia, thế nào chàng ta cũng có mặt tại Đêm Thơ Nhạc Cỏ Thơm với cái máy ảnh.

Nội dung báo Cỏ Thơm phong phú, hình ảnh được nhà in CT Printing của ông bà chủ Phan Thanh Thu chăm sóc cẩn thận, chữ in sắc nét kể cả những trang quảng cáo thật rõ ràng, mát mắt. Thuở ban đầu, báo chỉ dày khoảng 150 trang, bán 7 Mỹ kim. Nay đã lên tới hơn 200 trang mà từ vài năm nay đã hạ giá còn 5 Mỹ kim.

Kỹ thuật gia CT Printing của Ông Bà Phan Thanh Thu, Maryland, đã chỉ cho tôi cách chuyển bản thảo Cỏ Thơm vào PDF file và email cho nhà in. Từ đó, Cỏ Thơm được in thẳng từ computer qua máy in. Tôi không phải in tập báo ra giấy, làm camera ready, nhà in không phải chụp lại rồi mới in. Trang báo sáng sủa hơn. Hình ảnh rõ ràng, sắc sảo hơn những số báo trước rất nhiều.

Tôi cũng xin khoe rằng đã tự trình bày được tất cả các tác phẩm của Nguyễn Thị Ngọc Dung xuất bản từ năm 1995 cũng như tập bút ký *Non Nước Đá Vàng* trong có chương “Những Ngọn Cỏ Thơm” này. Có những hình ảnh Ngọc Dung phải làm sáng hơn hay tối hơn, cắt, ghép, chuyển từ hình này dán vào hình kia để không thiếu một khuôn mặt thân thương nào. Tuy mất nhiều thời giờ kiên nhẫn làm việc tỉ mỉ, “chủ nhiệm bất đắc dĩ” tự trình bày tập báo để tiết kiệm ngân quỹ. Gặp “trường hợp kinh tế khó khăn” Tam Cá nguyệt San Cỏ Thơm vẫn có thể “trường kỳ kháng chiến”. Tuy nhiên, Nguyễn Thị Ngọc Dung không phải tay nghề, nếu sách báo không hoàn hảo lắm, xin quý vị châm chước cho.

Cũng nên nói, sở dĩ Ngọc Dung có được cái khả năng tạm dùng đó là nhờ ông chồng và ba cậu con trai Nguyễn Nguyên Thủy, Nguyễn Trường Sơn và Nguyễn Thần Phong chỉ dẫn vài ba điều về computer.

Nguyên Thủy chỉ cho tôi cách trình bày sách, báo và vì ở gần nên mỗi khi có trục trặc về máy móc anh chàng lại bị bà mẹ réo gọi cầu cứu. Cậu con trai trưởng này, cho tôi cô con dâu ngoan là Kelly và hai cháu nội khá khinh, thông minh là Bé Mai và Thụy Jr.

Về Trường Sơn, anh chàng già đầu rồi mà vẫn chưa vợ con. Cậu con trai thứ hai này đã chỉ cho bà mẹ cách sửa chữa,

edit, những tấm ảnh không được hoàn toàn và cách sửa sắc đẹp cho các dung nhan đã nhiều vết nhăn, vết nám trên mặt kẻ cả “cái tôi đáng thương hại”.

Nhưng Thần Phong lại là người cho “Photo Impression” và “The Big Box Of Art” Programs vào *computer* cho tôi dùng trình bày sách báo. Thần Phong thấy cái *logo* Cỏ Thơm từ thuở ban đầu “lem nhem” quá, nên đã dùng *computer graphics* làm lại cái *logo* mà Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm sử dụng từ nhiều năm nay. Thần Phong có vợ, nhưng mới chỉ có ba con ... chó nằm ngoan trong nhà và chạy long nhong ngoài vườn.

Nếu không có chồng con phụ một tay, chưa chắc tôi đã trình bày được vừa ý sách báo của Cơ Sở Cỏ Thơm. Cô con gái tôi, Ngọc Hân có chồng David và hai con trai Anton, Levi, không giúp tôi về vấn đề *computer*, nhưng cũng như các chị em tôi, tất cả đều bị trưng dụng là hội viên của Cỏ Thơm. Nghĩa là mỗi năm đều đóng cho Cỏ Thơm 50 Mỹ kim. Cháu ngoại tôi, Anton đã lái xe và là một cây *base ball* và *basket ball* của nhà trường. Bà ngoại không còn phải *baby sit* cháu nữa, nhưng sẽ có ngày cháu sẽ phải *grandma sit* rồi...

Trở lại buổi kỷ niệm sinh nhật thứ 11 của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, 04/02/2006. Trước khi quan khách đến, anh Bùi Cửu Viên, cựu Đại Tá Hải Quân và cũng là một thân chủ cho Cỏ Thơm quảng cáo, chở phu nhân tới. Nhà văn Hồng Thủy lộng lẫy trong tà áo dài lụa mỏng màu cánh sen, quần sa-tanh tím, trên tay bốn bó hoa hồng tươi đẹp để lát nữa đây các tác giả sẽ tặng các nghệ sĩ ngâm thơ, hay ca bản nhạc của mình. Tiếp theo là Cây Vĩ Cầm Đàm Xuân Linh và phu nhân đến cùng với Tâm Hảo hiền thê của Nhạc Sĩ Cỏ Thơm Phan Anh Dũng. Lễ dĩ nhiên Tâm Hảo là ca sĩ của Cỏ Thơm và có giọng hát trong veo tiếng suối nước reo, cao mỏng tiếng sáo diều vi vút.

Tôi đang lo lắng thì người điều khiển chương trình, Thái Phụng xuất hiện. Qua sinh hoạt hội họp của Cựu Nữ Sinh Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn tôi quen và được thưởng thức

giọng ca ám áp truyền cảm của Thái Phượng. Thế là cô nàng bị bắt cóc và trở thành ca sĩ, hội viên Cỏ Thơm.

Tất cả các điều cần thiết đã có trong tay, các nhân vật quan trọng nhất đã có mặt cho giây phút trọng đại. Tôi thở phào nhẹ nhõm trút mối lo âu...

Sáu giờ quan khách lục tục tới. Kellina, ái nữ xinh đẹp của anh chị Nhà thơ Phan Khâm – Phi Hồng, và Tổng Thư Ký Đỗ Tràng Mỹ Hạnh ngồi soát vé, chỉ số bàn cho quan khách. Chị Phi Hồng phải đi làm, nên Kellina đã thay thế bà thân sinh. Đó là sự thuận ý, thuận tình của Gia Đình Cỏ Thơm chúng tôi, “động viên” tất cả vợ chồng con cái vào sinh hoạt Cỏ Thơm, nếu có thể.

Mỹ Hạnh mặc áo dài voan màu hồng nhạt, hoa màu hồng xậm hơn. Kiều nữ Kellina trong áo dài sa-tanh màu đỏ, cánh tay trần, cổ mở rộng. Thời trang này rất hợp với những người đẹp thon thả, mảnh mai như Kellina.

Phó Tổng Thư Ký Tuấn Khanh cùng các nhà thơ, nhà văn, nghệ sĩ: Hoàng Trung Dương, Phan Khâm, Hồng Thủy, Nguyễn Lân, Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Thái Phượng, Bùi Thanh Tiên và Nguyễn Thị Ngọc Dung giữ việc tiếp tân đưa quan khách vào bàn.

Thời đại *computer* này vẫn có các nhà thơ, nhà văn còn viết tay. Cỏ Thơm cũng như nhiều báo khác đã từ chối đăng các bài văn dài viết trên giấy. Nhưng Cỏ Thơm không ngại đánh máy những bài thơ ngắn. Phan Tuấn Khanh nhận lời: “Cháu có thể đánh những bài thơ để nhân dịp đó ôn tiếng Việt.” Tôi nắm ngay cơ hội. Thế là Tuấn Khanh trở thành Phó Tổng Thư Ký. Có lần Nhà Thơ Phan Khâm không tham dự sinh nhật Cỏ Thơm được, Tuấn Khanh đã thay thế ông thân sinh chày những việc cần sức nam nhi trai tráng.

Trước khi rời nhà, trong danh sách quan khách tôi có 303 người trong đó có bốn bàn của Hội Ái Hữu Cựu Nữ Sinh Trưng Vương vùng Hoa Thịnh Đốn đi ủng hộ gà nhà. Cái “xóm” đó lúc nào cũng sáng rực những dung nhan, rộn rã những tiếng cười.

Tôi đã dự trù nếu không có khách đến bất ngờ. Anh Phan Khâm, Thái Phương và tôi sẽ ngồi bàn ngoài, gần cửa ra vào, gọi món ăn riêng. Nếu có thêm vài khách nữa chúng tôi sẽ ngồi vào bàn chót. Quả nhiên gần đến giờ khai mạc thì có thêm 7 người khách bất ngờ đến và chúng tôi ngồi vào bàn thứ 32 gần sân khấu.

Ngay sau 7 giờ, nhà Thơ Ý Anh Đỗ Tràng Mỹ Hạnh mời Phó Chủ Nhiệm Phan Khâm lên sân khấu làm lễ chào cờ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa cùng mặc niệm. Giọng nhà binh sang sảng của Nhà Thơ Cổ Thành Quảng Trị rất thích hợp với nghi lễ này. Trong phút mặc niệm anh Phan Khâm có nhắc đôi lời tưởng niệm Nhà Báo Hồ Văn Đồng, Chủ Bút Tuần Báo Sóng Thần vừa tạ thế tại Fairfax, Virginia, ngày 30 tháng 3, 2006.

Tiếp theo, phó chủ nhiệm mời Nhà Thơ Ý Anh lên đọc chương trình tổng quát và mời Chủ Nhiệm chào mừng quan khách. Nguyễn Thị Ngọc Dung có vài lời thật ngắn gọn, đủ nói lên ý nghĩa của buổi hội ngộ và tri ân quý vị độc giả, thân hữu, thân chủ cho quảng cáo, báo chí, truyền thông trong vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn đã ủng hộ và khuyến khích Cỏ Thơm qua năm thứ 11. Lý do thứ hai của Đêm Hội Ngộ Mùa Xuân là để các anh chị em văn, thi, nhạc, họa sĩ Cỏ Thơm chung vui, thưởng công nhau đã nỗ lực gây dựng Tập San được vững vàng thành công trong 10 năm qua và cùng hứa hẹn đi tiếp con đường phục vụ văn học nghệ thuật tương lai.

Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng giới thiệu quý vị quan khách ở xa về: Nhà Thơ Nguyễn Chí Thiện đến từ vùng nắng ấm California; Nhà Văn Giảng Sư Luật Dương Như Nguyễn đến từ Denver; Nhà Thơ Hải Bằng Hoàng Dân Bình cùng phu nhân đến từ Arizona; Nhà Thơ Hồ Bằng, Nhà Thơ Ngô Thy Vân và phu quân xuống từ Pennsylvania.

Nhà Thơ Hải Bằng Hoàng Dân Bình vẫn tha thiết mời văn thi hữu Cỏ Thơm đi thăm vùng kỳ quan thế giới Grand Canyon và Las Vegas của anh chị. Nhưng biết đến bao giờ chúng tôi mới cùng nhau làm một chuyến du lịch hấp dẫn đó... Ai cũng

có cuộc sống thật vất vả với việc làm, gia đình và sinh hoạt thường xuyên trong cộng đồng.

Trong dịp này, chúng tôi có một sự mừng hụt. Biên khảo gia Trần Bích San ^[3] đã mua vé máy bay, đã nhắc nhờ Cỏ Thơm phải mời cho kỳ được hai người bạn thân, đồng môn Chu Văn An là anh Đỗ Hùng và anh Nguyễn Đức Thụy tham dự Đêm Thơ Nhạc Cỏ Thơm. Chúng tôi đã xếp hai vị này ngồi bàn với anh. Nhưng rồi phút chót, ngọc thể bất an, anh Trần Bích San không về thăm vườn Cỏ Thơm đang lên màu tươi tốt, trăm hoa đua nở. Tôi hẹn anh về chơi vào mùa hè hay mùa thu. Cỏ Thơm không muốn phải đợi đến mùa xuân năm mới được gặp lại anh.

Ngọc Dung chấm dứt phần chào mừng với lời chúc quan khách một đêm xuân vui vẻ và một mùa xuân hạnh phúc, điều tôi cần thiết và quan trọng nhất đời người.

Sau đó, Nhà Văn Hồng Thủy mời một danh sách đông đảo *Những Ngọn Cỏ Thơm* văn, thi, nhạc, họa sĩ lên đứng một hàng trên sân khấu và một hàng dưới sân khấu để chụp hình kỷ niệm.

Danh sách những nhân vật không xa lạ, đã và đang phục vụ văn học nghệ thuật Cỏ Thơm đó là: Nhà Thơ Quỳnh Anh ^[4], Ý Anh ^[5], Trần Quốc Bảo ^[6], Việt Bằng (Maryland), Hải Bằng ^[7], Phan Anh Dũng, Chủ biên Website Cỏ Thơm, Hoàng Trùng Dương ^[8], Lý Hiếu, Diễm Hoa, Phan Khâm ^[9], Phan Tuấn Khanh, Vương Đức Lệ ^[10], Hoàng Song Liêm ^[11], Nguyễn Huy Long, Nguyễn Phú Long ^[12], Bạch Mai, Dương Như Nguyễn ^[13], Nguyễn Ngọc Oánh, Bùi Thanh Tiên ^[14], Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung ^[15] (Nguyên Chủ Bút Cỏ Thơm), Ngô Thy Vân ^[16], các Nhà Văn Hoàng Lan Chi, Nguyễn Thị Ngọc Dung ^[17], Hoàng Dung, Vi Khuê ^[18], Nguyễn Lâm ^[19], Phạm Xuân Thái, Hồng Thủy, Trương Anh Thụy ^[20], Phạm Văn Tuấn ^[21], các Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng, Hoàng Cung Fa, Huy Lãm ^[22], Đàm Xuân Linh; các Họa Sĩ Vũ Hối ^[23], Lê Văn Lai...

Trên đây chỉ là danh sách *Những Ngọn Cỏ Thơm* hiện diện. Chúng tôi chưa kể đến *Những Ngọn Cỏ Thơm* trong vùng nhưng vắng mặt như Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Ngọc Bích ^[24], Nhà Thơ Ngô Tăng Giao ^[25], Tạ Quang

Trung, Nguyễn Đức Vinh ^[26] . *Những Ngọn Cỏ Thơm* phương xa như Bắc California có Nhà Thơ Kim Vũ ^[27] và Việt Bằng ^[28] . Nam California có Nhà Thơ Cao Mỹ Nhân ^[29] . Biên Khảo Gia Trần Bích San ở New Orleans. Bên Pháp có Nhà Văn Hồ Trường An ^[30] . Tại Đức Quốc có Nhà Văn Vũ Nam ^[31] . Tại Gia Nã Đại có Nhà Văn Tiêu Thu ^[32] và nhiều tác giả khắp nơi khác nữa.



Văn Thi Nhạc sĩ

Hàng trên sân khấu từ trái: Hoàng Lan Chi, Ý Anh, Ngô Thy Vân, Trương Anh Thủy, Vi Khuê, Hoàng Dung, Bạch Mai, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hồng Thủy. Hàng trên sàn: Nguyễn Lân, Huy Lãm, Phan Khâm, Lý Hiếu, Hoàng Cung Fa, Hải Bằng, Trần Quốc Bảo.

Quý vị độc giả sẽ có câu hỏi: “Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm có một danh sách hùng hậu *Những Ngọn Cỏ Thơm*, thơm lừng địa phương, cộng tác như vậy, há lại chẳng chăm lo sẵn sàng, gầy dựng được một khuôn viên văn học nghệ thuật tươi đẹp hay sao? Vì thế chúng tôi luôn cố gắng hết sức mình để không phụ lòng quý vị độc giả.



Từ trái, Văn Thi sĩ: Hoàng Trùng Dương, Hà Bình Trung, Bùi Thanh Tiên, Hoàng Song Liêm, Nguyễn Phú Long, Vương Đức Lệ.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm chào đón những cây bút kỳ cựu, hoan nghênh và tiếp nhận các tài năng tuổi trẻ, hội tụ những tâm hồn yêu chuộng văn chương nghệ thuật từ khắp nẻo chân trời về với vườn hoa Cỏ thơm. Những ngọn Cỏ Thơm, Phương Thảo khiêm nhường, mộc mạc nhưng chỉ cần một làn gió nhẹ thoảng qua cũng đủ đưa hương thơm ngát cả một khu vườn, bay qua những cánh đồng, thung lũng, núi rừng bạt ngàn, bát ngát... Cỏ Thơm để lại thật lâu dài hương thơm trên tay người đụng chạm, ve vuốt thương mến cỏ.

Đến nay, Cỏ Thơm đã có mạng lưới, www.cothommagazine.com, do ba chuyên gia kỹ thuật Phan Anh Dũng, Nguyễn Văn Bá và Thủy Senser phụ trách. Cỏ Thơm sẽ thơm lòng khắp chân trời góc biển, những nơi nào có con cháu Lạc Hồng. Lẽ dĩ nhiên, hương Cỏ Thơm đã bay về Sài Gòn, đã bay sang Hà Nội và nhiều nơi khác bên quê nhà. Nếu có những nhánh cỏ thơm là dược thảo chữa trị được nhiều bệnh nan y thì Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm cũng là nơi giải sầu, giải muộn, gửi gắm suy tư, tâm tình, kiến thức của *Những Ngọn Cỏ Thơm* tài năng muốn đem ra phục vụ văn chương, nghệ thuật, tình người ở Hải Ngoại.



Vũ Hối, Phan Anh Dũng, Phạm Xuân Thái, Nguyễn Ngọc Oánh.

Giây phút chụp hình kỷ niệm sinh nhật 11 năm Cỏ Thơm, giới phụ nữ chúng tôi được nhường đứng trên sân khấu, nhìn xuống cả chục cái máy hình chớp lóe, sáng chói ánh đèn. Ngoài Nhiếp Ảnh Gia Buddy Photo, một thân chủ quảng cáo của Cỏ Thơm, chúng tôi nhận thấy có Nhà Thơ Việt Bằng và nhiều ông kính của quý vị quan khách khác. Văn Sĩ Hồ Trường An đã dặn dò tôi khi có hình này phải gửi cho anh một cái in lớn (cả trang cơ), để anh có thể nhận diện từng người.

Anh muốn đếm nếp nhăn hay xem xét màu son phấn, áo quần của phụ nữ chúng tôi chẳng?

Tiếp theo phần chụp hình, Nhà Thơ *Bên Dòng Thạch Hãn* mời quan khách dùng dạ tiệc bầy món hậu hĩnh và ngon miệng của Nhà Hàng Harvest Moon trước khi thưởng thức chương trình văn nghệ. Ý kiến này được nhà thơ Nguyễn Chí Thiện [33] nhiệt liệt tán thành. Trong khi ăn, quan khách có thời giờ chuyện trò, hàn huyên để khi ăn xong có thể chú ý thưởng thức thơ nhạc. Như thế các nghệ sĩ sẽ hứng khởi trình diễn hơn. Thực vậy, chúng tôi cũng muốn thế, nhưng đôi khi chương trình quá dài mà không thể bỏ được mục nào. Ban tổ chức Cỏ Thơm bảo nhau sẽ phải khắc phục được điều này ở tương lai.



Hàng trên, Nghệ Sĩ trình diễn: Thái Ninh, Ngọc Dung, Quốc Duy, Lê Dung, Tâm Hảo, Anh Dũng. Hàng dưới: Như Hương, Bạch Mai, Bích Định, Kiều Nga, Loan Phương, Hiếu Thuận, Hoàng Cung Fa, Đàm Xuân Linh, Thái Phương, Hoàng Tiếp, Ngô Minh Trí, Bùi Thanh Tiên.

Trong thời gian quan khách dùng dạ tiệc, những hình ảnh sinh hoạt của Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm trong 10 năm qua được trình chiếu rất rõ trên màn ảnh tường lớn xung quanh phòng ăn. Đây là công lao của nhân vật phụ trách Mạng Lưới Cỏ Thơm: Phan Anh Dũng

Khi món tráng miệng được đem ra, trưởng ban văn nghệ, Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng lên sân khấu giới thiệu hai MC, Thái Phụng và Đàm Xuân Linh. Thái Phụng trong áo dài lông lánh tím hồng, hồng tím, cổ rộng cài hoa đỏ. Đàm Xuân Linh lên khung *business suit and tie* như đa số các vị tu mi nam tử khác. Ban Hợp Ca Cỏ Thơm với Bùi Thanh Tiên, Ngô Minh Trí, Hoàng Tiếp, Anh Dũng, Tâm Hảo, Thái Phụng, Thái Ninh và Ngọc Dung mở đầu chương trình văn nghệ với “Bài Hát Mùa Xuân” vui tươi hào hứng của Nhạc Sĩ Thanh Trang. Hoàng Tiếp có giọng vàng *tenor* và có triển vọng thay thế ca sĩ Vũ Khanh.

Sau đó, các nghệ sĩ trình diễn thơ nhạc kịch trong Đêm Cỏ Thơm được mời lên sân khấu chụp hình kỷ niệm. Nam thanh diện mạo bánh bao, nữ tú quần là áo lượt, lông lẫy. Ông chủ Harvest Moon giữ việc thu hình và hứa sẽ cho chúng tôi một DVD. Chúng tôi những tưởng sẽ được một DVD “Cỏ Thơm By Night” để bán chợ đen, gây quỹ. Không ngờ Ông Chủ Nhà Hàng chưa quen với máy mới, DVD không lên hình. Buồn năm... mười phút!

Xong phần chụp hình kỷ niệm, Thái Phụng với giọng ngọt ngào, duyên dáng, Đàm Xuân Linh với dáng chừng chạc, điềm đạm giới thiệu một chương trình bán thính phòng đặc sắc sau đây do các tài năng không hay chưa chuyên nghiệp nhưng cũng chẳng kém gì chuyên nghiệp:

Bạch Mai diễn ngâm bài thơ “Nhớ Mùa Xuân Cũ” của Nữ Sĩ Quỳnh Anh, và bài thơ “Bính Tuất Xuân Khai” của Thi Sĩ Hải Bằng, H.D.B. với tiếng sáo thần sầu Đào Công Minh phụ họa. Phải công nhận rằng Bạch Mai có giọng ngâm điêu luyện và hay nhất vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn hiện nay! Thật là quý, người nghệ sĩ này ngâm đủ các thể điệu tao đàn, ả đào, quan họ, hò Miền Trung, hò Miền Nam...

Hiếu Thuận ca “Vần Thơ Cho Ai”, thơ Phan Khâm, Phan Anh Dũng phổ nhạc. Thái Ninh trình bày “Nhớ Em”, thơ Nguyễn Phú Long, Phạm Vĩnh Sơn phổ nhạc. “Mùa Thu Xưa”, thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung, nhạc Hoàng Cung Fa (thứ nam của cô Nhạc Sĩ Hoàng Trọng), qua giọng ca của chính nhạc sĩ.



Văn nghệ sĩ: Ý Hoa, Trần Lương, Phùng Văn Sơn, Triệu Vinh, Dương Như Nguyễn, Đào Công Minh, Huyền Phần.

Loan Phượng ngâm bài thơ “Mưa Bình Minh” của Bạch Mai với tiếng sáo Đào Công Minh phụ họa và ca bài “Pho Tượng”, thơ Vũ Hồi, Song Ngọc phổ nhạc.

“Tình Không Phai” thơ Hà Bình Trung, nhạc Phan Anh Dũng, qua tiếng hát Hoàng Tiếp. “Tiệc Cho Một Cuộc Tình”, thơ Hồng Thủy, nhạc Văn Sơn Trường được Bích Định trình bày.

Để thay đổi không khí, Huyền Phần và Lệ Dung đã xuất hiện trong màn hài kịch “Hội Thi Chim”. Huyền Phần và Lệ Dung diễn xuất rất khéo, rất nhà nghề. Bản kịch vui này đã được hoan nghênh tại nhiều đại hội văn nghệ trong vùng. Nhưng rất tiếc đã không hợp với quan khách Cỏ Thơm. Tôi đã hẹn với Lệ Dung và Huyền Phần: “Chuyện được ưa thích

hay không là thường tình. Kịch là muôn mặt, muôn cảnh. Biết ý khán giả Cỏ Thơm rồi, năm sau Huyền Phấn và Lệ Dung chọn một màn khác đánh trúng tim đen họ, cho họ biết tay nghề nghiệp điêu luyện của mình chứ!” Xin hẹn quý vị mùa Xuân Hoa Đô 2007.

Tiếp tục chương trình văn nghệ là bản “Xin Đừng Là Nắng”, thơ Quỳnh Hương, Huy Lãm phổ nhạc, được trình bày qua tiếng hát Như Hương, một danh ca trong vùng. “Triền Miên”, thơ Lưu Nguyễn ĐHạt, Triệu Vinh phổ nhạc và ca. “Màu Xanh Ban Chiều”, nhạc và lời của Thanh Trang, do Tâm Hảo trình bày. “Phố Lạ”, nhạc và lời Ngô Minh Trí, qua giọng ca của chính tác giả. “Trở Về Thôn Cũ” của Nhị Hà qua tiếng hát Thái Phương. “Nghìn Trùng Xa Cách” của Phạm Duy, do Dương Như Nguyễn trình bày.

Bạch Mai trở lại sân khấu diễn ngâm “Những Nụ Hồng Cho Em” thơ Hoàng Trùng Dương, và “Đêm Xuân Xứ Lạ” thơ Lý Hiếu, với tiếng sáo réo rắt của Đào Công Minh.

“Sài Gòn Gần, Xa” thơ Vũ Hối, nhạc Trần Thiện Thanh, Phùng Văn Sơn ca. Thái Ninh trở lại với “Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng”, thơ Phạm Thiên Thư, Phạm Duy phổ nhạc. Và, cuối cùng là “Trái Mồng Toi Màu Tím”, thơ của nhà báo quá cố Giang Hữu Tuyên, Văn Sơn Trường phổ nhạc, Hoàng Tiếp trình bày.

Giới thiệu những bài thơ, những bản nhạc mà đa số mới lạ, là một thử thách liêu lĩnh. Nhưng không thể chối cãi được, quan khách đã chăm chú theo dõi và tán thưởng nhiệt liệt tài năng của *Những Ngọn Cỏ Thơm*, các nhà thơ, các nhà soạn nhạc và giọng ca điêu luyện, truyền cảm của các nghệ sĩ thân hữu. Chúng tôi rất vui mừng, mục đích có ý nghĩa đó đã thành công trong chương trình văn nghệ phong phú.

Đêm Thơ Nhạc Cỏ Thơm tiếp diễn với bản hợp ca “Những Bước Chân Âm Thầm” của Y Vân, do Ban Hợp Ca Cỏ Thơm trình bày với điệu “cha cha cha” hào hứng để mở đầu phần dạ vũ. Như thường lệ, quan khách nghiêng sản gổ không còn nhiều nhưng ào ra sản nhảy tung bừng. Chương trình dạ vũ được tiếp tục với giọng ca của Kiều Nga, Bùi Thanh Tiên,

Thái Ninh, Thái Phụng và Bạch Mai qua các bản nhạc quen thuộc được ưa thích. Ngoài ra cặp uyên ương Trần Lương – Ý Hoa trình bày nhiều bản nhạc sôi nổi, kích động. Nam nữ “ky binh thao diễn” không biết mệt. Nhiều lúc tất cả hợp lại thành vòng tròn, *twist* liên hồi, không ngừng nghỉ cho đến khi ban nhạc dạo lên điệu kèn “o e con ma đánh đu, Tarzan nhảy dù, Zoro bắn súng...” vào lúc 11 giờ 30...

Trên bãi đậu xe vắng lặng, gió lạnh đêm xuân lùa qua *Những Ngọn Cỏ Thơm*, len vào những tà áo dài mỏng manh, nhưng tiêm tâng tinh thần mạnh mẽ, kiên trì. Hồng Thủy, Thái Phụng và Ngọc Dung cảm động cảm ơn nhau và bịn rịn chia tay. Hồng Thủy về Gaithersburg, Maryland. Ngọc Dung về Reston, Virginia. Thái Phụng về tận Richmond, cách 2 giờ xe hơi! Nhưng may sao Thái Phụng có cặp bạn trẻ Đức - Hằng đưa về tận vùng thủ đô Virginia. Nghĩ tới *Những Ngọn Cỏ Thơm* khác như Nhà Thơ Ngô Thy Vân và phu quân phải về tận Pennsylvania xa tít tắp, cách đây 3, 4 giờ xe hơi, anh chị Nguyễn Phú Long, anh Trần Quốc Bảo, anh Tạ Quang Trung, Thái Ninh và phu quân, Phan Anh Dũng, Tâm Hảo và Quốc Duy... đều phải về tận miền Nam như Thái Phụng, mới thấy rằng nhiệt tình của quý bạn đối với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm thật đáng quý ngàn nào!

Trên đường về, đêm khuya một mình, (lại một mình, lúc nào cũng một mình), tôi nghĩ tới bài thơ “Một Mình” của Nguyễn Thị Ngọc Dung đã được Nhạc Sĩ Vũ Đức Nghiêm phổ nhạc, Thái Phụng hát rất đặc ý. Tôi muốn thêm một đoạn nữa vào bài thơ, để tặng những người bạn quý:

*Một mình đi giữa đêm xanh
Đường khuya tinh tú long lanh cuối trời
Nhạc thơ vương vấn bồi hồi
Bao nhiêu lưu luyến về nơi bạn hiền.*

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Virginia, 06/2006

CHÚ THÍCH

- [1] Thân phụ của NV Nguyễn Lân là Nhà Văn Cách Mạng Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long trong Nhóm Tự Lực Văn Đoàn, tác giả *Mười Điều Tâm Niệm*, *Trước Vành Móng Ngựa*, *Con Đường Sáng*.
- [2] Diễm Hoa là ái nữ của Nhạc Sĩ Thẩm Oánh, tác giả những nhạc phẩm *Tòa Miếu Cổ*, *Nhớ Nhung...* Nhạc phẩm *Trung Nữ Vương* của ông là Hiệu Đoàn Ca của Trường Nữ Trung Học Trung Vương từ trước năm 1954 đến năm 1975 và bây giờ vẫn được hát lại trong Lễ Hai Bà Trưng vào ngày 6 tháng 2 Âm Lịch mỗi năm trên khắp hoàn cầu và trong những buổi đội hội của cựu Nữ sinh Trung Vương khắp nơi.
- [3] Tiến sĩ Biên khảo gia Trần Bích San, tác giả tập *Văn Khảo*.
- [4] NT Quỳnh Anh, tác giả thi tập *Tình Trong Cõi Mộng*.
- [5] Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nhà Thơ Ý Anh, ái nữ của cố Thi Sĩ Anh Độ Cẩm Khê, tác giả thi tập *Hương Tình*.
- [6] NT Trần Quốc Bảo, tác giả thi tập *Đôi Diện Niềm Vui*
- [7] NT Hải Bằng, tác giả thi tập *Hương Yêu*, *Vương Miện Tuổi Tình Yêu*.
- [8] NT Hoàng Trùng Dương, tác giả thi tập *Kiếp Lưu Vong*
- [9] NT Phan Khâm, tác giả *Bên Dòng Thạch Hãn*, *Giòng Sông Thao Thức*
- [10] NT Vương Đức Lệ, tác giả *Hoa Mười Phương*, *40 Bài Thơ*, *Đường Lên Thiên Thai*, *Tình Thơ*, *Thiên Nga Trên Ngọn Đình Trời*, *Thơ Vương Đức Lệ*, *Thơ Tình Vương Đức Lệ*.
- [11] NT Hoàng Song Liêm tác giả thi phẩm *Thơ Hoàng Song Liêm (1952)*, *Thơ Hoàng Song Liêm (2004)*, *Thơ Tình Hoàng Song Liêm (2006)*.
- [12] NT Nguyễn Phú Long: tác giả tập thơ *Biết Bao Nhiêu Tình*, *Chút Nghĩa Cũ Càng*, *Ai Đắp Lũy Thầy*
- [13] NV Thẩm phán Dương Như Nguyễn, tác giả *Mùi Hương Quế*, *Chín Chữ Của nàng*, *The Daughter of the River Hương*.

- [14] NT Bùi Thanh Tiên, tác giả *Trăng Nhớ Đêm Rằm, Giấc Mơ Đời*.
- [15] VTS Hà Bình Trung, tác giả *Yêu Mãi Ngàn Năm, Cánh Thời Gian, Đốc Nửa Chùng, Thuyền Trăng, Hoa Đào Năm Ngoái...*
- [16] NT Ngô Thy Vân, tác giả *Tình Nàng Ngư Nữ, Như Giấc Mơng Say*.
- [17] Nguyễn Thị Ngọc Dung: Xin tìm đọc tiểu sử tác giả trong tập bút ký này.
- [18] Nữ sĩ Vi Khuê, tác giả *Vãn Chờ Xe Thố Mộ, Những Ngày Ở Virginia, Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ, Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi, Tặng Phẩm Tình Yêu, Cát Vàng, Giọt Lệ*.
- [19] NV Nguyễn Lân: tác giả tập truyện *Sôi Nổi*
- [20] Nữ sĩ Trương Anh Thụy, tác giả *Của Mưa Gửi Nắng, Trường Ca Lời Mẹ Ru, Ánh Mắt, Chuyển Mùa*
- [21] BKG Phạm Văn Tuấn, tác giả *Khoa Học và Thám Hiểm, Danh Nhân và Sự Nghiệp I, II, III*.
- [22] Nhạc sĩ Huy Lãm, tác giả tập nhạc và CD *Tình Khúc Huy Lãm*
- [23] Thư Họa sĩ Vũ Hối, tác giả *Chiêm Bao Trở Giấc, Nghìn Thương Đất Mẹ, thư họa Truyện Kiều Nguyễn Du*
- [24] BKG Nguyễn Ngọc Bích, dịch giả *Flowers of Hell, Blood Seeds Become Poetry* (thơ Nguyễn Chí Thiện), biên dịch *Rubainat* thơ của Omar Khayyam.
- [25] NT Ngô Tăng Giao, tác giả *Mưa Xuân*, thơ chuyên ngữ và 15 tập thơ Thiên và Truyện Cổ Phật Giáo.
- [26] NT Nguyễn Đức Vinh, tác giả tập thơ *Chiếc Nón Bài Thơ*
- [27] NT Kim Vũ, tác giả tập song ngữ Việt-Anh *Tình Anh Như Thế Đây, Khi Yêu Em, ...* tập truyện ngắn *Hạnh Ngô Mong Manh, Cánh Bướm Ngẩn Ngơ...*
- [28] NV Việt Bằng, tác giả các tập thơ *Ánh Mắt Tình Nhân, Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học, Hình Ánh Trôi Đi...*
- [29] NT Cao My Nhân, tác giả *Thơ My, Áo Màu Xanh, Đưa Người Tình Đi Tu, Lãn Đãng Vào Thu, Sau Cuộc Chiến...*

- [30] Văn Thi Sĩ Hồ Trường An, Phụ Tá Chủ Bút của Cỏ Thơm, hiện cư ngụ tại Troyes, Pháp; Một cây viết mạnh nhất và nổi danh hải ngoại, tác giả hơn 50 tiểu thuyết, tập truyện, văn luận, bút khảo và thơ. Những tác phẩm mới nhất, truyện dài: *Màn Nhung Đã Khép, Đàn Trắng Quạt Bướm. Quà Ngon Đất Quê Nam...* Bút ký: *Bảy Sắc Cầu vồng, Giai Thoại Văn Chương...* Thơ: *Thiên Đường Tìm Lại, Vườn Cau Quê Ngoại...*
- [31] NV Vũ Nam, tác giả tập truyện *Sau Ngày Tang, Nơi Cuối Giòng Sông, Một Đêm Ở Genève...*
- [32] NT Tiểu Thu, tác giả tập truyện *Sóng Nước Tình Quê...*
- [33] TS Nguyễn Chí Thiện, tác giả *Hoa Địa Ngục, Hạt Máu Thơ*.



Bàn bán sách báo Cỏ Thơm tại chợ Tết. Từ trái: Trương Anh Thụy, Diana Duyên, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Vi Khuê.



Hải Yến, Hồng Thủy, Mai Hương, Trúc Mai, ... Kiều Thu, Ngọc Thanh, ... Tâm Đạt



Thái Ninh, Tâm Hào, Thái Phương, Ngọc Dung, Phan Anh Dũng, Hoàng Tiếp, Ngô Minh Trí, Bùi Thanh Tiên.



Kellina và Đồ Tràng Mỹ Hạnh.



Hàng dưới - Hoàng Bạch Mai, Bích Định, Kiều Nga, Loan Phượng, Hiếu Thuận, Hoàng Cung Fa, Đàm Xuân Linh.

Hàng trên: Quốc Duy, Ngọc Dung, Lê Dung,
Tâm Hảo, Anh Dũng.



Hàng dưới- Hoàng Trùng Dương, Hà Bình Trung, Bùi Thanh Tiên, Hoàng Song Liêm, Nguyễn Phú Long, Vương Đức Lệ, Nguyễn Lân, Huy Lãm, Phan Khâm. Hàng trên: Hoàng Lan Chi, Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, Ngô Thy Vân, Trương Anh Thụy.



Hàng dưới: Lý Hiểu, Hoàng Cung Fa, Hoàng Dân Bình, Trần Quốc Bảo, Vũ Hối, Phan Anh Dũng, Phạm Xuân Thái, Nguyễn Ngọc Oánh. Hàng trên: Vi Khuê, Hoàng Dung, Bạch Mai, Ngọc Dung, Hồng Thủy.



Nghệ sĩ trình diễn – Hàng trên từ trái: Thái Ninh, Ngọc Dung, Quốc Duy, Lê Dung, Tâm Hào, Anh Dũng, Hàng dưới: Ý Hoa, Trần Lương, Phùng Văn Sơn, Triệu Vinh, Dương Như Nguyễn, Đào Công Minh, Huyền Phần, Như Hương, Bạch Mai, Bích Định, Kiều Nga, Loan Phượng, Hiếu Thuận, Hoàng Cung Fa, Đàm Xuân Linh, Thái Phượng, Hoàng Tiếp, Ngô Minh Trí, Bùi Thanh Tiên.



HÌNH ẢNH HOÀI NIỆM



GIỚI THIỆU PHƯỢNG VẮN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI

Ngày 7 tháng 5 năm 1995, tại Trường Đại Học George Mason, Arlington, Virginia, *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* được Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ giới thiệu với sự bảo trợ của Gia Đình Cựu Nữ Sinh Trung Vương Vùng Hoa Thịnh Đốn.



Trong buổi giới thiệu *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, tại Hội Trường George Mason, ngày 7 tháng 5, 1995.



Từ trái: Diễn Giả Nguyễn Ngọc Bích, MC Thúy Diễm,
Diễn Giả Trương Anh Thụy, Tác Giả Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Diễn Giả Nguyễn Đức Nam



Từ Trái: Thúy Diễm, Vân Nga, Ngọc Dung, Tâm Đạt.



Hàng dưới: Kim Bích, Chu Thị Nga, Giáng Tiêu, Thúy Liên, Lê Thị Ngọc, Trương Anh Thủy, Bích Thu, Hồng Thủy, Thúy Diễm, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Robert Senser (Phu quân của Ngọc Dung), Vân Nga, Tâm Đạt, Nguyễn Thị Nhung, Minh Châu. Hàng trên: Nguyễn Thủy, Nguyễn Đức Nam, Nhật Bằng, Anh Ngọc, Ngọc Bích, Ngô Vương Toại, Kim Hân, Thanh Minh, Phó Hồng Hà, Hoàng Hải Thủy, Trần Phong.

**GIỚI THIỆU
PHƯỢNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI**

Ngày 7 tháng 7 năm 1995, tại Quán Thuyền Dương, Westminter, Nam California, **Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội** được Tạp Chí Ngày Mai của Chủ Nhiệm Vũ Bội Quang Khôi giới thiệu.



Nguyễn Thị Ngọc Dung
Song Hà, Tường Vân



Phương Mai, Vân Trang.



Diễn giả Nhạc sĩ
Nguyễn Hiền



Nhà văn Bác sĩ
Nguyễn Tường Bách



Nguyễn Thị
Ngọc Dung với
NV Phạm Xuân
Đài và phu nhân

Thi sĩ Hồng Châu,
N.T. Ngọc Dung,
Cao My Nhân



Từ trái: Giáo Sư Vũ Bội Hoàn,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Cao My Nhân,
Bác Sĩ Tôn Thất Cần, Ô. Tôn Thất Thiệu



Nguyễn Thị Ngọc Dung, Chủ Nhiệm Tạp Chí Ngày Mai, Vũ Bội Quang Khôi, (Tạp Chí đầu tiên đăng *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* từ năm 1993), Cao Mỹ Nhân, Vũ Kim Phượng.

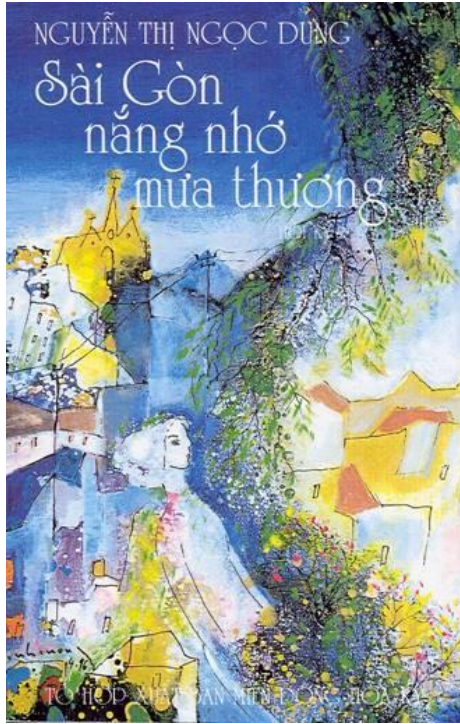


Nhà Văn Duy Lam (đeo kính)



Từ trái, Tường Vân, Cao Mỹ Nhân, Song Hà, Ngọc Dung, Minh Phượng, Tôn Thất Thiệu.

HÌNH ẢNH GIỚI THIỆU



SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG

Ngày 22 tháng 9 năm 1996, tại Trường Đại Học George Mason, Arlington, Virginia, **Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương** được Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ giới thiệu với sự bảo trợ của Gia Đình Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn. Ảnh Nguyễn Túc.



Nguyễn Thị Ngọc Dung



Từ phải: Nữ Sĩ Kim Y Phạm, Lê Oanh, Nhà Văn Hà Kỳ Lam, Thúy Lan, chị Nguyễn Hoàng Thương, chị Hà Kỳ Lam, Thu Cúc.





Hàng đầu từ trái: Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, Ô. Nguyễn Công Giân, BKG Nguyễn Ngọc Bích và đông đảo Quan khách trong hội trường.



Từ trái: Thúy Diễm, Hồng Thủy, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Diễn giả Trương Anh Thụy.



Hàng sau, từ trái: Anh Lý Cẩm Năng, Diễn Giả Hà Kỳ Lam, Bác Sĩ Lê Văn Lân, Diễn Giả Trần Quán Niệm, Anh Nguyễn Hoàng Thương, Hàng trước từ trái: Thúy Lan, Thu Cúc, Ngọc Dung, chị Hà Kỳ Lam, chị Nguyễn Hoàng Thương.



Văn thi nghệ sĩ và thân hữu - Hàng trước: Nguyễn Tường Vân, Chu Thị Nga, Mộng Thúy, Tường Huệ, Hồng Thủy, chị Hoàng Thiện Căn, Thúy Lan, Ng. T. Ngọc Dung, Thu Cúc, chị Hà Kỳ Lam, chị Võ Đình Tuyết, Thúy Diễm, Trương Anh Thụy, Ngô Minh Hằng. Hàng trên: Vũ An Thanh, Hoàng Thiện Căn, Võ Đình Tuyết, Hà Kỳ Lam, Lê Văn Lân, Phó Hồng Hà, Trần Quán Niệm, Nguyễn Ngọc Bích.

GIỚI THIỆU SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG

Ngày 11 tháng 10, năm 1996, *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* được Hội Ái Hữu Cựu Nữ Sinh Trưng Vương giới thiệu tại Thánh Đường Tự Do, San Jose, Bắc California.



Phương Mai, Quỳnh Giao và Ngọc Dung.



Ngọc Dung, Song Hà và các bạn Trưng Vương.



Từ phải: Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nhà Văn Nhật Thịnh, Diễn
Giả Nguyễn Châu...





Từ trái: Lê Diễm, trưởng ban tổ chức, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Diễn Giả Kathy Trần



GIỚI THIỆU SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG

Ngày 20 tháng 10, năm 1996. *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* được Hội VAALA, Nhà Văn Giám Đốc Lê Đình Điều giới thiệu tại Phòng Sinh Hoạt của Nhật Báo Người Việt, Westminster, Nam California.



NV Lê Đình Điều,



NV Bích Huyền,



NV Phạm Đuan Đài



Nhà thơ Trần Thiện Hiệp, Cao Mỹ Nhân , Nhà Văn Duy Lam





Hàng ngồi: Bích Huyền, Ngọc Loan, Minh Chúc.
Hàng đứng: Ngọc Dung, Thái Lan.

SÀI GÒN
NĂNG NHỚ MƯA THƯƠNG

Ra mắt tại Nhà Hàng Viet Nam Palace của Nhà Văn Hà Kỳ Lam
và phu nhân ở Philadelphia, ngày 17 tháng 11, năm 1996, do
Nhóm Duyên Văn tổ chức. Ảnh Vũ Thất.



Nguyễn Thị Ngọc Dung, Bác Sĩ Lê Văn Lân,
Nhà Văn Diễn Giả Hà Kỳ Lam.



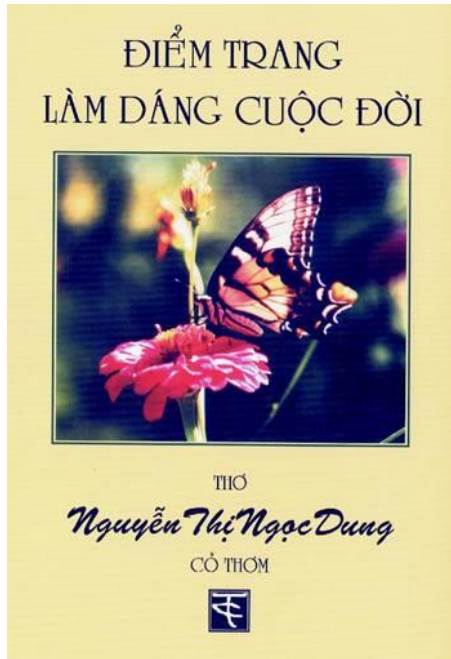
Từ Trái: Nhà Thơ Thái Thụy Vi, Nhạc Sĩ Nhật Bằng,
Nhà Thơ Vũ Thất, Nhà Thơ Hà Bình Trung, Nhà Thơ Trần Quốc Bảo



NV Hà Kỳ Lam, NV BS Lê Văn Lân, NV Trần quán Niệm



HÌNH ẢNH GIỚI THIỆU



ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI

Chủ Nhật 25 tháng 6, năm 2000, tại Hội Trường Đại Học George Mason, Arlington, Bắc Virginia, **Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời** của Nguyễn Thị Ngọc Dung đã được Gia Đình Trung Vương Vùng Hoa Thịnh Đốn giới thiệu cùng **Áo Màu Xanh** của Cao Mỹ Nhân. Ảnh Bùi Dương Liêm.



Từ trái: Quan Khách, Vũ Hối, Phi Hồng, Phan Khâm,
Nguyễn T. Ngọc Dung, Cao Mỹ Nhân, Quan khách.



Hàng trước: Bạch Mai, Phương Lan, Kim Bích, Minh Trân, Lệ Dung, Hồng Thủy, Cao My Nhân, Nguyễn T. Ngọc Dung, Tâm Đạt, Trương Anh Thụy, Ngọc Thanh, Ngô Tăng Giao, Nguyễn Tường Vân. Hàng sau: Bùi Thanh Tiên, Mỹ hạnh, Tường Huệ, Trần Kính, Thúy Diễm, GS Bích Thanh, Kim Cường, Loan Phương, Kiều Nga, Hải Yến, Bé Bầy, Phan Khâm.



Bé Bầy, Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Cao My Nhân

ĐIỂM TRẠNG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐỜI

Ra mắt ngày 1 tháng 7, năm 2001 trong buổi hội ngộ của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung với các văn thi thân hữu và bạn Trung Vương tại Hội Tương Trợ Lạc Việt, San Jose, Bắc California.



Nhà thơ Diên Nghị



Nhà thơ Kim Vũ

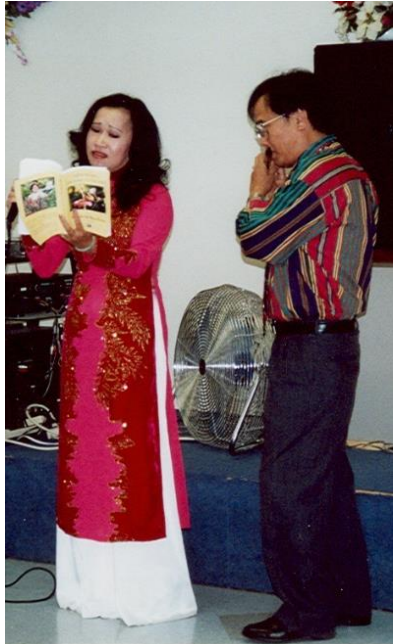




Nhà thơ Trần Thiện Hiệp



Nhà văn Lại Quốc Hùng và
Nguyễn Thị Ngọc Dung



HÌNH ẢNH GIỚI THIỆU



MỘT THOÁNG MÂY BAY

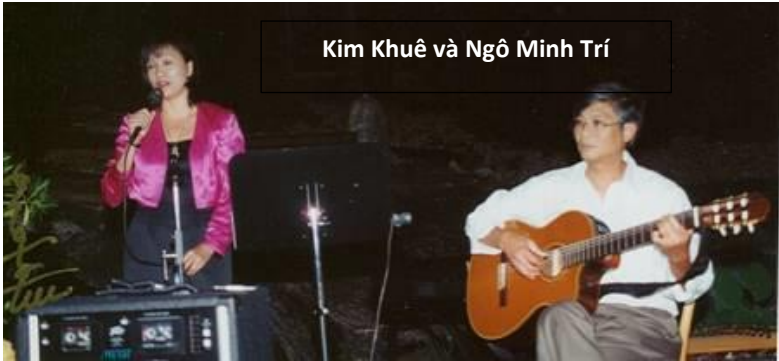
Ngày 8 tháng 9 năm 2001 tại tư gia Chủ nhiệm sáng lập Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, Tiến Sĩ Lưu Nguyễn Đạt, Quận Fairfax, Virginia. 80 vị quan khách hiện diện. Ngoài quý vị có hình ảnh còn có sự hiện diện của Biên khảo gia Cao Thế Dung, BKG Nguyễn Ngọc Bích, Họa sĩ Lê Văn Lai, Nhà thơ Hoàng Văn Minh, NT Bùi Thanh Tiên, NT Nguyễn Tường Vân, Ca sĩ Triệu Vinh, CS Kiều Nga, Nhạc sĩ Nguyễn Túc, NS Phạm Tuân, Văn gia Uyên Thao, NV Trương Hồng Sơn, Nhà báo Ngô Vương Toại, NB Phạm Bá Vinh và rất đông quan khách mà chúng tôi không thể ghi hết ra đây. Anh Nguyễn Túc, Phạm Bá Vinh, Việt Bằng là những nhiếp ảnh gia chụp nhiều hình ảnh trong các sinh hoạt của Cỏ Thơm.



Từ trái: Túy Định và phu quân, Diễn Giả Trần Bích San,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Đỗ Trầng Mỹ Hạnh.



Từ phải, hàng ghế 1- Nữ Sĩ Vi Khuê, Ngọc Dung, Tường Huệ;
Hàng ghế 2- Tuyết Lê, Thái Phương; Hàng ghế 3- Ông Bà cựu
Thẩm Phán Nguyễn Văn Thành, Ô. Nguyễn Huy Long ...





NT Trần Thiện Hiệp, TS Nguyễn Thuyết Phong,
Nghệ sĩ Lê Hiền, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ý Anh.



Từ Phải: NT Vương Đức Lệ, Nguyễn Thị Ngọc Dung, NT Hà Bình
Trung, Thúy Diễm, Hoàng Bạch Mai. Trương Anh Thụy.

CƠ SỞ VĂN HỌC CỔ THƠM

ĐÃ XUẤT BẢN

- ***TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM** (Từ năm 1996).
- ***VÙNG CAO NƯỚC ẤN** (1999) - Thơ **Lưu Nguyễn Đạt**
- ***ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI** (1999) -
Thơ **Nguyễn Thị Ngọc Dung**.
- ***ÁO MÀU XANH** (1999) - Thơ **Cao My Nhân**
- ***TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM** (2000) - Thơ **Bùi Thanh Tiên**
- ***NHƯ GIÁC MỘNG SAY** (2000) Thơ phổ nhạc **Ngô Thy Vân**
- ***TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN** (2000) Nhận định văn học của
Hồ Trường An.
- ***VĂN LUẬN** (2000) - **Lưu Nguyễn Đạt**.
- ***VĂN KHẢO** (2000) - **Trần Bích San**.
- ***MỘT THOÁNG MÂY BAY** (2001) - Tập truyện
của **Nguyễn Thị Ngọc Dung**.
- ***HỒN NƯỚC** (2002) - Thơ **Lưu Nguyễn Đạt**.
- ***BÊN DÒNG THẠCH HẪN** (2002) - Thơ **Phan Khâm**
- ***SÔI NỔI** (2002) - Tập Truyện **Nguyễn Lân**
- ***HOÀI CẢM** (2003) - Thơ xướng họa của **Hồ Trường An**,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, **Phan Khâm**.
- ***VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI** (2003) - Thơ **Hồ Trường An**
- ***ĐÁ KHÔ DÒNG LỆ** (2004) - Thơ **Đặng Nguyên**
- ***HÌNH ẢNH TRỜI ĐI** (2005) - Thơ **Việt Bằng**
- ***GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG** (2006) - Bút đàm của
Hồ Trường An với **Việt Bằng**, **Dư Thị Diễm Buồn**,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, **Phan Khâm**, **Vi Khuê**, **Vũ Nam**,
Trần Bích San, **Tiểu Thu**.
- ***DÒNG SÔNG THAO THỨC** (2007) – Thơ **Phan Khâm**
- ***NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM** (2007) –
Bút khảo của **Hồ Trường An**
- ***NON NƯỚC ĐÁ VÀNG** (2007), ***BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG**
(2015) - Bút ký của **Nguyễn Thị Ngọc Dung**

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG sinh tại Hà Nội, trưởng thành



tại Sài Gòn. Cựu nữ sinh Trung Học Trung Vương. Hiện cư ngụ cùng phu quân tại Reston, Virginia, USA. Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Tam Cá Nguyệt San Văn Học Cỏ Thơm.

- Tác giả: *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* (hồi ký I, tái bản lần thứ hai năm 2005). *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* (hồi ký II, tái bản năm 2005). *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời* (thơ, 1999). *Một Thoáng Mây Bay* (tập truyện, 2001), *Hoài Cảm* (thơ xướng họa với Hồ Trường An, Phan Khâm..., 2003), *Non Nước Đá Vàng* (Bút ký 2007).

- Giáo Sư Tiến sĩ Nguyễn Đình Hòa giới thiệu trong Tạp Chí World Literature Today của Đại Học Oklahoma số mùa thu 1997. Có tên trong Tuyển Tập *Những Nhà Văn Nhà Thơ Hải Ngoại: 1975-2000*, trong *Tự Điển Thi Ca Anh Mỹ Việt* (1998) của Giáo Sư Tiến sĩ Nguyễn Đình Tuyên; *Những Người Thích Dấu Huyền* của Nhà Văn Đặng Trần Huân (1998).

- Nhà Văn Hồ Trường An giới thiệu trong *Tác Phẩm Đẹp Của Bạn* (2000), trong *Thập Thúy Tâm Phương* (2002), trong Giai Thoại Văn Chương (2006), trong *Nô Nức Hội Trăng Rằm* (2007). Nhà Văn Văn Trinh Nguyễn Văn Lượng giới thiệu trong *Thi Văn Bình Thoại* (2000).

- Góp thơ trong *Tuyển Tập Thơ Mùa Tình Yêu* (2000), do Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm xuất bản, trong Tuyển Tập *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* (2004) của Nhà Thơ Võ Đức Trung, trong tập thơ Xướng Họa Bút Ngỏ Lời (2005) của Nữ sĩ Trùng Quang, trong tuyển tập thơ Đường luật *Hương Mùa Cũ* (2006) của Thi Sĩ Hà Thượng Nhân và Nữ Sĩ Huệ Thu, trong *50 Năm Thơ & Người Thơ* (2007) của Nhà Thơ Dương Huệ Anh.